

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

**ĐỀ ÁN TUYỂN SINH
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2025 ĐỢT 1**

Tên trường: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Cần Thơ, năm 2025

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO.....	1
1.1. Tên trường	1
1.2. Tầm nhìn và sứ mệnh của Trường.....	1
1.3. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo cho đến thời điểm xây dựng đề án	2
1.4. Những thông tin cần thiết khác	9
II. CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA ĐỀ ÁN.....	11
2.1. Đối tượng tuyển sinh	11
2.2. Phương thức tuyển sinh	11
2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành hoặc chuyên ngành	12
2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo.....	13
2.5. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính	89
2.6. Các nội dung khác	89
III. CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG.....	96
3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu	96
3.2. Điều kiện giảng viên.....	99
3.3. Kiểm định chất lượng	100
PHỤ LỤC	101
PHỤ LỤC 1: Danh sách một số chứng chỉ tiếng nước ngoài minh chứng cho trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển	101
PHỤ LỤC 2: Các hướng nghiên cứu.....	103
PHỤ LỤC 3: Danh mục chi tiết phòng thí nghiệm, thực hành, phòng máy tính	135
PHỤ LỤC 4: Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì, tham gia giảng dạy, hướng dẫn nghiên cứu sinh năm 2025.....	171

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 1: Danh mục ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường ĐHCT	2
Bảng 2: Kết quả tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2024	4
Bảng 3: Quy mô đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường ĐHCT theo ngành học	5
Bảng 4: Chỉ tiêu dự kiến các ngành đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2025.....	12
Bảng 5a: Danh mục các đề tài NCKH cấp cao (Nhà nước, Bộ, Nafosted) thực hiện từ 2020- nay	14
Bảng 5b: Danh mục các đề tài NCKH cấp Tỉnh thực hiện từ 2020- nay.....	28
Bảng 6: Danh mục các đề tài Hợp tác quốc tế triển khai từ năm 2020 đến nay	36
Bảng 7. Danh mục tổng thể 12 mô hình nghiên cứu thuộc Dự án Hỗ trợ kỹ thuật pha 2 (Dự án ODA).....	79
Bảng 8: Danh mục thiết bị giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên	81
Bảng 9: Danh sách các ngành đào tạo trình độ tiến sĩ tham gia đề án 89	89
Bảng 10: Danh mục ngành phù hợp đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2025	90
Bảng 11: Thống kê tổng quát về cơ sở vật chất (tính đến 31/12/2024) của Trường.....	96
Bảng 12: Thống kê cơ sở dữ liệu điện tử được truy cập trong và ngoài nước do Trung tâm Học liệu quản lý.....	97
Bảng 13: Thống kê giảng viên cơ hữu chủ trì, giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu sinh năm 2025	99

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 144/ĐHCT-KSDH

Cần Thơ, ngày 15 tháng 01 năm 2025

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIÊN SĨ NĂM 2025 ĐỢT 1

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1.1. Tên trường

- Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Cần Thơ
- Địa chỉ: Khu II, đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.
- Điện thoại: (0292) 3832663; Fax: (0292) 3838474; Email: dhct@ctu.edu.vn
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://www.ctu.edu.vn/>
- Địa chỉ trang thông tin điện tử tuyển sinh sau đại học: <https://gs.ctu.edu.vn/>
- Địa chỉ các khu đào tạo:

Khu I: Số 411, đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ .

Khu II: đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

Khu III: Số 1, Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ

Khu Hòa An: Số 554, Quốc lộ 61, X. Hòa An, H. Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

1.2. Tầm nhìn và sứ mệnh của Trường

- *Tầm nhìn:* Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) là nơi hội tụ, giao thoa và sản sinh tri thức - văn hóa - khoa học - công nghệ, tác động và phát triển xã hội bền vững.

- *Sứ mệnh:* Trường Đại học Cần Thơ là nơi đào tạo con người tinh hoa trong môi trường học tập khai phóng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đương đại, phát triển xã hội thịnh vượng.

- *Giá trị cốt lõi:* Đồng thuận - Tận tâm - Chuẩn mực - Sáng tạo.

- *Mục tiêu giáo dục:* Đào tạo nhân lực trình độ cao, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới và phục vụ cộng đồng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế. Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân

- *Triết lý giáo dục:* Vì cộng đồng, toàn diện, ưu việt.

- *Chính sách đảm bảo chất lượng*: Trường ĐHCT cam kết đảm bảo chất lượng thông qua thường xuyên đổi mới và hội nhập trong đào tạo; sáng tạo và năng động trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; gắn lí thuyết với thực hành để trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cho người học khi ra trường đạt hiệu quả cao trong công việc, có năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi.

Trường cam kết xây dựng hệ thống quản trị hiệu quả, chuyên nghiệp, trách nhiệm, sáng tạo và luôn đổi mới. Hoạt động quản lí của Trường sẽ được quy trình hóa, tin học hóa, áp dụng các phương thức quản trị cập nhật và được giám sát, đánh giá thường xuyên.

1.3. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo cho đến thời điểm xây dựng đề án

1.3.1. Số lượng ngành/chuyên ngành đào tạo

Trường ĐHCT hiện đang đào tạo 20 ngành trình độ Tiến sĩ, trong đó ngành tiến sĩ Nuôi trồng thủy sản được giảng dạy bằng tiếng Việt và cả tiếng Anh.

Bảng 1: Danh mục ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường ĐHCT

TT	Mã số	Tên ngành/ chuyên ngành	Quyết định mở ngành/ chuyển đổi tên ngành (gần nhất)			Năm bắt đầu TS	Năm TS &ĐT (gần nhất)
			Số QĐ	Ngày ban hành	Cơ quan cho phép		
1.1	9140111	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	590/QĐ- BGDĐT	01/3/2022	BGD&ĐT	2022	2023
1.2	9140111	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán	2188/QĐ -BGDĐT	06/6/2024	Trường ĐHCT	2024	2024
2	9340101	Quản trị kinh doanh	1092/QĐ -BGDĐT	23/3/2018	BGD&ĐT	2013	2023
3	9340201	Tài chính - Ngân hàng	1092/QĐ -BGDĐT	23/3/2018	BGD&ĐT	2015	2023
4	9420107	Vi sinh vật học	1092/QĐ -BGDĐT	23/3/2018	BGD&ĐT	2005	2023
5	9420201	Công nghệ sinh học	1092/QĐ -BGDĐT	23/3/2018	BGD&ĐT	2013	2023
6	9440103	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	2493/QĐ -BGDĐT	05/7/2018	BGD&ĐT	2019	2023

TT	Mã số	Tên ngành/ chuyên ngành	Quyết định mở ngành/ chuyển đổi tên ngành (gần nhất)			Năm bắt đầu TS	Năm TS &ĐT (gần nhất)
			Số QĐ	Ngày ban hành	Cơ quan cho phép		
7	9440114	Hoá hữu cơ	2493/QĐ -BGDDĐT	05/7/2018	BGD&ĐT	2019	2023
8	9440303	Môi trường đất và nước	1092/QĐ -BGDDĐT	23/3/2018	BGD&ĐT	2010	2023
9	9480104	Hệ thống thông tin	1092/QĐ -BGDDĐT	23/3/2018	BGD&ĐT	2016	2023
10	9520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	1092/QĐ -BGDDĐT	23/3/2018	BGD&ĐT	2019	2023
11	9540101	Công nghệ thực phẩm	1092/QĐ -BGDDĐT	23/3/2018	BGD&ĐT	2013	2023
12	9620103	Khoa học đất	1092/QĐ -BGDDĐT	23/3/2018	BGD&ĐT	2001	2023
13	9620105	Chăn nuôi	1092/QĐ -BGDDĐT	23/3/2018	BGD&ĐT	2002	2023
14	9620110	Khoa học cây trồng	1092/QĐ -BGDDĐT	23/3/2018	BGD&ĐT	2001	2023
15	9620112	Bảo vệ thực vật	1092/QĐ -BGDDĐT	23/3/2018	BGD&ĐT	2002	2023
16	9620115	Kinh tế nông nghiệp	1092/QĐ -BGDDĐT	23/3/2018	BGD&ĐT	2011	2023
17	9620116	Phát triển nông thôn	1092/QĐ -BGDDĐT	23/3/2018	BGD&ĐT	2013	2023
18.1	9620301	Nuôi trồng thuỷ sản	1092/QĐ -BGDDĐT	23/3/2018	BGD&ĐT	2006	2023
18.2	9620301	Nuôi trồng thuỷ sản giảng dạy bằng tiếng Anh	3090/QĐ -BGDDĐT	05/8/2021	Trường ĐHCT	2021	Chưa tuyển
19	9640102	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	1092/QĐ -BGDDĐT	23/3/2018	BGD&ĐT	2013	2023
20	9850103	Quản lý đất đai	1092/QĐ -BGDDĐT	23/3/2018	BGD&ĐT	2015	2023

1.3.2. Kết quả tuyển sinh

Năm 2024, chỉ tiêu tuyển sinh trình độ tiến sĩ của Trường là 181. Trường ĐHCT đã tuyển sinh 2 đợt với kết quả trúng tuyển là 78, đạt 43,09% (Bảng 2).

Bảng 2: Kết quả tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2024

TT	Ngành/Chuyên ngành	Mã số	Chỉ tiêu 2024	Kết quả tuyển sinh 2024	Tỷ lệ (%)
1	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh	9140111	8	8	100.00
2	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán	9140111	10	5	50.00
3	Quản trị kinh doanh	9340101	10	7	70.00
4	Tài chính – Ngân hàng	9340201	6	1	16.67
5	Vi sinh vật học	9420107	5	1	20.00
6	Công nghệ sinh học	9420211	12	10	83.33
7	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	9440103	10	2	20.00
8	Hóa hữu cơ	9440114	10	2	20.00
9	Môi trường đất và nước	9440303	6	0	0.00
10	Hệ thống thông tin	9480104	10	9	90.00
11	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	9520216	10	2	20.00
12	Công nghệ thực phẩm	9540101	10	3	30.00
13	Khoa học đất	9620103	5	3	60.00
14	Chăn nuôi	9620105	10	0	0.00
15	Khoa học cây trồng	9620110	5	2	40.00
16	Bảo vệ thực vật	9620112	8	5	62.50
17	Kinh tế nông nghiệp	9620115	5	2	40.00
18	Phát triển nông thôn	9620116	10	4	40.00
19	Nuôi trồng thủy sản (giảng dạy bằng tiếng Việt)	9620301	10	2	20.00
20	Nuôi trồng thủy sản (giảng dạy bằng tiếng Anh)	9620301	5	0	0.00
21	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	9640102	10	4	40.00
22	Quản lý đất đai	9850103	6	6	100.00
	Tổng cộng		181	78	43,09

1.3.3. Quy mô tuyển sinh

Quy mô đào tạo của các ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 283. Chi tiết quy mô đào tạo trình độ tiến sĩ theo ngành học được thể hiện ở Bảng 3.

Bảng 3: Quy mô đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường ĐHCT theo ngành học

TT	Mã số	Tên ngành/chuyên ngành	Lĩnh vực	Quy mô 2024	Dự kiến tốt nghiệp 2025
1	9140111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	35	0
2	9140111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	05	0
3	9340101	Quản trị kinh doanh	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	23	02
4	9340201	Tài chính - Ngân hàng	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	07	01
5	9420107	Vi sinh vật học	Lĩnh vực Khoa học sự sống	05	01
6	9420201	Công nghệ sinh học	Lĩnh vực Khoa học sự sống	32	09
7	9440103	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên	09	02
8	9440114	Hoá hữu cơ	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên	09	01
9	9440303	Môi trường đất và nước	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên	07	01
10	9480104	Hệ thống thông tin	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin	25	03
11	9520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Lĩnh vực Kỹ thuật	21	03
12	9540101	Công nghệ thực phẩm	Lĩnh vực Sản xuất và chế biến	20	02
13	9620103	Khoa học đất	Lĩnh vực Nông lâm nghiệp và thủy sản	06	01
14	9620105	Chăn nuôi	Lĩnh vực Nông lâm nghiệp và thủy sản	03	01
15	9620110	Khoa học cây trồng	Lĩnh vực Nông lâm nghiệp và thủy sản	15	01
16	9620112	Bảo vệ thực vật	Lĩnh vực Nông lâm nghiệp và thủy sản	10	01
17	9620115	Kinh tế nông nghiệp	Lĩnh vực Nông lâm nghiệp và thủy sản	09	01

TT	Mã số	Tên ngành/chuyên ngành	Lĩnh vực	Quy mô 2024	Dự kiến tốt nghiệp 2025
18	9620116	Phát triển nông thôn	Lĩnh vực Nông lâm nghiệp và thủy sản	12	01
19	9620301	Nuôi trồng thủy sản	Lĩnh vực Nông lâm nghiệp và thủy sản	19	03
20	9620301	Nuôi trồng thủy sản giảng dạy bằng tiếng Anh	Lĩnh vực Nông lâm nghiệp và thủy sản	0	0
21	9640102	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	Lĩnh vực Thú y	24	04
22	9850103	Quản lý đất đai	Lĩnh vực Môi trường và bảo vệ môi trường	09	01
		Tổng số		305	39

1.2.3. Kết quả nghiên cứu

Năng lực hợp tác trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và công bố khoa học của cán bộ Nhà trường ngày càng ổn định và ngày được nâng cao, đây là điều kiện giúp cho việc tăng cường định hướng đào tạo nghiên cứu sinh đạt hiệu quả. Trong năm học 2023-2024, Trường đã triển khai thực hiện đề tài NCKH các cấp, bao gồm (348 đề tài sinh viên, 204 đề tài cán bộ, ký hợp đồng thực hiện 10 Đề tài cấp quốc gia (quỹ Nafosted), 23 đề tài cấp Bộ, 21 đề tài hợp tác với địa phương được ký mới. Ký kết 09 hợp đồng tư vấn, chuyển giao công nghệ, quy trình cho địa phương và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Trường cũng tiếp tục triển khai đăng ký seminar cho cán bộ với tổng cộng 334 báo cáo được phê duyệt. Trường tiếp tục đẩy mạnh công tác đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ các công trình đặc thù và có tính thương mại cao, tiếp cận đăng ký sở hữu trí tuệ quốc tế. Năm 2024, Trường có 10 hồ sơ đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ. Nhiều đề tài nghiên cứu NCS của Trường gắn liền với các đề tài thực tế tại địa phương.

Bên cạnh đó, năm qua Trường Đại học Cần Thơ đã triển khai và thực hiện tốt vai trò sáng lập, chủ trì và điều phối Diễn đàn phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (SDMD 2045) nhằm quảng bá hình ảnh và nâng cao vị thế của Trường trong khu vực và trên thế giới. Đã thực hiện thành công tọa đàm cho 4 quý năm 2024 với các chủ đề liên quan đến phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Ngày 29/11/2024, Diễn đàn Quốc tế Phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long - SDMD lần II năm 2024 với chủ đề: “Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa: Động lực cho phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long” đã được tổ chức thành công, với sự tham gia của hơn 400 đại biểu đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành Trung ương; cơ quan ngoại giao quốc tế, UBND các tỉnh, thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long; các Sở: Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; các hiệp hội, tập đoàn, công ty, doanh nghiệp trong nước và quốc tế; các tổ chức, chuyên gia quốc tế; các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học trong nước và quốc tế.

- Hợp tác quốc tế: Hợp tác quốc tế là thế mạnh của Trường ĐHCT, ngay từ khi thành lập thì các hoạt động hợp tác quốc tế đã bắt đầu với Nhật Bản về đội ngũ chuyên gia và các dự án tài trợ xây dựng trường. Trường đã và đang tiếp nhận nhiều dự án hợp tác quy mô lớn. Bước đầu khai thác nguồn lực được đầu tư từ Dự án Nâng cấp Trường ĐHCT để phát triển Trường ĐHCT đạt đẳng cấp quốc tế; Công tác triển khai thực hiện Dự án Hỗ trợ kỹ thuật giai đoạn 2 và Dự án sử dụng nguồn vốn kết dư; Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục để xin sử dụng vốn kết dư của Dự án Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ để xây dựng Trung tâm Đào tạo quốc tế (IETC) và đầu tư bổ sung trang thiết bị và chuyển đổi số.

Năm 2024, hoạt động hợp tác quốc tế của Trường đã phục hồi, khẳng định vị thế của Trường trong cộng đồng quốc tế. Tính đến tháng 11/2024 Trường đã đón tiếp 309 đoàn với 1.582 lượt khách quốc tế đến làm việc, trao đổi, nghiên cứu và học tập, trong đó có các đoàn khách quan trọng như: Đại sứ Bỉ, Cục trưởng Cục chiến lược vùng Mekong và VN- Bộ Ngoại giao & Thương mại Úc, Tổng lãnh sự Thái Lan, Tổng lãnh sự Hoa Kỳ, Tổng lãnh sự Úc, Tổng Lãnh sự Trung Hoa, Phó Tổng Lãnh sự Úc, Phó Đại sứ Ireland, Lãnh sự kinh tế Úc, Tham tán NN Hà Lan,....

Về xúc tiến hợp tác, Trường tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai ký kết biên bản ghi nhớ với các đối tác quốc tế. Tính đến đầu tháng 12/2023, trường đã ký kết 26 Biên bản ghi nhớ hợp tác và Thỏa thuận với các Viện, trường, doanh nghiệp nước ngoài đến từ Châu Á, Châu Âu và Châu Mỹ, trong đó chiếm đa số là các đối tác đến từ Nhật Bản (35%), Đài Loan (15%). Tiếp tục gia hạn với 11 đối tác nhằm đẩy mạnh triển khai các dự án đang thực hiện và ngày càng thắt chặt thêm mối quan hệ hữu nghị, hợp tác cùng phát triển trên các lĩnh vực giáo dục và chuyển giao công nghệ.

Về xúc tiến hợp tác, Trường tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai ký kết biên bản ghi nhớ và Thỏa thuận hợp tác với các đối tác quốc tế. Tuy nhiên, trong năm 2024, thực hiện chủ trương cụ thể hoá các hoạt động hợp tác, nhà trường cùng các đơn vị trực thuộc đã tiến hành rà soát, báo cáo tổng kết các hoạt động với các đối tác đã kết nối, đồng thời lập kế hoạch triển khai các nội dung được đề xuất trong các thoả thuận hợp tác. Tính đến cuối tháng 12/2024, trường đã ký kết 16 Biên bản ghi nhớ hợp tác và Thỏa thuận với các Viện, trường, doanh nghiệp nước ngoài đến từ Châu Á, Châu Âu và Châu Mỹ, trong đó chiếm đa số là các đối tác đến từ Nhật Bản (31%), Đài Loan (19%). Tiếp tục gia hạn với 03 đối tác nhằm đẩy mạnh triển khai các dự án đang thực hiện và ngày càng thắt chặt thêm mối quan hệ hữu nghị, hợp tác cùng phát triển trên các lĩnh vực giáo dục và chuyển giao công nghệ.

Xúc tiến dự án Hợp tác quốc tế: Trong năm 2024, Trường ĐHCT đã phối hợp với các đối tác xúc tiến thành công 58 đề tài, chương trình và dự án mới với tổng giá trị kinh phí thực hiện là 43,48 tỷ đồng; Trường cũng đang xúc tiến một số dự án lớn (đến hàng triệu USD) với các đối tác Hoa Kỳ và tổ chức quốc tế sẽ được triển khai trong thời gian tới (điển hình dự án hợp tác với Tổ chức Winrock International và tổ chức FAO).

Về thủ tục tiếp nhận và triển khai dự án: 02 dự án đã nhận được phê duyệt của Bộ GD&ĐT, 02 dự án khác đã trình văn kiện đến Bộ GD&ĐT để có ý kiến thẩm định từ các cơ quan chuyên môn.

Về Hợp tác chuyển giao công nghệ cho các nước đang phát triển, Trường đã thực hiện:

+ Hỗ trợ nuôi các bản địa nước ngọt cho Campuchia.

+ Vận hành sản xuất giống một số loài cá bản địa của Campuchia (cá lóc, cá trê vàng, ...) cho trường Đại học Nông nghiệp Hoàng Gia Campuchia.

+ Tư vấn xây dựng trang trại sản xuất giống thủy sản, chuyển giao kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá nước ngọt (đề tài Trei Kaon).

- Hợp tác trong nước: Trường Đại học Cần Thơ xác định việc phát triển của Trường phải gắn với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng (ĐBSCL) và quốc gia. Vì vậy, chiến lược hợp tác của Trường luôn gắn với các hoạt động của các tỉnh/thành và Bộ/Ngành vừa phát triển vừa ứng dụng khoa học công nghệ cho phát triển của địa phương. Trường cũng đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp và hợp tác đến cấp cơ sở (cấp huyện) để thực hiện hoạt động chuyển giao khoa học công nghệ trực tiếp đến người sản xuất. Năm 2023, Trường đã:

+Ký kết hợp tác toàn diện với tỉnh Kiên Giang

+Ký kết hợp tác với huyện Mộc Hóa – tỉnh Long An, huyện Vĩnh Thuận - tỉnh Kiên Giang; Sơ kết việc ký kết hợp tác giữa UNBD Huyện Phụng Hiệp và Trường ĐHCT

+Ký kết hợp tác với 12 doanh nghiệp, tổ chức viện trường, hiệp hội trong nước như Công ty CP bóng đèn, phích nước Rạng Đông, Viettel Cần Thơ, Công ty CP RYAN TECHNOLOGIES VN, Hiệp hội du lịch ĐBSCL, Quỹ đổi mới Giáo dục Việt Nam, ...

- Công bố khoa học: Công bố khoa học trong nước và quốc tế, đặc biệt là quốc tế của Trường tăng nhanh trong những năm qua. Trong năm 2024, Trường đã công bố hơn 2.140 bài báo/báo cáo khoa học, trong đó có hơn 762 bài báo thuộc danh mục WoS/Scopus, 826 bài báo thuộc tạp chí trong nước được Hội đồng Giáo sư ngành/liên ngành công nhận, 1034 bài báo thuộc tạp chí quốc tế khác, đăng trên kỷ yếu Hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, chỉ trong năm 2024, đã có 119 giáo trình/tài liệu tham khảo đã được nghiệm thu và được phép xuất bản, gấp gấp đôi các năm trước. Đây là một tiến bộ vượt bậc của Trường, góp phần cung cấp học liệu cho công tác học tập và nghiên cứu. Điểm đặc biệt là Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ được phê duyệt trong 20 danh mục tạp chí Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành năm 2024, trong đó có 03 Hội đồng công nhận mới và được 02 Hội đồng nâng điểm; Tạp chí tiếng Anh được phê duyệt trong 19 danh mục tạp chí Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành năm 2024, trong đó có 08 Hội đồng nâng điểm và 01 Hội đồng công nhận mới. Kết quả này góp phần tích cực trong công tác đào tạo nghiên cứu sinh tại Trường, tạo thuận lợi cho nghiên cứu sinh công bố khoa học trong phạm vi đề tài luận án.

1.4. Những thông tin cần thiết khác

Tiền thân của Trường Đại học Cần Thơ là Viện Đại học Cần Thơ được thành lập vào ngày 31 tháng 3 năm 1966 theo sắc lệnh số 62-SL/GD ngày 31/3/1966 của Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương Việt Nam Cộng hòa. Khi thành lập Viện Đại học Cần Thơ là một Viện đại học quốc gia, gồm đủ các phân khoa và trường cao đẳng cần thiết cho sự phát triển kinh tế - xã hội miền Tây và bắt đầu tuyển sinh ngay trong năm học 1966-1967. Ngay khi thành lập Viện Đại học Cần Thơ gồm các đại học thành viên là Đại học Khoa học, Đại học Luật khoa và Khoa học Xã hội, Đại học Văn khoa, Đại học Sư phạm, và Trường Cao đẳng Nông nghiệp. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Viện Đại học Cần Thơ được đổi tên thành Trường Đại học Cần Thơ và được tổ chức thành 4 Khoa là Khoa Sư phạm, Khoa Nông nghiệp, Khoa Dự bị đại học, Khoa Cơ bản ứng dụng và Ban Mác – Lênin (năm 1976). Năm 1997 thì Trường ĐHCT được Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp cho phép sắp xếp và tổ chức lại hệ thống đào tạo, cơ cấu ngành học sát với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bằng sông Cửu Long ĐBSCL theo khả năng của Nhà trường lúc bấy giờ với 7 Khoa với các Bộ môn trực thuộc Khoa. Trường tiếp tục điều chỉnh tổ chức và đặc biệt là thành lập Khoa Y vào năm 1979. Theo đó, đến năm 1990 thì Trường ĐHCT có 14 Khoa, một số Bộ môn thuộc Trường và các Trung tâm nghiên cứu khoa học nhằm kết hợp có hiệu quả ba nhiệm vụ là đào tạo, nghiên cứu khoa học, và lao động sản xuất.

Sự thay đổi lớn nhất của Trường ĐHCT Đại học Cần Thơ đó là sắp xếp lại các khoa nhỏ, chuyên sâu thành không còn phù hợp với xu thế phát triển và khó hòa nhập với mô hình các trường đại học trên thế giới thành các khoa lớn mang tính đa lĩnh vực và cơ cấu lại chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban chức năng vào năm 1995. Các Khoa lớn được thành lập trên cơ sở kết hợp nhiều khoa nhỏ, chuyên ngành như Khoa Sư phạm, Khoa Nông nghiệp, Khoa Công nghệ, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Kinh tế - Quản trị Kinh doanh, Khoa Y - Nha - Dược, Khoa Khoa học, các Bộ môn trực thuộc Trường, các Viện nghiên cứu và 10 phòng ban chức năng. Trường tiếp tục thành lập Khoa Luật 1998, Khoa Thủy sản năm 2002 và tiếp tục điều chỉnh trong những năm tiếp theo. Có thể nói mô hình Trường ĐHCT Đại học Cần Thơ sau năm 1995 phù hợp với mô hình của nhiều trường Đại học trên thế giới như ở Bắc Mỹ và nhiều trường ở Châu Âu. Mô hình trường đại học đa ngành như Trường ĐHCT Đại học Cần Thơ đã chứng minh sự phù hợp trong bối cảnh của Việt Nam vừa đảm bảo tính đa ngành và đa lĩnh vực vừa phù với sử dụng hiệu quả nguồn lực con người và cơ sở vật chất trong đào tạo và nghiên cứu và thuận lợi trong hội nhập.

Tầm nhìn chiến lược phát triển đến năm 2030 đã xác định Trường ĐHCT là nơi hội tụ, giao thoa và sản sinh tri thức - văn hóa - khoa học - công nghệ, tác động và phát triển xã hội bền vững. Để hoàn thành được tầm nhìn và sứ mệnh đã đề ra, Trường từng bước hoàn thiện mô hình tổ chức để thực hiện các quyền tự chủ trong học thuật và hoạt động chuyên môn, trong tổ chức và nhân sự, trong tài chính và tài sản... theo Luật Giáo dục Đại học sửa đổi 2018. Hiện tại, Trường đã thành lập 06 trường chuyên ngành (gồm Trường Nông nghiệp, Trường Kinh tế, Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông,

Trường Bách khoa, Trường Thủy sản và Trường Sư phạm). Hiện tại, Trường ĐHCT có 6 trường, 9 Khoa, 17 Trung tâm, 14 phòng ban, 3 Viện, 01 Công ty và Trường THPT Thực hành Sư phạm. Mặt khác, Trường đang xúc tiến thủ tục thành lập 2 phân hiệu tại tỉnh Hậu Giang và Sóc Trăng, đây là bước tiến quan trọng trong việc phát triển Trường ĐHCT thành ĐHCT. Trong năm 2024, Trường cũng đã có 04 GS và 22 PGS đạt chuẩn của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước, nâng tổng số giáo sư của Trường hiện nay là 24 và Phó giáo sư là 182. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ của Trường là 57,25% (tính đến 31/12/2024).

Trường ĐHCT đã tích cực trong hoạt động khoa học và công nghệ (NCKH) và ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật nhằm giải quyết các vấn đề về khoa học, công nghệ, kinh tế, văn hoá và xã hội. Trường đã và đang trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học uy tín của vùng, quốc gia và quốc tế.

Về tham gia xếp hạng trường, theo kết quả xếp hạng của Webometrics (kỳ tháng 7/2024) Trường được xếp trong nhóm hạng 718 Châu Á (tăng 42 hạng), 77 Đông Nam Á (tăng 4 hạng) và hạng 10/190 cơ sở giáo dục trong nước tham gia bảng xếp hạng, so với kỳ xếp hạng tháng 7/2023. Đối với xếp hạng các CSGD khu vực Châu Á của QS Rankings, thứ hạng của Trường (công bố năm 2024) nằm trong nhóm hạng 521-540 của Châu Á (tăng hơn 130 hạng), hạng 90 của Đông Nam Á (tăng 17 hạng). Xếp hạng thế giới của QS về các CSGD bền vững năm 2024, Trường được xếp trong nhóm hạng 1.101-1.150. Ngoài ra, Trường cũng là 01 trong 09 CSGD của Việt Nam được xếp trong Bảng xếp hạng các cơ sở giáo dục đại học tốt nhất toàn cầu năm 2024-2025 (Best Global Universities Rankings) của Tổ chức US News & World Report (Mỹ). Xếp hạng lĩnh vực đào tạo (QS World University Rankings by Subjects) Trường được xếp trong nhóm hạng 301-350 Thế giới (tăng 50 hạng) về đào tạo Nông nghiệp – Thủy sản. Các kết quả xếp hạng trong năm 2024 đều tăng góp phần nâng tầm uy tín của Trường và mở ra các cơ hội hợp tác và phát triển của Trường.

Trường đã thực hiện đối sánh chất lượng giáo dục Trường và CTĐT để đáp ứng yêu cầu trong TĐG chất lượng. Trường đã phát triển đối tác đối sánh là Trường Đại học mở thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Trường cũng tham gia vào Dự án BĐCL trên nền dữ liệu (DDQA) như nỗ lực tham gia đối sánh quốc tế.

Sự thành công của Trường ĐHCT có sự đóng góp rất lớn từ mối quan hệ hợp tác trong đào tạo sinh viên và nghiên cứu khoa học với nhiều trường đại học, các viện nghiên cứu, các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước. Thông qua các chương trình hợp tác quốc tế, năng lực quản lý và chuyên môn của đội ngũ cán bộ Trường đã được nâng cao, cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm được bổ sung và hiện đại hóa, đáp ứng có hiệu quả yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và mở rộng các ngành đào tạo. Ngày nay, Trường ĐHCT đang phát huy năng lực đào tạo sau đại học nhằm thúc đẩy nhanh quá trình đào tạo nguồn nhân lực sau đại học chất lượng cao để phục vụ ngày càng hiệu quả cho sự phát triển chung của đất nước.

II. CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA ĐỀ ÁN

2.1. Đối tượng tuyển sinh

Công dân Việt Nam và người nước ngoài thỏa các điều kiện dự tuyển quy định tại mục 2.2.2. văn bản này.

Việc quản lý người nước ngoài học tại Việt Nam sẽ được thực hiện theo Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT, ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

2.2. Phương thức tuyển sinh

2.2.1. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển.

2.2.2. Điều kiện dự tuyển:

1. Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các điều kiện sau:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa; trong đó, trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu và mong muốn đạt được; lý do lựa chọn cơ sở đào tạo; kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn (*theo mẫu*).

e) Có một thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh khoa học hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành. Người giới thiệu này cần có ít nhất 06 tháng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với thí sinh. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển (*theo mẫu*).

2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở của đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại *Phụ lục 1* của Đề án này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố.

3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Trường Đại học Cần Thơ quyết định tùy vào chương trình đào tạo của từng chuyên ngành.

2.2.3. Chính sách ưu tiên

Trường ĐHTC áp dụng chính sách ưu tiên đối với các đối tượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2.4. Tổ chức tuyển sinh

Tổ chức tuyển sinh nhiều lần trong năm, với 2 lần chính trong năm **2025**.

2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành hoặc chuyên ngành

Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành/chuyên ngành năm 2025 được dự kiến ở Bảng 4.

Bảng 4: Chỉ tiêu dự kiến các ngành đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2025

TT	Ngành/Chuyên ngành	Mã số	Chỉ tiêu dự kiến 2025	Ghi chú
1	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh	9140111	8	
2	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán	9140111	10	
3	Quản trị kinh doanh	9340101	10	
4	Tài chính – Ngân hàng	9340201	6	
5	Vi sinh vật học	9420107	5	
6	Công nghệ sinh học	9420211	12	Có tuyển sinh theo đề án 89
7	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	9440103	10	
8	Hóa hữu cơ	9440114	10	
9	Môi trường đất và nước	9440303	6	Có tuyển sinh theo đề án 89
10	Hệ thống thông tin	9480104	10	
11	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	9520216	10	

TT	Ngành/Chuyên ngành	Mã số	Chỉ tiêu dự kiến 2025	Ghi chú
12	Công nghệ thực phẩm	9540101	10	Có tuyển sinh theo đề án 89
13	Khoa học đất	9620103	5	Có tuyển sinh theo đề án 89
14	Chăn nuôi	9620105	10	
15	Khoa học cây trồng	9620110	5	
16	Bảo vệ thực vật	9620112	8	Có tuyển sinh theo đề án 89
17	Kinh tế nông nghiệp	9620115	5	
18	Phát triển nông thôn	9620116	10	
19	Nuôi trồng thủy sản (giảng dạy bằng tiếng Việt)	9620301	10	Có tuyển sinh theo đề án 89
20	Nuôi trồng thủy sản (giảng dạy bằng tiếng Anh)	9620301	5	
21	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	9640102	10	Có tuyển sinh theo đề án 89
22	Quản lý đất đai	9850103	10	
	Tổng cộng		185	

2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo

2.4.1. Các hướng nghiên cứu

Các hướng nghiên cứu tổng quát được thể hiện trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của các ngành, ban hành kèm theo quyết định số 2027/QĐ-ĐHCT ngày 15 tháng 6 năm 2022 đối với ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (chuyên ngành Tiếng Anh) và quyết định số 879/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 3 năm 2022 đối với 20 ngành còn lại. Trường ĐHCT cập nhật các hướng nghiên cứu cho từng năm tuyển sinh, chi tiết thể hiện ở *Phụ lục 2*.

2.4.2. Các đề tài nghiên cứu đang triển khai

Trường ĐHCT tập trung vào nghiên cứu khoa học cả cơ bản và ứng dụng, các đề tài/dự án khoa học công nghệ có tính liên ngành được đẩy mạnh. Số lượng đề tài, nội dung nghiên cứu có tính ứng dụng ngày càng cao, số lượng công trình nghiên cứu được công bố trong và ngoài nước liên tục gia tăng. Đặc biệt, Trường đã chú trọng phát triển nhiều lĩnh vực mới trong kỹ thuật công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học giáo dục... Hoạt động khoa học và công nghệ ngày càng gắn kết hơn với các địa phương. Hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường đã tập trung có trọng tâm, trọng điểm vào phục vụ các chương trình phát triển kinh tế - xã hội quan trọng của địa phương như Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ, Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Chương trình bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu... Bên cạnh đó, việc tiếp cận và tham gia thực hiện các

nhệm vụ thuộc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia cũng góp phần thúc đẩy phát triển lĩnh vực nghiên cứu cơ bản trong Trường nói riêng và vùng ĐBSCL nói chung. Với sự tham gia ngày càng nhiều các đề tài/dự án thuộc cả lĩnh vực tự nhiên và xã hội đã giúp nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học của các giảng viên, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường.

Danh sách các đề tài NCKH cấp Tỉnh, cấp Bộ của Trường đang thực hiện từ năm 2020 đến nay được thể hiện ở Bảng 5; các đề tài Hợp tác quốc tế được thể hiện ở Bảng 6 và Bảng 7 là Danh mục 12 mô hình nghiên cứu thuộc dự án hỗ trợ kỹ thuật pha 2 (Dự án ODA).

Bảng 5a: Danh mục các đề tài NCKH cấp cao (Nhà nước, Bộ, Nafosted) thực hiện từ 2020- nay

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
Đề tài cấp Nhà nước			
1.	Ứng dụng và nghiên cứu hoàn thiện một số giải pháp kỹ thuật trong tổ chức sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá tra vùng Tây Nam Bộ	Nguyễn Thanh Phương	10/2017 – 01/2020
2.	Đánh giá và đề xuất giải pháp quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản vùng ven bờ dọc cửa sông Cửu Long	Trần Đắc Định	10/2017 – 01/2020
3.	Cải thiện chuỗi giá trị nấm rom ở đồng bằng sông Cửu Long	Võ Thành Danh	01/2017 – 08/2019
4.	Xây dựng chuỗi giá trị xoài Việt Nam phục vụ thị trường trong nước và các thị trường xuất khẩu chủ lực	Trần Văn Hâu	10/2017 – 12/2019
5.	Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp khoa học, công nghệ và thị trường cho sản xuất lúa gạo hữu cơ ở Đồng bằng sông Cửu Long	Tát Anh Thu	2022 - 2025
6.	Nghiên cứu xây dựng mô hình chuyển đổi số ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0 trong nuôi cá tra công nghiệp	Huỳnh Xuân Hiệp	12/2022 – 12/2025
Đề tài Nafosted			
7.	Nghiên cứu chế tạo và khảo sát tính chất của bột huỳnh quang phát ánh sáng trắng trên cơ sở TiO ₂ , ZnO và SnO ₂ pha tạp Eu và Mn	TS. Nguyễn Trí Tuấn	08/2018-08/2021
8.	Điều khiển chủ động cho cần cầu container hoạt động trên biển	PGS.TS. Ngô Quang Hiếu	08/2018-08/2020

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
9.	Dầu ăn và tannin cô đặc làm phụ gia thức ăn để cải thiện các acid béo có lợi trong sữa và giảm sinh khí methane ở bò sữa và dê sữa	TS. Lâm Phước Thành	10/2018-10/2021
10.	Tổng hợp dẫn xuất benzimidazole có hoạt tính ức chế polymerase và protease ứng dụng trong điều trị Zika và viêm gan siêu vi B	PGS.TS. Bùi Thị Bửu Huê	12/2018-12/2021
11.	Nghiên cứu đa dạng và quan hệ phát sinh loài của giun đất ở vùng Đông Nam Bộ (Việt Nam) bằng dẫn liệu hình thái và sinh học phân tử	PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng	12/2018-12/2021
12.	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc làm trái ngành nghề và không phù hợp bằng cấp, kỹ năng đến thu nhập và sự hài lòng trong công việc của người lao động ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long	TS. Ngô Mỹ Trân	02/2019-02/2021
13.	Chuyển đổi động học phi cân bằng, hình thái học và tính chất quang điện tử của các vật liệu nano mềm	TS. Đặng Minh Triết	04/2019-04/2022
14.	Các hiện tượng vật lý ngoài Mô hình chuẩn dựa theo dữ liệu thực nghiệm	PGS. TS. Nguyễn Thanh Phong	04/2019-04/2021
15.	Khảo sát hệ số nhiệt điện của một số vật liệu cấu trúc hai chiều graphene - tựa graphene)	PGS. TS. Vũ Thanh Trà	04/2019-04/2021
16.	Nghiên cứu phát triển chất kết dính không xi măng như một giải pháp thay thế xi măng truyền thống trong các hoạt động xây dựng	TS. Huỳnh Trọng Phước	04/2019-04/2022
17.	Sản xuất xi măng giàu sunfat từ phế phẩm công nghiệp gồm xỉ hạt lò cao, tro bay và bột thạch cao tổng hợp từ công nghệ khử lưu huỳnh	TS. Nguyễn Hoàng Anh	04/2019-04/2021
18.	Nguyên cứu đa dạng di truyền của các loài cá bộ cá da trơn Siluriformes ở đồng bằng sông Cửu Long	PGS. TS. Dương Thúy Yên	09/2019-09/2022
19.	Ô nhiễm không khí: chúng ta phải trả giá bao nhiêu cho sát thủ thầm lặng này? Và có phải xe buýt tốc hành (BRT) là một giải pháp hiệu quả để giải quyết vấn này?	TS. Tống Yên Đan	05/2019-05/2022

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
20.	Xây dựng cơ sở dữ liệu về thực khuẩn thể phân lập từ đất ao nuôi thủy sản có khả năng ức chế vi khuẩn <i>Vibrio</i> spp. gây bệnh trên tôm ở đồng bằng sông Cửu Long	TS. Trương Thị Bích Vân	04/2020-04/2023
21.	Thuật toán trong bài toán tối ưu tổ hợp và các vấn đề có liên quan	TS. Nguyễn Trung Kiên	04/2020-04/2022
22.	Ảnh hưởng của kích thước hữu hạn lên cấu trúc và trạng thái của silicene nanoribbon	TS. Huỳnh Anh Huy	04/2020-04/2022
23.	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu zeolite từ tính NaP/Fe ₃ O ₄ có nguồn gốc từ tro trấu không nung và ứng dụng hấp phụ ion Cu ²⁺ , Pb ²⁺ , NO ₃ ⁻ và PO ₄ ³⁻ trong nước của ao nuôi tôm	TS. Trần Nguyễn Phương Lan	10/2020-10/2023
24.	Nghiên cứu tính chất điện tử và vận chuyển điện tử của các vật liệu cấu trúc nano ngũ giác	PGS. TS. Nguyễn Thành Tiên	10/2020-10/2022
25.	Sinh thái học, sinh học và hệ gen ty thể của giống cá <i>Periophthalmus</i> ở Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam	PGS. TS. Đinh Minh Quang	04/2020-04/2023
26.	Tái cấu trúc nông nghiệp bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo hướng cân bằng giữa giá trị kinh tế và môi trường	TS. Võ Hồng Tú	06/2020-06/2022
27.	Ứng dụng dữ liệu ảnh vệ tinh để đánh giá sự thay đổi giá trị dịch vụ hệ sinh thái rừng ngập mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long dưới tác động của xói lở bờ biển và chuyển đổi mục đích sử dụng đất	PGS. TS. Võ Quốc Tuấn	10/2020-10/2022
28.	Khả năng thích nghi của dê Bách Thảo và cừu Phan Rang với nước muối	TS. Nguyễn Thiết	10/2020-10/2022
29.	Đánh giá tác động của dịch bệnh Covid-19 đến ngành du lịch Đồng bằng sông Cửu Long: nghiên cứu trường hợp thành phố Cần Thơ	Huỳnh Văn Đà	10/2020-10/2021
30.	Nghiên cứu điện trường không khí bằng cách sử dụng bức xạ điện từ phát ra từ mưa hạt vật chất	Trịnh Thị Ngọc Gia	04/2020-04/2022
31.	Điều kiện ổn định trong tối ưu đa mục tiêu và các vấn đề liên quan	GS. TS. Lâm Quốc Anh	10/2020-10/2022

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
32.	Nghiên cứu tính chất quang của các vật liệu hai chiều có cấu trúc tựa graphene	Phan Thị Kim Loan	01/2021-01/2023
33.	Dược động học và tồn lưu kháng sinh trên cá lóc (<i>Channa striata</i>)	PGS.TS. Trần Minh Phú	15/8/2023 - 15/8/2026
34.	Chiến lược quản lý rủi ro cho mô hình nông nghiệp chuyên đổi vùng ven biển khu vực đồng bằng sông Cửu Long	TS. Nguyễn Thùy Trang	15/9/2023 - 15/9/2025
35.	Đặc điểm sinh học và di truyền của giống cá Scartelaos và <i>Oxuderces</i> ở một số tỉnh ven biển Đồng bằng sông Cửu Long	PGS.TS Đinh Minh Quang	01/8/2024 - 01/8/2027
36.	Chọn giống cá trê vàng (<i>Clarias macrocephalus</i> Günther, 1864) chịu mặn thích ứng với xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long	PGS.TS Dương Thúy Yên	01/8/2024 - 01/8/2027
37.	Tính chất nghiệm và các thuật toán giải cho các mô hình tối ưu và các vấn đề liên quan	GS.TS Lâm Quốc Anh	01/8/2024 - 01/8/2026
38.	Biến tính nanocellulose từ vỏ cam sành và ứng dụng trong tái chế nhựa polyethylene terephthalate	PGS.TS Văn Phạm Đan Thủy	01/8/2024 - 01/8/2026
39.	Nghiên cứu cơ chế giúp cây lúa tăng cường khả năng chịu mặn của một số dòng vi khuẩn hòa tan khoáng silicate và ứng dụng trong canh tác lúa thích ứng biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long	PGS.TS Nguyễn Khởi Nghĩa	20/8/2024 - 20/8/2027
40.	Mô phỏng các vật liệu hai chiều, ngũ giác, đơn lớp bằng phương pháp phiếm hàm mật độ và máy học	GS.TS Nguyễn Thành Tiên	15/9/2024 - 15/9/2026
41.	Niềm tin và thực hành của giáo viên trung học đối với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Toán nhằm đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số trong giáo dục	PGS.TS Dương Hữu Tông	15/9/2024 - 15/9/2026
42.	Thực trạng và giải pháp chuyển đổi số trong ngành du lịch Đồng bằng sông Cửu Long	PGS.TS Huỳnh Văn Đà	15/9/2024 - 15/9/2026
43.	Giải pháp phát triển thị trường tín chỉ carbon cho ngành hàng nông sản chủ lực	PGS.TS Võ Hồng Tú	01/8/2024 - 01/8/2026

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
Đề tài cấp Bộ			
44.	Nghiên cứu chế tạo vật liệu khung tương hợp sinh học từ polymer tự nhiên có khả năng thay thế và tái tạo xương	PGS. TS. Hồ Quốc Phong	01/2017-06/2019
45.	Đánh giá tiềm năng khai thác và phát triển một số sản phẩm lâm sản ngoài gỗ ở Đồng bằng Sông Cửu Long	PGS. TS. Phạm Thanh Vũ	01/2017-04/2019
46.	Nghiên cứu đa dạng di truyền và đặc điểm sinh học sinh sản cá Bông lau (<i>Pangasius krempfi</i>), và cá Tra bần (<i>Pangasius mekongensis</i>)	PGS. TS. Dương Thúy Yên	01/2017-06/2019
47.	Nghiên cứu nhu cầu dinh dưỡng của lươn (<i>Monopterus albus</i> , Zwiaw 1793) và thử nghiệm ương giống lươn bằng thức ăn chế biến	PGS. TS. Trần Thị Thanh Hiền	01/2017-06/2019
48.	Thu thập, bảo tồn và đánh giá một số đặc điểm di truyền của tập đoàn 300 giống lúa mùa vùng Bán đảo Cà Mau	TS. Trần Hữu Phúc	06/2017-12/2019
49.	Nghiên cứu, ứng dụng xạ khuẩn trong quản lý nấm <i>Fusarium solani</i> gây bệnh vàng lá - thối rễ cây có múi ở Đồng bằng Sông Cửu Long	PGS. TS. Lê Minh Tường	01/2017-06/2019
50.	Nghiên cứu khả năng kháng nấm bệnh thực vật của một số thành phần hóa học chiết suất từ hai loài địa y <i>Dirinaria appplanata</i> và <i>Parmotrema tinctorum</i>	PGS. TS. Nguyễn Trọng Tuấn	01/2017-06/2019
51.	Nghiên cứu mối quan hệ giữa hệ thống phân loại đất WRB với hệ thống phân loại độ phì nhiêu đất FCC làm cơ sở thành lập bản đồ độ phì nhiêu đất tỉnh An Giang	PGS. TS. Lê Văn Khoa	01/2017-06/2019
52.	Nghiên cứu chế tạo màng nano Chitosan/Ag và thử hoạt tính kháng khuẩn của chúng trên vi khuẩn <i>S. aureus</i> và <i>E. Coli</i>	TS. Trần Thị Bích Quyên	01/2017-06/2019
53.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi quyết định mua sản phẩm thịt heo an toàn ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long	PGS. TS. Huỳnh Việt Khải	01/2017-01/2019
54.	Nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu cho hộ dân ở ven biển Đồng bằng Sông Cửu Long	PGS. TS. Nguyễn Duy Cần	01/2017-07/2019

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
55.	Xây dựng mô hình lý thuyết về khởi nghiệp và giải pháp tăng cường hoạt động khởi nghiệp cho vùng ĐBSCL	TS. Phan Anh Tú	01/2018-06/2020
56.	Nghiên cứu phân lập, tuyển chọn và đánh giá hiệu quả của thực khuẩn thể trong việc phòng trị bệnh ở gà do E. coli gây ra	PGS. TS. Nguyễn Trọng Ngữ	01/2018-12/2019
57.	Nghiên cứu mô hình nuôi thủy sản cho vùng ruộng muối ven biển Đồng bằng sông Cửu Long để thích ứng với biến đổi khí hậu	TS. Huỳnh Thanh Tới	01/2018-12/2019
58.	B2019-TCT-562-11; Xây dựng cơ sở dữ liệu DNA mã vạch cho các giống cây ăn trái đặc sản của Việt Nam khu vực Nam Bộ	TS. Đỗ Tấn Khang	01/2019-06/2021
59.	B2019-TCT-01; Nghiên cứu khả năng chống lão hóa của một số cây thuốc ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long	TS. Trần Thanh Mến	01/2019-06/2021
60.	B2019-TCT-02; Nghiên cứu đa dạng di truyền giống cá <i>Butis</i> và đặc điểm sinh học của loài <i>B. humeralis</i> và loài <i>B. koilomatodon</i> ở vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long	PGS. TS. Đinh Minh Quang	01/2019-12/2020
61.	B2019-TCT-03; Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp siêu nhỏ ở Đồng bằng sông Cửu Long	PGS. TS. Lê Long Hậu	01/2019-06/2021
62.	B2019-TCT-04; Cải tiến mô hình chuỗi thời gian mờ ứng dụng trong dự báo đỉnh mặn cho một số tỉnh ven biển đồng bằng sông Cửu Long	PGS. TS. Võ Văn Tài	01/2019-12/2020
63.	B2019-TCT-05; Nghiên cứu tổng hợp toàn phần hoạt chất Benlinostat làm nguyên liệu cho thuốc điều trị ung thư	TS. Trần Quang Đệ	01/2019-06/2021
64.	B2019-TCT-06; Xác định chỉ thị của sự suy giảm và các biện pháp cải thiện độ phì đất nông nghiệp vùng ĐBSCL trên cơ sở hệ thống FCC (Fertility Capability Classification)	GS. TS. Võ Quang Minh	01/2019-06/2021
65.	B2019-TCT-07; Lòng ghép giới trong nghiên cứu phát triển bền vững chuỗi giá trị nhãn Idor ở Đồng bằng sông Cửu Long	TS. Ngô Thị Thanh Trúc	01/2019-06/2022

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
66.	Nghiên cứu hoạt chất sinh học của vỏ trái bưởi Miền Tây Nam Bộ và ứng dụng sản xuất trà vỏ bưởi hỗ trợ bảo vệ sức khỏe	PGS. TS. Trần Thanh Trúc	01/2020-12/2021
67.	Nghiên cứu đặc điểm sinh học cá đù ngàn <i>Dendrophysa russelli</i> (Cuvier, 1829) phân bố vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long	TS. Mai Viết Văn	01/2020-06/2022
68.	Xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thực khuẩn thể có khả năng ức chế vi khuẩn <i>Vibrio</i> spp. gây bệnh cho tôm ở Đồng bằng Sông Cửu Long	TS. Trương Thị Bích Vân	01/2020-06/2022
69.	Nghiên cứu công nghệ IoT áp dụng cho sản xuất hoa màu công nghệ cao	TS. Nguyễn Hữu Cường	01/2020-06/2022
70.	Giải pháp phát triển chuỗi giá trị lúa gạo chất lượng cao theo mô hình gắn kết hợp tác xã và doanh nghiệp ở Đồng Bằng Sông Cửu Long	TS. Không Tiến Dũng	01/2020-12/2021
71.	Nghiên cứu thái độ đối với rủi ro và cơ chế chia sẻ rủi ro trong bảo hiểm cây lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long	PGS. TS. Phan Đình Khôi	01/2020-06/2022
72.	Nghiên cứu bảo quản, chế biến và sử dụng phụ phẩm khoai lang tím Nhật làm thức ăn cho bò thịt tại Đồng bằng sông Cửu Long	PGS. TS. Hồ Thanh Tâm	01/2020-06/2022
73.	Nghiên cứu ảnh hưởng của độ mặn trong nước uống đến khả năng tăng trọng và năng suất sữa của dê nuôi tại tỉnh Bến Tre, Tiền Giang và Trà Vinh	TS. Nguyễn Thiết	01/2020-06/2022
74.	Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật sử dụng chế phẩm vi sinh và chế phẩm sinh học sản xuất hành lá an toàn tại một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long	PGS. TS. Nguyễn Khởi Nghĩa	01/2020-06/2022
75.	Nghiên cứu quy trình sản xuất phân bón hữu cơ dạng lỏng và rắn từ nước thải biogas tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long	TS. Châu Thị Anh Thy	01/2020-06/2022
76.	Nghiên cứu sự tương tác giữa cluster kim loại quý với các amino acid và DNA base và khả năng ứng dụng trong cảm biến sinh học	PGS. TS. Phạm Vũ Nhật	01/2020-12/2021
77.	Tổng hợp các hợp chất dị vòng có hoạt tính ức chế polymerase và aaRS, định hướng trong phát triển thuốc kháng virus và kháng sinh	PGS. TS. Bùi Thị Bửu Huệ	01/2020-06/2022

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
78.	Đánh giá đa dạng di truyền giống cá <i>Glossogobius</i> và đặc điểm sinh học của loài <i>G. aureus</i> và loài <i>G. sparsipapillus</i> ở Đồng bằng sông Cửu Long	PGS. TS. Trương Trọng Ngôn	01/2020-12/2021
79.	Nghiên cứu tính chất điện tử và vận chuyển điện tử của penta-graphene nanoribbon	PGS. TS. Nguyễn Thành Tiên	01/2020-12/2021
80.	Phân tích chùm và ứng dụng trong xây dựng mô hình dự báo cho chuỗi thời gian mờ	PGS. TS. Nguyễn Hữu Khánh	01/2021-12/2022
81.	Tính ổn định nghiệm của các bài toán trong tối ưu đa mục tiêu	GS. TS. Lâm Quốc Anh	01/2021-12/2022
82.	Tác động của chương trình xây dựng nông thôn mới đến thu nhập và chất lượng cuộc sống của người dân ở vùng đồng bằng sông Cửu Long	PGS. TS. Trương Đông Lộc	01/2021-12/2022
83.	Nghiên cứu vai trò của hợp tác xã nông nghiệp trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long	TS. Trần Quốc Nhân	01/2021-06/2023
84.	Nghiên cứu đặc tính hấp thụ và dẫn điện tử của nano TiO_2 pha tạp Fe/ Mn; đặc tính dẫn lỗ trống của nano NiO ứng dụng trong pin mặt trời perovskite.	PGS. TS. Đoàn Văn Hồng Thiện	01/2021-12/2022
85.	Nghiên cứu ảnh hưởng của quang phổ ánh sáng lên tăng trưởng, tỷ lệ sống và chất lượng của ấu trùng và giống tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>)	TS. Trần Nguyễn Duy Khoa	01/2021-06/2023
86.	Phát triển các sản phẩm tín dụng tiêu dùng của các công ty tài chính tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long	TS. Lê Tấn Nghiêm	01/2021-06/2023
87.	Xây dựng cơ sở dữ liệu DNA barcode và xác định mối quan hệ đa dạng di truyền của nhóm giun đất ở Đồng bằng sông Cửu Long	PGS. TS. Nguyễn Thanh Tùng	01/2021-12/2022
88.	Nghiên cứu nâng cao hàm lượng axit béo omega-3 và linoleic liên hợp trong sữa dê thông qua khẩu phần thức ăn bổ sung	TS. Lâm Phước Thành	01/2021-06/2023

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
89.	Nghiên cứu nhân giống vô tính và biện pháp canh tác cây việt quất (<i>Vaccinium angustifolium</i>) trên đất phù sa ở đồng bằng sông Cửu long	TS. Ngô Phương Ngọc	01/2021-06/2023
90.	Nghiên cứu khả năng chịu hạn, mặn, năng suất của cây họ đậu (<i>Vigna Marina</i>) và sử dụng làm thức ăn gia súc ở các tỉnh ven biển chịu ảnh hưởng sự xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long	PGS. TS. Hồ Quảng Đò	01/2021-06/2023
91.	Nghiên cứu xử lý rác thải nhựa làm cốt liệu trộn bê tông trong xây dựng công trình thân thiện môi trường	PGS. TS. Nguyễn Võ Châu Ngân	01/2021-06/2023
92.	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp hiệu quả quản lý tài nguyên nước mặt cho các huyện miền núi vùng Đồng bằng sông Cửu Long.	TS. Huỳnh Vương Thu Minh	01/2021-12/2022
93.	Nghiên cứu khả năng giữ nước của đất và giải pháp sử dụng nước hiệu quả cho cây trồng cạn trên đất bị nhiễm mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long	TS. Đặng Duy Minh	01/2021-06/2023
94.	Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để ứng dụng phát triển công nghệ tiên tiến trong bảo quản, chế biến nông thủy sản vùng Đồng bằng sông Cửu Long	ThS. Lê Thị Bích Phương	01/2020 - 12/2021
95.	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học để chế biến một số sản phẩm từ phụ phẩm cá lóc	TS. Lê Thị Minh Thủy	01/2020 - 12/2021
96.	Nghiên cứu công nghệ sơ chế, bảo quản bưởi Da xanh, Năm roi phục vụ yêu cầu xuất khẩu	GS. TS. Hà Thanh Toàn	01/2020 - 12/2022
97.	Ứng dụng và phát triển một số công nghệ sơ chế, bảo quản và chế biến một số sản phẩm từ cam sành Đồng bằng Sông Cửu Long	PGS. TS. Phan Thị Thanh Quế	01/2020 - 12/2022
98.	Nghiên cứu công nghệ sản xuất naringin và tinh dầu từ vỏ quả bưởi và xây dựng mô hình sản xuất thực nghiệm	TS. Huỳnh Xuân Phong	01/2020 - 12/2022
99.	Quản lý chung Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp Bộ: “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến trong bảo quản,	GS. TS. Nguyễn Văn Mười	01/2020 - 12/2022

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
	chế biến nông thủy sản vùng Đồng bằng sông Cửu Long” thực hiện từ năm 2020		
100.	Điều kiện tối ưu và bài toán đối ngẫu của các bài toán tối ưu hóa đa mục tiêu	PGS.TS. Lê Thanh Tùng	01/2022-06/2024
101.	Tính liên tục nghiệm của bài toán tối ưu véc tơ và các vấn đề liên quan	TS. Trần Ngọc Tâm	01/2022-12/2023
102.	Nghiên cứu cải tiến thuật toán xây dựng chùm và phân loại	PGS.TS. Võ Văn Tài	01/2022-12/2023
103.	Bào chế hệ vi hạt/siêu vi hạt (micro-/nanoparticles) từ fibroin chiết xuất từ tơ tằm ứng dụng trong vận chuyển thuốc đường uống	TS. Phạm Duy Toàn	01/2022-12/2023
104.	Nghiên cứu bào chế tiểu phân Chitosan nhạy pH mang dược chất bằng phương pháp phun điện đồng trục (coaxial electrospraying)	TS. Cao Lưu Ngọc Hạnh	01/2022-06/2024
105.	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến hoạt động du lịch ở các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long	TS. Huỳnh Văn Đà	01/2022-06/2024
106.	Nghiên cứu chế tạo nanocomposite được gia cường bằng Nanocellulose/Graphene oxyde hybrid và định hướng ứng dụng trong lĩnh vực bảo quản thực phẩm	PGS.TS. Văn Phạm Đan Thủy	01/2022-06/2024
107.	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu nano mới AuM/graphene quantum dots ứng dụng trong xúc tác cảm biến	TS. Trần Thị Bích Quyên	01/2022-06/2024
108.	Nghiên cứu ảnh hưởng của các mối quan hệ quản lý đến kết quả xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam	PGS.TS. Võ Văn Dứt	01/2022-12/2023
109.	Đánh giá nhu cầu phát triển năng lượng tái tạo nhằm giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long	PGS.TS. Huỳnh Việt Khải	01/2022-06/2024
110.	Đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp siêu nhỏ vùng Đồng bằng sông Cửu Long	TS. Phan Anh Tú	01/2022-06/2024
111.	Phát triển sản phẩm dinh dưỡng và gia tăng giá trị kinh tế cho phụ phẩm từ quả xoài Cát Chu	TS. Nguyễn Nhật Minh Phương	01/2022-06/2024

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
112.	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ, sự lưu hành và đặc điểm phân tử virus lở mồm long móng trên gia súc tại Đồng bằng sông Cửu Long	TS. Nguyễn Phúc Khánh	01/2022-06/2024
113.	Nghiên cứu ứng dụng giống đậu nành (<i>Glycine max</i> L. Merr.) có khả năng chịu mặn phục vụ công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên nền đất lúa ở đồng bằng sông Cửu Long	TS. Nguyễn Châu Thanh Tùng	01/2022-06/2024
114.	Nghiên cứu nhu cầu tưới và giải pháp cải thiện khả năng cung cấp nước cho cây ăn trái trên đất liếp bị hạn mặn thích ứng với biến đổi khí hậu.	TS. Trần Bá Linh	01/2022-06/2024
115.	Nghiên cứu sản xuất một số sản phẩm có hoạt tính sinh học từ phụ phẩm vỏ quả cam vùng Đồng bằng sông Cửu Long	TS Lưu Thái Danh	01/2023-12/2024
116.	Sàng lọc, tuyển chọn vi khuẩn nội sinh ở cây dược liệu, ứng dụng hỗ trợ điều trị các bệnh lý liên quan hội chứng chuyển hóa	PGS.TS Đái Thị Xuân Trang	01/2023-06/2025
117.	Nghiên cứu mô phỏng, tính toán sự ổn định, tính chất điện tử và hiện tượng truyền dẫn điện tử của các cấu trúc vật liệu PdSe ₂ ngũ giác một chiều	PGS.TS Nguyễn Thành Tiên	01/2023-12/2024
118.	Tổng hợp vật liệu MxOy@nano cellulose (M = Fe, Zn, Sn, Bi) từ vỏ dừa nước (<i>Nypa fruticans</i>) và ứng dụng làm vật liệu thay thế graphite trong pin sạc Li-ion	NCS.ThS Thiệu Quang Quốc Việt	01/2023-06/2025
119.	Tính chất nghiệm của bài toán tối ưu với hàm mục tiêu có giá trị tập hợp.	TS. Phạm Thị Vui	01/2023-12/2024
120.	Xây dựng mô hình dự báo chuỗi thời gian dựa vào sự cải tiến bài toán phân tích chùm và mối quan hệ mờ.	TS. Trần Phước Lộc	01/2023-06/2025
121.	Lý thuyết vi phân suy rộng và bài toán điều khiển tối ưu có tham số cho một số lớp phương trình đạo hàm riêng.	TS. Nguyễn Thành Quý	01/2023-06/2025
122.	Xây dựng mô hình đánh giá quá trình sinh trưởng của cây lúa bằng thiết bị bay không người lái có gắn máy ảnh quang phổ.	TS. Lưu Trọng Hiếu	01/2023-06/2025

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
123.	Nghiên cứu đánh giá mức độ tổn thương đất nông nghiệp do xâm nhập mặn ở vùng ven biển hạ nguồn sông Mê Kông và đề xuất mô hình canh tác phù hợp	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Diệp	01/2023-06/2025
124.	Nghiên cứu biện pháp canh tác khắc phục hiện tượng sượng múi trái của sầu riêng trồng ở Đồng bằng sông Cửu Long	ThS Lê Văn Dang	01/2023-06/2025
125.	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên đất đai phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long.	PGS. TS Phạm Thanh Vũ	01/2023-12/2024
126.	Khảo sát thành phần loài tảo độc và khả năng gây hại trên các đối tượng thủy sản nước ngọt và lợ-mặn	TS. Nguyễn Thị Kim Liên	01/2023-06/2025
127.	Khảo sát đặc điểm dịch tễ và di truyền của virus gây bệnh viêm da nổi cục trên bò tại một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long	PGS.TS Trần Ngọc Bích	01/2023-12/2024
128.	Nghiên cứu biện pháp kích thích gia tăng mật số nhóm vi khuẩn có lợi trong đất vườn trồng nhãn lâu năm ở khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long	TS. Nguyễn Minh Phương	01/2023-06/2025
129.	Nghiên cứu chiết xuất và lên men một số loài rong biển ở Đồng bằng sông Cửu Long và sử dụng chúng bổ sung vào thức ăn trong ương và nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>)	PGS.TS Nguyễn Thị Ngọc Anh	01/2023-06/2025
130.	Nghiên cứu các mức dinh dưỡng tối ưu trong khẩu phần nuôi thỏ đực sinh sản và xây dựng quy trình gieo tinh nhân tạo thỏ	TS. Trương Thanh Trung	01/2023-06/2025
131.	Chế tạo sản phẩm sinh học từ dịch trích tỏi được tuyển chọn từ một số giống tỏi (<i>Allium sativum</i> L.) ở Đồng bằng Sông Cửu long và ứng dụng trong phòng trừ sinh học một số bệnh nhiễm khuẩn, nhiễm nấm cây trồng và vật nuôi	TS. Bùi Thị Lê Minh	01/2023-06/2025
132.	Giải pháp phát triển bền vững chuỗi giá trị nông nghiệp theo mô hình ứng dụng kinh tế tuần hoàn ở khu vực Đồng bằng sông Cửu	PGS.TS Lê Nguyễn Đoàn Khôi	01/2023-06/2025

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
	Long (ĐBSCL): Trường hợp sản phẩm phân bón		
133.	Nghiên cứu giải pháp thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông sản hữu cơ chủ lực trong xu thế cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 ở Đồng bằng sông Cửu Long	TS. Khổng Tiến Dũng	01/2023-12/2024
134.	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định số hóa và chuyển đổi số ở các doanh nghiệp dịch vụ tại Đồng bằng sông Cửu Long.	TS. Lưu Tiến Thuận	01/2023-06/2025
135.	Đánh giá hoạt tính kháng viêm và thiết kế hệ dẫn truyền thuốc tương thích sinh học của một số hợp chất từ Sa sâm nam (<i>Launaea sarmentosa</i>) theo hướng kháng viêm	TS Nguyễn Quốc Châu Thanh	01/2023-06/2025
136.	Tổng hợp và đánh giá khả năng xử lý chất nhuộm và kháng sinh của vật liệu khung cơ-kim cấu trúc tương tự zeolite có chứa hai tâm kim loại khác nhau với sự hiện diện của chất oxy hóa	PGS.TS Đặng Huỳnh Giao	01/2023-12/2024
137.	Tính chính quy trong giải tích biến phân và ứng dụng	TS. Nguyễn Duy Cường	01/2023-06/2025
138.	Ứng dụng quang phổ hồng ngoại trong phân tích không tiếp xúc xây dựng mô hình ước tính một số chỉ số đất vùng đồng bằng sông Cửu Long	TS. Huỳnh Thị Thu Hương	01/2024-12/2025
139.	Thiết kế, tổng hợp và chế tạo chế phẩm thuốc diệt nấm thân thiện với môi trường từ một số loại cây dược liệu và loại cây hoang dại có chứa polyphenol để kiểm soát các loại nấm gây bệnh nghiêm trọng cho cây trồng khu vực Đồng bằng sông Cửu Long	TS. Trần Quang Đệ	01/2024-12/2025
140.	Nghiên cứu phát triển synbiotic từ các probiotic và prebiotic có nguồn gốc tự nhiên nhằm cải thiện enzyme tiêu hóa, tăng trưởng, miễn dịch và sức đề kháng của tôm thẻ chân trắng <i>Litopenaeus vannamei</i> ở Đồng bằng sông Cửu Long	PGS.TS. Huỳnh Trường Giang	01/2024-12/2025

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
141.	Nghiên cứu sản xuất tinh dê đông lạnh cộng rạ và đánh giá hiệu quả gieo tinh nhân tạo trên đàn dê thịt và dê sữa nuôi tại Đồng bằng sông Cửu Long	TS. Trần Thị Thanh Khương	01/2024-12/2025
142.	Nghiên cứu biện pháp phòng trừ tuyến trùng ký sinh trên cây lúa, giúp tăng hiệu quả hấp thu dinh dưỡng và năng suất	TS. Nguyễn Văn Sinh	01/2024-12/2025
143.	Nghiên cứu cấu trúc, tính chất và khả năng ứng dụng trong y sinh của nanocluster vàng	PGS.TS. Phạm Vũ Nhật	01/2024-12/2025
144.	Nghiên cứu chế tạo màng sợi nano sinh học dẫn truyền chiết xuất tự nhiên qua da bằng phương pháp quay điện đồng trục đa lớp ứng dụng chữa lành vết thương hở/bỏng	TS. Lương Huỳnh Vũ Thanh	01/2024-12/2025
145.	Xây dựng cơ sở dữ liệu hóa sinh và phân tử cho các loài tảo biển lớn phân bố tại vùng biển thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long	PGS.TS. Trần Thanh Mến	01/2024-12/2025
146.	Ứng dụng công nghệ vi sinh trong phát triển các sản phẩm thực phẩm từ mít (<i>Artocarpus heterophyllus</i>) trồng ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long	PGS.TS. Trần Thanh Trúc	01/2024-12/2025
147.	Nghiên cứu khả năng ức chế cỏ dại trong ruộng lúa của dịch trích Sao nhái (<i>Cosmos spp.</i>), định lượng hàm lượng tổng của các nhóm chất ức chế quan trọng để sản xuất thuốc diệt cỏ sinh học	TS. Hồ Lệ Thi	01/2024-12/2025
148.	Nghiên cứu sử dụng dẫn xuất antraquinone thay thế chất bảo quản isothiazolinone trong chất tẩy rửa đa năng	TS. Hà Thị Kim Quy	01/2024-12/2025
149.	Nghiên cứu đặc điểm dinh dưỡng và phát triển thức ăn nâng cao tỉ lệ sống ương cá heo (<i>Botia modesta</i> Bleeker, 1965) giai đoạn từ bột lên giống	GS.TS. Trần Thị Thanh Hiền	01/2024-12/2025
150.	Tuyển chọn và ứng dụng vi khuẩn lactic có khả năng tổng hợp γ -aminobutyric acid và bacteriocin trong sản xuất và bảo quản nem chua ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long	PGS.TS. Huỳnh Xuân Phong	01/2024-12/2025

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
151.	Tác động của chuyển đổi số đến hiệu quả chi phí của doanh nghiệp logistics Đồng bằng sông Cửu Long	TS. Nguyễn Thị Phương Dung	01/2024-12/2025
152.	Lượng giá tín chỉ carbon cho các mô hình sản xuất lúa thân thiện với môi trường tại Đồng bằng sông Cửu Long	PGS.TS. Võ Hồng Tú	01/2024-12/2025
153.	Nghiên cứu, chế tạo vật liệu điện cực dương trên cơ sở oxit kim loại chuyển tiếp giàu niken $\text{LiNi}_{0.9}\text{Mn}_{0.05}\text{Co}_{0.05}\text{O}_2$ (NMC9.5.5) ứng dụng chế tạo pin sạc ion Lithium CR2032	TS. Đặng Minh Triết	01/2024-12/2025
154.	Xây dựng mô hình doanh nghiệp Spin-off trong trường đại học đa ngành ở Việt Nam	TS. Châu Thị Lệ Duyên	01/2024-12/2025
155.	Các yếu tố tác động đến di cư lao động nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong điều kiện biến đổi khí hậu	ThS. Nguyễn Văn Nhiều Em	01/2024-12/2025
156.	Tổ chức hành chính ở các tỉnh miền Tây Nam Kỳ thời Pháp thuộc (1867-1945)	TS. Phạm Đức Thuận	01/2024-12/2025
157.	Ứng dụng công nghệ phân tích quang phổ trong phát triển giải pháp và xây dựng hệ thống phân loại chất lượng quả quýt tươi dựa vào độ ngọt, độ chua	PGS.TS. Nguyễn Chánh Nghiệm	01/2024-12/2025
158.	Hệ thống cảnh báo và tiêu diệt ruồi vàng hại cây ăn quả ứng dụng công nghệ AIoT (Artificial Intelligence of Things)	TS. Nguyễn Văn Khanh	01/2024-12/2025
159.	Nghiên cứu phát triển mô hình và giải thuật tối ưu cho một số bài toán công nghiệp	TS. Nguyễn Thư Hương	01/2024-12/2025

Bảng 5b: Danh mục các đề tài NCKH cấp Tỉnh thực hiện từ 2020- nay

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
Đề tài cấp địa phương/doanh nghiệp			
1.	Ứng dụng biện pháp sinh học trong quản lý dịch hại trên khoai lang tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long	Lê Minh Tường	2020
2.	Đề án Hậu Giang Xanh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Nguyễn Công Thuận	01/2021-01/2021

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
3.	Nghiên cứu thử nghiệm sản xuất giống nhân tạo cá chạch lửa	Phạm Thanh Liêm	01/2021-12/2022
4.	Nghiên cứu sản xuất sản phẩm Cider và trà túi lọc từ buổi Năm Roi và cam Sành tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn Văn Mười	05/2021-04/2023
5.	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học sinh sản và sản xuất giống cá sát sọc	Nguyễn Văn Triều	01/2021-12/2023
6.	Đánh giá thực trạng sản xuất và xây dựng chuỗi giá trị Xoài tứ quý tại huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	Bùi Thị Cẩm Hường	01/2021-01/2023
7.	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sinh sản nhân tạo và ương giống cá heo nước ngọt ở tỉnh Sóc Trăng	Dương Nhựt Long	03/2021-03/2022
8.	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sinh sản nhân tạo và ương giống cá chạch đồng ở tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn Hoàng Thanh	03/2021-03/2022
9.	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ plasma lạnh trong giải pháp nâng cao tỉ lệ sống và chất lượng lươn đồng giai đoạn ương giống tại tỉnh Sóc Trăng	Dương Nhựt Long	03/2021-03/2022
10.	Mô hình thử nghiệm cá hô trong lồng bê trên hồ Se San 4, huyện Ia Hrai tỉnh Kon Tum	Lam Mỹ Lan	08/2021-08/2023
11.	Phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Huỳnh Văn Đà	10/2021-05/2022
12.	Nghiên cứu giải pháp kiểm soát bệnh do vi bào tử trùng EHP và bệnh phân trắng gây ra trên tôm nuôi nước lợ	Đặng Thị Hoàng Oanh	06/2021-11/2022
13.	Quan trắc môi trường, kiểm kê đa dạng sinh học và đề xuất các biện pháp bảo tồn tại Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Phú Mỹ năm 2021	Nguyễn Thanh Giao	11/2021-01/2022
14.	Cải thiện đặc tính phèn canh tác lúa tại xã Hòa Tiến bằng chế phẩm vi sinh dạng lỏng	Nguyễn Quốc Khương	06/2021-12/2021
15.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng khẩu phần và chế biến nguồn thức ăn tại chỗ cho bò thịt tại tỉnh Trà Vinh	Hồ Thanh Thâm	11/2021-11/2023

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
16.	Lập bản đồ quản lý đất và cây trồng theo quy hoạch phân vùng thổ nhưỡng	Trần Văn Dũng	04/2021-12/2021
17.	Nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị từ con tôm ở Bến Tre	Trần Thanh Trúc	11/2021-05/2023
18.	Ứng dụng quy trình kỹ thuật công nghệ Aquaponic trong nuôi lươn kết hợp với trồng rau thủy canh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long	Hứa Thái Nhân	09/2021-08/2023
19.	Nghiên cứu giải pháp ứng dụng và đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Hậu Giang	Quan Minh Nhựt	02/2021-07/2022
20.	Đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long	Quan Minh Nhựt	05/2021-04/2022
21.	Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm từ cam sành	Huỳnh Xuân Phong	10/2021-09/2023
22.	Nghiên cứu chế biến, bảo quản một số sản phẩm đóng hộp và sữa từ hạt đậu phộng tỉnh Trà Vinh	Nguyễn Công Hà	12/2021-12/2023
23.	Nghiên cứu giải pháp gia tăng năng suất nhân tố tổng hợp TFP trong tăng trưởng kinh tế tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030	Nguyễn Thùy Trang	12/2021-05/2023
24.	Đánh giá tác động của đề án quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm hàng nông sản xuất nhập khẩu trước và sau khi thực hiện	Nguyễn Văn Nhiều Em	01/2021-01/2021
25.	Nghiên cứu một số giải pháp kỹ thuật và thị trường nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả mô hình chăn nuôi dê lấy sữa tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	Nguyễn Thiết	01/2021-12/2023
26.	Hỗ trợ công nhận lưu hành giống lúa được chọn tạo ở tỉnh An Giang	Huỳnh Quang Tín	01/2022 - 01/2025
27.	Điều tra, thống kê lập danh mục loài ngoại lai xâm hại trên địa bàn tỉnh An Giang và đề xuất giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn	Trương Hoàng Đan	04/2022 - 12/2022
28.	Nghiên cứu quy trình quản lý bệnh tổng hợp trên lươn đồng ương giống và nuôi thương phẩm ở tỉnh Hậu Giang	Từ Thanh Dung	03/2022 - 08/2024

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
29.	Nghiên cứu xây dựng giải pháp hỗ trợ giám sát cách ly tại nhà	Ngô Bá Hùng	01/2022 - 04/2022
30.	Nghiên cứu hiện trạng nguồn lợi và sinh sản nhân tạo, nuôi thử nghiệm loài giun nhiều tơ - rươi ở vùng ngập mặn tỉnh Cà Mau	Vũ Ngọc Út	01/2022 - 01/2024
31.	Phân lập, tuyển chọn chủng vi khuẩn sinh phytase và sản xuất chế phẩm phục vụ trong chăn nuôi	Võ Văn Song Toàn	06/2022 - 05/2024
32.	Nghiên cứu xây dựng Bộ công cụ nhận dạng tiêu chí đánh giá và xếp hạng các sản phẩm OCOP và các giải pháp ở tỉnh An Giang	Võ Thành Danh	06/2022 - 05/2023
33.	Phân lập, tuyển chọn chủng vi khuẩn chất phụ gia Sodium tripolyphosphate và nghiên cứu tạo chế phẩm vi sinh xử lý STPP trong nước thải từ công ty chế biến thủy sản ở tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn Thị Phi Oanh	06/2022 - 05/2025
34.	Chọn lọc quần thể giống cải bẹ xanh, cải ngọt và xây dựng quy trình canh tác tổng hợp một số loại rau ăn lá tại huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An	Quan Thị Ái Liên	06/2022 - 05/2025
35.	Quan trắc môi trường và đa dạng sinh học tại Khu bảo tồn Loài - Sinh vật cảnh Phú Mỹ năm 2022	Nguyễn Thanh Giao	07/2022 - 11/2022
36.	Xây dựng mô hình sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao theo hướng hữu cơ tại Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang	Đỗ Thị Xuân	08/2022 - 02/2025
37.	Hiện trạng và nghiên cứu biện pháp nâng cao hiệu quả sản xuất cá sặc rằn	Phạm Thanh Liêm	06/2022 - 06/2024
38.	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch nâng cao giá trị tôm càng xanh tại tỉnh Cà Mau	Lê Thị Minh Thủy	10/2022 - 01/2024
39.	Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất đa dạng hóa các sản phẩm từ nguồn nguyên liệu mít trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	Dương Thị Phượng Liên	01/2022 - 11/2023
40.	Đa dạng hóa và phát triển các sản phẩm chế biến từ trái bí đỏ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Tổng Thị Ánh Ngọc	11/2022 - 11/2024

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
41.	Giải pháp phát triển bền vững đàn heo ở tỉnh Hậu Giang	Trần Ngọc Bích	01/2022 - 11/2023
42.	Lai tạo dòng nếp than triển vọng và tiến tới xây dựng thương hiệu cho tỉnh Kon Tum	Huỳnh Như Điền	07/2022 - 07/2025
43.	Nghiên cứu và xây dựng mô hình quản lý bệnh thối trái mít theo hướng an toàn, bền vững trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Lê Minh Tường	12/2022 - 06/2025
44.	Tư vấn xây dựng dự án phát triển cây ăn trái đặc sản tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2022-2025	Nguyễn Thành Tâm	12/2022 - 05/2023
45.	Ứng dụng mô hình du lịch cộng đồng trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ	Nguyễn Thị Bé Ba	11/2022 - 11/2024
46.	Ứng dụng mô hình ương giống và nuôi thương phẩm cá mè hôi tại quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ	Nguyễn Thanh Hiệu	06/2022 - 11/2024
47.	Tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về sở hữu trí tuệ tại các cơ sở giáo dục Đại học, Cao đẳng	Nguyễn Thị Ngọc Tuyên	01/2023-05/2024
48.	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật triển khai mô hình nuôi thủy sản bền vững dưới tán rừng phòng hộ tại huyện Hòn Đất, Kiên Giang	Lê Quốc Việt	01/2023-12/2024
49.	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá nâu tại Hòn Đất, Kiên Giang	Lý Văn Khánh	01/2023-06/2025
50.	Đánh giá hiện trạng, sinh sản nhân tạo và phát triển mô hình nuôi sinh khối giun nhiều tơ tại Trà Vinh	Vũ Ngọc Út	01/2023-12/2024
51.	Cải thiện giống cá lóc bằng phương pháp chọn lọc	Dương Nhựt Long	02/2023-07/2025
52.	Nghiên cứu biện pháp tổng hợp phòng trừ bệnh vàng lá, thối rễ và héo xanh trên cây quýt hồng theo hướng bền vững tại huyện Lai Vung	Lê Văn Vàng	01/2023-10/2025
53.	Ứng dụng quy trình nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh trong hệ thống tuần hoàn kết hợp đa loài tại tỉnh Cà Mau	Trần Ngọc Hải	06/2023-06/2025
54.	Ứng dụng công nghệ viễn thám kết hợp đánh giá chất lượng đất phục vụ chuyển đổi cơ cấu	Võ Quốc Tuấn	01/2023-07/2025

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
	cây trồng cho các tiểu vùng sản xuất lúa kèm hiệu quả do hạn ở tỉnh An Giang		
55.	Nghiên cứu công thức lai dê cho năng suất sinh trưởng và chất lượng thịt cao tại tỉnh Trà Vinh	Nguyễn Trọng Ngữ	08/2023-08/2026
56.	Hoàn thiện quy trình, xây dựng mô hình sản xuất, phát triển sản phẩm mắm cá lóc đồng chung đóng hộp tại thị xã Ngã Năm, Sóc Trăng	Trần Bạch Long	08/2023-07/2024
57.	Hoàn thiện quy trình, xây dựng mô hình sản xuất, phát triển sản phẩm mắm cá lóc đồng chiên đóng hộp tại thị xã Ngã Năm, Sóc Trăng	Nguyễn Văn Mười	08/2023-07/2024
58.	Hỗ trợ phát triển và quản bá sản phẩm OCOP cho các chủ thể OCOP trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Nguyễn Phú Sơn	08/2023-01/2025
59.	Ứng dụng và phát triển sản xuất sữa gạo lứt tím than trên địa bàn quận Ninh Kiều	Nhan Minh Trí	08/2023-07/2025
60.	Nghiên cứu phát triển công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá trà sóc bản địa ở vùng sinh thái lưu vực tỉnh Kon Tum	Dương Nhựt Long	04/2023-04/2026
61.	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ, sự lưu hành của virus và đánh giá đáp ứng miễn dịch sau khi tiêm phòng vaccine viêm da nổi cục trên bò tại tỉnh Tiền Giang	Trần Ngọc Bích	10/2023-09/2025
62.	Chọn lọc và thử nghiệm sản xuất giống lúa Huyết Rồng (<i>Oryza sativa</i> L.) đạt tiêu chuẩn chất lượng cao theo hướng hữu cơ ở khu vực huyện Vĩnh Hưng và Tân Hưng	Trần Hữu Phúc	08/2023-09/2024
63.	Xây dựng cơ sở dữ liệu số về nguồn tài nguyên thực vật hữu ích trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Đặng Minh Quân	09/2023-08/2025
64.	Chọn lọc, nâng cao năng suất trứng của gà Tre và xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi gà Tre sinh sản và gà Tre hướng thịt tại tỉnh Tiền Giang	Nguyễn Trọng Ngữ	10/2023-09/2026

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
65.	Nghiên cứu đề xuất giải pháp quản lý tổng thể tài nguyên nước dưới đất thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Văn Phạm Đăng Trí	10/2023-10/2025
66.	Nghiên cứu tái sử dụng tro xỉ từ lò đốt chất thải rắn sinh hoạt làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng	Huỳnh Trọng Phước	10/2023-03/2025
67.	Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật phát triển bền vững cây quýt đường tại tỉnh Trà Vinh	Trần Hữu Phúc	11/2023-11/2026
68.	Ứng dụng thức ăn chế biến trong ương giống và thức ăn công nghiệp trong nuôi thương phẩm cá lóc tại huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ	Nguyễn Thanh Hiệu	01/2023-03/2024
69.	Nghiên cứu đặc tính dòng, khả năng thích nghi và nâng cao giá trị trái Thanh Nhãn Bạc Liêu	Châu Minh Khôi	06/2023-06/2025
70.	Ứng dụng công nghệ tuần hoàn trong ương giống và nuôi lươn đồng thương phẩm quy mô nông hộ tại thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn Văn Triều	09/2023-09/2025
71.	Ứng dụng công nghệ IOT kết hợp kỹ thuật plasma lạnh trong sản xuất giống và xây dựng chuỗi giá trị lươn đồng thương phẩm tại tỉnh Sóc Trăng	Dương Nhựt Long	08/2023-12/2025
72.	Xây dựng mô hình quản lý dinh dưỡng khoáng bền vững cho cây bưởi da xanh tại Bến Tre	Nguyễn Quốc Khương	01/2024-05/2025
73.	Nghiên cứu xây dựng mô hình giảng dạy trực tiếp kết hợp trực tuyến ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Cà Mau trong bối cảnh đổi mới giáo dục	Huỳnh Anh Huy	01/2024-10/2025
74.	Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong bảo quản và chế biến sản phẩm từ quả nhãn	Nguyễn Văn Mười	01/2024-06/2025
75.	Đánh giá chất lượng đất đai để bố trí cây trồng phù hợp và đề xuất giải pháp sử dụng bền vững đất nông nghiệp huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Trần Văn Dũng	01/2024-11/2026

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
76.	Triển khai thực nghiệm các mô hình nhằm cải thiện và nâng cao độ phì nhiêu đất bền vững tại tỉnh Hậu Giang	Võ Quang Minh	01/2024-05/2026
77.	Phát triển nuôi dòng cá tra chịu mặn nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu tại tỉnh Trà Vinh	Phạm Thanh Liêm	01/2024-07/2026
78.	Trồng thử nghiệm một số giống cây ăn trái cải tạo vườn tạp trong điều kiện khô hạn tại tỉnh Trà Vinh	Lê Vĩnh Thúc	02/2024-01/2027
79.	Nghiên cứu nguồn thức ăn để phát triển bền vững mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá niên	Nguyễn Hoàng Thanh	01/2024-01/2025
80.	Nghiên cứu phát triển mô hình nuôi tôm biển kết hợp trồng rong biển theo hướng bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu tại tỉnh Bạc Liêu	Nguyễn Thị Ngọc Anh	01/2024-12/2025
81.	Phát triển quy trình nuôi giun nhiều tơ (rươi) ở huyện Gò Công Đông, Tiền Giang	Vũ Ngọc Út	08/2024-07/2026
82.	Hoàn thiện và nhân rộng mô hình nuôi Artemia theo quy trình nuôi ở độ mặn thấp thích ứng với biến đổi khí hậu cho vùng ruộng muối Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn Văn Hòa	08/2024-07/2027
83.	Thực trạng và giải pháp thúc đẩy người lao động trong khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn Tuấn Kiệt	09/2024-08/2025
84.	Nghiên cứu đóng góp của Xuân Quang hầu Nguyễn Khắc Tuấn trong công cuộc kiến quốc dưới triều Nguyễn và đề xuất giải pháp tôn vinh ở Long An	Đỗ Thị Hà Thơ	05/2024-10/2025
85.	Đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp và các ngành, lĩnh vực sản xuất trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Ngô Bá Hùng	08/2024-07/2025
86.	Thử nghiệm sinh sản ốc len và nuôi thương phẩm tại tỉnh Cà Mau	Trần Nguyễn Duy Khoa	10/2024-10/2026

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
87.	Xây dựng mô hình canh tác nâng cao hiệu quả và tính bền vững trong sản xuất cây ăn trái ở thành phố Cần Thơ	Ngô Ngọc Hưng	11/2024-10/2027
88.	Nghiên cứu xây dựng mô hình phát triển du lịch sinh thái vùng đệm Vườn quốc gia U Minh Thượng	Huỳnh Văn Đà	12/2024-12/2026
89.	Nghiên cứu phát triển du lịch có trách nhiệm ở tỉnh Kiên Giang	Nguyễn Trọng Nhân	11/2024-11/2026
90.	Ứng dụng chế phẩm vi sinh cải thiện độ phì nhiêu đất và nâng cao năng suất mè tại quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ	Nguyễn Quốc Khương	01/2024-10/2025
91.	Phát triển trung tâm Dừa Đồng Gò - Bến Tre	Nguyễn Văn Ấy	11/2024-05/2026
92.	Xác định nguyên nhân gây thối nâu và đề xuất giải pháp quản lý tổng hợp hiện tượng thối nâu trên hoa Huệ trắng tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	Phạm Kim Sơn	04/2024-04/2025

Bảng 6: Danh mục các đề tài Hợp tác quốc tế triển khai từ năm 2020 đến nay

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
1.	Phát triển chương trình đào tạo trong lĩnh vực Khoa học Phân tử và Vật liệu theo định hướng nghiên cứu (MOMA)	PGS. TS. Bùi Thị Bửu Huệ	Khoa Khoa học Tự nhiên	15/1/2019 - 14/1/2022	Đại học KU Leuven (Bỉ)
2.	Hợp tác xây dựng mô hình liên kết giữa các trường đại học và công nghiệp	PGS. TS. Nguyễn Chí Ngôn	Khoa Công nghệ	15/9/2018 - 31/3/2020	Hội đồng Anh
3.	Ảnh hưởng bổ sung LP20 vào thức ăn lên tăng trưởng, sức khỏe và chất lượng cá tra giống ương vào ao	PGS. TS. Trần Thị Thanh Hiền	Trường Thủy sản	1/4/2019 - 1/3/2020	Công ty House Wellness Foods

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
4.	Ảnh hưởng bổ sung LP20 vào thức ăn lên tăng trưởng, sức khỏe và hiệu quả kinh tế cá điều hồng nuôi bè	PGS. TS. Trần Thị Thanh Hiền	Trường Thủy sản	1/4/2019 - 1/3/2020	Công ty House Wellness Foods
5.	Nghiên cứu về các giải pháp can thiệp dưới tác động của biến đổi khí hậu đến đồng bằng ven biển (Living Detas)	TS. Thái Công Dân	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	1/5/2019- 1/5/2024	Đại học Newcastle
6.	Đa dạng cây trồng trên nền đất lúa trong điều kiện nhiễm mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam	PGS. TS. Châu Minh Khôi	Trường Nông nghiệp & Sinh học Ứng dụng	1/9/2019 - 1/9/2024	Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế Úc (ACIAR)
7.	Tối ưu hóa công nghệ khí sinh học sử dụng sinh khối SubProM cho nông hộ phục vụ thương mại hóa	TS. Trần Sỹ Nam	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên	6/8/2019 - 30/9/2020	Tổ chức phát triển Hà Lan (SNV)
8.	Cải thiện bếp khí sinh học có hiệu suất đốt cao, sử dụng được áp suất khí thấp, và khí đốt không khói và không mùi hôi	TS. Trần Sỹ Nam	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên	6/8/2019 - 30/9/2020	Tổ chức phát triển Hà Lan (SNV)
9.	Mạng lưới hợp tác các Trường Đại học (VLIR - Network) (Giai đoạn 2) Chương trình mạng lưới hợp tác đào tạo dựa trên nghiên cứu về Khoa học sinh học Thực phẩm ở Việt Nam	PGS. TS. Lê Văn Khoa	Trường Đại học Cần Thơ	1/1/2019 - 31/12/2022	Trường Đại học Gent

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
10.	Phát triển nông nghiệp bền vững vùng nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam và vùng đồi núi ở Nhật Bản dựa trên các hoạt động cộng đồng sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên chất thải sinh học	TS. Nguyễn Công Thuận	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên	1/11/2019 - 1/5/2021	Trường Đại học Shizuoka
11.	Thử nghiệm Zymgrow trên tôm thẻ	PGS. TS. Trần Thị Thanh Hiền	Trường Thủy sản	1/5/2019 - 1/12/2020	Công ty TNHH Virbac
12.	Tối ưu và nghiên cứu sử dụng các trường hợp mô phỏng để thử nghiệm cho các hệ thống hỗ trợ lái xe	TS. Trần Văn Lý	Khoa Khoa học Tự nhiên	1/10/2019 - 1/9/2020	ARMINES
13.	Thương mại hóa nuôi trồng thủy sản bền vững (CAST)	PGS. TS. Trần Thị Thanh Hiền	Trường Thủy sản	1/10/2019 - 1/12/2020	Trường Đại học Kansas State (KSU)
14.	Thử nghiệm sản xuất thức ăn có bổ sung <i>Lactobacillus plantarum</i> HK L-137 lên tăng trưởng, sức khỏe và chất lượng cá tra (<i>Pangasianodon hypthalmus</i>) giai đoạn giống ương vèo trong ao	PGS. TS. Trần Thị Thanh Hiền	Trường Thủy sản	1/1/2020 - 1/3/2021	Công ty House Wellness Foods
15.	Thực hiện mô hình trình diễn hệ thống nuôi trồng Thủy sản tiên tiến cho Giáo dục, nghiên cứu và phát triển	GS. Trần Ngọc Hải	Trường Thủy sản	1/2/2020 - 1/12/2020	Công ty TNHH Hoàn Cầu Việt Nam

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
16.	Nghiên cứu hỗn hợp Probiotic cải thiện tăng trưởng, tăng cường miễn dịch hệ vi sinh vật ruột và cải thiện môi trường nước nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) (ShrimpCJ20)	PGS. TS. Trần Thị Thanh Hiền	Trường Thủy sản	1/3/2020 - 1/3/2021	Công ty CJ CheilJedang Corporation, Hàn Quốc
17.	Ảnh hưởng của AQUATIV lên sức khỏe của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	PGS. TS. Trần Thị Tuyết Hoa	Trường Thủy sản	1/4/2020 - 1/12/2020	Công ty SPF SAS (Diana Aqua)
18.	Phát triển vaccine cho cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) nuôi thương phẩm	PGS. TS. Từ Thanh Dung	Trường Thủy sản	1/3/2020 - 1/3/2023	Công ty TNHH KMP Singapore
19.	Ảnh hưởng bổ sung Lactobacillus plantarum HK L-137 vào thức ăn lên tăng trưởng và tăng cường miễn dịch của cá lóc (<i>Channa striata</i>)	PGS. TS. Trần Thị Thanh Hiền	Trường Thủy sản	1/2/2020 - 1/3/2021	Công ty House Wellness Foods
20.	Nghiên cứu cân bằng axit amin bổ sung vào thức ăn có hàm lượng protein khác nhau lên tăng trưởng, tỉ lệ sống và hiệu quả sử dụng thức ăn của tôm thẻ chân trắng, <i>Litopenaeus vanamei</i>	PGS. TS. Trần Thị Thanh Hiền	Trường Thủy sản	1/3/2020 - 1/2/2021	Công ty Evonik Nutrition & Care GmbH, Đức
21.	Quản lý bền vững vùng biển và ven biển	PGS. TS. Lê Anh Tuấn	Khoa Môi trường &	15/1/2020 - 14/1/2023	Trường Đại học Bremen

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
			Tài nguyên thiên nhiên		
22.	Quan hệ đối tác hỗ trợ lâu dài của Hiệp hội nước Hà Lan cho vùng đồng bằng sông Cửu Long (Blue Dragon Program)	PGS. TS. Lê Việt Dũng	Khoa Môi trường & Tài nguyên Thiên nhiên	1/1/2020 - 1/1/2022	Hiệp hội nước Hà Lan
23.	Các giải pháp bền vững trong nuôi trồng thủy sản ven biển ở Đông Nam Á	PGS. TS. Nguyễn Hiếu Trung	Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu	1/5/2020 - 15/6/2020	Đại học Queensland, Úc
24.	Nghiên cứu sử dụng Oxy già H ₂ O ₂ trong nuôi tôm thẻ chân trắng, Litopenaeus vanamei (ShrimpH ₂ O ₂)	PGS. TS. Trần Thị Thanh Hiền	Trường Thủy sản	1/5/2020 - 1/12/2020	Công ty Evonik Resource Efficiency GmbH
25.	Khảo sát phù sa và chất lượng nước sông Mekong	PGS. TS. Phạm Văn Toàn	Khoa Môi trường & Tài nguyên Thiên nhiên	1/1/2020 - 1/12/2020	Viện nghiên cứu Hải dương học - Wood Hole Oceanographic Institution
26.	Nghiên cứu trữ lượng trấu tại các tỉnh Tây Nam sông Hậu làm nhiên liệu cho nhà máy nhiệt điện tại Hậu Giang	PGS. TS. Lê Cảnh Dũng	Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL	5/8/2020 - 30/11/2020	Công ty phát triển năng lượng điện
27.	Thúc đẩy năng lực ứng phó biến đổi khí hậu thông qua tiếp	Th.S. Nguyễn Minh Quang	Khoa Sư phạm	10/8/2020 - 31/12/2020	Viện Quản lý Đông-Tây Hoa Kỳ (EWMI)

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
	cận nhiều bên (dự án ACMA)				
28.	Tác động kinh tế xã hội của Biến đổi khí hậu ở Việt Nam và các chiến lược thích ứng - GEMMES VN	PGS. TS. Nguyễn Hiếu Trung	Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu	1/8/2020 - 1/11/2020	IRD
29.	Nâng cao kiến thức về ảnh hưởng của COVID 19 và tạm ngừng xuất khẩu gạo đến khả năng chống chịu và chiến lược ứng phó của nông dân trồng lúa trong việc ứng phó với những hiện tượng sốc của thế giới	TS. Hứa Hồng Hiếu	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	1/9/2020 - 31/8/2021	Đại học New England
30.	Hiệu suất tăng trưởng và hiệu quả cố định đạm của ba loại cây họ đậu chịu mặn ở các vùng bị nhiễm mặn của đồng bằng sông Cửu Long	TS. Nguyễn Khởi Nghĩa	Trường Nông nghiệp	17/6/2020 - 31/12/2020	Trung tâm Nông nghiệp Nhiệt đới quốc tế (CIAT)
31.	Nghiên cứu thực nghiệm cân bằng axit amin bổ sung vào thức ăn có hàm lượng protein thấp lên tăng trưởng, tỉ lệ sống và hiệu quả sử dụng thức ăn của tôm thẻ chân trắng, Litopenaeus vanamei (đề tài Tôm chân trắng-Dinh dưỡng)	PGS. TS. Trần Thị Thanh Hiền	Trường Thủy sản	1/9/2020 - 1/9/2021	Công ty Evonik Operations GmbH, Đức

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
32.	Sáng kiến đại dương đô thị tại Cần Thơ	PGS. TS. Nguyễn Hiếu Trung	Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu	1/9/2020 - 31/12/2020	Trường Đại học Georgia, Hoa Kỳ
33.	Inow Asia: Phát triển các chương trình đào tạo sáng tạo đa cấp độ cho các chuyên ngành mới về nguồn nước ở Đông Nam Á	PGS. TS. Nguyễn Võ Châu Ngân	Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu	15/1/2021 - 14/1/2024	Đại học Girona
34.	Đánh giá sự tăng trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) khi cho ăn thức ăn có bổ sung axit amin khác nhau	PGS. TS. Trần Thị Thanh Hiền	Trường Thủy sản	1/11/2020 - 1/11/2021	Công ty Evonik Operations GmbH
35.	Thẩm định các tình huống xử lý an toàn trên cơ sở phân tích độ tin cậy	TS. Trần Văn Lý	Khoa Khoa học Tự nhiên	1/10/2020 - 1/10/2021	ARMINES
36.	Phân tích chuỗi giá trị lúa gạo tại đồng bằng sông Cửu Long	PGS. TS. Lê Cảnh Dũng	Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL	24/12/2020 - 30/3/2021	GIZ
37.	Đánh giá tác động chính sách đổi mới và chuyển giao kỹ thuật ở các vùng sản xuất lúa không thuận lợi ở Đông Nam Á (Chương trình CURE)	PGS. TS. Võ Thành Danh	Khoa Kinh tế	1/4/2020 - 1/4/2021	Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Nhiệt đới Quốc tế (CIAT)
38.	Đánh giá khả năng tạo khí sinh học của bùn thải ao nuôi tôm	TS. Trần Sỹ Nam	Khoa Môi trường & Tài	4/12/2020 - 28/2/2021	Công ty TNHH Yuko Việt Nam

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
	công nghiệp kết hợp với các nguồn sinh khối thực vật có sẵn tại tỉnh Tiền Giang		nguyên Thiên nhiên		
39.	Nghề nghiệp và quan điểm về nghề nghiệp của sinh viên đang học tại Đại học Cần Thơ	PGS. TS. Nguyễn Duy Cần	Khoa Phát triển nông thôn	24/11/2020 - 31/3/2021	Viện nghiên cứu kinh tế các nước đang phát triển, Tổ chức Thương mại hải ngoại Nhật Bản (IDE-JETRO)
40.	Xây dựng kế hoạch và thiết lập chuỗi lúa gạo (SRP) nông hộ nhỏ bền vững ở ĐBSCL	TS. Nguyễn Hồng Tín	Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL	1/7/2021 - 31/12/2024	ACIAR và SUNRISE
41.	Khảo sát chất lượng nước Sông Mekong	TS. Phạm Văn Toàn	Khoa Môi trường & Tài nguyên Thiên nhiên	1/1/2021 - 1/12/2021	Viện nghiên cứu Hải dương học Wood Hole (Hoa Kỳ)
42.	Khảo sát phân bón trên cây trồng và sản xuất nông nghiệp hướng hữu cơ ở đồng bằng sông Cửu Long	PGS. TS. Lê Cảnh Dũng	Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL	1/1/2021 - 31/3/2021	Viện Nghiên cứu Nông nghiệp Yanmar (YARIV)
43.	Đánh giá tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	TS. Nguyễn Thanh Giao	Khoa Môi trường & Tài nguyên Thiên nhiên	29/1/2021 - 29/8/2021	Tổ chức International Union for Conservation of Nature (IUCN) tại Việt Nam
44.	Xây dựng chứng chỉ sản phẩm thân thiện đất ngập nước cho cộng đồng địa phương nhằm ứng phó với các mối đe	ThS. Lý Văn Lợi	Khoa Môi trường & Tài nguyên Thiên nhiên	29/1/2021 - 29/8/2021	Tổ chức International Union for Conservation of Nature (IUCN) tại Việt Nam

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
	dọa từ biến đổi khí hậu tại Vườn Quốc gia U Minh Thượng				
45.	Hệ thống giáo dục mới quản lý chất thải xanh để tái chế và bảo vệ môi trường ở châu Á (GREENUS)	PGS. TS. Nguyễn Chí Ngôn	Khoa Công nghệ	1/1/2021 - 1/1/2023	Đại học Sapienza Rome (Ý)
46.	Hãy để nó trôi, để nó giữ, để nó phát triển	TS. Trần Văn Tỷ	Khoa Công nghệ	1/12/2020 - 1/3/2021	Đại sứ quán Hà Lan tại Việt Nam
47.	Nghiên cứu ảnh hưởng của bổ sung acid béo mạch ngắn lên tăng trưởng, hiệu quả sử dụng thức ăn, và hệ tiêu hóa của cá điêu hồng (<i>Oreochromis spp</i>)	TS. Hứa Thái Nhân	Trường Thủy sản	1/12/2020 - 1/10/2021	Tập đoàn JEFO, Canada
48.	Đánh giá khả năng chống chịu với lũ lụt của cộng đồng tại thành phố Cần Thơ	PGS. TS. Nguyễn Hiếu Trung	Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu	10/3/2021 - 31/12/2023	Quỹ Z Zurich
49.	Nghiên cứu ảnh hưởng của bổ sung butyric acid trong thức ăn lên tăng trưởng, hiệu quả sử dụng thức ăn của cá điêu hồng (<i>Oreochromis spp</i>) (gọi tắt là đề tài BUTYRATE)	TS. Hứa Thái Nhân	Trường Thủy sản	1/3/2021 - 1/8/2021	Nutrispices Ltd., Victory Nutrition Ltd., Viet Nam, Guangdong VTR Bio-tech Co. Ltd., Tien Viet Thai Ltd.
50.	Ảnh hưởng bổ sung vi khuẩn xử lý nhiệt <i>Lactobacillus plantarum</i> (HK - L137) vào thức ăn lên	PGS. TS. Phạm Minh Đức	Trường Thủy sản	1/3/2021 - 1/9/2022	Công ty House Wellness Foods, Nhật Bản

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
	tăng trưởng, sức khỏe và hiệu quả kinh tế cá lóc (<i>Channa striata</i>) nuôi vèo (Đề tài HK - L137 cá lóc vèo)				
51.	Hỗ trợ nuôi cá bản địa nước ngọt cho Campuchia (đề tài KTN cá bản địa)	GS. TS. Trần Ngọc Hải	Trường Thủy sản	1/10/2019 - 1/9/2021	Trường Đại học Auburn, Hoa Kỳ
52.	Thích ứng với khí hậu ở ĐBSCL: Sự cân nhắc giữa các cấp quản trị	PGS. TS. Nguyễn Hiếu Trung	Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu	13/5/2021 - 31/7/2021	Đại học Canberra, Úc
53.	Chương trình Đô thị đại dương (Urban Ocean program) - Giai đoạn đánh giá GAP, công cụ đánh giá các cơ hội (Opportunity Assessment Tool)	PGS. TS. Nguyễn Hiếu Trung	Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu	24/5/2021 - 30/8/2021	Global Resilient Cities Network
54.	Nâng cao khả năng phục hồi của cộng đồng vùng ven biển đồng bằng sông Cửu Long dưới tác động của các rủi ro nguồn nước và biến đổi khí hậu (CoRe)	PGS. TS. Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu	1/4/2021 - 30/9/2021	Viện Môi trường Stockholm
55.	Suy giảm nguồn tài nguyên nước dưới đất và sụt lún mặt đất tại vùng đồng bằng sông Cửu Long	PGS. TS. Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu	1/6/2021 - 31/12/2021	Tổ chức doanh nghiệp Hà Lan
56.	Rạp hát số tiếng Anh	PGS.TS. Phương Hoàng Yến	Khoa Ngoại ngữ	1/5/2021 - 1/12/2021	Hội đồng Anh tại Việt Nam

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
57.	Nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu: Đánh giá có sự tham gia về mối liên hệ hoang dại cây trồng chuyển vào nguồn gen cây lúa ở ĐBSCL, Việt Nam (Giai đoạn mở rộng)	PGS. TS. Huỳnh Quang Tín	Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL	1/1/2021 - 30/9/2021	Tổ chức Bảo trợ đa dạng cây trồng toàn cầu (Crop Trust)
58.	Phát triển thủ lĩnh khởi nghiệp xanh trong mạng lưới các trường đại học ở Đông Nam Á (ANGEL)	PGS. TS. Nguyễn Chí Ngôn	Khoa Công nghệ	15/1/2021 - 30/10/2021	Đại học Công nghệ Malaysia
59.	Điều chế silicate vô định hình có diện tích bề mặt cao từ tro trấu bằng quy trình ECO	PGS. TS. Hồ Quốc Phong	Khoa Công nghệ	1/7/2021 - 1/12/2021	Viện Công nghệ Công nghiệp Hàn Quốc (Korea Institute of Industrial Technology, KITECH)
60.	Tư vấn phát triển thủy sản bền vững (gọi tắt là KSU thủy sản)	PGS. TS. Phạm Minh Đức	Trường Thủy sản	1/1/2021 - 1/6/2022	Trường Đại học Kansas State (KSU)
61.	Đánh giá dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm: kênh thực phẩm trực tuyến	PGS.TS. Tống Thị Ánh Ngọc	Khoa Nông nghiệp	1/10/2021 - 1/10/2023	Quỹ Khoa học quốc tế (IFS, Thụy Điển)
62.	Think or Sink: Trực quan hóa trữ lượng nước dưới đất và sụt lún nhằm nâng cao nhận thức và chính sách ở Đồng bằng sông Cửu Long	PGS. TS. Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu	1/2/2021 - 1/2/2023	Tổ chức Nghiên cứu Khoa học Ứng dụng Hà Lan (Netherlands Organization for Applied Scientific Research, TNO)

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
63.	Phân tích nhu cầu các chiến lược tổng hợp quản lý rủi ro tài nguyên nước khu vực ASEAN trong điều kiện khí hậu không ổn định (COP26)	PGS. TS. Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biển đổi Khí hậu	1/4/2021 - 1/3/2022	Trường Đại học Southampton, Anh
64.	Các rào cản, công nghệ, thách thức và sự chấp thuận về mặt xã hội trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ở Asian	TS. Trần Sỹ Nam	Khoa Môi trường & Tài nguyên Thiên nhiên	1/6/2021 - 31/1/2022	Trường Đại học Malaya, Malaysia
65.	Chương trình đọc và thảo luận sách tại Điểm hẹn Hoa Kỳ ở Trung tâm Học liệu - Trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Trung tâm học liệu	1/11/2021 - 31/10/2022	Tổng Lãnh sự Quán Hoa Kỳ
66.	Thúc đẩy hành động chống lại rác thải nhựa trên biển ở Châu Á và Thái Bình Dương (CounterMEASURE II)	GS. TS. Võ Quang Minh	Khoa Môi trường & Tài nguyên Thiên nhiên	1/9/2021 - 15/10/2021	Trường Đại học Mae Fah Luang
67.	Thẩm định các tình huống xử lý an toàn trên cơ sở phân tích độ tin cậy	TS. Trần Văn Lý	Khoa Khoa học Tự nhiên	1/10/2021 - 31/3/2022	ARMINES
68.	Góc Văn hóa ASEAN tại các trường đại học	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Trung tâm học liệu	1/9/2021 - 30/4/2022	AUNILO (kinh phí do quỹ Hội nhập ASEAN-Nhật Bản JAIF)
69.	Hiệu suất tăng trưởng và hiệu quả cố định đạm của ba loại cây họ đậu chịu mặn ở các vùng bị nhiễm	PGS. TS. Nguyễn Khởi Nghĩa	Khoa Nông nghiệp	1/10/2021 - 31/1/2022	Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Nhiệt đới Quốc tế (CIAT)

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
	mặn của Đồng bằng sông Cửu Long				
70.	Nghiên cứu sản phẩm đậu nành lên tăng trưởng, hiệu quả sử dụng thức ăn và tăng cường miễn dịch của cá lóc (<i>Channa striata</i>)	PGS. TS. Trần Thị Thanh Hiền	Trường Thủy sản	1/10/2021 - 31/5/2022	Công ty TNHH Nguyên liệu Thức ăn Chăn nuôi CJ Việt Nam-Chi nhánh TP.HCM
71.	[SOILRICE] Cải thiện chất lượng đất và năng suất lúa bằng cách áp dụng luân canh và cải tạo hữu cơ ở đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam	PGS. TS. Lê Văn Khoa	Khoa Nông nghiệp	1/1/2020 - 31/12/2021	Đại học Ghent
72.	[Oxfam] Xây dựng năng lực và sự tham gia của thanh niên trong quản lý nước	PGS. TS. Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu	1/8/2021 - 31/3/2021	Oxfam Australia
73.	Các thách thức xã hội, chính trị và kinh tế đối với quá trình khử cacbon	PGS. TS. Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu	27/10/2021 - 25/3/2022	University of Northumbria at Newcastle
74.	Cải thiện chất lượng môi trường và cải tiến kỹ thuật cho sự phát triển mô hình tôm sú - lúa luân canh ở Đồng bằng sông Cửu Long" thuộc Chương trình "Thích ứng biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long (MCRP)" (gọi tắt là Tôm lúa GIZ)	Huỳnh Trường Giang	Trường Thủy sản	1/11/2021- 31/12/2023	GIZ

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
75.	Deltas Under Pressure	Đặng Kiều Nhân	Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL	1/9/2021-31/12/2022	Đại học Wageningen
76.	Thiết kế và thực nghiệm nuôi tôm trong hệ thống tuần hoàn RAS (gọi tắt là Tôm tuần hoàn RAS-GIZ)	Trần Ngọc Hải	Trường Thủy sản	1/1/2022-31/12/2023	GIZ
77.	Nâng cao năng lực thích ứng và chống chịu của cộng đồng dưới tác động của Biến đổi khí hậu tại Đồng bằng sông Cửu Long (CoRe)	Phan Kỳ Trung	Viện Nghiên cứu Biến đổi khí hậu	1/10/2021-31/12/2022	Đại sứ quán Anh tại Việt Nam
78.	Xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai do biến đổi khí hậu trên địa bàn TP. Cần Thơ	Nguyễn Hiếu Trung	Viện Nghiên cứu Biến đổi khí hậu	01/12/2021-30/9/2022	Văn phòng Công tác Biến đổi Khí hậu TP.CT (do Bộ Ngoại giao Hàn Quốc tài trợ thông qua Quỹ Hợp tác Mê Công Hàn Quốc - MKCF)
79.	Nâng cao năng lực nuôi tôm bền vững và phục hồi rừng ngập mặn để phát triển nông thôn thích ứng với khí hậu ở các vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam	Võ Quốc Tuấn	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên	28/08/2021-30/6/2022	Đại học Twente

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
80.	ASU-Decision Theater	Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biến đổi khí hậu	01/12/2021-1/5/2022	Hiệp hội Khảo sát Địa chất Hoa Kỳ (USGS)
81.	ASU-NexGen	Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biến đổi khí hậu	01/12/2021-1/5/2022	Hiệp hội Khảo sát Địa chất Hoa Kỳ (USGS)
82.	Xử lý nước thải sau biogas nguyên liệu nạp lục bình bằng cột lọc đứng	Nguyễn Xuân Lộc	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên	01/11/2021-30/4/2022	Công ty TNHH Yuko Việt Nam
83.	Đánh giá ảnh hưởng của khuấy trộn bằng khí biogas lên khả năng sinh khí của túi ủ với nguyên liệu nạp bằng Lục bình (Eichhornia crassipers) và nghiên cứu quy trình nuôi tôm thâm canh, kỹ thuật nuôi đạt hiệu quả	Trần Sỹ Nam	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên	01/11/2021-30/4/2022	Công ty TNHH Yuko Việt Nam
84.	Hỗ trợ giảm thiểu sử dụng các chất kháng sinh trong nuôi tôm ở Đồng bằng sông Cửu Long (dự án RAUS)	Trần Minh Phú	Trường Thủy sản	01/01/2022-31/12/2024	Đại học Liege
85.	Điều tra hiện trạng sử dụng và khả năng ứng dụng rộng rãi máy bay không người lái	Võ Quốc Tuấn	Khoa Môi trường và Tài nguyên	01/02/2022-31/3/2022	Cty TNHH Yanmar Holdings

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
	trong nông nghiệp tại Đồng bằng sông Cửu Long (Yanmar)		Thiên nhiên		
86.	Lắp đặt cụm gieo hóc trên máy cấy và điều chỉnh giàn trang của giàn gieo hóc khi sử dụng máy kéo (Yanmar)	Nguyễn Thành Tính	Trường Bách Khoa	01/02/2022-31/3/2022	Cty TNHH Yanmar Holdings
87.	Xây dựng Tổ nhóm đổi mới sáng tạo trong nuôi trồng thủy sản ĐBSCL - trong khuôn khổ Chương trình "Dự án Nông nghiệp và Thực phẩm"	Trần Ngọc Hải	Trường Thủy sản	08/03/2022-30/11/2022	The Commonwealth Scientific and Industrial Research Organisation (CISRO), Australia Tổ chức Nghiên cứu Công nghiệp và Khoa học Khối thịnh vượng chung, Úc
88.	Đồng Tạo Kiến Thức Nhằm Giải Quyết Vấn Đề Bất Cập Sử Dụng Nguồn Nước tại Cộng Đồng Dễ Bị Tổn Thương trong Vùng Mekong (chương trình SUMMERNET thuộc hợp phần nghiên cứu phản ứng nhanh - Rapid Respond Research Call)	Lý Quốc Đăng	Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL	01/04/2022-28/2/2023	Viện Môi trường Stockholm (SEI) Thụy Điển - tại Châu Á Stiftelsen The Stockholm Environment Institute Asia Center (based in Bangkok, Thailand)
89.	Ảnh hưởng bổ sung kết hợp giữa vi khuẩn	Phạm Minh Đức	Trường Thủy sản	01/03/2022-31/12/2023	Cty House Wellness Foods

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
	xử lý nhiệt Lactobaccillus Plantarum (HK L-137) và acid hữu cơ (PA) vào thức ăn lên tăng trưởng, hiệu quả sử dụng thức ăn và khả năng chống stress cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) giai đoạn giống (PA-Cá tra giống)				(House Wellness Foods Corporation)
90.	Tư vấn phát triển trại cá giống bản địa Campuchia (Đề tài RUA trại cá giống)	Phạm Minh Đức	Trường Thủy sản	01/10/2021-31/12/2022	Trường Đại học Kansas State (KSU) Kansas State University
91.	Ảnh hưởng bổ sung vi khuẩn xử lý nhiệt Lactobaccillus Plantarum (HK L-137) vào thức ăn lên tăng trưởng, tỉ lệ sống, hiệu quả sử dụng thức ăn, tăng cường miễn dịch và hiệu quả kinh tế cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) nuôi ao thâm canh (LP20-cá tra thương phẩm)	Phạm Minh Đức	Trường Thủy sản	01/03/2022-31/12/2023	Cty House Wellness Foods (House Wellness Foods Corporation) Cty CP Thức ăn chăn nuôi Việt Thắng (Viet Thang Feed Joint Stock Company)
92.	Sự phát triển các hoạt động viễn thám ở Việt Nam - Giai đoạn 2 (CSIRO Boeing)	Nguyễn Hiếu Trung	Viện Nghiên cứu Biển đổi khí hậu	20/05/2022-20/7/2022	The Commonwealth Scientific and Industrial Research Organisation (CSIRO), Australia

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
					Tổ chức Nghiên cứu Công nghiệp và Khoa học Khối thịnh vượng chung, Úc
93.	Xây dựng chương trình quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường hiệu quả nhằm giảm phát thải khí nhà kính (IUCN)	Lý Văn Lợi	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên	01/06/2022-1/9/2022	International Union for Conservation of Nature and Natural Resources (World Headquarters in Switzerland, Asia Regional Office in Thailand) (IUCN)
94.	Đánh giá giống lúa lưu trữ tại Ngân hàng giống IRRI tại Việt Nam	Huỳnh Quang Tín	Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL	01/06/2022-31/12/2022	International Rice Research Institute (IRRI)
95.	Ứng dụng đèn LED trong ương nuôi ấu trùng cua biển (<i>Scylla paramamosain</i>)	Trần Nguyễn Duy Khoa	Trường Thủy sản	01/06/2022-30/4/2024	International Foundation for Science (IFS)
96.	Đánh giá ảnh hưởng việc bổ sung IGF1 trong nuôi tôm thẻ chân trắng	Lê Quốc Việt	Trường Thủy sản	01/06/2022-30/11/2022	ADBIOTECH Co. Ltd.
97.	Nâng cao năng lực Trung tâm Quan hệ Doanh nghiệp & Chuyển giao Công nghệ - Trường Đại học Cần Thơ	Trần Ngọc Hải	Trường Thủy sản	18/03/2022-22/12/2022	The Commonwealth Scientific and Industrial Research Organisation

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
					(CISRO), Australia Tổ chức Nghiên cứu Công nghiệp và Khoa học Khối thịnh vượng chung, Úc
98.	Phục hồi kênh mương và quản lý chất thải rắn dựa vào cộng đồng để cải thiện khả năng chống chịu ngập lụt ở Khu vực 3, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam – dự án CFLI	Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biển đổi khí hậu	01/07/2022- 31/03/2023	Đại sứ quán Canada
99.	Năng lực thích ứng của nông dân và chuyển đổi nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam: hiểu và hỗ trợ tham gia chuỗi giá trị	Lê Thanh Sang	Trường Nông nghiệp	01/08/2022- 31/07/2022	Trường Đại học New England (UNE)
100.	Phát triển nguồn nhân lực cho sự bền vững của chuyển đổi nông nghiệp đứng từ góc độ giới ở đồng bằng sông Cửu Long Việt Nam	Nguyễn Ánh Minh	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	01/08/2022- 31/07/2022	Trường Đại học New England (UNE)
101.	Quản lý rủi ro đối với đa dạng hóa cây trồng cạn: Nghiên cứu sở thích về hợp đồng canh tác của nông	Trần Thị Thu Duyên	Trường Kinh tế	01/08/2022- 31/07/2022	Trường Đại học New England (UNE)

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
	dân và các công ty thu mua ở Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam				
102.	Định hướng phát triển xen canh cây dược liệu và cây hương liệu trong vườn dừa hữu cơ ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, Việt Nam	Nguyễn Khởi Nghĩa	Trường Nông nghiệp	01/08/2022-31/07/2022	Trường Đại học New England (UNE)
103.	Hợp thường niên báo cáo tiến độ đề tài Living Delta 2022	Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biến đổi khí hậu	01/08/2022-31/10/2022	Đại học Newcastle
104.	Chương trình thúc đẩy giải pháp chống chịu cho các thành phố - Thành phố Cần Thơ (CCRS)	Nguyễn Xuân Hoàng	Viện Nghiên cứu Biến đổi khí hậu	01/05/2022-30/06/2023	Global Resilient Cities Network (GRCN)
105.	Phát triển bền vững ở Đồng bằng sông Cửu Long (SEI)	Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biến đổi khí hậu	22/08/2022-31/12/2022	Viện Môi trường Stockholm (SEI) Thụy Điển - tại Châu Á Stiftelsen The Stockholm Environment Institute Asia Center (based in Bangkok, Thailand)
106.	Khẩu phần sử dụng lá mít cải thiện năng suất sữa, thành phần sữa và giảm sinh khí methane ở dê sữa (IFS)	Lâm Phước Thành	Trường Nông nghiệp	01/11/2022-30/11/2023	International Foundation for Science (IFS)

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
107.	Giải pháp dinh dưỡng và công nghệ sinh học trong cải thiện năng suất sinh trưởng và sinh sản của dê (SUT)	Lâm Phước Thành	Trường Nông nghiệp	01/09/2022-31/12/2023	Suranaree University of Technology
108.	Thúc đẩy vai trò của thanh niên trong nâng cao năng lực chống chịu của cộng đồng với biến đổi khí hậu tại đồng bằng sông Cửu Long (Mekong Delta Core)	Phan Kỳ Trung	Viện Nghiên cứu Biến đổi khí hậu	01/10/2022-30/09/2023	Asia-Pacific Network for Global Change Research
109.	Các hoạt động hỗ trợ triển khai chương trình Quan hệ đối tác hỗ trợ lâu dài cho vùng đồng bằng sông Cửu Long của Hiệp Hội Nước Hà Lan (Blue Dragon Program)	Trần Sỹ Nam	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên	01/06/2022-31/12/2022	Hiệp hội nước Hà Lan (Dutch Water Authorities)
110.	Chương trình Giáo dục Môi trường vùng đồng bằng sông Cửu Long do USAID tài trợ	Trần Trung Tính	Viện Nghiên cứu Biến đổi khí hậu	01/09/2022-27/09/2023	United States Agency for International Development (USAID)
111.	Triển khai đào tạo trực tuyến xen kẽ trực diện tại Trường Đại học Cần Thơ (CTU-Hybride)	Nguyễn Hiếu Trung	Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông	01/08/2022-31/08/2023	Agence universitaire de la Francophonie (AUF)
112.	Khảo sát chất lượng nước Sông Mêkong	Phạm Văn Toàn	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên	01/11/2022-31/10/2023	Woods Hole Oceanographic Institution (WHOI)

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
113.	Securing the Food Systems of Asian Mega-Deltas for Climate and livelihood Resilience	Phan Kiều Diễm	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên	01/11/2022-31/12/2023	IRRI Việt Nam
114.	Hệ thống nuôi trồng thủy sản-aquaponic thích ứng biến đổi khí hậu ở vùng ven biển Hoa Kỳ và khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long” (gọi tắt là đề tài CRAAS)	Hứa Thái Nhân	Khoa Thủy sản	01/09/2022 - 31/08/2024	Đại học Hawaii
115.	Ảnh hưởng bổ sung Protease (AG175) vào thức ăn lên tăng trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) (gọi tắt là đề tài JEFO-Cá tra)	Trần Thị Thanh Hiền	Khoa Thủy sản	01/11/2022 - 31/12/2023	Cty Jefo Nutrition Inc. - Jefo, Canada Jefo Nutrition Inc.
116.	Khảo sát DNA tôm thẻ chân trắng ở Đồng bằng sông Cửu Long” (gọi tắt là đề tài DNA Shrimp)	Trần Thị Thanh Hiền	Khoa Thủy sản	01/12/2022 - 01/12/2024	Evonik Operations GmbH
117.	Đổi mới sáng tạo trong quản lý đất và dinh dưỡng cho canh tác lúa ở Đồng Bằng Sông Cửu Long (dự án ISM)	Châu Minh Khôi	Trường Nông nghiệp	15/11/2022 - 31/10/2023	GIZ
118.	Nâng cao năng lực cho thanh niên trong ứng dụng năng lượng tái tạo và canh tác	Lê Anh Tuấn	Viện Nghiên cứu Biển	01/12/2022 - 30/06/2024	Oxfam Việt Nam

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
	nông nghiệp ở Đồng Bằng Sông Cửu Long (dự án OXFAM)		đổi khí hậu		
119.	“Phát triển các hoạt động ứng dụng viễn thám ở Việt Nam - Giai đoạn 2-3” (CSIRO Boeing giai đoạn 2-3)	Nguyễn Hiếu Trung	Viện Nghiên cứu Biển đổi khí hậu	16/12/2022 - 15/03/2023	The Commonwealth Scientific and Industrial Research Organisation (CSIRO), Australia Tổ chức Nghiên cứu Công nghiệp và Khoa học Khối thịnh vượng chung, Úc
120.	Khảo sát tác động của biến đổi khí hậu đối với chăn nuôi tại một số tỉnh ĐBSCL	Nguyễn Thanh Lãm	Trường Nông nghiệp	01/11/2022 - 31/01/2023	Wageningen University and Research
121.	Tổ chức lớp học phần thực tế cho học viên của trường Đại học Ghent, Bỉ của Viện Phát triển ĐBSCL	Đặng Kiều Nhân	Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL	23/07/2022 - 31/12/2022	Đại học Ghent
122.	Nghiên cứu đánh giá khả năng phục hồi vật lý và môi trường cho các mô hình sinh kế dựa vào mùa lũ với các giải pháp thuận thiên tại xã Vĩnh Đại và Thạnh Hưng, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An, Viet Nam (WWF-Việt Nam)	Trần Sỹ Nam	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên	17/10/2022 - 15/01/2024	WWF Việt Nam (nguồn tài trợ: Bộ Ngoại Giao và Thương Mại Úc - DFAT)

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
123.	“Nghiên cứu đặc tính cây lúa thời kỳ tiền Cách mạng Xanh tập trung vào đặc tính sử dụng đạm”	Nguyễn Đắc Khoa	Viện Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ sinh học	01/09/2022 - 31/07/2024	Royal Botanic Garden
124.	Chương trình Học phần trải nghiệm văn hóa Việt Nam, 2023	Lê Văn Lâm	Phòng Hợp tác Quốc tế	03/01/2023 - 30/09/2023	Soonchunhyang University
125.	Đa dạng Sinh học cho những Cơ hội, Sinh kế và Phát triển ở Việt Nam	Huỳnh Quang Tín	Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL	01/01/2023 - 31/12/2024	GLOBAL CROP DIVERSITY TRUST (the ‘Crop Trust’)
126.	Trẻ hóa và tồn trữ hạt lúa tại Svalbard Global Seed Vault	Nguyễn Thành Tâm	Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL	01/01/2023 - 30/09/2024	The Global Crop Diversity Trust
127.	Thí nghiệm ngưỡng oxy và ương cá bột Trê vàng và cá Tra	Dương Thúy Yên	Trường Thủy sản	01/03/2021 - 01/03/2023	Auburn University
128.	Cuộc thi quan trắc sông	Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí Hậu	01/12/2022 - 30/04/2023	Ủy Hội Sông Mekong (MRC)
129.	Tiếp nhận nghiên cứu sinh KU Leuven	Nguyễn Thị Phi Oanh	Khoa Khoa học Tự nhiên	01/11/2022 - 31/10/2026	KU Leuven
130.	Nghiên cứu lồng ghép quản trị tổng hợp trong ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu tại đồng bằng sông Cửu Long	Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí Hậu	01/12/2022 - 31/07/2023	UNDP Việt Nam (United Nation Development Program)

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
131.	Thúc đẩy vai trò của thanh niên trong nâng cao năng lực chống chịu của cộng đồng với các rủi ro về nguồn nước tại đồng bằng sông Cửu Long (CoRe Summernet)	Phan Kỳ Trung	Viện Nghiên cứu Biển đổi Khí Hậu	01/03/2023 - 31/10/2023	Viện Môi trường Stockholm, Thụy Điển
132.	Tương tác của vi sinh vật trong đất với các phương án thay thế cây trồng (Soil MICRO) ở Đồng bằng sông Cửu Long Việt Nam	Nguyễn Khởi Nghĩa	Trường Nông nghiệp	01/01/2023 - 31/07/2024	Charles Sturt University
133.	Giải pháp AI cho carbon xanh rừng ngập mặn tại Việt Nam (AI Solutions for Mangrove Blue Carbon in Vietnam)	Võ Quốc Tuấn	Khoa Môi trường - Tài nguyên Thiên nhiên	01/02/2023 - 31/07/2024	University College Dublin, National University of Ireland, Ireland (UCD)
134.	Thực nghiệm tính hợp tác trong cộng đồng ở ĐBSCL	Hứa Hồng Hiếu	Khoa Khoa học Xã hội - Nhân văn	01/03/2023 - 31/03/2024	Đại học New Castle
135.	Metaverse về phát triển bền vững để xây dựng Môi trường học tập cộng tác. (Sustainability Issues Metaverse for building Participatory Learning Environments - SIMPLE)	Huỳnh Quang Nghi	Trường Công nghệ Thông tin - Truyền thông	01/05/2023 - 31/05/2027	Viện Nghiên cứu phát triển Pháp (IRD) tại Việt Nam
136.	Chương trình đào tạo Nông nghiệp Thông minh	Lê Văn Lâm	Phòng Hợp tác Quốc tế	14/02/2023 - 31/03/2024	Edorer Inc.

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
137.	Kết nối khoảng cách số giữa Mông Cổ và Việt Nam thông qua chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục đại học (viết tắt: DIGITAL - MOVE).	Lê Văn Lâm	Phòng Hợp tác Quốc tế	01/02/2023 - 28/02/2026	Cơ quan điều hành Giáo dục, Nghe nhìn và Văn hoá Châu Âu (EACEA). (EACEA cung cấp khoản viện trợ cho Viện Đại học CITI, Mông Cổ là đại diện điều phối. Viện Đại học CITI phân bổ lại ngân sách cho các đơn vị tham gia dự án)
138.	NUÔI TÔM THẺ CHÂN TRẮNG (Litopenaeus vannamei) TRONG HỆ THỐNG TUẦN HOÀN VỚI CÁC MẬT ĐỘ KHÁC NHAU (gọi tắt là "Nuôi tôm thẻ mật độ khác nhau")	Lê Quốc Việt	Trường Thủy sản	09/05/2023 - 31/08/2023	Yuko-Keiso.Co., Ltd
139.	Ứng phó với Biến đổi Khí hậu thông qua Nghiên cứu Hành động về Nước dưới đất hướng đến sự chia sẻ (viết tắt là RECHARGE Vietnam)	Nguyễn Đình Giang Nam	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên	01/05/2023 - 31/12/2024	Viện Tương lai Bền vững, Trường Đại học Kỹ thuật Sydney (UTS)
140.	Mô phỏng các kịch bản hiểm để thử nghiệm thăm định xe tự hành trình	Trần Văn Lý	Khoa Khoa học Tự nhiên	15/08/2023 - 15/04/2024	ARMINES - ĐH Mines-Paristech, CH Pháp

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
141.	3R cho nuôi trồng thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu ở hạ lưu Mekong Việt Nam	Trần Lê Cẩm Tú	Trường Thủy sản	01/03/2023 - 12/03/2025	CIRAD (Trung tâm hợp tác nghiên cứu phát triển nông nghiệp)
142.	Hội nghị Khoa học trẻ toàn quốc ngành thủy sản lần thứ 12	Trần Minh Phú	Trường Thủy sản	20/06/2023 - 31/07/2023	U.S. Soybean Export Council, Inc.
143.	Ảnh hưởng của thảo dược lên sinh lý cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) (Gọi tắt là thảo dược cá tra)	Nguyễn Thị Kim Hà	Trường Thủy sản	01/01/2023 - 31/10/2023	ĐH Namur
144.	Tập huấn sản xuất giống một số loài cá nước ngọt bản địa (gọi tắt là đề tài tập huấn SXG)	Phạm Minh Đức	Trường Thủy sản	01/04/2023 - 30/09/2024	Kansas State University (KSU)
145.	Đàm phán khai thác nước ngầm - Negotiating groundwater extraction (Gọi tắt là đề tài C&D 2)	Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí Hậu	01/06/2023 - 31/12/2023	The Water Agency
146.	Đánh giá ảnh hưởng của thức ăn đến tăng trưởng và chất lượng ấu trùng và hậu ấu trùng tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei) (gọi tắt là Đề tài Thức ăn ương tôm TCT)	Nguyễn Văn Hoà	Trường Thủy sản	15/06/2023 - 31/12/2023	Great Salt Lake Brine Shrimp Cooperative Inc.
147.	Sự phát triển của các hoạt động viễn thám ở Việt Nam - giai	Nguyễn Hiếu Trung	Viện Nghiên cứu Biến	01/07/2023 - 28/02/2024	The Commonwealth Scientific and Industrial

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
	đoạn 4 (CSIRO Boeing 4)		đổi khí hậu		Research Organisation (CISRO), Australia Tổ chức Nghiên cứu Công nghiệp và Khoa học Khối thịnh vượng chung, Úc
148.	Tư vấn xây dựng trang trại sản xuất giống thủy sản, chuyển giao kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá nước ngọt (đề tài Trei Kaon)	Phạm Thanh Liêm	Trường Thủy sản	01/06/2023 - 31/12/2024	Công ty Trei Kaon Aquaculture Farm
149.	Ứng dụng rong biển nhân tạo nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) mật độ cao trong hệ thống biofloc và tuần hoàn	Lê Quốc Việt	Trường Thủy sản	26/09/2023 - 31/03/2024	Yuko-Keiso.Co., Ltd
150.	Đa dạng hoá loài thủy sản nuôi ở đồng bằng sông Cửu Long qua chọn lọc loài cá da trơn nước lợ: Cách tiếp cận đa chiều trong phát triển bền vững (DIVERSAQUA)	Nguyễn Thanh Phương	Trường Thủy sản	01/09/2023 - 31/08/2028	ARES - The Academy for Research And Higher Education (thông qua ĐH Namur)
151.	Chương trình Học bổng STEM Quỹ Châu Á	Lê Văn Lâm	Phòng Hợp tác Quốc tế	01/01/2024 - 31/08/2028	The Asia Foundation

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
152.	Chương trình khám phá lịch sử và văn hoá Việt Nam	Lê Văn Lâm	Phòng Hợp tác Quốc tế	25/10/2023 - 31/12/2023	Challenges Abroad Ltd
153.	ITSAP - Chương trình Công nghệ cao cho nông nghiệp thông minh 2023	Lê Văn Lâm	Phòng Hợp tác Quốc tế	20/08/2023 - 30/04/2024	Công ty EDORER (EDORER INC.)
154.	Sản xuất trên nền hệ sinh thái tự nhiên và nuôi trồng thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu ở Thái Lan và Việt Nam (Aquadapt - Nature)	Nguyễn Thanh Phương	Trường Thủy sản	01/09/2023 - 30/05/2027	Chiang Mai University
155.	Nghiên cứu lồng ghép quản trị tổng hợp trong ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu tại ĐBSCL”, giai đoạn 2	Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biến đổi khí hậu	01/11/2023 - 31/12/2023	UNDP Việt Nam (United Nation Development Program)
156.	Cải thiện chất lượng nước và thức ăn tự nhiên nhằm tăng năng suất tôm nuôi trong các mô hình quảng canh tại Đồng bằng sông Cửu Long	Huỳnh Trường Giang	Trường Thủy sản	01/12/2023 - 31/10/2024	GIZ
157.	Thích ứng biến đổi khí hậu tại Cà Mau	Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biến đổi khí hậu	15/12/2023 - 15/12/2024	Tập đoàn Archer Daniels Midland (ADM) tại Việt Nam
158.	Sự chuyển đổi nông nghiệp bắt buộc ở Châu Á thông qua sự thay đổi kích thước cánh đồng	Võ Quốc Tuấn	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên	01/01/2024 - 31/12/2024	Center for Cultural and Technical Interchange Between East and West,

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
					Inc.Trung tâm trao đổi Văn hóa-Kỹ thuật Đông -Tây (Hoa Kỳ)
159.	Chương trình Nông nghiệp Công nghệ cao	Hứa Thái Nhân	Phòng Hợp tác Quốc tế	04/08/2023 - 30/11/2024	Edorer Inc.
160.	Chương trình Nông nghiệp Nhiệt đới thông minh dành cho Nghiên cứu sinh	Hứa Thái Nhân	Phòng Hợp tác Quốc tế	31/10/2023 - 30/11/2024	Edorer Inc.
161.	Chương trình Hackathon	Trương Minh Thái	Trường Công nghệ Thông tin - Truyền thông	01/01/2024 - 31/01/2025	International Water Management Institute (IWMI)
162.	Khảo sát chất lượng nước sông Mekong (2024)	Phạm Văn Toàn	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên	01/01/2024 - 31/12/2024	Viện nghiên cứu Hải dương học Wood Hole Woods Hole Oceanographic Institution
163.	Cung cấp dịch vụ cho chương trình giáo dục của Trường Đại học Maryland ở nước ngoài tại Trường Đại học Cần Thơ	Lê Văn Lâm	Phòng Hợp tác Quốc tế	08/11/2023 - 31/10/2024	University of Maryland, COLLEGE PARK
164.	Cung cấp các hoạt động cho chương trình UniGO của Đại học Tasmania - Úc	Lê Văn Lâm	Phòng Hợp tác Quốc tế	28/11/2023 - 31/08/2024	Đại học Tasmania
165.	Chuyển đổi sản xuất hành tím theo hướng	Đặng Kiều Nhân	Viện Nghiên cứu	03/04/2023 - 31/03/2025	Bejo Zaden B.V.

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
	bền vững vùng ĐBSCL		cứu Phát triển ĐBSCL		
166.	Tăng cường năng lực và chuyển giao kiến thức về quản lý thủy văn, phục hồi và giám sát đa dạng sinh học ở Khu bảo vệ cảnh quan rừng trà Trà Sư (Mekong NbS)	Trần Sỹ Nam	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên	01/09/2023 - 15/12/2025	WWF Việt Nam (nguồn tài trợ: Industria De Diseno Textil, SA (Inditex))
167.	Mekong Media Fieldtrip: Chương trình phát triển bền vững xuyên biên giới sông Mekong thông qua chương trình trao đổi và học tập quốc tế	Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biến đổi khí hậu	21/12/2023 - 22/03/2024	Đại sứ quán Anh tại Việt Nam
168.	Nâng cao năng lực chống chịu của thanh niên với tác động của biến đổi khí hậu tại Đồng bằng sông Cửu Long (Y-CoRe) giai đoạn 2	Phan Kỳ Trung	Viện Nghiên cứu Biến đổi khí hậu	22/12/2023 - 31/03/2025	Hội đồng Anh (British Council)
169.	Đo phát thải khí nhà kính trên các hệ thống canh tác lúa ở đồng bằng sông Cửu Long	Trần Sỹ Nam	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên	01/12/2023 - 30/11/2024	IRRI
170.	Đảm bảo hệ thống an ninh lương thực của các đồng bằng Châu Á có khả năng chống chịu với khí hậu và sinh kế (Asian Mega-Deltas for Climate)	Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biến đổi khí hậu	01/12/2023 - 31/03/2024	Trung tâm Nông nghiệp Nhiệt đới Quốc tế International Center for Tropical

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
	and Livelihood Resilience - AMD) (AMD-CIAT)				Agriculture (CIAT)
171.	Khả năng phục hồi và làm giàu rừng ngập mặn tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biển đổi khí hậu	16/01/2024 - 05/04/2024	IUCN
172.	Nâng cao kiến thức về phòng, chống Quấy rối tình dục cho sinh viên Trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn Ánh Minh	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	01/02/2024 - 01/03/2025	Tổ chức Action Aid Quốc tế tại Việt Nam
173.	Chuyển đổi trong hệ thống thực phẩm: Đánh giá các tác động tài chính, sinh thái và xã hội của các mô hình nuôi tôm khác nhau và chuẩn bị phát triển nông thôn bền vững hướng tới chống chịu, hội nhập và công bằng tại ĐBSCL (đề tài TMT)	Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biển đổi khí hậu	01/01/2024 - 31/05/2024	Công ty Q-Point BV cùng với Khoa Khoa học Địa lý thông tin và Quan sát Trái đất, Đại học Twent (ITC)
174.	Nhận thức về an sinh cá nuôi của các bên liên quan trong mô hình nuôi cá quy mô nhỏ ở Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam (FISH-WELFARE)	Trần Minh Phú	Trường Thủy sản	01/03/2024 - 30/11/2024	Trường Đại học Stirling
175.	Thí nghiệm kiểm tra khả năng giảm phát thải trong canh tác lúa bằng chế phẩm sinh học String Bio ở	Trần Sỹ Nam	Khoa Môi trường và Tài nguyên	28/02/2024 - 30/09/2024	String Bio Private Limited

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
	đồng bằng sông Cửu Long		Thiên nhiên		
176.	Ảnh hưởng thiết bị tạo bọt khí siêu mịn MBD và rong biển nhân tạo lên tăng trưởng và tỷ lệ sống tôm thẻ chân trắng nuôi trong hệ thống tuần hoàn (Yuko III)	Lê Quốc Việt	Trường Thủy sản	11/03/2024 - 31/08/2024	Yuko-Keiso. Co., Ltd.
177.	Kích hoạt đổi mới sáng tạo cho lộ trình tác động phát triển bao trùm và bền vững (MAIC phase II) (Aus4Innovation-RAF)	Trần Ngọc Hải	Trường Thủy sản	01/12/2023 - 01/12/2026	CSIRO Tổ chức Nghiên cứu Công nghiệp và Khoa học Khối thịnh vượng chung
178.	Lãnh đạo thủy sản – nông nghiệp trong tương lai: Nông dân đến Nông dân vùng Đông Nam Á (F2F2024)	Trần Thị Thanh Hiền	Trường Thủy sản	01/10/2023 - 30/06/2024	Trường Đại học Tennessee
179.	Chương trình trải nghiệm văn hóa và mô hình nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu ở ĐBSCL	Lê Văn Lâm	Phòng Hợp tác Quốc tế	19/02/2024 - 19/09/2024	Trường Đại học Purdue
180.	Kỹ năng khí hậu - Hạt giống cho Chuyển đổi” (gọi tắt là Climate Skills)	Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biến đổi khí hậu	01/03/2024 - 28/02/2026	Hội đồng Anh (British Council)
181.	Đánh giá và báo cáo phát thải khí nhà kính	Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu	15/11/2023 - 01/06/2024	International Water

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
	liên quan đến nước của AFOLU+ cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long (IWMI1)		cứu Biển đổi khí hậu		Management Institute (IWMI)
182.	Asian Mega Deltas (AMD) (IWMI2)	Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biển đổi khí hậu	15/12/2023 - 01/12/2024	International Water Management Institute (IWMI) Viện Quản lý Nước Quốc tế
183.	Nước mưa - Thí điểm hệ thống lọc thử nghiệm loại bỏ thuốc trừ sâu trong nước mưa phục vụ nước ăn uống ở Đồng bằng sông Cửu Long	Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biển đổi khí hậu	15/08/2023 - 15/08/2025	Tổ chức đổi mới tài nguyên nước WIC – Hà Lan Stichting Wageningen Research, Wageningen Environmental Research
184.	Đánh giá các khía cạnh môi trường và kinh tế xã hội của nghề nuôi tôm ở Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam: Hướng tới các biện pháp thực hành bền vững (MSSF)	Đào Minh Hải	Trường Thủy sản	01/03/2024 - 31/03/2027	Resilience Centre at Stockholm University
185.	Trao đổi nhận thức, nguồn lực và bình đẳng cho các nhà giáo dục ở Việt Nam (CAREER)	Trần Văn Tỷ	Trường Bách Khoa	01/01/2024 - 31/12/2024	University College of Estate Management (UCEM)
186.	Nuôi tôm thẻ chân trắng trong hệ thống tuần hoàn (RAS) với	Lê Quốc Việt	Trường Thủy sản	01/05/2024 - 31/10/2024	G-Place Corporation

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
	các loại giá thể lọc khác nhau (Nuôi tôm thẻ giá thể)				
187.	Nghiên cứu về chế độ cho ăn giàu dinh dưỡng kết hợp với bổ sung probiotic trên tôm thẻ chân trắng và cảm nhiễm với <i>V.parahemolyticus</i> (Thức ăn ấu trùng tôm thẻ)	Nguyễn Văn Hòa	Trường Thủy sản	02/05/2024 - 31/12/2024	Great Salt Lake Brine Shrimp Cooperative Inc.
188.	Chương trình giao lưu thể thao và giáo dục mầm non	Lê Văn Lâm	Phòng Hợp tác Quốc tế	19/02/2024 - 30/06/2024	Challenges Abroad Ltd
189.	Sự phát triển của các hoạt động viễn thám ở Việt Nam – Giai đoạn 5 (CSIRO Boeing 5)	Nguyễn Hiếu Trung	Viện Nghiên cứu Biến đổi khí hậu	10/05/2024 - 31/12/2024	CSIRO Tổ chức Nghiên cứu Công nghiệp và Khoa học Khối thịnh vượng chung
190.	Tích lũy CARBON - Những giải pháp thuận tự nhiên (dự án CARBON)	Châu Minh Khôi	Trường Nông nghiệp	05/07/2023 - 31/05/2025	Select Carbon PTY LTD
191.	Chương trình theo dõi giun đất ở Việt Nam (WORMAP)	Lâm Hải Đăng	Khoa Sư Phạm	01/01/2024 - 01/12/2026	IRD
192.	Sử dụng tài nguyên bền vững cho nông nghiệp và phát triển nông thôn trong bối cảnh chuyển đổi sinh thái xã hội ở ĐBSCL - IMRD 2024	Đặng Kiều Nhân	Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL	15/07/2024 - 15/09/2024	ĐH Ghent

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
193.	24-01 Thử nghiệm trồng lúa tại Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam – Hợp tác với SunRice tại Hòn Đất – Kiên Giang vụ Hè Thu 2024.	Nguyễn Thành Tính	Trường Bách Khoa	01/05/2024 - 30/09/2024	YANMAR
194.	Cung cấp các hoạt động cho chương trình học tập ở nước ngoài của Trường ĐH Montana	Lê Văn Lâm	Phòng Hợp tác Quốc tế	15/04/2024 - 31/10/2024	University of Montana
195.	Carbon xanh của NUS	Võ Quốc Tuấn	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên	01/07/2024 - 30/10/2026	National University of Singapore
196.	24 -02 Thử nghiệm canh tác lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam – Hợp tác với Công ty Đạm Cà Mau thực hiện tại huyện Thạnh Hóa – tỉnh Long An vụ Hè Thu 2024.	Nguyễn Thành Tính	Trường Bách Khoa	01/05/2024 - 30/07/2024	YANMAR
197.	Tích hợp phát triển bền vững vào môn Địa lý và Sinh học chương trình phổ thông tại Đồng bằng Sông Cửu Long	Huỳnh Thị Thúy Diễm	Khoa Sư Phạm	01/07/2024 - 31/12/2024	HEAD Foundation
198.	Nghiên cứu sử dụng các chế phẩm từ tảo biển, amino acid và silic giúp cải thiện	Châu Minh Khôi	Trường Nông nghiệp	01/07/2024 - 31/12/2024	OLMIX

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
	đặc tính nông học và khả năng kháng bệnh, hạn, mặn của cây lúa				
199.	24-03 Thử nghiệm canh tác lúa ở Đồng bằng Sông Cửu Long, Việt Nam - Hợp tác với Viện Lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long ở Ô Môn – Cần Thơ vụ Hè Thu 2024	Nguyễn Thành Tính	Trường Bách Khoa	01/06/2024 - 31/10/2024	YANMAR
200.	Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong lĩnh vực du lịch sinh thái để hỗ trợ phát triển bền vững tại Việt Nam và Philippines (ECOVIP)	Phan Anh Tú	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	01/05/2023 - 30/04/2026	Erasmus + (thông qua trường ĐH Nha Trang)
201.	Quản lý bền vững nguồn nước nuôi trồng thủy sản tại Đông Nam Á bằng giải pháp quản lý vi sinh vật cải tiến (FICAP)	Trần Thị Tuyết Hoa	Trường Thủy sản	01/06/2024 - 01/03/2027	Kytos BV
202.	Hỗ trợ giảm thiểu sử dụng các chất kháng sinh trong nuôi tôm ở Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2 (dự án RAUS giai đoạn 2)	Trần Minh Phú	Trường Thủy sản	01/07/2024 - 31/12/2024	Ủy ban Hỗ trợ hợp thường trực Việt Nam - Wallonie- Bruxelles giai đoạn 2022-2024 (thông qua ĐH Liege, Bỉ)
203.	Dự án vận hành chương trình Thạc sỹ Công nghệ Thực phẩm - ICP Connect	Lý Nguyễn Bình	Viện Công nghệ sinh học và	01/01/2024 - 31/08/2024	Ghent University

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
			thực phẩm		
204.	Nghiên cứu thất thoát sau thu hoạch trên lúa gạo ở Việt Nam, WFBR	Nguyễn Hồng Tín	Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL	07/08/2024 - 31/12/2024	Stichting Wageningen Research, institute Wageningen Food & Biobased Research
205.	Ứng dụng công nghệ Nano và tạo oxy trong nuôi tôm thẻ chân trắng (Litopanaeus vannamei)	Lê Quốc Việt	Trường Thủy sản	01/08/2024 - 30/04/2025	Chiyoda Kosan Co.,Ltd
206.	Cải thiện quyền truy cập vào vắc xin, công nghệ và kiến thức của Pangasius (DeltaVAX)	Trần Minh Phú	Trường Thủy sản	01/07/2024 - 30/06/2027	Fresh Studio BV
207.	Xây dựng khả năng phục hồi và thích ứng của Hội Liên hiệp Phụ nữ (WU) để giải quyết các thách thức về nước-năng lượng-biến đổi khí hậu (WEC) tại Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam	Nguyễn Thanh Bình	Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL	01/08/2024 - 15/09/2025	Viện Môi trường Stockholm (SEI) Thụy Điển - tại Châu Á Stiftelsen The Stockholm Environment Institute Asia Center (based in Bangkok, Thailand)
208.	Ảnh hưởng của giàu hóa môi trường vật lý (PE) lên tập tính hung hăng của cá thòi lòi	Trần Nguyễn Duy Khoa	Trường Thủy sản	01/08/2024 - 31/01/2025	University of Stirling

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
	(Periophthalmus schlosseri)				
209.	Ảnh hưởng của các khẩu phần DCAD lên quá trình sinh khí metan và hoạt động của vi sinh vật sinh khí metan của dê lai Saanen được nuôi ở điều kiện nhiệt đới	Nguyễn Thiết	Khoa Phát triển Nông thôn	01/09/2024 - 01/09/2025	Chulalongkorn University
210.	Động lực thời gian và không gian của khả năng phục hồi do lũ lụt	Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biến đổi khí hậu	01/06/2024 - 31/03/2028	Ludwig Maximilians University of Munich
211.	Dự án thí điểm phương pháp tưới ngập khô xen kẽ (AWD) trong canh tác lúa theo cơ chế tín dụng chung (JCM) tại Việt Nam	Nguyễn Hồng Tín	Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL	01/08/2024 - 01/08/2025	SAGRI CORPORATION PRIVATE LIMITED
212.	Ảnh hưởng của bổ sung polyphenol chiết xuất từ mía vào thức ăn lên tăng trưởng, hiệu quả sử dụng thức ăn, miễn dịch và chất lượng phi lê cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)”	Trần Thị Thanh Hiền	Trường Thủy sản	01/09/2024 - 30/09/2025	Cellulosic Biomass Technology Co., Ltd. Udonthani Plant (CBT)
213.	Nâng cao năng lực thích ứng và chống chịu của cộng đồng dưới tác động của biến đổi khí hậu vùng Hạ nguồn Mekong (CoRe)	Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biến đổi khí hậu	01/10/2024 - 31/03/2025	Đại sứ quán Anh tại Việt Nam

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
214.	Phối hợp tổ chức tập huấn " Nâng cao nhận thức và kiến thức về chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm hướng tới chế độ ăn uống lành mạnh, bền vững và chuyển đổi nông nghiệp sinh thái cho cán bộ chính quyền địa phương tại tỉnh Đồng Tháp"	Hồ Hồng Liên	Trường Kinh tế	05/08/2024 - 30/10/2024	The Centro Internacional De Agricultura Tropical (CIAT)
215.	Đánh giá ảnh hưởng của thức ăn đến sinh trưởng và tỷ lệ sống của ấu trùng Cua Biển (<i>Scylla paramamosain</i>)	Nguyễn Văn Hòa	Trường Thủy sản	01/10/2024 - 31/03/2025	Great Salt Lake Brine Shrimp Cooperative Inc.
216.	Chương trình khám phá lịch sử - văn hóa Việt Nam, 2024 (Challenge Abroad 2024)	Hứa Thái Nhân	Phòng Hợp tác Quốc tế	31/10/2024 - 01/11/2024	Challenges Abroad Ltd
217.	24-04 Cải tiến tăng độ bền của các bộ phận chịu mòn của máy gieo Yanmar ST10V	Nguyễn Thành Tính	Trường Bách Khoa	01/08/2024 - 30/11/2024	YANMAR
218.	Nghiên cứu xây dựng chương trình tập huấn và phát triển mô hình nuôi tôm quảng canh đạt chuẩn thương mại ASC quy mô hợp tác xã (Aqua xanh - Tôm ASC)	Phạm Thanh Liêm	Trường Thủy sản	01/09/2024 - 31/07/2026	Tổ chức Asia Society for Social Improvement and Sustainable Transformation Inc. (ASSIT)
219.	Tập huấn chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm từ các hoạt động đào tạo về chuyển đổi hệ	Hồ Hồng Liên	Trường Kinh tế	10/10/2024 - 10/12/2024	Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
	thống Lương thực thực phẩm Việt Nam (28/10/2024)				Nhiệt đới (CIAT)
220.	Mối liên hệ giữa các vấn đề bền vững phổ biến và an sinh tôm (RMIT)	Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biển đổi khí hậu	01/12/2024 - 30/01/2025	RMIT University
221.	Đồng bằng mặn và hạn	Đặng Kiều Nhân	Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL	01/12/2023 - 31/12/2024	Stiching Wageningen Research
222.	Nghiên cứu Đánh giá khả năng phục hồi vật lý, môi trường cho các mô hình sinh kế dựa vào lũ với các giải pháp dựa vào thiên nhiên (NbS) tại huyện Tân Hưng, tỉnh Long An, Việt Nam năm 2024 - 2025	Trần Sỹ Nam	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên	05/11/2024 - 20/12/2025	WWF Việt Nam (nguồn tài trợ: Bộ Ngoại Giao và Thương Mại Úc - DFAT)
223.	Tập huấn chia sẻ kinh nghiệm từ các hoạt động hợp tác nghiên cứu về biến động dân cư và an ninh lương thực - thực phẩm và dinh dưỡng tại khu vực ĐBSCL, Việt Nam “Bài học kinh nghiệm từ Hợp tác nghiên cứu giữa Viện Dinh dưỡng Quốc gia (NIN), Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) và sáng kiến nghiên cứu của	Hồ Hồng Liên	Trường Kinh tế	18/11/2024 - 15/12/2024	Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Nhiệt đới (CIAT)

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
	CGIAR “Bảo vệ Hệ thống Lương thực – Thực phẩm tại các vùng Đồng bằng lớn của Châu Á để đảm bảo sinh kế và thích ứng với khí hậu” (CGIAR AMD) tại Bạc Liêu: Tìm hiểu mối liên hệ giữa nghiên cứu khoa học và chính sách tại Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam”				
224.	Chương trình Giáo dục Môi trường vùng đồng bằng sông Cửu Long do USAID tài trợ - giai đoạn 2	Trần Trung Tính	Viện Nghiên cứu Biến đổi khí hậu	01/01/2024 - 31/12/2025	United States Agency for International Development (USAID)
225.	Quản lý thông minh để giảm thiểu những tác động của BĐKH lên nuôi tôm bền vững ở ĐBSCL (SMARTSHRIMP)	Vũ Ngọc Út	Trường Thủy sản	01/11/2024 - 31/10/2027	Ghent University
226.	Từ trang trại đến sông: Nuôi tôm thích ứng với biến đổi khí hậu ở đồng bằng sông Cửu Long (FANTASHRIMP)	Vũ Ngọc Út	Trường Thủy sản	01/09/2024 - 31/08/2029	Ghent University
227.	Khảo sát về kinh tế, lao động, cơ giới hóa của nông dân trồng lúa ở ĐBSCL, Việt Nam	Nguyễn Duy Cần	Khoa Phát triển Nông thôn	02/09/2024 - 29/11/2024	Institute of Developing Economies, Japan External Trade Organization (IDE-JETRO) Viện kinh tế các nước đang phát

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
					triển, Tổ chức thương mại hải ngoại Nhật bản (IDE-JETRO)
228.	24-06 Thử nghiệm qui trình canh tác lúa ở Đồng Bằng Sông Cửu Long Việt Nam, hợp tác với SunRice ở Kiên Lương – Kiên Giang trong vụ đông xuân năm 2024 - 2025	Nguyễn Thành Tính	Trường Bách Khoa	01/11/2024 - 31/03/2025	YANMAR
229.	24-07 Thử nghiệm qui trình canh tác lúa ở Đồng Bằng Sông Cửu Long Việt Nam, hợp tác với Viện Lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long ở Ô Môn – Cần Thơ trong vụ đông xuân năm 2024 - 2025	Nguyễn Thành Tính	Trường Bách Khoa	01/11/2024 - 31/03/2025	YANMAR
230.	Thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển hệ thống sản xuất thực phẩm nhiệt đới vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Hứa Thái Nhân	Phòng Hợp tác Quốc tế	15/10/2024 - 31/10/2025	University of Tasmania
231.	Kinh tế và Nông nghiệp thích ứng biến đổi khí hậu - Maryland	Hứa Thái Nhân	Phòng Hợp tác Quốc tế	07/11/2024 - 31/10/2025	University of Maryland, COLLEGE PARK
232.	Các hoạt động đóng góp của Trường Đại học Cần Thơ cho chương trình Blue Dragon trong năm 2024	Lê Việt Dũng	Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên	01/06/2023 - 31/01/2025	Hiệp hội nước Hà Lan (Dutch Water Authorities)

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đơn vị (Khoa)	Thời gian thực hiện	Cơ quan tài trợ
233.	Sự phù hợp trong phản ứng khủng hoảng từ hạn mặn tại ĐBSCL	Văn Phạm Đăng Trí	Viện Nghiên cứu Biển đổi khí hậu	01/07/2024 - 31/03/2027	University of Northumbria at Newcastle

Bảng 7. Danh mục tổng thể 12 mô hình nghiên cứu thuộc Dự án Hỗ trợ kỹ thuật pha 2 (Dự án ODA)

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
1	Phát triển mô hình sản xuất lúa thích ứng với biến đổi khí hậu ở ĐBSCL	Nguyễn Khởi Nghĩa	11/2022 – 10/2025
2	Mô hình sản xuất xoài chất lượng cao thích ứng với biến đổi khí hậu ở ĐBSCL	Lê Phước Thạnh	11/2022 – 6/2026
3	Phát triển mô hình chăn nuôi vịt bán tập trung, an toàn dịch bệnh	Nguyễn Trọng Ngữ	11/2022 – 6/2026
4	Phát triển công nghệ giám sát tiền thu hoạch, sau thu hoạch, phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng và các mô hình giám sát nhanh các vấn đề liên quan đến đảm bảo chất lượng, an toàn và vệ sinh thực phẩm	Nguyễn Công Hà	11/2022 – 10/2025
5	Ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong canh tác lúa nhằm giảm thiểu sức lao động và nâng cao chuỗi giá trị lúa gạo	Nguyễn Văn Cương	11/2022 – 10/2025
6	Nâng cao chuỗi giá trị một số loại cây chứa dầu và tinh dầu ở ĐBSCL	Đoàn Văn Hồng Thiện	11/2022 – 10/2025
7	Phát triển các hệ thống nuôi thủy sản công nghệ cao và bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn ở ĐBSCL	Lê Quốc Việt	11/2022 – 10/2025
8	Phát triển đa dạng và nâng cao chất lượng giống phục vụ nuôi thủy sản thích ứng biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn ở ĐBSCL	Phạm Thanh Liêm	11/2022 – 10/2025
9	Phát triển thức ăn nuôi công nghệ cao các loài thủy sản bản địa ở ĐBSCL	Lam Mỹ Lan	11/2022 – 3/2026
10	Mô hình đánh giá tác động, xây dựng hệ thống giám sát sạt lở bờ biển vùng ĐBSCL	Huỳnh Vương Thu Minh	11/2022 – 10/2026

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
11	Ứng dụng công nghệ 4.0 cho giám sát môi trường trong sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản	Trương Minh Thái	11/2022 – 3/2026
12	Xây dựng Trung tâm Khai thác Dữ liệu và Hỗ trợ Sản xuất Bền vững ĐBSCL	Văn Phạm Đăng Trí	11/2022 – 10/2025

2.4.3. Các điều kiện hỗ trợ nghiên cứu

Với nhiều loại hình nghiên cứu đã được thực hiện đáp ứng nhu cầu đa dạng trong đào tạo, phát triển Trường, địa phương và quốc gia; Trường có phòng thí nghiệm được nâng cấp với trang thiết bị hiện đại, đội ngũ chuyên viên phân tích có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp, lành nghề; nguồn nhân lực, tiềm lực NCKH mạnh với đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đào tạo phần lớn ở các viện trường uy tín trên thế giới.

Các đơn vị đào tạo, giảng viên đều gắn NCKH với đào tạo thông qua việc giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên cùng tham gia nghiên cứu, kết quả từ các công trình NCKH được giảng viên lồng ghép, cập nhật thông tin vào bài giảng, giáo trình để người học nắm bắt được các vấn đề mới, thực tiễn.

Các hoạt động KH&CN đều có gắn kết với đào tạo; 100% đề tài NCKH các cấp đều phục vụ cho công tác đào tạo. Các đề tài, dự án trực tiếp góp phần nâng cao kỹ năng nghiên cứu, tiếp cận và giải quyết các vấn đề KT–XH của địa phương, đồng thời hiệu chỉnh và bổ sung kiến thức mới cho giáo trình, bài giảng, phục vụ hiệu quả cho công tác giảng dạy. Hoạt động KH&CN góp phần nâng cao năng lực và chất lượng đào tạo. Trường có quy định đề tài nghiên cứu phải gắn với hoạt động đào tạo, cụ thể như đề tài cấp bộ phải có sản phẩm là đào tạo trình độ thạc sĩ, và phải có ít nhất 01 học viên sau đại học tham gia chính. Học viên cao học và nghiên cứu sinh cũng được tham gia trong các đề tài NCKH của đơn vị trong trường, chủ yếu là đề tài cấp nhà nước, bộ ngành và tương đương.

Các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ cũng góp phần tăng cường máy móc, trang thiết bị, phòng thí nghiệm hiện đại phục vụ hoạt động nghiên cứu và đào tạo v.v... trang thiết bị bổ sung cho các hoạt động NCKH của Trường từ nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN và nguồn kinh phí chương trình, dự án nước ngoài đã tạo điều kiện tốt cho giảng viên và học viên sau đại học tham gia nghiên cứu.

Bảng 8 là tổng hợp danh mục các thiết bị trên 1 tỷ đồng phục vụ cho đào tạo, NCKH của Trường. Hiện nay, Trường còn đang chuẩn bị đưa vào hoạt động trong năm 2022 hai tòa nhà Công nghệ cao và Tòa nhà phức hợp Phòng thí nghiệm trong khuôn khổ Dự án Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ, với tổng vốn đầu tư 105,9 triệu USD.

Bảng 8: Danh mục thiết bị giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên

TT	Tên trang thiết bị	Mã/Model trang thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (triệu đồng)
1	Máy giải trình tự động	200/240V - 50/60Hz	Mỹ	2001	2002	1.151,18
2	Máy quét và xử lý ảnh Bio-Rad	Micro-Array, P/N: 169-0002	Mỹ	2002	2003	1.488,19
3	Máy sắc ký lỏng cao áp HPLC MS	LCQAD Thermofinigan HPLC-MS/MS	Mỹ	2003	2004	2.160,15
4	Máy giải trình tự động + BIG DYE	P/N 627-0040;S/N 17313-011	Mỹ	2004	2005	2.410,53
5	Hệ thống định lượng PCR 7500	Appliedbiosystems 275001590,	Mỹ	2005	2006	1.085,67
6	Hệ thống sắc ký lỏng khô phổ	P4-3.0; 1000; 120; 19"; Printer	Mỹ	2005	2006	5.949,87
7	Máy tổng hợp Oligo 3400 DNA		Mỹ	2005	2006	1.694,12
8	Radiation Heat Transfer Unit TSTCC (Mô hình hệ thống bức xạ)	Mô hình hệ thống bức xạ/A set of equipment	Tây Ban Nha	2006	2007	1.237,29
9	Microware Vacuum Dryer (Thiết bị sấy bằng vi sóng)	TB sấy bằng vi sóng 2450Mhz,	Đức	2006	2007	1.249,67
10	Automated liquid-liquid extra (Thiết bị trích ly lỏng-lỏng)	Trích ly lỏng-lỏng,	Mỹ	2006	2007	1.015,47
11	Hệ thống phân tích Gel điện di 2 chiều Bio Rad	Buồng tối hệ thống làm lạnh, Hệ điều hành & các phần mềm phân tích gel	Mỹ	2006	2007	1.018,81
12	Hệ thống Microarray Bio Rad	Máy tính IBM Lenovo M55E, Monitor LCD 17", Máy in HP 1160	Mỹ	2007	2008	1.306,80
13	Máy đo lưu biến ngẫu lực trộn	5modul (truyền động; trộn; P4-80G)	Đức	2007	2008	1.084,65

TT	Tên trang thiết bị	Mã/Model trang thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (triệu đồng)
14	Điện tử công suất & Kỹ thuật truyền động	Bao gồm 35 modul	Đức	2007	2008	1.157,00
15	Máy phân tích đa bội thể tự động PA Partec	Hệ thống chiếu sáng HBO, Hệ thống đo nồng độ, Hệ thống đo dòng chảy, Màn hình LCD cỡ lớn, Máy tính cá nhân (xách tay)	Đức	2007	2008	1.617,00
16	Máy phân tích trọng lượng theo n	TG 209 F3 Tarsus	Đức	2008	2009	1.164,25
17	Máy Quang phổ ICP-OES GENESIS	230V/50-60 Hz; 2 chai Argon	Đức	2008	2009	1.313,19
18	Máy quang phổ hồng ngoại biến đổi	Fourier Transform Infrared-FTIR	Mỹ	2009	2010	1.855,80
19	Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử iCE3500	Atomic absorption Spectroscopy iCE3500	UK	2009	2010	1.274,35
20	Máy sắc ký khối phổ GCMS-QP2010	GCMS-QP2010 plus Shimadzu	Nhật Bản	2009	2010	1.646,09
21	Sắc ký lỏng hiệu năng cao Thermo	Bơm; đầu dị; máy tính; máy in; Phần mềm	Mỹ	2010	2011	1.098,50
22	Sắc ký khí GC-MS Thermo Scientific	Bơm; Đầu dị; máy tính; in màu; K phổ	Mỹ	2010	2011	2.798,50
23	Máy đo khí thải nhà kính/gia súc	Benchtop Package LGR Greenhaus	Mỹ	2011	2012	2.080,80
24	Hệ thống sắc ký lỏng U-3000 HPLC	12modul: Bơm cao áp; khử khí; trộn áp suất; Phần mềm điều khiển; 8056283	Mỹ	2011	2012	1.043,17
25	Hệ thống sắc ký khí TraceGC131	máy; bơm; đầu dị; Máy tính; in; Phần mềm hệ thống điều khiển, 712100876	Đức	2011	2012	2.187,00

TT	Tên trang thiết bị	Mã/Model trang thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (triệu đồng)
26	Hệ thống quang phổ hấp thụ nguyên tử Shimadzu	AA-7000; gồm 7 modul và phần mềm, A30925000046	Nhật Bản	2013	2013	1.135,00
27	Thiết bị phân tích nhiễu xạ tia X (XRD)	TB PT Bruker D8 ADVANCE+MT+MI, 13110-1057	Đức	2012	2013	5.500,00
28	Thiết bị phân tích CNS-CNS analyzer (Thermo Fisher Scientific FLASH 2000 NCS+ MAS200R)		Đức	2016	2017	1.673,83
29	Nhiệt lượng kế và phụ kiện IKA C6000	Measuring range max 40000J; Temperature measurement resolution 0.0001K; Working temp 22-30độC	Đức	2018	2019	1.279,30
30	Kính hiển vi có gắn hệ thống chụp hình qua phần mềm vi tính Nikon Eclipse Ti2-E	Infinity-corrected CF160; 10X	Nhật Bản	2018	2019	1.979,25
31	Kính hiển vi có gắn hệ thống chụp hình qua phần mềm vi tính Nikon Eclipse Ti2-E	Infinity-corrected CF160; 10X	Nhật Bản	2018	2019	1.979,25
32	Hệ thống phân tích nguyên tố Euro Vector EA3000	230V +-10%, 50Hz, 1kW	Ý	2018	2019	1.361,80
33	Máy đo thể năng màng tế bào Analytik Jena M-20V	Intensity variable; Min, max wavelength 302nm; Filter width 200nm; Filter depth 200nm	Mỹ	2018	2019	1.237,50

TT	Tên trang thiết bị	Mã/Model trang thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (triệu đồng)
34	Hệ thống đo quang hợp di động PP Systems Ciras-3	CO2 range 0-10000umol, H2O range 0-75mmol; 1 Leaf chamber fluorometer; 1 CO2 injector system; 1 co2 tank connector block	Mỹ	2018	2019	1.101,45
35	Máy phân tích chất lượng sữa Foss MilkoScan Mars	Measuring range 0-48% fat, 0-6% protein, 0-50% total solids, 12% SNF, 0-6% lactose	Đan Mạch	2018	2019	1.249,50
36	Bộ lưu trữ gốc HPE 3PAR StoreServ 8200	Processors: 2 x 6-core 2.2GHz Total Cache up to 832GB Flash Cache: Support up to 830GB (768GiB)	Trung Quốc	2018	2019	1.320,00
37	Thiết bị chuyển mạch HPE switch 10504	Switch type 1Gb, 10Gb, 40gb, 100Gb; 24ports 1/10GBASE-T Module; 48 ports 1/10 GbE SFP+Module; Maximum network connection ports support 192-port 1Gbps	Trung Quốc	2018	2019	2.376,00
38	Thùng server dạng tháp HPE C7000	Server bays: 8 x Full-height Blade servers per Chassis Blade Support: Storage Blade, Tape Blades, Workstation Blade Power supply Bays: 6 Interconnect Bays: 8	Singapore	2018	2019	1.331,00
39	Thùng server dạng tháp HPE C7000	Server bays: 8 x Full-height Blade servers per Chassis Blade Support: Storage Blade, Tape Blades, Workstation Blade Power supply Bays: 6 Interconnect Bays: 8	Singapore	2018	2019	1.331,00
40	Thiết bị lưu trữ SAN SCv-3000 DELL	TB lưu trữ SAN SCv-3000 DELL	Malaysia	2020	2020	1.447,26

TT	Tên trang thiết bị	Mã/Model trang thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (triệu đồng)
41	Máy phân tích tín hiệu Keysight Technologies N9010B	10Hz-13.6GHz	Malaysia	2021	2022	1.314,50
42	Máy phân tích tín hiệu Keysight Technologies N9010B		Malaysia	2021	2022	1.249,60
43	Hệ thống sắc ký ion Metrohm 930	3 module	Thụy Sĩ	2021	2022	2.656,80
44	Máy phân tích và tách dòng tế bào Miltenyi Biotec autoMACS Pro		Đức	2021	2022	1.437,48
45	Hệ thống laser nghiên cứu Hamilton Thorne XYRCOS		Mỹ	2021	2022	1.166,40
46	Máy ly tâm chân không Genevac-SP Scientific Series 3i HT-6	Tốc độ 1415 vòng/phút	Anh	2021	2022	3.840,48
47	Thiết bị sấy điểm tới hạn TOUSIMIS 931		Mỹ	2021	2022	1.370,52
48	Hệ thống đo quang hợp và hô hấp thực vật LI-COR Biosciences LI-6800		Mỹ	2021	2022	2.225,88
49	Hệ thống thí nghiệm viễn thông từ xa Emona Instruments PTY Ltd net*TIMS-FreeWire		Úc	2021	2022	1.067,16
50	Bộ thí nghiệm thủy lực Festo TP 501	Mitsubishi 2HP SRK/SRC 18 CS	Đức	2022	2022	1.364,04
51	Máy tiện CNC ngang Yamazaki	Máy Panasonic 2HP CU/CS N18VKH-8	Singapore	2022	2022	2.687,68

TT	Tên trang thiết bị	Mã/Model trang thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (triệu đồng)
	Mazak Quick Turn 150 SG	Nguồn:220 V AC; 50-60Hz				
52	Máy tiện CNC Yamazaki Mazak Quick Turn 150M SG	Máy Panasonic 2HP CU/CS N18VKH-8 Nguồn:220 V AC; 50-60Hz	Singapore	2022	2022	3.680,68
53	Máy gia công đứng Yamazaki Mazak VCN-430A SG	Máy Panasonic 2HP CU/CS N18VKH-8 Nguồn:220 V AC; 50-60Hz	Singapore	2022	2022	3.832,67
54	Bộ đo xuyên tĩnh hình nón Geomil Fox-100	Máy Sharp 2.0 Hp - Inverter treo tường 220 V- 50 Hz	Hà lan	2022	2022	1.849,20
55	Máy scan 3D Faro Focus M70	Gồm: Focus M70, RS-LiDAR-16	Trung Quốc	2021	2022	1.166,40
56	Camera quang phổ SPECIM FX10	Gồm FX10, FX 17	Phân Lan	2021	2022	2.523,02
57	Máy sắc ký lỏng Shimadzu LC-20AD		Nhật bản	2022	2022	1.758,01
58	Hệ thống sắc ký lỏng siêu hiệu năng Jasco LC 4000	Gồm: MD4010, FP4025, CO4060, AS4150	Nhật bản	2021	2022	1.564,92
59	Hệ thống sắc ký lỏng Jasco LC-4000	Gồm: AS4150; MD4010, FP4020; LC Net; CO4060; PU4180	Nhật bản	2021	2022	1.564,92
60	Máy sắc ký khối phổ Agilent 8860-5977B		Mỹ	2022	2022	2.996,73
61	Bộ sắc ký ion Thermo Dionex ICS-6000	Gồm: DP, DC6000, EG, AS-AP, VWD, Bộ máy tính, máy in	Mỹ	2022	2022	4.698,00
62	Máy phân tích acid amino Hitachi LA 8080		Nhật bản	2022	2022	2.581,20
63	Hệ thống điện di 2 chiều Cytiva ImageQuant LAS500		Nhật bản	2022	2022	1.278,72

TT	Tên trang thiết bị	Mã/Model trang thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (triệu đồng)
64	Hệ thống điện di 2 chiều Cytiva ImageQuant LAS500		Nhật bản	2022	2022	1.278,72
65	Máy phân tích nguyên tố PerkinElmer 2400 Series II GC-2014	Gồm: 2400 Series II, GC-2014	Nhật bản	2021	2022	2.872,80
66	Máy phân tích tổng hợp Carbon hữu cơ Shimadzu TOC-LCPH		Nhật bản	2021	2022	1.497,10
67	Máy phân tích nguyên tố EuroVector EA3100		Ý	2022	2022	1.440,72
68	Máy đo độ nhớt Perten RVA4500		Australia	2022	2022	1.678,32
69	Máy luân nhiệt Agilent Technologies AriaMx		Malaysia	2022	2022	1.006,56
70	Máy luân nhiệt Bio-Rad CFX Opus 96		Singapore	2022	2022	1.077,84
71	Hệ thống đọc gel Bio-Rad ChemiDoc XRS+		Mỹ	2022	2022	1.365,12
72	Bộ tiến hóa tế bào Eppendorf Bioflo 120		Mỹ	2022	2022	1.378,30
73	Thiết bị tổng hợp Peptide CEM Liberty Lite		Mỹ	2022	2022	2.224,80
74	Máy phân tích đạm CEM Sprint		Mỹ	2022	2022	1.101,60
75	Máy đọc Microplate Tecan Spark		Australia	2022	2022	1.015,20
76	Máy đọc Microplate Tecan Spark		Australia	2022	2022	1.015,20

TT	Tên trang thiết bị	Mã/Model trang thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (triệu đồng)
77	Máy đo bức xạ cầm tay Spectral Evolution PSR+		Mỹ	2021	2022	4.015,05
78	Thiết bị phân tích dòng chảy FIA Lab FIALYZER-1000		Mỹ	2022	2022	2.870,07
79	Máy định vị Leica Viva GNSS GS16		Australia	2022	2022	1.332,72
80	Máy định vị Leica Viva GNSS GS16		Australia	2022	2022	1.332,72
81	Thiết bị đo khí trong đất Li-Cor LI-8100A		Mỹ	2020	2022	1.039,50
82	Máy phát điện gió NEL New Energy Lab		Đức	2022	2022	2.996,73
83	Module pin mặt trời		Đức	2022	2022	2.996,73
84	Hệ thống tích hợp pin nhiên liệu NEL New Energy Lab		Đức	2022	2022	2.996,73
85	SCADA quá trình xử lý nước Siemens		Trung Quốc	2022	2022	2.308,90
86	Máy đông khô PF Max CV-20AN		Nhật bản	2022	2022	1.942,93
87	Tủ sấy đa năng Martin Christ Beta 2-8 LSCplus		Đức	2022	2022	1.826,00
88	Buồng sinh trưởng Weiss Technik Fitotron HGC1514		Pháp	2022	2022	2.621,82
89	Thiết bị kiểm soát cá JW Fisher SeaLion-2		Mỹ	2022	2022	1.091,37
90	Thiết bị lặn siêu âm Biosonics DT-X Extreme		Mỹ	2021	2022	1.882,14

TT	Tên trang thiết bị	Mã/Model trang thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (triệu đồng)
91	Máy phân tích kích thước hạt Horiba LA-350		Nhật bản	2021	2022	1.128,60
	Tổng cộng					169.599,45

2.5. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính

Học phí được tính theo tín chỉ, mức học phí thu theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ. Ứng viên tham khảo mức học phí tại địa chỉ website: <https://dfa.ctu.edu.vn/van-ban/cap/183-muc-hoc-phi-nam-hoc-2024-2025.html>.

Mức học phí áp dụng đối với mỗi tín chỉ có thể được điều chỉnh theo lộ trình tăng học phí từng năm thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Tùy theo kế hoạch học tập, khi quá thời hạn đào tạo mà NCS chưa hoàn thành xong chương trình thì phải đóng học phí tốt nghiệp chậm tiến độ theo từng học kỳ, mức thu bằng 50% mức học phí của học kỳ trễ hạn. Các chi phí liên quan đến hội đồng bảo vệ luận án tiến sĩ do Nhà trường chi trả.

NCS thực hiện nghiên cứu kết hợp trong các dự án sẽ được hỗ trợ kinh phí của dự án tùy theo từng dự án cụ thể.

2.6. Các nội dung khác

2.6.1. Đề án 89

Trường ĐHCT có 7 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ được Bộ Giáo dục và Đào tạo xét chọn trong danh mục các ngành đào tạo và Trường được tham gia Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2030 (Đề án 89), chi tiết ở Bảng 9.

Bảng 9: Danh sách các ngành đào tạo trình độ tiến sĩ tham gia đề án 89

TT	Chuyên ngành	Mã số	Ghi chú
1	Bảo vệ thực vật	9620112	Theo quyết định số 1835/QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	9640102	
3	Khoa học đất	9620103	
4	Nuôi trồng thủy sản	9620301	

TT	Chuyên ngành	Mã số	Ghi chú
5	Công nghệ thực phẩm	9540101	Theo quyết định số 2914/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
6	Công nghệ sinh học	9420201	
7	Môi trường đất và nước	9440303	

Chi tiết về học bổng hỗ trợ và kết quả xét duyệt theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Tài chính.

2.6.2. Danh mục ngành phù hợp trình độ tiến sĩ

Danh mục ngành phù hợp có và không có bổ sung kiến thức, học phần bổ sung kiến thức đối với các ngành đào tạo trình độ tiến sĩ được thể hiện ở Bảng 10.

Bảng 10: Danh mục ngành phù hợp đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2025

TT	Ngành/ Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành tốt nghiệp phù hợp		Ngành Thạc sĩ phải học học phần bổ sung (các học phần bổ sung sẽ được xét duyệt trong chương trình đào tạo sau khi trúng tuyển)
		Đại học	Thạc sĩ	
1	Bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Khoa học cây trồng, Di truyền và chọn giống cây trồng, Khoa học đất, Biến đổi khí hậu và nông nghiệp nhiệt đới bền vững, Phát triển nông thôn, Hệ thống nông nghiệp. <i>Các trường hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên.</i>
2	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	Thú y	Thú y	Chăn nuôi, Bệnh học thủy sản, Thủy sản, Công nghệ sinh học. <i>Các trường hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên.</i>
3	Chăn nuôi	Chăn nuôi	Chăn nuôi	Thú y, Phát triển nông thôn. <i>Các trường hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên.</i>
4	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học	Sinh học, Sinh học ứng dụng, Kỹ thuật sinh học, Sinh thái học, Vi sinh vật học, Thủy sinh vật học, Hoá sinh học, Thực vật học, Sinh học thực nghiệm, Nhân chủng học, Di truyền học, Động vật học, Khoa học môi trường, Công nghệ thực phẩm, Bệnh học thủy sản, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Công nghệ chế biến sau thu hoạch, Khoa học môi trường. <i>Các trường hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên.</i>

TT	Ngành/ Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành tốt nghiệp phù hợp		Ngành Thạc sĩ phải học học phần bổ sung (các học phần bổ sung sẽ được xét duyệt trong chương trình đào tạo sau khi trúng tuyển)
		Đại học	Thạc sĩ	
5	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ sau thu hoạch, Công nghệ chế biến thủy sản, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, Kỹ thuật thực phẩm, Dinh dưỡng, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Hóa hữu cơ, Hóa vô cơ, Hóa học các hợp chất thiên nhiên, Hóa phân tích, Hóa lý thuyết và hóa lý, Hóa sinh học, Sinh học, Công nghệ sinh học. <i>Các trường hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên.</i>
6	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin quản lý, Khoa học máy tính, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật phần mềm, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Khoa học dữ liệu, Quản lý công nghệ thông tin, Quản lý hệ thống thông tin, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật máy tính, Toán tin, Cơ sở toán học cho tin học. <i>Các trường hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên.</i>
7	Hóa hữu cơ	Hóa học	Hóa hữu cơ	Hóa vô cơ, Hóa phân tích, Hóa lý thuyết và hóa lý, Hóa môi trường, Khoa học vật liệu, Hóa học, Kỹ thuật hóa học, Khoa học môi trường, Sinh học thực nghiệm, Hóa sinh học, Công nghệ sinh học, Kỹ thuật y sinh, Kỹ thuật hóa dầu và lọc dầu, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật môi trường, Dược học, Công nghệ thực phẩm, Khoa học y sinh, Dược lý và độc chất, Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc, Hóa dược, Dược liệu-Dược học cổ truyền, Hóa sinh dược, Kiểm nghiệm thuốc và độc chất, Dinh dưỡng. <i>Các trường hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên.</i>
8	Khoa học cây trồng	Khoa học cây trồng	Khoa học cây trồng	Bảo vệ thực vật, Di truyền và chọn giống cây trồng; Khoa học đất. <i>Các trường hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên.</i>
9	Khoa học đất	Khoa học đất	Khoa học đất	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Khuyến nông, Lâm nghiệp, Lâm học, Lâm học đô thị, Quản lý tài

TT	Ngành/ Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành tốt nghiệp phù hợp		Ngành Thạc sĩ phải học học phần bổ sung (các học phần bổ sung sẽ được xét duyệt trong chương trình đào tạo sau khi trúng tuyển)
		Đại học	Thạc sĩ	
				nguyên rừng, Kinh tế nông nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp, Sinh học, Công nghệ sinh học, Sinh học ứng dụng, Sư phạm Sinh học, Vi sinh vật học, Kỹ thuật tài nguyên nước, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Quản lý tài nguyên và môi trường, Kỹ thuật trắc địa – Bản đồ, Sư phạm hóa học, Công nghệ kỹ thuật Hóa học, Biến đổi khí hậu và quản lý đồng bằng, Quản lý tổng hợp vùng ven biển; Đa dạng và bảo tồn nguồn lợi thủy sản, Kỹ thuật sinh học, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Sư phạm khoa học tự nhiên, Sinh thái học, Sinh học thực nghiệm, Mỏ địa chất, Địa lý môi trường, Khoa học về trái đất, Địa chất học, Địa lý, Hệ thống nông nghiệp chuyên ngành Biến đổi khí hậu và nông nghiệp nhiệt đới bền vững. <i>Các trường hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên.</i>
10	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế học, Kinh tế phát triển, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh; Kinh doanh thương mại, Tài chính - ngân hàng; Bảo hiểm, Kế toán; Kinh tế đầu tư; Kinh tế quốc tế; Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực; Quản trị văn phòng; Hệ thống thông tin quản lý, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý công nghiệp, Quản lý năng lượng, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, Phát triển nông thôn, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Kinh tế xây dựng, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý thủy sản, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý đất đai, Quản lý biển đảo và đới bờ.
11	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điện tử, Kỹ thuật rada-dẫn đường, Kỹ thuật viễn thông, Kỹ thuật máy tính, Kỹ thuật y sinh. <i>Các trường hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên.</i>
12	Lý luận và phương pháp dạy	Sư phạm Toán học	Lý luận và phương pháp dạy	Toán học; Toán giải tích, Phương trình vi phân và tích phân, Đại số và lý thuyết số, Hình học và tôpô, Lý thuyết xác suất và thống kê toán học, Toán ứng

TT	Ngành/ Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành tốt nghiệp phù hợp		Ngành Thạc sĩ phải học học phần bổ sung (các học phần bổ sung sẽ được xét duyệt trong chương trình đào tạo sau khi trúng tuyển)
		Đại học	Thạc sĩ	
	học bộ môn Toán		học bộ môn Toán	dụng, Phương pháp toán sơ cấp, Thống kê. <i>Các trường hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên.</i>
13	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh. Các ngành thuộc nhóm ngành cấp III (81401) có chuyên ngành phù hợp. <i>Các trường hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên.</i>
14	Môi trường đất và nước	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường	Khoa học đất, Kỹ thuật môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường, Sinh thái học, Kỹ thuật tài nguyên nước, Hải dương học, Kỹ thuật cấp thoát nước, Khí tượng thủy văn, Khí tượng và khí hậu học, Quản lý đất đai, Công nghệ sinh học, Hóa học, Công nghệ kỹ thuật hóa học; Sinh học, Công nghệ sinh học, Địa chất học, Lâm sinh, Nông nghiệp – Phát triển nông thôn, Đô thị học, Cấp thoát nước, Sinh thái học, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản lý tài nguyên rừng, Địa lý tài nguyên và môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường chuyên ngành Biến đổi khí hậu và quản lý đồng bằng, Quản lý đô thị và công trình. <i>Các trường hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên.</i>
15	Nuôi trồng thủy sản (tiếng Việt và tiếng Anh)	Nuôi trồng thủy sản	Nuôi trồng thủy sản	Sinh thái học, Bệnh học thủy sản, Quản lý thủy sản, Nông học, Thủy sinh vật học, Vi sinh vật học, Công nghệ sinh học. <i>Các trường hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên.</i>
16	Phát triển nông thôn	Phát triển nông thôn	Phát triển nông thôn	Khoa học cây trồng; Kinh tế nông nghiệp; Quản trị kinh doanh; Chăn nuôi; Bảo vệ thực vật; Khoa học đất; Hệ thống nông nghiệp; Quản lý đất đai; Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý kinh tế; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Biến đổi khí hậu và quản lý đồng bằng; Nuôi trồng thủy sản; Quản lý tổng hợp vùng ven biển; Đa dạng và bảo tồn nguồn lợi thủy sản; Lâm nghiệp. <i>Các trường hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên.</i>

TT	Ngành/ Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành tốt nghiệp phù hợp		Ngành Thạc sĩ phải học học phần bổ sung (các học phần bổ sung sẽ được xét duyệt trong chương trình đào tạo sau khi trúng tuyển)
		Đại học	Thạc sĩ	
17	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Quản lý tài nguyên và môi trường, Khoa học đất, Kinh tế nông nghiệp, Kỹ thuật trắc địa bản đồ, Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý, Xây dựng, Luật hiến pháp và hành chính, Quy hoạch vùng đô thị, Công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin, Phát triển nông thôn, Lâm sinh. <i>Các trường hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên.</i>
18	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh thương mại, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Kinh tế quốc tế, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế nông nghiệp, Kế toán, Kinh tế học, Quản trị nhân lực, Quản lý kinh tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Bảo hiểm, Khoa học quản lý.
19	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính – Ngân hàng	Tài chính – Ngân hàng/Tài chính doanh nghiệp.	Bảo hiểm, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Kinh doanh thương mại, Kinh tế học, Kinh tế quốc tế, Kinh tế nông nghiệp, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.
20	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Vật lý học	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Vật lý kỹ thuật, Thiên văn học, Vật lý chất rắn, Vật lý vô tuyến và điện tử, Vật lý nguyên tử, Cơ học, Quang học, Vật lý địa cầu, Hóa lý thuyết và hóa lý, Khoa học vật liệu, Khoa học tính toán. <i>Các trường hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên.</i>
21	Vi sinh vật học	Sinh học	Vi sinh vật học	Sinh học, Công nghệ sinh học, Sinh thái học, Thủy sinh vật học, Hoá sinh học, Thực vật học, Sinh học thực nghiệm, Nhân chủng học, Di truyền học, Động vật học, Khoa học môi trường, Công nghệ thực phẩm, Bệnh học thủy sản, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Công nghệ chế biến sau thu hoạch, Khoa học môi trường và các ngành khác theo quyết định của Hội đồng tuyển sinh. <i>Các trường hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên.</i>

2.6.3. Hồ sơ dự tuyển

Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

- a) Phiếu đăng ký dự tuyển (01 bản chính theo mẫu);
- b) Bằng tốt nghiệp đại học (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
- c) Bằng tốt nghiệp thạc sĩ (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
- d) Bằng điểm đại học (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
- e) Bằng điểm thạc sĩ (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
- f) Lý lịch cá nhân (01 bản chính theo mẫu, có đóng dấu giáp lai ảnh);
- g) Lý lịch khoa học (01 bản chính theo mẫu);
- h) Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
- i) Chứng chỉ ngoại ngữ (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
- j) Phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ của thí sinh (02 phong bì A6);
- k) Phiếu dán ảnh (dán kèm 3 ảnh 3x4 mới nhất, không quá 3 tháng);
- l) Giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục Quản lý chất lượng đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
- m) 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học đã công bố đối với trường hợp thí sinh tốt nghiệp thạc sĩ theo định hướng ứng dụng.
- n) Đề cương nghiên cứu tổng quát (07 quyển, theo mẫu);
- o) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (theo mẫu);
- p) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

III. CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

3.1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng (DTSXD), ký túc xá

Trường ĐHCT có tổng diện tích đất đang sử dụng 2.269.806,37 m² bao gồm ba Khu tại thành phố Cần Thơ (Khu I, II và III) và Khu Hoà An tại tỉnh Hậu Giang, Phường 3 thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Khu A và Khu B) và các Trạm trại thực nghiệm trong và ngoài vùng ĐBSCL. Trong đó, các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường được bố trí tập trung tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ mà chủ yếu là tập trung tại khu II với tổng diện tích 714.200 m². Hiện nay mỗi đơn vị đào tạo được Nhà trường bố trí trực tiếp quản lý 01 khu vực với ít nhất là 01 tòa nhà trên đó để làm nơi bố trí hoạt động của bộ máy hành chính, nơi làm việc và cũng là nơi bố trí các phòng thí nghiệm, thực hành của đơn vị đào tạo. Ngoài ra, trong các khu nhà làm việc của các đơn vị đào tạo còn được bố trí các phòng học dùng chung cho các đơn vị trong Trường ĐHCT và giao cho đơn vị đào tạo trực tiếp quản lý (Bảng 11).

Bảng 11: Thống kê tổng quát về cơ sở vật chất (tính đến 31/12/2024) của Trường¹

Nội dung	ĐVT	Tổng số	Ghi chú
1. Tổng diện tích đất đai	m ²	2.249.773,47	
1.1. Diện tích khu 1	m ²	62.251,50	
1.2. Diện tích khu 2	m ²	714.200,97	
1.3. Diện tích khu 3	m ²	5.527,20	
1.4. Diện tích khu Hoà An	m ²	1.112.901,00	
1.5. DT đất lò gạch Bùng Binh	m ²	23.726,00	
1.6. DT đất Trại thực nghiệm Vĩnh Châu	m ²	171.142,10	
1.7. DT đất Nhà cộng đồng An Bình	m ²	291,00	
1.8. DT đất tại tỉnh Kon Tum	m ²	159.733,70	
2. Giảng đường, hội trường, phòng học			
2.1. Số phòng/hội trường các loại	phòng	476	
2.2. Tổng diện tích	m ²	65.672,81	
3. Phòng học ngoại ngữ, đa phương tiện, biên dịch			
3.1. Số phòng	phòng	11	
3.2. Tổng diện tích	m ²	650,94	
4. Thư viện và Trung tâm học liệu	m ²	11.871,00	
5. Phòng thí nghiệm, thực hành thí nghiệm, thực hành máy tính, xưởng, trại và bệnh xá thú y			
5.1. Số phòng	phòng	184	
5.2. Tổng diện tích	m ²	77.132,14	

¹ Tính đến ngày 31/12/2024, xem Thống kê Quý 4 năm 2024 của Trường Đại học Cần Thơ

Nội dung	ĐVT	Tổng số	Ghi chú
6. Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	m ²	10.945,89	
7. Ký túc xá			
7.1. Số phòng	phòng	1.367	
7.2. Tổng diện tích	m ²	75.609,13	
8. Nhà ăn của cơ sở đào tạo	m ²	2.320,00	
9. Nhà thể dục thể thao (02 nhà)	m ²	4.965,00	
10. Sân vận động và sân TDTT (Khu I: 02 sân cầu lông + 01 sân tennis; Khu II: 03 sân bóng đá, 15 sân bóng chuyền, 02 sân cầu lông, 02 sân TDTT ngoài trời); Khu Hòa An: 03 sân TDTT ngoài trời, 01 sân bóng đá nền cát, 06 sân bóng đá cỏ nhân tạo	m ²	55.879,00	

3.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

Chi tiết các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và các trang thiết bị được thể hiện ở Phụ lục 3.

3.1.3. Thống kê về học liệu trong thư viện

Trung tâm Học liệu trường Đại học Cần Thơ có các giáo trình, sách chuyên khảo xuất bản trong và ngoài nước phục vụ các ngành, chuyên ngành đào tạo của Trường và luôn có kế hoạch bổ sung học liệu hàng năm. Nguồn tài liệu điện tử cũng được Trường phát triển², qua việc mua quyền truy cập 8 CSDL điện tử: ProQuest Central, Springer Link, Science Direct, SAGE, Emerald, IG Publishing, Thư viện pháp luật, Mạng KH&CN Việt Nam,... và đăng ký quyền sử dụng 42 CSDL miễn phí từ các tổ chức trong và ngoài nước điển hình như Tạp chí Khoa học Việt Nam Trực tuyến – VJOL, AGORA, HINARI, OARE, ARDI, Knowledgecenter, Kho dữ liệu mở của Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền Tệ Quốc tế IMF ,... (Bảng 12).

Bảng 12: Thống kê cơ sở dữ liệu điện tử được truy cập trong và ngoài nước do Trung tâm Học liệu quản lý

TT	Tên CSDL điện tử	Tên nước	Địa chỉ website	Đại học Cần Thơ truy cập
1.	Trung tâm Học liệu trường Đại học Cần Thơ	Việt Nam	www.lrc.ctu.edu.vn	www.lrc.ctu.edu.vn
2.	Thư viện Pháp luật Việt Nam	Việt Nam	https://thuvienphapluat.vn/	https://thuvienphapluat.vn/

² <https://lrc.ctu.edu.vn/index.php/resources/online-database>

TT	Tên CSDL điện tử	Tên nước	Địa chỉ website	Đại học Cần Thơ truy cập
3.	CABI Direct	Anh	http://www.cabi.org/default.aspx?site=170&page=1028	https://ezproxy.ctu.edu.vn:2077/cabdirect/search/
4.	Emerald Emerging Markets Case Studies	Anh	www.emeraldgroupublishing.com	https://ezproxy.ctu.edu.vn/login?url=https://www.emerald.com/insight
5.	Emerald e-journal	Anh	www.emeraldgroupublishing.com	https://ezproxy.ctu.edu.vn:2171/insight/products
6.	Sage	Hoa Kỳ	https://journals.sagepub.com/	https://ezproxy.ctu.edu.vn:2266/en-us/nam/journals
7.	Ebrary ebooks	Hoa Kỳ	www.Ebrary.com	https://ezproxy.ctu.edu.vn:2129/lib/ctuvn/home.action
8.	IngentaConnect	Anh	www.Ingenta.com	https://ezproxy.ctu.edu.vn:2094/
9.	Lyell Collection	Anh	http://www.lyellcollection.org	http://www.lyellcollection.org
10.	JSTOR	Hoa Kỳ	https://www.jstor.org/	Open Access
11.	Viện xuất bản tài liệu số đa ngành (MDPI)	Thụy Sĩ	https://www.mdpi.com/	Open Access
12.	Openlibrary	Hoa Kỳ	https://openlibrary.org/	Open Access
13.	AGORA (FAO)	Liên Hiệp Quốc (UN)	http://www.fao.org/agora	Open Access
14.	HINARI (WHO)	Liên Hiệp Quốc	http://extranet.who.int/hinari/en/journals.php	Open Access
15.	ARDI	Liên Hiệp Quốc (UN)	http://ardi.wipo.int/content/en/journals.php	Open Access
16.	OARE	Liên Hiệp Quốc (UN)	http://oare.research4life.org/content/en/journals.php	Open Access
17.	GOALI	Liên Hiệp Quốc (UN)	http://goali.ilo.org/content/en/journals.php	Open Access
18.	IMF	IMF	https://www.elibrary.imf.org	Open Access

Trường cũng thực hiện đầu tư phát triển nguồn tài liệu nội sinh, gồm: giáo trình, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ, các báo cáo đề tài NCKH; thực hiện liên kết chia sẻ nguồn tài liệu với các liên hiệp thư viện, các thư viện trong nước và các dự án như: thư

viện điện tử dùng chung cho các cơ sở GDĐH ở Việt Nam của Ngân hàng Thế giới, nguồn tài liệu tặng từ Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ, Quỹ Châu Á...; liên kết với thư viện ngoài nước ..

3.2. Điều kiện giảng viên

Thông kê giảng viên cơ hữu chủ trì, giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu sinh được tổng hợp ở Bảng 13. Danh sách chi tiết giảng viên cơ hữu được sử dụng để xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023 được tổng hợp ở Phụ lục 4³.

Bảng 13: Thông kê giảng viên cơ hữu chủ trì, giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu sinh năm 2025

TT	Ngành	Mã số	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	Tiến sĩ	Tổng số
1	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	9140111	0	8	1	9
2	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán	9140111	2	2	2	6
2	Quản trị kinh doanh	9340101	0	6.5	3	9.5
3	Tài chính – Ngân hàng	9340201	0	5	3	8
4	Vi sinh vật học	9420107	0	5	2	7
5	Công nghệ sinh học	9420211	0	10	4	14
6	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	9440103	1	3	3	7
7	Hóa hữu cơ	9440114	0	13	4	17
8	Môi trường đất và nước	9440303	2	12	2	16
9	Hệ thống thông tin	9480104	1	3	9	13
10	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	9520216	0	3	5	8
11	Công nghệ thực phẩm	9540101	3	7	3	13
12	Khoa học đất	9620103	1	4	3	8
13	Chăn nuôi	9620105	1	7	3	11
14	Khoa học cây trồng	9620110	2	3	2	7
15	Bảo vệ thực vật	9620112	0	4	2	6
16	Kinh tế nông nghiệp	9620115	0	10	3	13
17	Phát triển nông thôn	9620116	0	5.5	4	9.5
18	Nuôi trồng thủy sản	9620301	6	13	2	21
19	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	9640102	0	2	7	9
20	Quản lý đất đai	9850103	1	3	3	7
	Tổng cộng		20	129	70	219

³ Giảng viên hướng dẫn nghiên cứu sinh phải bảo đảm có 4 điểm công trình với vai trò tác giả chính, đăng trên tạp chí khoa học/kỹ yếu hội thảo quốc tế thuộc WoS/Scopus; tạp chí khoa học trong nước có điểm công trình từ 0,75 điểm trở lên hay có bằng sở hữu trí tuệ, phù hợp với từng ngành đào tạo; thể hiện ở lý lịch khoa học. Danh sách giảng viên hướng dẫn được điều chỉnh, bổ sung dựa trên công bố khoa học.

3.3. Kiểm định chất lượng

3.3.1. Kiểm định Trường

Trường ĐHCT đã được công nhận Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành.

Chu kỳ I: Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục số 022/CEAHCM-TR có giá trị đến ngày 19/05/2023, theo Quyết định số 14/QĐ-TTKĐ ngày 19/05/2018.

Chu kỳ II: Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục số 057/CEAHCM-TR có giá trị đến ngày 28/12/2028, theo Quyết định số 224/QĐ-TTKĐ ngày 29/12/2023.

3.3.2. Kiểm định chương trình đào tạo

Trường Đại học Cần Thơ hiện có 71 chứng nhận CTĐT đạt chuẩn kiểm định chất lượng, trong đó có 34 chứng nhận CTĐT đạt chuẩn chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo (có 04 CTĐT trình độ thạc sĩ), và 37 chứng nhận CTĐT đạt chuẩn chất lượng của Mạng lưới Bảo đảm chất lượng các Cơ sở giáo dục đại học ASEAN (trong đó có 06 CTĐT trình độ thạc sĩ, và có 3 chứng nhận CTĐT trình độ đại học được đánh giá lại chu kỳ II).

Trường ĐHCT đã ban hành kế hoạch số 1096/KH-ĐHCT-QLCT về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Trường Đại học Cần Thơ giai đoạn 2021-2030, ngày 07 tháng 6 năm 2021.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Website Trường;
- Website Khoa Sau đại học;
- Các đơn vị trong trường;
- Sở ban ngành các tỉnh;
- Lưu: VT, KSĐH.

Trần Trung Tính

PHỤ LỤC**PHỤ LỤC 1: Danh sách một số chứng chỉ tiếng nước ngoài minh chứng cho trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển**

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT (không chấp nhận chứng chỉ iBT Home Edition)	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
		Aptis ESOL International Certificate ⁴	B2
		Pearson English International Certificate ⁵	Level 3
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF languagecertificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

Các chứng chỉ ngoại ngữ phải được cấp bởi các Tổ chức đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài, được công bố trên website của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

⁴ Theo quyết định số 925/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 3 năm 2023, <https://vqa.moet.gov.vn/vi/thong-bao-quan-ly-vb-cc/thong-bao/cong-nhan-cac-cap-do-cua-chung-chi-tieng-anh-aptis-esol-international-certificate-tuong-duong-voi-cac-bac-cua-khung-nang-luc-ngoai-ngu-6-bac-dung-cho-viet-nam-7.html>

⁵ Theo quyết định số 93/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 01 năm 2024.

PHỤ LỤC 2: Các hướng nghiên cứu

PL2.1. Ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn, chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh, mã số: 9140111 – Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
1	- Curriculum/ Material Development - Language Policy	PGS.TS. Trịnh Quốc Lập PGS. TS. Lê Xuân Mai	1
2	- Professional learning/ Professional Development - English for Academic Purposes	PGS.TS. Nguyễn Bửu Huân	1
3	-Language Testing/Assessment - Language Pedagogy	PGS.TS. Phương Hoàng Yến	1
4	-Curriculum/ Material Development -Independent Learning	PGS.TS. Nguyễn Văn Lợi TS. Bùi Lê Diễm Trang	1
5	-Educational Technology -Second Language Acquisition	PGS.TS. Nguyễn Duy Khang	1
6	- Language Pedagogy - Educational Technology	PGS.TS. Phan Thị Tuyết Vân	1
7	- Professional learning/ Professional Development - Language Pedagogy	TS. Ngô Huỳnh Hồng Nga	1
8	-Language Pedagogy -Second Language Acquisition	TS. Nguyễn Anh Thi PGS. TS. Lê Xuân Mai	1

PL2.2. Ngành Quản trị kinh doanh, mã số: 9340101 – Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
1	Quản trị thông minh, quản lý công nghệ và đổi mới trong các doanh nghiệp	PGS.TS. Phan Anh Tú PGS.TS. Lê Nguyễn Đoàn Khôi PGS.TS. Nguyễn Hữu Đăng PGS.TS. Võ Thành Danh PGS.TS. Lê Tấn Nghiêm	3
2	Quản trị logistics	PGS.TS. Phan Anh Tú PGS.TS. Võ Văn Dứt	2
3	Thương mại điện tử/thương mại di động	PGS.TS. Võ Văn Dứt	2
4	Phát triển thị trường	PGS.TS. Mai Văn Nam TS. Nguyễn Quốc Nghi	2
5	Cạnh tranh, lợi thế cạnh tranh và năng lực cạnh tranh	PGS.TS. Lê Khương Ninh PGS.TS. Phan Anh Tú	2

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
		TS. Nguyễn Quốc Nghi	
6	Quản trị chuỗi cung ứng	PGS.TS. Mai Văn Nam PGS.TS. Lê Nguyễn Đoàn Khôi PGS.TS. Khru Thị Phương Đông	3
7	Chuỗi giá trị doanh nghiệp	PGS.TS. Mai Văn Nam	2
8	Quản trị tiêu thụ và Marketing	PGS.TS. Nguyễn Hữu Đăng PGS.TS. Lê Tấn Nghiêm	2
9	Hành vi người tiêu dùng	PGS.TS. Nguyễn Hữu Đăng PGS.TS. Lê Tấn Nghiêm	2
10	Văn hóa doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội	PGS.TS. Ngô Mỹ Trân TS. Nguyễn Minh Cảnh	2
11	Hoạt động kinh doanh quốc tế	PGS.TS. Phan Anh Tú PGS.TS. Võ Văn Dứt	2
12	Các vấn đề về hành vi tổ chức	PGS.TS. Ngô Mỹ Trân PGS.TS. Nguyễn Tuấn Kiệt TS. Lưu Tiên Thuận TS. Nguyễn Minh Cảnh	2
13	Hoạt động dịch vụ du lịch và lữ hành	PGS.TS. Huỳnh Trường Huy	1
14	Quản trị nguồn nhân lực	PGS.TS. Huỳnh Trường Huy TS. Nguyễn Minh Cảnh	2

PL2.3. Ngành Tài chính – Ngân hàng, mã số: 9340201 – Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
I	Tài chính doanh nghiệp		
1	Chi phí đại diện và hiệu quả doanh nghiệp	PGS.TS. Lê Khương Ninh PGS.TS. Trương Đông Lộc	6
2	Cấu trúc vốn, hiệu quả hoạt động, giá trị doanh nghiệp	PGS.TS. Lê Long Hậu PGS.TS. Khru Thị Phương Đông	
3	Tín dụng thương mại của doanh nghiệp	TS. Nguyễn Văn Thép	
4	Chính sách tài trợ và giá trị công ty		
5	Tham nhũng (bôi trơn) và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp	PGS.TS. Phan Anh Tú	1
II	Tài chính hành vi		
5	Các trường hợp bất thường trên thị trường chứng khoán Việt Nam	PGS.TS. Trương Đông Lộc PGS.TS. Lê Long Hậu	4
6	Tâm lý “đám đông” trong đầu tư tài chính	TS. Nguyễn Văn Thép	

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
7	Tác động qua lại giữa các thị trường tài chính	PGS.TS. Khuru Thị Phương Đông	
8	Tương tác giữa thị trường tài chính và thị trường hàng hóa		
III	Tài chính phát triển	PGS.TS. Lê Khương Ninh PGS.TS. Võ Thành Danh PGS.TS. Mai Văn Nam PGS.TS. Khuru Thị Phương Đông	4
9	Mối quan hệ giữa phát triển tài chính và tăng trưởng kinh tế		
10	Những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng phát triển của hệ thống tài chính quốc gia		
11	Đầu tư trực tiếp và tăng trưởng kinh tế		
12	Chính sách lãi suất và tăng trưởng		
IV	Tài chính vi mô	PGS.TS. Lê Khương Ninh PGS.TS. Vương Quốc Duy PGS.TS. Trương Đông Lộc PGS.TS. Khuru Thị Phương Đông	4
13	Tương tác giữa thị trường tín dụng chính thức và phi chính thức		
14	Đánh giá tác động của tài chính vi mô đến thu nhập của người dân		
15	Đánh giá hiệu quả của các chương trình tài chính vi mô		
16	Bảo hiểm nông nghiệp và thị trường tín dụng nông thôn		
V	Tài chính công	PGS.TS. Trương Đông Lộc PGS.TS. Võ Thành Danh PGS.TS. Nguyễn Hữu Đăng PGS.TS. Khuru Thị Phương Đông	6
17	Chính sách thuế, tiết kiệm và tiêu dùng của người dân		
18	Chính sách thuế và tăng trưởng đầu tư trong nước và nước ngoài		
19	Đầu tư công và các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô		
VI	Quản trị ngân hàng thương mại	PGS.TS. Trương Đông Lộc PGS.TS. Phan Đình Khôi PGS.TS. Lê Long Hậu PGS.TS. Khuru Thị Phương Đông TS. Nguyễn Văn Thép	4
20	Các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng		
21	Đánh giá khả năng đáp ứng yêu cầu về an toàn vốn theo Hiệp ước Basel II		
22	Chính sách đổi mới hệ thống NHTM		
23	Kiểm tra sức chịu đựng rủi ro của các NHTM		
24	Ứng dụng công nghệ số vào quản trị ngân hàng NHTM		
25	Động cơ hợp tác giữa NHTM và công ty công nghệ tài chính (Fintech)		

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
26	Tái cấu trúc hệ thống NHTM		

PL2.4. Ngành Vi sinh vật học, mã số: 9420107 – Lĩnh vực Khoa học sự sống

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
1	Tuyển chọn vi khuẩn/xạ khuẩn, nghiên cứu tách chiết và ứng dụng các hợp chất có hoạt tính sinh học trong lên men thực phẩm và thực phẩm chức năng	PGS.TS. Huỳnh Xuân Phong TS. Nguyễn Phạm Anh Thi	1
2	Tuyển chọn nấm men/nấm mốc, nghiên cứu tách chiết và ứng dụng các hợp chất có hoạt tính sinh học trong lên men thực phẩm và thực phẩm chức năng	PGS.TS. Huỳnh Xuân Phong PGS. TS. Trần Thanh Trúc TS. Nguyễn Phạm Anh Thi	2
3	Tuyển chọn vi sinh vật có khả năng sinh kháng khuẩn/nấm và nghiên cứu ứng dụng trong thực phẩm/dược phẩm"	PGS.TS. Huỳnh Xuân Phong TS. Trần Thị Giang	1
4	Sự đa dạng của nấm <i>Phytophthora</i> spp. liên quan đến tính gây bệnh cây trồng	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Nga	1
5	Quản lý bệnh hại cây trồng bằng vi khuẩn vùng rễ	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Nga	1
6	Nghiên cứu thực khuẩn thể trong phòng trị bệnh hại vi khuẩn trên cây trồng	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Nga	1
7	Tuyển chọn vi khuẩn có khả năng hình thành biofilm từ sữa bò tươi ở đồng bằng sông Cửu Long	PGS. TS. Ngô Thanh Phong,	1
8	Tuyển chọn vi sinh vật có khả năng phân giải cellulose từ ruột mối đất ở đồng bằng sông Cửu Long	PGS. TS. Ngô Thanh Phong	1
9	Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn cố định đạm cho cây lúa trên mô hình kiến tạo hệ sinh thái lúa tôm bền vững vùng ven biển đồng bằng sông Cửu Long	PGS. TS. Ngô Thanh Phong	1
10	Nghiên cứu sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn <i>Acinetobacter baumannii</i> phân lập từ bệnh phẩm đường hô hấp được định danh và làm kháng sinh đồ tại khoa xét nghiệm bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ	GS.TS. Trần Đỗ Hùng	2

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
11	Nghiên cứu và ứng dụng vi sinh vật có ích trong môi trường	PGS. TS. Huỳnh Văn Tiên	2
12	Tuyển chọn vi sinh vật có khả năng ứng dụng xử lý nước thải ứng dụng xử lý nước thải từ các nhà máy chế biến thực phẩm	TS. Trương Thị Bích Vân	1
13	Tuyển chọn vi sinh vật có tiềm năng probiotic và ứng dụng tạo chế phẩm trong thực phẩm, nuôi trồng thủy sản	TS. Trương Thị Bích Vân	2
14	Sử dụng vi sinh vật trong xử lý nước thải và sản xuất khí sinh học	TS. Trần Thị Giang	1
15	Phân lập, tuyển chọn vi khuẩn vùng rễ và nội sinh có hoạt tính cố định đạm, hòa tan lân, tổng hợp IAA và đối kháng nấm gây bệnh vàng lá thối rễ trên cây bưởi năm roi	TS. Quách Văn Cao Thi TS. Trần Ngọc Quý	1
16	Phân lập, tuyển chọn vi khuẩn <i>Bacillus</i> spp. có một số đặc điểm có lợi từ đất vùng rễ và nội sinh trong cây bưởi Năm Roi ở tỉnh Vĩnh Long	TS. Quách Văn Cao Thi TS. Trần Ngọc Quý	1
17	Phân lập tuyển chọn vi khuẩn lactic để sản xuất chế phẩm sinh học Probiotic ứng dụng trong chăn nuôi và thủy sản.	PGS.TS. Nguyễn Văn Thành	1
18	Nghiên cứu và ứng dụng vi sinh vật có lợi trong môi trường;	PGS.TS. Huỳnh Văn tiên	1
19	Phòng trị bệnh hại cây trồng bằng biện pháp sinh học sử dụng vi sinh vật đối kháng	PGS.TS. Nguyễn Đắc Khoa	1
20	Phòng trị bệnh hại cây trồng bằng biện pháp sinh học sử dụng các tác nhân kích thích tính kháng bệnh lưu dẫn trong cây (hóa chất, vi sinh vật hoặc dịch trích thực vật)	PGS.TS. Nguyễn Đắc Khoa	1
21	Xác định mầm bệnh và tuyển chọn biện pháp sinh học để phòng trị bệnh	PGS.TS. Nguyễn Đắc Khoa	1
22	Khảo sát biến động quần thể vi sinh vật gây bệnh để triển khai hiệu quả giống cây trồng kháng bệnh	PGS.TS. Nguyễn Đắc Khoa	1
23	Phân hủy các chất hữu cơ gây ô nhiễm bằng phương pháp sinh học	PGS.TS. Nguyễn Đắc Khoa	1

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
24	Ứng dụng vi sinh vật có ích trong hỗ trợ phát triển nông nghiệp bền vững	TS. Nguyễn Thị Pha	1

PL2.5. Ngành Công nghệ sinh học, mã ngành: 9420201 – Lĩnh vực Khoa học sự sống

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
1	Ứng dụng Công nghệ Sinh học trong Chọn tạo giống hoa màu	PGS.TS. Trương Trọng Ngôn	2
	Nghiên cứu và khai thác ứng dụng nguồn gen thực vật có giá trị cao ở vùng đồng bằng sông Cửu Long	PGS. TS. Huỳnh Văn Tiền	3
2	Hoạt tính kháng côn trùng của một số thực vật hoang dại	PGS.TS. Trần Thanh Mến	1
4	Nghiên cứu vi khuẩn nội sinh thực vật có khả năng hỗ trợ các bệnh do stress oxy hóa	PGS. TS. Đái Thị Xuân Trang	1
5	Xác định DNA mã vạch đặc trưng của giống cây trồng (cây ăn trái, cây dược liệu), nấm bản địa	PGS.TS. Đỗ Tấn Khang	1
8	Nghiên cứu công nghệ trồng và chế biến nấm ăn và nấm dược liệu có giá trị kinh tế cao	PGS.TS. Đỗ Tấn Khang	1
	Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của mật hoa	PGS.TS. Đỗ Tấn Khang	1
	Nghiên cứu tình hình đề kháng kháng sinh của vi khuẩn <i>P. acnes</i> và đánh giá hiệu quả của chiết xuất thực vật trên bệnh nhân mụn trứng cá	PGS.TS. Đỗ Tấn Khang	2
9	Nghiên cứu công nghệ trồng và nhiệt đới hóa các loại nấm ôn đới có giá trị kinh tế cao	PGS.TS. Đỗ Tấn Khang	1
10	Sự đa dạng của cỏ đuôi phụng (<i>Leptochloa</i> spp) và cỏ lông vực (<i>Echinochloa</i> spp) liên quan đến tính kháng thuốc trừ cỏ	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Nga	1
11	Sự đa dạng của nấm <i>Phytophthora</i> spp. liên quan đến tính gây bệnh cây trồng	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Nga	1
12	Khảo sát các chất có hoạt tính sinh học từ nấm men vùng nước mặn	PGS.TS. Huỳnh Xuân Phong	1
13	Tuyển chọn vi khuẩn/xạ khuẩn, nghiên cứu tách chiết và ứng dụng các hợp chất có hoạt tính sinh học trong lên men thực phẩm và thực phẩm chức năng	PS.TS. Huỳnh Xuân Phong	1
14	Tuyển chọn nấm men/nấm mốc, nghiên cứu tách chiết và ứng dụng các hợp chất	PGS.TS. Huỳnh Xuân Phong	1

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
	có hoạt tính sinh học trong lên men thực phẩm và thực phẩm chức năng		
15	Tuyển chọn vi sinh vật có khả năng sinh kháng khuẩn/nấm và nghiên cứu ứng dụng trong thực phẩm/dược phẩm	PGS.TS. Huỳnh Xuân Phong	1
16	Quản lý bệnh hại cây trồng bằng vi khuẩn vùng rễ	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Nga	1
17	Nghiên cứu thực khuẩn thể trong phòng trị bệnh hại vi khuẩn trên cây trồng	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Nga	1
18	Nghiên cứu biện pháp kích kháng trong phòng trừ bệnh hại quan trọng trên cây trồng	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Nga	1
19	Tuyển chọn vi khuẩn có khả năng hình thành biofilm từ sữa bò tươi ở đồng bằng sông Cửu Long	PGS. TS. Ngô Thanh Phong,	1
20	Tuyển chọn vi sinh vật có khả năng phân giải cellulose từ ruột mỗi đất ở đồng bằng sông Cửu Long	PGS. TS. Ngô Thanh Phong	1
21	Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn cố định đạm cho cây lúa trên mô hình kiến tạo hệ sinh thái lúa tôm bền vững vùng ven biển đồng bằng sông Cửu Long	PGS. TS. Ngô Thanh Phong	1
22	Nghiên cứu tầm soát và tiêu chuẩn hoá các cao thuốc từ dược liệu tiềm năng có tác dụng kháng oxy hoá, kháng viêm, hạ lipid máu	PGS. TS. Nguyễn Thị Ngọc Vân	1
23	Tuyển chọn vi sinh vật có khả năng ứng dụng xử lý nước thải ứng dụng xử lý nước thải từ các nhà máy chế biến thực phẩm	TS. Trương Thị Bích Vân	1
24	Tuyển chọn vi sinh vật có tiềm năng probiotic và ứng dụng tạo chế phẩm trong thực phẩm, nuôi trồng thủy sản	TS. Trương Thị Bích Vân	1
25	Ứng dụng Thực khuẩn thể hạn chế thuốc bảo vệ thực vật trong canh tác lúa và rau quả hữu cơ ở đồng bằng Sông Cửu Long	TS. Trương Thị Bích Vân PGS.TS Lê Việt Dũng	2
26	Ứng dụng mô hình ruồi giấm trong nghiên cứu và sàng lọc dược liệu	PGS.TS Trần Thanh Mến	1
27	Nghiên cứu hoạt tính sinh học của một số dược liệu tại vùng ĐBSCL	PGS.TS Trần Thanh Mến	1
28	Phân lập, tuyển chọn vi khuẩn vùng rễ và nội sinh có hoạt tính cố định đạm, hòa	TS. Quách Văn Cao Thi TS. Trần Ngọc Quý	1

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
	tan lân, tổng hợp IAA và đối kháng nấm gây bệnh vàng lá thối rễ trên cây bưởi năm roi		
29	Phân lập, tuyển chọn vi khuẩn Bacillus spp. có một số đặc điểm có lợi từ đất vùng rễ và nội sinh trong cây bưởi Năm Roi ở tỉnh Vĩnh Long	TS. Quách Văn Cao Thi TS. Trần Ngọc Quý	1
30	Sử dụng vi sinh vật trong xử lý nước thải và sản xuất khí sinh học	TS. Trần Thị Giang	1
31	Nghiên cứu lên men đậu nành thành thực phẩm giàu dinh dưỡng cho người ăn chay trường và người ăn kiêng	PGS.TS. Nguyễn Văn Thành PGS.TS. Huỳnh Xuân Phong	1
32	Nghiên cứu vi khuẩn nội sinh thực vật có hoạt tính sinh học hỗ trợ các bệnh do stress oxy hóa	PGS.TS Đái Thị Xuân Trang	1
33	Phòng trị bệnh hại cây trồng bằng biện pháp sinh học sử dụng vi sinh vật đối kháng	PGS.TS. Nguyễn Đắc Khoa	1
34	Phòng trị bệnh hại cây trồng bằng biện pháp sinh học sử dụng các tác nhân kích thích tính kháng bệnh lưu dẫn trong cây (hóa chất, vi sinh vật hoặc dịch trích thực vật)	PGS.TS. Nguyễn Đắc Khoa	1
35	Xác định mầm bệnh và tuyển chọn biện pháp sinh học để phòng trị bệnh	PGS.TS. Nguyễn Đắc Khoa	1
36	Khảo sát biến động quần thể vi sinh vật gây bệnh để triển khai hiệu quả giống cây trồng kháng bệnh	PGS.TS. Nguyễn Đắc Khoa	1
37	Nghiên cứu cơ chế phân tử của sự tương tác nấm rễ và cây lúa	TS. Bùi Thanh Liêm TS. Đỗ Thị Xuân	1
	Nghiên cứu biểu hiện gen phân hủy nhựa trên vi sinh vật để xử lý rác thải	TS. Bùi Thanh Liêm PGS. TS. Nguyễn Võ Châu Ngân	1
	Nghiên cứu biểu hiện gen mã hóa enzyme Phytase chịu nhiệt và axit trên vi sinh vật	TS. Bùi Thanh Liêm	1
38	Phân hủy các chất hữu cơ gây ô nhiễm bằng phương pháp sinh học	PGS.TS. Nguyễn Đắc Khoa	1
39	Công nghệ hỗ trợ sinh sản trên người và động vật	TS. Trần Thị Thanh Khương	1
40	Tế bào gốc tạo máu, tế bào gốc trung mô, tế bào miễn dịch	TS. Trần Thị Thanh Khương	1

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
41	Ứng dụng kỹ thuật sinh học để đánh giá nhanh, xác định tác nhân gây bệnh cây và phòng trừ bệnh cây	PGS.TS. Nguyễn Minh Chon PGS.TS. Đỗ Tấn Khang	2
42	Ly trích, xác định, đánh giá và đề xuất ứng dụng các hoạt chất có nguồn gốc sinh học	PGS.TS. Nguyễn Minh Chon PGS.TS. Đỗ Tấn Khang	2
44	Ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển chọn, tạo, nhân giống cây trồng thích ứng biến đổi khí hậu	TS. Nguyễn Thị Pha	2
45	Nghiên cứu và khai thác ứng dụng nguồn gen thực vật có giá trị cao ở vùng ĐBSCL	PGS.TS. Huỳnh Văn Tiền	1
46	Giải mã trình tự bộ gen lục lạp, ty thể phục vụ nhận diện giống cây trồng, vật nuôi	TS. Nguyễn Phạm Anh Thi	2
47	Nghiên cứu tổng hợp và ứng dụng vật liệu nano sinh học và hóa học trong nông nghiệp, thủy sản và cảm biến sinh học	TS. Nguyễn Phạm Anh Thi TS. Nguyễn Nhất Nam	2

Ghi chú: Các hướng nghiên cứu thuộc Lĩnh vực Khoa học sự sống có sự giao thoa; với mức chuyên sâu tùy thuộc vào từng ngành (Vi sinh vật học, Công nghệ sinh học)

PL 2.6. Ngành Vật lý lý thuyết và vật lý toán, mã số: 9440103 – Lĩnh vực Khoa học tự nhiên

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
1	Vật lý hạt cơ bản và Vũ trụ học	PGS.TS. Nguyễn Thanh Phong TS. Lê Thọ Huệ TS. Trịnh Thị Hồng	3
2	Vật lý tính toán: - Mô phỏng cấu trúc vật liệu thấp chiều bằng phương pháp MD và DFTB - Nghiên cứu tính chất điện tử vật liệu thấp chiều bằng phương pháp DFT, DFTB	TS. Huỳnh Anh Huy	2
3	Tính toán, mô phỏng các hệ vật liệu thấp chiều cấu trúc nano, linh kiện quang điện tử.	PGS.TS. Nguyễn Thành Tiên	2
4	Nghiên cứu tính chất quang-điện tử của vật liệu thấp chiều ứng dụng trong linh kiện bán dẫn và khoa học đời sống	TS. Đặng Minh Triết	2

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
5	(i) Khám phá các tính chất điện tử, nhiệt/cơ học và quang điện tử của vật liệu và làm rõ cơ chế hóa lý của quá trình chuyển pha. Nghiên cứu hiện tại chuyên về mô hình hóa vật liệu 2D và chalcogenide nhóm kim loại nhằm mục tiêu ứng dụng quang điện và nhiệt điện. (ii) Ứng dụng thuật toán tiến hóa trong dự đoán cấu trúc và hình thành sai hỏng/pha tạp.	TS. Nguyễn Trường Long	2

PL 2.7. Ngành Hóa hữu cơ, mã số: 9440114 – Lĩnh vực Khoa học tự nhiên

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
1	Ứng dụng mạng lưới phân tử GNPS trong phân tích thành phần hóa học và khảo sát hoạt tính sinh học của dược liệu ở khu vực ĐBSCL	TS. Hà Thị Kim Quy	1
2	1/ Nghiên cứu các quá trình hấp phụ và cơ chế tăng cường phổ tán xạ Raman bề mặt (SERS) của các hợp chất hữu cơ bởi các hạt nano kim loại 2/ Khảo sát tính chất quang điện tử và khả năng vận chuyển điện tích của các chất bán dẫn hữu cơ	PGS.TS. Phạm Vũ Nhật	2
3	- Tổng hợp hữu cơ (nghiên cứu phương pháp tổng hợp và tổng hợp dẫn xuất dị vòng; Khảo sát hoạt tính sinh học của các dẫn xuất đặc biệt là hoạt tính kháng ung thư). - Tổng hợp các sản phẩm sinh học (nhiên liệu sinh học, chất hoạt động bề mặt sinh học).	PGS. TS. Bùi Thị Bửu Huệ	2
4	- Nghiên cứu hóa học và hoạt tính sinh học các loài thực vật theo hướng kháng oxy hóa, bảo vệ gan, giảm lipid huyết, ức chế enzyme xanthine oxidase, enzyme tyrosinase, - Nghiên cứu hóa học và hoạt tính sinh học của các cây có tinh dầu.	PGS.TS. Nguyễn Trọng Tuân	2

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
	- Nghiên cứu hóa học và hoạt tính sinh học các loài thực vật theo hướng nông nghiệp, thủy sản như kháng khuẩn, kháng nấm gây bệnh trên cây trồng và động vật thủy sản, chất dẫn dụ trong nông nghiệp.		
5	- Tổng hợp hữu cơ các dẫn xuất dị vòng, sàng lọc hoạt tính sinh học. - Ứng dụng mô hình mô tả docking phân tử trong định hướng thiết kế thuốc	TS. Trần Quang Đệ	1
6	- Tương tác giữa tế bào và bề mặt vật liệu (Interactions between cells and surfaces) - Màng polymer (polymer menbrane) - Nhiên liệu sinh học (Biofuel) - Xúc tác (Catalysis) - vật liệu y sinh (Biomedical materials)	PGS.TS. Hồ Quốc Phong	1
7	- Tổng hợp vật liệu nano ứng dụng trong phóng thích - Nghiên cứu trích ly hợp chất tự nhiên ứng dụng trong ngành da thẩm mỹ. - Nghiên cứu xử lý hợp chất hữu cơ bền	PGS. TS. Đoàn Văn Hồng Thiện	2
8	Tổng hợp, phân lập hợp chất thiên nhiên, cơ chế miễn dịch học, vật liệu dẫn truyền thuốc tương thích sinh học. Đánh giá hoạt tính kháng viêm và thiết kế hệ dẫn truyền thuốc tương thích sinh học của một số hợp chất từ Sa sâm nam (<i>Launaea sarmentosa</i>) ứng dụng trong điều trị viêm nhiễm Thiết kế hệ dẫn truyền thuốc tương thích sinh học của một số hoạt chất chống ung thư	TS. Nguyễn Quốc Châu Thanh	1
9	Tổng hợp và đánh giá khả năng xử lý các chất nhuộm và chất kháng sinh của vật liệu khung cơ-kim có cấu trúc tương tự Zeolites (ZIFs)	PGS. TS. Đặng Huỳnh Giao	1
10	- Khoa học Dược phẩm - Bào chế và đánh giá các hệ thống dẫn truyền thuốc/mỹ phẩm/dược liệu hiện đại (micro-/nanoparticles) - Nghiên cứu và tối ưu hóa các phương pháp kiểm nghiệm hoạt chất	TS. Phạm Duy Toàn	1

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp, chiết xuất vật liệu mới từ thiên nhiên nhằm mục đích vận chuyển thuốc - Dược cộng đồng (khảo sát các yếu tố dịch tễ liên quan tới việc sử dụng và phân phối thuốc hợp lý) 		
11	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiên liệu sinh học: Nghiên cứu tổng hợp biodiesel, bioethanol từ các nguồn nguyên liệu mới: bùn sinh học, nấm men, vi tảo Nghiên cứu các giải pháp cải tiến quy trình; nâng cao hiệu suất tổng hợp biodiesel. - Hương liệu- mỹ phẩm: Trích ly tinh dầu, các hợp chất có hoạt tính sinh học ứng dụng trong lĩnh vực y dược. Nghiên cứu phát triển các sản phẩm có nguồn gốc thiên nhiên định hướng ứng dụng trong mỹ phẩm và dược phẩm. 	PGS.TS. Huỳnh Liên Hương	01
12	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tối ưu hóa quy trình tái chế nhựa - Nghiên cứu chế tạo màng phân hủy sinh học ứng dụng trong y sinh, bao bì thực phẩm,... - Nghiên cứu chế tạo vật liệu xử lý sự lượng kháng sinh - Nghiên cứu chế tạo vật liệu mới từ các nguồn phụ phẩm, phế phẩm 	PGS. TS. Văn Phạm Đan Thủy	2
13	<p>Nghiên cứu tận dụng các phế/phụ phẩm trong nông nghiệp hoặc ngư nghiệp để ứng dụng trong:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổng hợp hạt nano dẫn truyền thuốc hướng đích 2. Tổng hợp màng sợi chữa lành vết thương <p>Gia công vật liệu composite tự nhiên (từ phơi bào, cỏ năng tượng,...)</p>	TS. Cao Lưu Ngọc Hạnh	2
14	<p>Hướng nghiên cứu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát định tính, định lượng, phân lập, xác định cấu trúc các hợp chất tự nhiên trong thực vật. - Khảo sát hoạt tính sinh học của các cao chiết và các chất phân lập được như hoạt tính kháng oxi hóa, kháng khuẩn, kháng nấm, ức chế enzyme α-glucosidase. 	TS. Nguyễn Phúc Đảm	1
15	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp màng hoặc sợi polymer từ các nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên và ứng dụng xử lý thuốc nhuộm hữu cơ - Tổng hợp vật liệu oxit kim loại/zeolites và ứng dụng xử lý các hợp chất hữu cơ 	PGS. TS. Trần Nguyễn Phương Lan	1

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
16	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp vật liệu nano mới với tính chất quang học cao, ứng dụng trong cảm biến sinh học (phổ PL, phổ Raman, v.v) - Tổng hợp vật liệu nano mới ứng dụng trong xúc tác fuel cells hoặc cảm biến sinh học (sử dụng phương pháp điện hóa – CV) - Điều chế vật liệu tiên tiến tận dụng nguồn phụ/phế phẩm từ nông nghiệp-công nghiệp, ứng dụng trong lĩnh vực nông nghiệp/thủy sản 	PGS.TS. Trần Thị Bích Quyên	2
17	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp và đánh giá khả năng xử lý chất hữu cơ bền/kháng sinh trong nước của vật liệu xúc tác hấp phụ từ phụ phẩm nông nghiệp, thủy sản. - Tổng hợp hệ nano dẫn truyền hoạt chất sinh học từ tính 	PGS.TS. Lương Huỳnh Vũ Thanh	1

PL 2.8. Ngành Môi trường đất và nước, mã số: 9440303 – Lĩnh vực Khoa học tự nhiên

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS Có thể nhận
1	Nghiên cứu và quản lý tổng hợp tài nguyên đa dạng sinh học	PGs. Ts. Trương Hoàng Đan PGs. Ts. Nguyễn Xuân Lộc Ts. Nguyễn Công Thuận PGs. Ts. Đinh Minh Quang TS. Đặng Minh Quân	2
2	Chất lượng môi trường đất, nước, chỉ thị sinh học, đánh dấu sinh học	PGs. Ts. Nguyễn Văn Công PGs. Ts. Phạm Văn Toàn PGs. Ts. Ngô Thụy Diễm Trang PGs. Ts. Nguyễn Võ Châu Ngân PGs. Ts. Nguyễn Xuân Lộc PGs. Ts. Kim Lavane PGs.Ts. Nguyễn Công Thuận PGs. Ts. Đinh Minh Quang PGs.Ts. Đỗ Thị Mỹ Phượng PGs.Ts. Trần Sỹ Nam PGs.TS. Đặng Minh Quân PGs.Ts. Nguyễn Thanh Giao	3
3	Quy hoạch và quản lý tổng hợp tài nguyên đất, nước và môi trường thích ứng biến đổi khí hậu	PGs. Ts. Nguyễn Hiếu Trung PGs. Ts. Nguyễn Văn Công PGs. Ts. Văn Phạm Đăng Trí PGs. Ts. Phạm Văn Toàn	4

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS Có thể nhận
		PGs.Ts. Trần Văn Tỷ PGs. Ts. Võ Quốc Tuấn PGs. Ts. Nguyễn Thị Hồng Điệp PGs. Ts. Phạm Thanh Vũ PGs.Ts. Nguyễn Thanh Giao PGs.Ts. Trương Chí Quang Ts. Phan Kiều Diễm PGs.Ts. Huỳnh Vương Thu Minh PGs.Ts. Nguyễn Công Thuận	
4	Các giải pháp công nghệ trong cải thiện môi trường đất nước	PGs. Ts. Nguyễn Văn Công PGs.Ts. Trương Hoàng Đan PGs Ts. Nguyễn Võ Châu Ngân PGs. Ts. Nguyễn Xuân Lộc PGs Ts. Ngô Thụy Diễm Trang PGs. Ts. Phạm Văn Toàn PGs.Ts. Kim Lavane PGs.Ts. Đỗ Thị Mỹ Phượng PGs.Ts. Trần Sỹ Nam	4
5	Thể chế - Chính sách về môi trường đất và nước	PGs. Ts. Nguyễn Hiếu Trung PGs. Ts. Nguyễn Văn Công PGs. Ts. Văn Phạm Đăng Trí PGs Ts. Phan Trung Hiền PGs. Ts. Phạm Thanh Vũ	2

PL 2.9. Ngành Hệ thống thông tin, mã số 9480104 – Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
1	Hệ thống thông tin thông minh (Hệ thống gợi ý, Hệ hỗ trợ ra quyết định,..)	PGS.TS. Nguyễn Thái Nghe GS.TS. Huỳnh Xuân Hiệp TS. Trần Nguyễn Minh Thư TS. Nguyễn Thanh Hải TS. Phạm Thị Ngọc Diễm TS. Trần Công Ân	2
2	Khai phá quan điểm, phân tích cảm xúc. Khai phá dữ liệu	GS.TS. Huỳnh Xuân Hiệp PGS.TS. Nguyễn Thái Nghe TS. Trương Quốc Định PGS.TS. Phạm Nguyên Khang TS. Nguyễn Minh Khiêm	2

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
3	Phân tích dữ liệu lớn, đa chiều, phức tạp. Phân tích dữ liệu y khoa.	PGS.TS. Đỗ Thanh Nghị TS. Phan Thượng Càng TS. Nguyễn Thanh Hải PGS. TS. Võ Văn Tài	2
4	Hệ thống tìm kiếm thông tin thông minh: Chỉ mục, tìm kiếm và hiển thị thông tin	TS. Lâm Nhật Khang TS. Trương Quốc Định TS. Trần Công Ân TS. Nguyễn Hữu Hòa	2
5	Nhận dạng, phân loại và tìm kiếm ảnh theo nội dung. Xử lý ảnh 3D, text, audio	PGS.TS. Đỗ Thanh Nghị PGS.TS. Phạm Nguyên Khang PGS. TS. Nguyễn Chí Ngôn TS. Trần Nguyễn Minh Thu	2

PL 2.10. Ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá, mã số 9520216 – Lĩnh vực Kỹ thuật

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS Có thể nhận
1	Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo IoT và ứng dụng Giải thuật điều khiển thông minh Tự động hóa trong lĩnh vực y tế	PGS. TS. Nguyễn Chí Ngôn	1-2
2	Thị giác máy tính và nhận dạng. Trí tuệ nhân tạo và ứng dụng. IoTs và ứng dụng Điều khiển thông minh.	TS. Trương Quốc Bảo	1
3	Ứng dụng kỹ thuật điện tử trong tự động hóa các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, thủy sản; ứng dụng công nghệ IoT.	TS. Lương Vinh Quốc Danh	2
4	Xử lý ảnh và các ứng dụng dựa trên dữ liệu quang phổ; thị giác máy tính; trí tuệ nhân tạo.	PGS. TS. Nguyễn Chánh Nghiệm	1-2
5	Nông nghiệp chính xác; Điều khiển chuyển động các hệ cơ học; Điều khiển robot	PGS. TS. Trần Trung Tính PGS. TS. Ngô Quang Hiếu	1-2
6	Ứng dụng trí thông minh nhân tạo vào xử lý ảnh Robotics và thị giác máy tính	TS. Lưu Trọng Hiếu	1-2

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS Có thể nhận
7	Đánh giá chất lượng sản phẩm nông nghiệp, thủy sản bằng phương pháp không phá hủy (quang phổ, âm thanh, ...) Tự động hóa quá trình sản xuất Ứng dụng IoT trong điều khiển và giám sát hệ thống	TS. Trần Nhật Thanh	1-2

PL 2.11. Ngành Công nghệ thực phẩm, mã số 9540101 – Lĩnh vực Sản xuất và chế biến

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS^o	Số lượng NCS có thể nhận 2024
1	Nghiên cứu khai thác các 'sản phẩm đồng hành' (co-products, phụ phẩm) của ngành chế biến rau quả, ngũ cốc	GS.TS. Hà Thanh Toàn PGS.TS. Lý Nguyễn Bình	1-2
2	Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chế biến và bảo quản nông sản thực phẩm	GS.TS. Nguyễn Văn Mười PGS. TS. Trần Thanh Trúc	1-2
3	Công nghệ sau thu hoạch rau quả	PGS.TS. Lý Nguyễn Bình	1
4	Đặc điểm dinh dưỡng, tiềm năng chống oxy hóa của các nguyên liệu đặc sản ở đồng bằng sông Cửu Long – khai thác hiệu quả trong chế biến thực phẩm	GS. TS. Nguyễn Minh Thủy	1
5	Đánh giá chất lượng và phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng từ nguồn nguyên liệu đặc sản ở tỉnh Đồng Tháp	GS. TS. Nguyễn Minh Thủy	1
6	Ứng dụng công nghệ sinh học trong chế biến và bảo quản các sản phẩm rau, quả	PGS.TS. Lý Nguyễn Bình	1
7	Nghiên cứu động học của các quá trình chế biến và bảo quản nông sản, thực phẩm	PGS.TS. Lý Nguyễn Bình	1
8	Nghiên cứu biện pháp nâng cao giá trị của protein từ nông sản và phụ phẩm của các nhà máy chế biến thực phẩm ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long	PGS.TS. Nguyễn Công Hà	1
9	Ứng dụng công nghệ sinh học trong nghiên cứu chế biến và đa dạng hóa các sản phẩm chức năng từ nông sản	PGS.TS. Nguyễn Công Hà	1

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS^(o)	Số lượng NCS có thể nhận 2024
10	Cải tiến phương pháp bảo quản giúp giảm tổn thất sau thu hoạch và chế biến đa dạng hóa các sản phẩm từ nông sản gắn liền với thực tế sản xuất	PGS.TS. Phan Thị Thanh Quế	1
11	Nghiên cứu tính chất công nghệ, dinh dưỡng của các cấu phần có trong sữa và ứng dụng nâng cao chất lượng các sản phẩm chế biến từ sữa	PGS.TS. Phan Thị Thanh Quế	1
12	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ phát triển các sản phẩm dinh dưỡng hỗ trợ sức khỏe từ nông sản ở ĐBSCL	PGS. TS Tổng Thị Ánh Ngọc TS. Nguyễn Nhật Minh Phương	1
13	Nghiên cứu các giải pháp kiểm soát vi khuẩn gây bệnh và kháng kháng sinh trên chuỗi cung ứng thực phẩm	PGS. TS Tổng Thị Ánh Ngọc TS. Phan Nguyễn Trang	1

PL 2.12. Ngành Khoa học đất, mã số 9620103 – Lĩnh vực Nông lâm nghiệp và thủy sản

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
1	Xử lý đất nhiễm dioxin bằng biện pháp sinh học	PGs. Ts. Nguyễn Khởi Nghĩa	1
2	Nhận diện các dòng vi sinh có ích trong đất phèn ĐBSCL phục vụ cho nâng cao phì nhiêu đất.	PGs. Ts. Trần Văn Dũng	1
3	Đặc điểm lý hóa học và hình thái phẫu diện đất phèn theo mối quan hệ vùng sinh thái ở ĐBSCL	PGs. Ts. Trần Văn Dũng	1
4	Nghiên cứu vi hình thái đất phục vụ phân loại và đánh giá đất ở ĐBSCL	PGs. Ts. Trần Văn Dũng	1
5	Ảnh hưởng của các kỹ thuật canh tác đến quần thể vi sinh vật đất ở ĐBSCL	PGs. Ts. Trần Văn Dũng	1
6	Sử dụng vi khuẩn tổng hợp bio-surfactant để tăng hữu hụng sinh học và khả năng phân hủy sinh học của độc chất hữu cơ trong đất	PGs. Ts. Nguyễn Khởi Nghĩa	1
7	Dùng biện pháp hóa học kết hợp vi sinh để thúc đẩy tốc độ phân hủy rom rạ tại chỗ đồng ruộng	PGs. Ts. Nguyễn Khởi Nghĩa	1
8	Vi khuẩn nội sinh và đất vùng rễ để gia tăng được tính của cây dược liệu	PGs. Ts. Nguyễn Khởi Nghĩa	1

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
9	Dùng vi khuẩn chịu mặn để gia tăng khả năng chống chịu cây trồng khi trồng trên đất nhiễm mặn	PGs. Ts. Nguyễn Khởi Nghĩa TS. Châu Thị Anh Thy	1
10	Tuyển chọn vi khuẩn <i>Rhizobium</i> sp. chịu mặn để ứng dụng trong canh tác cây họ đậu làm thức ăn cho gia súc trên vùng đất nhiễm mặn	PGs. Ts. Nguyễn Khởi Nghĩa TS. Châu Thị Anh Thy	1
11	Dùng vi khuẩn hòa tan Calci trong đất để gia tăng pH đất trong cải tạo đất bạc màu	PGs. Ts. Nguyễn Khởi Nghĩa	1
12	Xử lý đất nhiễm dioxin bằng biện pháp sinh học	PGs. Ts. Nguyễn Khởi Nghĩa	1
13	Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến tính chất đất và xây dựng mô hình canh tác thích ứng với đất bị xâm nhiễm mặn và khô hạn vùng ĐBSCL	TS. Trần Bá Linh	1
14	Đánh giá bạc màu đất và đề xuất các biện pháp hạn chế, phục hồi tài nguyên đất bạc màu ở ĐBSCL	TS. Trần Bá Linh	1
15	Các giới hạn của đất ở ĐBSCL và biện pháp bảo tồn tài nguyên đất cho sản xuất nông nghiệp bền vững	TS. Trần Bá Linh	1
16	Đánh giá khả năng thích nghi đất đai định lượng cho một số cây màu luân canh trên đất lúa và đề xuất các biện pháp tăng năng suất cây trồng.	TS. Trần Bá Linh	1
17	Khả năng giữ nước và biến động lượng nước hữu dụng phục vụ phát triển cây màu trên đất lúa	TS. Trần Bá Linh	1
18	Khả năng giữ nước và biến động lượng nước hữu dụng trên đất trồng cây ăn trái	TS. Trần Bá Linh	1
19	Quản lý độ phì nhiêu đất cho canh tác cây trồng hữu cơ	PGS. TS. Châu Minh Khôi	1
20	Quản lý và sử dụng đất bền vững cho sản xuất nông nghiệp vùng chịu ảnh hưởng bởi hạn, mặn	PGS. TS. Châu Minh Khôi	1
21	Quản lý độ phì nhiêu đất, sâu bệnh trong đất thông qua biện pháp sử dụng phân hữu cơ và phân hữu cơ vi sinh	PGS. TS. Tất Anh Thư	1
22	Điều tra cập nhật hiện trạng các vùng đất canh tác lúa và ứng dụng các giải	PGS. TS. Tất Anh Thư	1

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
	pháp công nghệ giúp cải thiện độ phì nhiêu đất và năng suất lúa		

PL 2.13. Ngành Chăn nuôi, mã số 9620105 – Lĩnh vực Nông lâm nghiệp và thủy sản

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS Có thể nhận 2024
1	Nghiên cứu các giải pháp dinh dưỡng và thức ăn bổ sung để giảm sự thải khí gây hiệu ứng nhà kính ở gia súc nhai lại.	PGS.TS. Hồ Thanh Thâm TS. Trương Thanh Trung GS.TS. Nguyễn Văn Thu	1
2	Nghiên cứu các công nghệ chăn nuôi gia súc nhai lại mới để thích ứng với hạn hán và nhiễm mặn ở ĐBSCL	PGS.TS. Hồ Thanh Thâm TS. Trương Thanh Trung GS.TS. Nguyễn Văn Thu	1
3	Nghiên cứu mức dưỡng chất và năng lượng hợp lý để nâng cao năng suất dê thịt	PGS.TS. Hồ Thanh Thâm TS. Trương Thanh Trung GS.TS. Nguyễn Văn Thu	1
4	Nghiên cứu ủ chua lá mít để cải thiện năng suất, chất lượng sữa và giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính trên dê	PGS.TS. Lâm Phước Thành	1
5	Nghiên cứu nâng cao hàm lượng các acid béo có lợi trong thịt và sữa của bò và dê	PGS.TS. Lâm Phước Thành	1
6	Ứng dụng các biện pháp sinh học trong phát triển chăn nuôi gia cầm bền vững	PGS.TS. Nguyễn Thị Thủy	1
7	Nghiên cứu các giải pháp chế biến, bảo quản và sử dụng các nguồn phụ phẩm công nông nghiệp làm nguồn thức ăn chăn nuôi bò/dê ở Đồng bằng sông Cửu Long	PGS.TS. Hồ Thanh Thâm	1
8	Nghiên cứu các biện pháp dinh dưỡng nhằm nâng cao năng suất và hạn chế sự thải khí gây hiệu ứng nhà kính trên dê	TS. Trương Thanh Trung	1
9	Nghiên cứu các biện pháp dinh dưỡng nhằm nâng cao năng suất tăng trưởng và sinh sản trên thỏ	TS. Trương Thanh Trung	1
10	Đánh giá sự thay đổi chế độ dinh dưỡng khẩu phần thức ăn trong tăng cường hệ miễn dịch và cải thiện năng suất ở gia súc gia cầm	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Khang	2
11	Nghiên cứu nhu cầu dinh dưỡng, hiệu quả sử dụng thức ăn bổ sung trong nâng cao chất lượng sản phẩm dê thịt làm thực phẩm cho người và làm thức ăn bổ sung đậm trong chăn nuôi	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Khang	1

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS Có thể nhận 2024
12	Ứng dụng các chỉ thị phân tử trong chọn lọc các dòng gia cầm có năng suất sinh trưởng và sinh sản thích ứng với biến đổi khí hậu	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Khang	2
13	Tận dụng nguồn thức ăn sẵn có ở địa phương trong xây dựng khẩu phần dinh dưỡng cải thiện năng suất sinh trưởng và sinh sản ở gia cầm	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Khang	1
14	Ứng dụng Metabolomics với stress biomarker trong cải thiện năng suất và sức đề kháng trên gia cầm	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Khang	2
15	Đánh giá hiệu quả sử dụng các chất phụ gia có nguồn gốc thảo dược trong cải thiện năng suất sinh trưởng và sức kháng bệnh trên gia cầm	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Khang	1
16	Nghiên cứu một số gene liên quan đến sự thoái hóa và tiêu hóa NSP phức hợp trong tối ưu nguyên liệu thay thế trong sản xuất thức ăn quy mô công nghiệp	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Khang	2
17	Đánh giá và bảo tồn sự đa dạng di truyền nguồn gen động vật và thực vật làm thức ăn gia súc	GS.TS. Nguyễn Trọng Ngữ PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Khang	1
18	Xác định các biomarker liên quan đến sức khỏe đường ruột cải thiện năng suất và sức khỏe ở gia súc gia cầm	GS.TS. Nguyễn Trọng Ngữ PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Khang	1
19	Sử dụng nguồn dược liệu sẵn có ở địa phương trong chăn nuôi gia cầm nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm	PGS.TS. Phạm Tấn Nhã	1
20	Nghiên cứu các giải pháp nâng cao sản lượng và chất lượng trứng của gà Tre	GS.TS. Nguyễn Trọng Ngữ	1
21	Phân lập và tuyển chọn các dòng vi khuẩn probiotics sử dụng trong chăn nuôi gia súc, gia cầm	GS.TS. Nguyễn Trọng Ngữ	1
22	Nghiên cứu sử dụng các loại cây có khả năng chịu hạn và mặn ở Đồng bằng Sông Cửu Long làm thức ăn cho gia súc.	PGS.TS. Hồ Quảng Đồ TS. Hồ Thiệu Khôi	2

PL 2.14. Ngành Khoa học cây trồng, mã số 9620110 – Lĩnh vực Nông lâm nghiệp và thủy sản

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
1	- Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật gia tăng năng suất và chất lượng sản phẩm cây trồng - Cây dược liệu	GS.TS. Lê Vĩnh Thúc	3
2	Nghiên cứu sinh lý cây trồng	GS.TS. Lê Văn Hòa	2
3	Nghiên cứu vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía đến buri da xanh Bến Tre	PGS.TS. Nguyễn Quốc Khương	2
	Nghiên cứu vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía trên vùng trồng vú sữa Phong Điền/ca cao Bến Tre		
	Nghiên cứu dinh dưỡng khoáng cho cây buri da xanh tại Bến Tre		
4	Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật gia tăng năng suất và chất lượng sản phẩm Cây rau	TS. Võ Thị Bích Thủy TS. Phan Ngọc Nhí	1
5	Công tác chọn giống lúa	TS. Huỳnh Kỳ	1

PL 2.15. Ngành Bảo vệ thực vật, mã số 9620112 – Lĩnh vực Nông lâm nghiệp và thủy sản

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận 2024
1	Sinh thái học hóa chất của các loài côn trùng nhiệt đới	PGS.TS. Lê Văn Vàng	1
2	Phòng trừ sinh học côn trùng gây hại cây ăn trái	PGS.TS. Lê Văn Vàng	1
3	Quản lý bệnh hại cây trồng bằng vi khuẩn vùng rễ	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Nga	1
4	Nghiên cứu thực khuẩn thể trong phòng trị bệnh hại vi khuẩn trên cây trồng	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Nga	1
5	Nghiên cứu biện pháp kích kháng trong phòng trừ bệnh hại quan trọng trên cây trồng	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Nga	1
6	Ứng dụng công nghệ sinh học trong quản lý tác nhân gây bệnh hại cây trồng	PGS.TS. Lê Minh Tường	1

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận 2024
7	Ứng dụng tính đối kháng thực vật (<i>Allelopathy</i>) và chất đối kháng thực vật (<i>Allelochemical</i>) trong phòng trừ sinh học cỏ dại bằng độc tố thực vật	TS. Hồ Lệ Thi	1
8	Nghiên cứu ứng dụng vi sinh vật có lợi trong quản lý tổng hợp cỏ dại	TS. Hồ Lệ Thi	1
9	Lúa cỏ - Sự đa dạng di truyền và biện pháp quản lý	TS. Hồ Lệ Thi	1
10	Nghiên cứu đa dạng di truyền và tính kháng thuốc của cỏ dại	TS. Hồ Lệ Thi	1
10	Nghiên cứu biện pháp sinh học trong phòng trừ bệnh hại trên cây trồng	TS. Lê Thanh Toàn	1
11	Nghiên cứu các vật liệu sinh học trong quản lý côn trùng gây hại cây trồng	TS. Trịnh Thị Xuân	1
12	Nghiên cứu, sản xuất và ứng dụng chế phẩm sinh học trong quản lý côn trùng gây hại cây trồng	TS. Trịnh Thị Xuân	1
13	Nghiên cứu biện pháp sinh học quản lý bệnh thán thư do nấm <i>Colletotrichum</i> spp. trên cây sầu riêng	TS. Trần Thị Mỹ Hạnh PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Nga	1
14	Phòng trị bệnh hại cây trồng bằng biện pháp sinh học sử dụng vi sinh vật đối kháng	PGS.TS. Nguyễn Đắc Khoa	1
15	Phòng trị bệnh hại cây trồng bằng biện pháp sinh học sử dụng các tác nhân kích thích tính kháng bệnh lưu dẫn trong cây (hóa chất, vi sinh vật hoặc dịch trích thực vật)	PGS.TS. Nguyễn Đắc Khoa	1
16	Xác định mầm bệnh và tuyển chọn biện pháp sinh học để phòng trị bệnh	PGS.TS. Nguyễn Đắc Khoa	1
17	Khảo sát biến động quần thể vi sinh vật gây bệnh để triển khai hiệu quả giống cây trồng kháng bệnh	PGS.TS. Nguyễn Đắc Khoa	1

PL 2.16. Ngành Kinh tế nông nghiệp, mã số 9620115 – Lĩnh vực Nông lâm nghiệp và thủy sản

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
1	Sự vận hành của các thị trường nông sản	PGS.TS. Phạm Lê Thông, PGS.TS. Huỳnh Trường Huy, PGS.TS. Khổng Tiến Dũng	2
2	Phân tích sinh kế nông hộ	PGS.TS. Phạm Lê Thông PGS.TS. Huỳnh Trường Huy PGS.TS. Lê Tấn Nghiêm	2
3	Lao động, việc làm và di cư nông thôn	PGS.TS. Phạm Lê Thông, PGS.TS. Huỳnh Trường Huy PGS.TS. Nguyễn Hữu Đăng PGS.TS. Lê Tấn Nghiêm	2
4	Đánh giá các mô hình sản xuất của nông hộ	PGS.TS. Mai Văn Nam PGS.TS. Nguyễn Tuấn Kiệt PGS.TS. Nguyễn Hữu Đăng PGS.TS. Huỳnh Việt Khải PGS.TS. Khổng Tiến Dũng	3
5	Vấn đề tài nguyên môi trường trong phát triển nông nghiệp và nông thôn	PGS.TS. Võ Thành Danh PGS.TS. Khổng Tiến Dũng PGS.TS. Mai Văn Nam PGS.TS. Huỳnh Việt Khải TS. Ngô Thị Thanh Trúc	2
6	Sự vận hành của thị trường tài chính nông thôn	PGS.TS. Lê Khương Ninh PGS.TS. Trương Đông Lộc	2
7	Các vấn đề về thể chế, chính sách, dự án trong phát triển nông nghiệp và nông thôn.	PGS.TS. Lê Khương Ninh PGS.TS. Võ Thành Danh PGS.TS. Mai Văn Nam PGS.TS. Huỳnh Việt Khải	2
8	Phân tích chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng nông sản	PGS.TS. Huỳnh Trường Huy TS. Nguyễn Quốc Nghi	2
9	Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp	PGS.TS. Phạm Lê Thông PGS.TS. Huỳnh Trường Huy PGS.TS. Khổng Tiến Dũng	2
10	Rủi ro trong sản xuất và kinh doanh nông nghiệp	PGS.TS. Phạm Lê Thông PGS.TS. Huỳnh Việt Khải PGS.TS. Khổng Tiến Dũng.	2
11	Nghiên cứu phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn	PGS.TS. Phạm Lê Thông PGS.TS. Nguyễn Phú Sơn PGS.TS. Khổng Tiến Dũng	2
12	Phân tích cầu đối với nông sản	PGS.TS. Lê Khương Ninh	2

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
		PGS.TS. Phạm Lê Thông PGS.TS. Khổng Tiên Dũng	

PL 2.17. Ngành Phát triển nông thôn, mã số 9620116 – Lĩnh vực Nông lâm nghiệp và thủy sản

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
1	Kinh tế và quản lý tài nguyên và môi trường	PGs.Ts. Mai Văn Nam	2
		PGs.Ts. Lê Cảnh Dũng	
		PGs.Ts. Võ Thành Danh	
		Gs.Ts. Võ Quang Minh	
		PGs.Ts. Nguyễn Hiếu Trung	
2	Kinh tế sản xuất nông nghiệp	PGs.Ts. Lê Cảnh Dũng	3
		PGs.Ts. Võ Thành Danh	
		PGs.Ts. Mai Văn Nam	
		Ts. Võ Hồng Tú	
		Ts. Nguyễn Thùy Trang	
3	Tổ chức và định chế trong nông nghiệp, nông thôn	Ts. Trần Quốc Nhân	1
		PGS. TS. Nguyễn Thanh Bình	
4	Chuỗi cung ứng/chuỗi giá trị nông sản	Ts. Nguyễn Thùy Trang	1
		PGS. TS. Võ Hồng Tú	
6	Hệ thống nông nghiệp bền vững, nông nghiệp tuần hoàn và sinh thái môi trường	Pgs.Ts. Huỳnh Quang Tín	3
		Ts. Vũ Anh Pháp	
		Ts. Nguyễn Hồng Tín	
		Ts. Nguyễn Thành Tâm	
		PGs.Ts. Nguyễn Duy Cần	
8	Sinh kế và phát triển cộng đồng nông thôn	PGs.Ts. Nguyễn Duy Cần	1
		PGs.Ts. Huỳnh Quang Tín	
		Ts. Nguyễn Thanh Bình	
9	Kinh tế hợp tác và liên kết sản xuất – tiêu thụ nông sản	PGs.Ts. Lê Cảnh Dũng	1
		Ts. Trần Quốc Nhân	
		PGS. TS. Võ Hồng Tú	
10	Chính sách nông nghiệp, nông thôn và liên kết vùng	PGs.Ts. Lê Cảnh Dũng	1
11	Quản trị tài nguyên và môi trường	PGS.Ts. Nguyễn Thanh Bình	1
		PGS.Ts. Văn Phạm Đăng Trí	

PL 2.18. Ngành Nuôi trồng thủy sản, mã số 9620301 – Lĩnh vực Nông lâm nghiệp và thủy sản

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
1	Nghiên cứu giải pháp tối ưu hoá một số yếu tố môi trường (nhiệt độ và oxy) để phát triển kỹ thuật ương và nuôi siêu thâm canh một số loài cá (lươn, cá tra)	GS. TS. Nguyễn Thanh Phương GS. TS. Đỗ Thị Thanh Hương	1
2	Nghiên cứu giải pháp tối ưu hoá một số yếu tố môi trường (nhiệt độ và oxy) để phát triển kỹ thuật ương và nuôi siêu thâm canh một số loài tôm nước lợ (tôm sú, thẻ,...)	GS. TS. Nguyễn Thanh Phương PGS. TS. Võ Nam Sơn	1
3	Đánh giá một số đặc điểm sinh lý, miễn dịch, kháng bệnh và ương giống dòng tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) chịu mặn	GS. TS. Nguyễn Thanh Phương GS. TS. Đỗ Thị Thanh Hương TS. Bùi Thị Bích Hằng	1
4	Nghiên cứu ảnh hưởng của pH thấp (nước phèn), độ mặn và hàm lượng oxy hòa tan thấp đến một số đặc điểm sinh lý và tăng trưởng của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) và lươn đồng (<i>Monopterus albus</i>)	GS. TS. Đỗ Thị Thanh Hương PGS. TS. Huỳnh Trường Giang	1
5	Nghiên cứu môi trường, quản lý chất lượng nước trong hệ thống nuôi thủy sản (tôm biển + cá tra)	PGS. TS. Huỳnh Trường Giang GS. TS. Trương Quốc Phú	1
6	Nghiên cứu prebiotics, probiotics và synbiotics ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản	PGS. Huỳnh Trường Giang, PGS. Phạm Thị Tuyết Ngân, GS. TS. Vũ Ngọc Út	1
7	Nghiên cứu đặc điểm sinh học sinh sản và nuôi sinh khối cua ký cư (óc mượn hồn), <i>Clibanarius longitarsus</i>	GS. TS. Vũ Ngọc Út TS. Huỳnh Thanh Tới	1
8	Nghiên cứu kỹ thuật nuôi tôm biển công nghệ cao theo hướng bảo vệ môi trường ở đồng bằng sông Cửu Long	GS.TS. Trần Ngọc Hải, PGS TS Lê Quốc Việt, PGS.TS. Châu Tài Tảo,	1
9	Nghiên cứu phát triển kỹ thuật sản xuất giống các loài thủy sản bản địa	GS.TS. Trần Ngọc Hải, PGS TS Lê Quốc Việt, PGS.TS. Châu Tài Tảo PGS. TS. Lý Văn Khánh	1

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
10	Nghiên cứu thuần dưỡng và sản xuất giống một số loài cá bản địa quý hiếm ở ĐBSCL	PGS. TS. Phạm Thanh Liêm	1
11	Nghiên cứu sử dụng thảo dược trong quản lý sức khỏe động vật thủy sản	PGS.TS. Trần Thị Tuyết Hoa	1
12	Nghiên cứu sử dụng probiotic trong kiểm soát dịch bệnh cá tra	PGS.TS. Bùi Thị Bích Hằng	1
13	Chọn giống cá trê vàng chịu mặn	PGS.TS. Dương Thúy Yên GS. TS. Đỗ Thị Thanh Hương	1
14	Nghiên cứu tái tạo tuần hoàn dinh dưỡng từ chất thải của hoạt động nuôi trồng thủy sản	PGS.TS. Huỳnh Thanh Tới GS.TS Vũ Ngọc Út TS. Trần Lê Cẩm Tú	1
15	Nghiên cứu đặc điểm sinh học, phân bố, bảo tồn và phát triển một số loài cá kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long	PGS.TS. Võ Thành Toàn PGS.TS. Trần Đắc Định TS. Trần Văn Việt	1-2

PL 2.19. Ngành Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi, mã số 9640102 – Lĩnh vực Thú y

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận 2024
1	Nghiên cứu về đặc tính gây bệnh của chủng vi khuẩn <i>Salmonella</i> , <i>E. coli</i> phổ biến trên vật nuôi ở ĐBSCL	PGS.TS. Lý Thị Liên Khai TS. Nguyễn Khánh Thuận	1
2	Nghiên cứu về sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn <i>Salmonella</i> , <i>E. coli</i> trên gia cầm ở ĐBSCL	PGS.TS. Lý Thị Liên Khai TS. Nguyễn Khánh Thuận	1
3	Nghiên cứu bệnh ký sinh trùng đường máu trên gia súc/gia cầm và biện pháp phòng trừ	Ts. Nguyễn Hồ Bảo Trân PGS. TS. Nguyễn Hữu Hưng	1
4	Nghiên cứu bệnh sản khoa trên bò và biện pháp điều trị	TS. Nguyễn Phúc Khánh	1
5	Nghiên cứu bệnh trên động vật do virus gây ra	TS. Nguyễn Phúc Khánh	1
6	Nghiên cứu về bệnh truyền nhiễm ở người và động vật	TS. Nguyễn Thanh Lâm	1

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận 2024
7	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ, di truyền và kiểm soát bệnh truyền nhiễm trên động vật tại Đồng bằng sông Cửu Long	TS. Nguyễn Thanh Lâm	1
8	Nghiên cứu sự lưu hành, độc lực, đề kháng kháng sinh, và đa dạng di truyền của vi khuẩn gây bệnh trên các loài vật nuôi	TS. Nguyễn Khánh Thuận	1
9	Nghiên cứu sự lưu hành, độc lực, nguồn gốc của các chủng vi khuẩn gây bệnh truyền lây giữa động vật hoang dã và con người	TS. Nguyễn Khánh Thuận	1
10	Nghiên cứu dịch tễ, đặc điểm gây bệnh, di truyền của virus, vi khuẩn gây bệnh đường hô hấp trên động vật	TS. Nguyễn Khánh Thuận	1
11	Nghiên cứu mối tương tác giữa ký sinh trùng và ký chủ đối với những bệnh có sự truyền lây sang người	TS. Nguyễn Hồ Bảo Trân	1
12	Nghiên cứu thử nghiệm các loại thảo dược trong điều trị bệnh ký sinh trùng trên gia súc và gia cầm in vitro và in vivo.	TS. Nguyễn Hồ Bảo Trân	1
13	Nghiên cứu bệnh ký sinh trùng đường máu trên chó/mèo tại Đồng bằng sông Cửu Long	TS. Trần Thị Thảo	1
14	Nghiên cứu bệnh trên thú cảnh	TS. Trần Thị Thảo	1
15	Nghiên cứu bệnh trên vi khuẩn và đề kháng kháng sinh của vi khuẩn ở động vật nuôi	TS. Châu Thị Huyền Trang	1

PL 2.20. Ngành Quản lý đất đai, mã số 9850103 – Lĩnh vực Môi trường và bảo vệ môi trường

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, CDKH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
1	Thể chế - Chính sách, quản lý nhà nước về công tác quản lý đất đai	PGS. TS. Phan Trung Hiền PGS. TS. Phạm Thanh Vũ	2
2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong khai thác, giám sát, quản lý tài nguyên đất đai	GS. TS. Võ Quang Minh PGS. TS. Võ Quốc Tuấn PGS. TS. Nguyễn T. Hồng Điệp PGS. TS. Nguyễn Hiếu Trung PGS. TS. Văn Phạm Đăng Trí GS. TS. Nguyễn Kim Lợi PGS. TS. Trương Chí Quang TS. Phan Kiều Diễm	2

3	Ứng dụng công nghệ trong mô phỏng, dự báo dự đoán thảm họa thiên tai	GS. TS. Võ Quang Minh PGS. TS. Nguyễn Thị Hồng Điệp TS. Phan Kiều Diễm	2
4	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển bền vững	GS.TS. Nguyễn Kim Lợi PGS. TS. Trương Chí Quang TS. Lê Cảnh Định PGS. TS. Võ Quốc Tuấn PGS. TS. Phạm Thanh Vũ	2
5	Đánh giá và quy hoạch chiến lược sử dụng bền vững tài nguyên đất đai	PGS. TS. Nguyễn Hiếu Trung PGS. TS. Phạm Thanh Vũ PGS. TS. Trương Chí Quang	2
6	Quản lý đất đai trong điều kiện biến đổi khí hậu	PGS. TS. Nguyễn Hiếu Trung PGS. TS. Phạm Thanh Vũ	2
7	Nghiên cứu thị trường đất đai	PGS. TS. Mai Văn Nam PGS. TS. Trương Đông Lộc TS. Châu Hoàng Thân	1
8	Quy hoạch vùng và phát triển đô thị bền vững	PGS. TS. Phạm Thanh Vũ TS. Lê Ngọc Thạch PGS. TS. Nguyễn Hiếu Trung PGS. TS. Trương Chí Quang	1
9	Quy hoạch, quản lý tổng hợp nguồn tài nguyên đất đai bền vững Sử dụng bền vững tài nguyên đất, tiềm năng đất đai và phát triển hệ thống sản xuất nông nghiệp bền vững. Nghiên cứu phát triển tài nguyên tuần hoàn.	GS. TS. Võ Quang Minh PGS. TS. Phạm Thanh Vũ PGS. TS. Nguyễn Hữu Ngữ	2

PL 2.21. Ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn, chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán, mã số: 9140111 – Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS (thỏa Điều 5, TT18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021)	Số lượng NCS có thể nhận
1	Các mô hình và phương pháp phát triển chuyên môn cho giáo viên toán	PGS. TS. Dương Hữu Tông TS. Lê Viết Minh Triết	2
2	Các mô hình và phương pháp dạy học toán nhằm phát triển năng lực toán học cho học sinh, sinh viên	GS. TS. Nguyễn Phú Lộc PGS. TS. Bùi Phương Uyên PGS. TS. Dương Hữu Tông TS. GVC. Bùi Anh Kiệt	8
3	Kiểm tra và đánh giá trong Giáo dục toán học	GS. TS. Nguyễn Phú Lộc TS. GVC. Bùi Anh Kiệt PGS. TS. Bùi Phương Uyên	2
4	Ứng dụng công nghệ thông tin, Khai thác và sử dụng công nghệ trong dạy học và giáo dục học sinh, sinh viên	GS. TS. Nguyễn Phú Lộc TS. Lê Viết Minh Triết TS. Nguyễn Thanh Hùng	4
5	Lồng ghép trò chơi vào bài giảng (Gamification) và Học tập dựa trên trò chơi (game-based learning)	PGS. TS. Dương Hữu Tông PGS. TS. Bùi Phương Uyên	2
6	Phương pháp dạy học toán tại các trường Cao đẳng, Đại học	GS. TS. Nguyễn Phú Lộc PGS. TS. Bùi Phương Uyên PGS. TS. Dương Hữu Tông TS. GVC. Bùi Anh Kiệt PGS. TS. Nguyễn Trung Kiên TS. Nguyễn Thanh Hùng	6

PHỤ LỤC 3: Danh mục chi tiết phòng thí nghiệm, thực hành, phòng máy tính

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
1	Phòng thí nghiệm Hóa sinh, Bộ môn Hóa học, Khoa Khoa học tự nhiên	96,00	1	Bể điều nhiệt, Bể điều nhiệt lạnh, Bể làm lạnh tuần hoàn, Bể rửa siêu âm, Bể siêu âm để bàn, Bếp cách thủy, Bình đo áp suất phản ứng PARR, Bộ cô quay, Bộ chiết béo Soxhlet, Bộ kiểm soát chân không, Bơm chân không, Buồng làm lạnh cho hệ thống sinh hàn, Buồng soi UV, Cân điện tử, Cân phân tích, Cột phân tích mao quản, Đèn soi UV 2 bước sóng để bàn, Hệ cô quay chân không ống đứng, Hệ thống bơm chân không, Hệ thống chung cất dung môi, Hệ thống tổng hợp nhiệt độ thấp, Lò nung chương trình nhiệt độ, Lò nung dạng ống, Máy cô quay, Máy điều hòa nhiệt độ, Máy đo điểm nóng chảy, Máy đo độ dẫn, Máy đo độ dẫn điện, Máy đo pH để bàn, Máy đọc khay vi thể, Máy đồng hóa bằng siêu âm, Máy đông khô, Máy đông khô chân không, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy lắc tròn, Máy li tâm, Máy nghiền mẫu, Máy quang phổ UV-VIS, Máy tạo Nitơ, Máy vi tính, Nhớt kế, Phân cực kế, Sắc ký khí GC-FID, Sắc ký khí GC-MS, Tủ hút khí độc, Tủ sấy, Tủ tránh Ẩm, Thiết bị đo điểm nóng chảy với kính hiển vi, Thiết bị đo nhiệt độ nóng chảy
2	Phòng thực hành Hoá phân tích, Bộ môn Hóa học, Khoa Khoa học tự nhiên	128,00	2	Bể điều nhiệt, Bếp cách cát, Bộ công phá mẫu, Bộ máy ly tâm, Bộ phận thoát khí, Cân phân tích, Hệ điện phân có điện cực lưới kép, Lò nung, Máy chưng cất đạm, Máy đo độ dẫn điện, Máy đo pH để bàn, Máy đo pH tích hợp với điện cực (pH,ORP,ISE), Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy lắc ngang, Máy ly tâm, Roto góc cho máy ly tâm, Tủ Ẩm làm BOD, Tủ hút khí độc, Tủ sấy, Thiết bị đo BOD, Thiết bị phá mẫu COD, Thiết bị thu mẫu khí Desaga
3	Phòng thực hành Hóa lý, Bộ môn Hóa học, Khoa Khoa học tự nhiên	128,00	2	Bể điều nhiệt, Bể điều nhiệt có điều chỉnh nhiệt độ, Bể điều nhiệt nóng, lạnh, Bể rửa siêu âm, Bếp cách thủy, Bộ lọc chân không, Bơm chân không, Hệ thống cô quay chân không, Hệ thống lọc chân không, Máy đo độ dẫn điện, Máy lắc, Máy lắc ngang, Máy quang phổ hồng ngoại, Tủ đông sâu -40°C, Tủ hút khí độc, Tủ sấy, Tủ sấy loại đối lưu tự nhiên
4	Phòng thực hành Hoá hữu cơ, Bộ môn Hóa học, Khoa Khoa học tự nhiên	128,00	2	Bếp đun bình cầu, Bộ trích soxhlet, Cân 2 số lẻ, Đèn soi UV, Đèn soi UV và buồng soi, Máy cô quay chân không, Máy đo nhiệt độ nóng chảy, Tủ lạnh, Tủ sấy,...
5	Phòng thực hành Hóa vô cơ, Bộ môn Hóa học, Khoa Khoa học tự nhiên	192,00	2	Bể điều nhiệt, Bơm chân không, Cân điện tử, Cân phân tích điện tử, Hệ thống lọc siêu sạch, Kính hiển vi, Lò nung, Máy cất nước, Máy đo pH để bàn, Máy khuấy mô-tơ, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy lắc, Máy

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
				ly tâm, Máy xay hạt, Nồi hấp tiệt trùng 50 lít, Tủ cấy vi sinh đơn, Tủ hút khí độc tự chế, Tủ sấy, Tủ sấy loại đối lưu tự nhiên
6	Phòng thực hành Hóa đại cương, Bộ môn Hóa học, Khoa Khoa học tự nhiên	256,00	4	Bơm chân không, Cân 2 số lẻ, Máy điều nhiệt, Máy điều nhiệt nóng, Máy khuấy từ phoenix, Tủ hút, Tủ lạnh,...
7	Phòng thí nghiệm Hóa dược và Hóa dược tiên tiến, Bộ môn Hóa học, Khoa Khoa học tự nhiên	217,07	2	Bơm chân không, Buồng tạo độ ẩm, Cân, Đèn UV cầm tay, Đồng hồ đo điện trở, Kính hiển vi có máy ảnh, Máy cô ly tâm chân không, Máy cô quay, máy làm mát bơm chân không, Máy đo pH, Máy đọc độ hấp thụ bước sóng liên tục, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy lắc, Máy ly tâm lạnh, Máy quang phổ định lượng vi khuẩn, Máy quang phổ tử ngoại khả kiến, Tủ đông -20°C, Tủ hút, Tủ lạnh, Tủ sấy
8	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật phân tích, Bộ môn Hóa học, Khoa Khoa học tự nhiên	105,93	2	Cân, Dụng cụ thủy tinh, Hệ thống điện di dọc cho protein, Hệ thống điện di ngang và bộ nguồn cho DNA, Máy đo pH, Máy lắc, Máy quang phổ tử ngoại khả kiến,...
9	Phòng thí nghiệm Thử nghiệm sinh học, Bộ môn Hóa học, Khoa Khoa học tự nhiên	145,00	1	Bể rửa siêu âm, Bình chứa Nitơ lỏng, Đèn UV, Máy cô quay, Máy làm mát bơm chân không, Máy đếm tế bào tự động, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy lắc, Máy phun thuốc khử trùng phòng mổ, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ an toàn sinh học, Tủ âm, Tủ âm CO ₂ , Tủ âm lắc, Tủ đông -86°C, Tủ hút
10	Phòng thí nghiệm Hóa phân tích và Kiểm nghiệm thuốc, Bộ môn Hóa học, Khoa Khoa học tự nhiên	224,00	2	Tủ đông sâu -40°C, Máy điều hòa nhiệt độ, Cân phân tích, Bể điều nhiệt, Hệ thống tổng hợp nhiệt độ thấp, Máy quang phổ UV-VIS, Máy quang phổ hồng ngoại, Bộ phân xạ đơn, Máy vi tính, Phân cực kế, Hệ thống sắc ký khí GC, Hệ thống sắc ký khí GC-MS, Máy ly tâm, Máy đo pH, Máy đồng hóa bằng siêu âm, Nhớt kế, Thiết bị đo điểm nóng chảy với kính hiển vi, Máy đo độ dẫn, Buồng đèn UV, Bơm chân không, Bộ kiểm soát chân không, Hệ thống lọc chân không, Hệ cô quay chân không, Máy tạo Nitơ, Máy sinh khí Hydro, Tủ hút khí độc, Tủ tránh ẩm, Buồng làm lạnh cho hệ thống sinh hàn, bể làm lạnh tuần hoàn, Máy đông khô, Bình đo áp suất phản ứng, hệ thống chưng cất dung môi, Thiết bị tổng hợp áp suất cao, Tủ sấy, Máy khuấy từ, Máy đọc khay vi thể, Bộ chiết béo
11	Phòng thực hành máy tính Toán ứng dụng, Bộ môn	160,00	2	Máy chiếu, Máy điều hòa nhiệt độ, 91 bộ máy tính để bàn

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
	Toán học, Khoa Khoa học tự nhiên			
12	Phòng thực hành Cơ nhiệt, Bộ môn Vật lý, Khoa Khoa học tự nhiên	196,00	2	Các Bài thí nghiệm: Nhiệt dung riêng, Nhiệt hóa hơi, Nhiệt nóng chảy, Sóng dừng trên dây, Sức căng mặt ngoài, Va chạm và xe va chạm, Phương trình trạng thái khí; Bộ phóng PASCOS, Bộ định thời công quang, Bộ giao diện kết nối Pasco, Các bộ dao động điều hòa, Cảm biến chuyển động, Cảm biến gia tốc, Cảm biến lực, Cân điện tử, Cân đòn, Cân phân tích, Con lắc nghiêng, Cơ cấu lực ly tâm PASCOS, Máy đếm thời gian, Máy đo áp suất hiện số, Máy đo tỷ số nhiệt dung riêng, Máy đo tỷ trọng hiện số, Máy tạo hơi PASCOS, Máy tính để bàn, Photogate và máy đo thời gian, Science Workshop 500 Interface, Tủ lạnh
13	Phòng thực hành Điện quang, Bộ môn Vật lý, Khoa Khoa học tự nhiên	176,00	2	Analog Oscilloscope, Bộ đo các chỉ tiêu môi trường cơ bản, Bộ đo nhiệt dung riêng, Bộ thí nghiệm hiện tượng quang điện, Bộ thu năng lượng mặt trời Phywe, Bộ xe va chạm, Các bài thí nghiệm: Định luật Brewster, Đo hằng số Plank, Hấp thụ ánh sáng, Mạch RLC, Mặt đẳng thế, Nhiễu xạ, Cảm biến âm thanh, Cảm biến điện thế, Cảm biến gia tốc, Cảm biến nhiệt độ, Diode Laser - Red Passco, Dissolved Oxygen Sensor, Đường cong đặc trưng của chất bán dẫn Phywe, Đường cong đặc trưng của pin mặt trời Phywe, Giác kế, Hằng số điện môi của vật chất Phywe, Hiệu ứng Zeeman với một hệ thống từ tính biến đổi và camera, Kính hiển vi sinh học, Khe nhiễu xạ, Laser Khí Renode, Luật/hình ảnh của Coulomb Phywe, Máy đo độ nhớt, Máy nghiệm tần số, Máy phát tần số, Máy Quang phổ cầm tay, Mô hình mắt, Mô men từ trường Phywe, Nhớt kế Rion, Sắt từ Phywe, Science Workshop 500 Interface, Science Workshop 750 Interface, Sensor ánh sáng, Sự khuếch tán tại khe và nguyên lý không chắc chắn của Heisenberg Phywe, Trọng lực kế Anton
14	Phòng thí nghiệm Vật lý ứng dụng, Bộ môn Vật lý, Khoa Khoa học tự nhiên	352,00	5	Bể ôn nhiệt, Bể rửa siêu âm, Bình khí oxy 47 lít có van đk, Bộ giao diện vạn năng, Bộ thu năng lượng mặt trời Phywe, Cân phân tích, Định luật Coulomb Phywe, Đường cong đặc trưng của chất bán dẫn Phywe, Đường cong đặc trưng của Pin mặt trời Phywe, Hằng số điện môi của vật chất Phywe, Hệ thống xử lý đèn Neon Sign cho PTN, Lò nung chuyên dụng, Lò nung ống nằm ngang, Máy bốc bay catốt, Máy bơm hút chân không, Máy cất nước 2 lần, Máy điều hòa nhiệt độ, Máy đo pH, Máy đo vạn năng, Máy hiện sóng, Máy khắc Laser, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy khử nước ion, Máy ly tâm, Máy

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
				phay CNC, Máy phân tích vi sóng CEM, Máy quang phổ huỳnh quang, Máy quang phổ UV-Vis, Máy quay ly tâm, Máy tính để bàn, Mô men từ trường Phywe, Sắt từ Phywe, Tủ hút khí độc phòng thí nghiệm, Tủ sấy, Thiết bị phân tích nhiễu xạ tia X (XRD), Thiết bị quay phủ, Thiết bị rung siêu âm
15	Phòng thí nghiệm Mô phỏng phân tử và Vật liệu, Bộ môn Vật lý, Khoa Khoa học tự nhiên	144,78	1	02 máy chủ, 15 bộ máy tính, Thiết bị chuyển mạch,...
16	Phòng thí nghiệm Vật lý điện tử, Bộ môn Vật lý, Khoa Khoa học tự nhiên	224,00	4	Bộ thí nghiệm đo tỷ số E/M, Hệ quang phổ kế giáo dục, Hệ giao thoa kế trọn bộ, Đồng hồ đa năng, Bộ thu năng lượng mặt trời, Lưu lượng kế, Đèn halogen, bộ trao đổi nhiệt, Máy hiện sóng, Interface Science Pasco, hằng số điện môi của vật chất, Máy đo đa năng, đường cong đặc trưng của chất bán dẫn, Đường cong đặc trưng của pin mặt trời, Luật/hình ảnh của Coulomb, Sắt từ, Máy tính xách tay, Mômen từ trường, Máy vi tính
17	Phòng thực hành Động vật - Thực vật, Bộ môn Sinh học, Khoa Khoa học tự nhiên	224,00	5	Bể điều nhiệt, Bể điều nhiệt tuần hoàn lạnh, Bộ điều khiển chân không, Bơm chân không cho máy cô quay, Hệ thống đèn chiếu đếm tạo hiển vi, 32 kính hiển vi các loại, Máy cắt vi mẫu, Máy cô quay chân không, Máy đếm khuẩn lạc, Máy nghiền tế bào siêu âm, Sắc ký cột, Tivi, Tủ cấy vi sinh thổi đứng
18	Phòng thực hành Sinh học đại cương, Bộ môn Sinh học, Khoa Khoa học tự nhiên	238,00	4	41 kính hiển vi các loại, Tivi,...
19	Phòng thí nghiệm Thực vật dược và Thử nghiệm hoạt tính sinh học, Bộ môn Sinh học, Khoa Khoa học tự nhiên	96,00	1	Tủ lạnh, Máy đo pH để bàn, Bếp cách thủy, Nồi hấp tiệt trùng loại đứng, Tủ âm, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy lắc tròn, Tủ bảo quản máy móc thiết bị, Tủ cấy vi sinh dòng khí thổi đứng
20	Phòng thí nghiệm Sinh học tế bào và Phân tử, Bộ môn Sinh học, Khoa Khoa học tự nhiên	112,00	2	Bếp cách thủy, Bộ bình chứa có đầu Dispenser, Micro Pipette, Bộ phân tích đạm bán tự động, Camera KTS, Cân điện tử, Cân phân tích, Hệ thống cất nước, Hệ thống đo COD trong nước, Hệ thống đo hàm lượng BOD, 07 kính hiển vi các loại, Máy cô quay, Máy điện di DNA, Máy điều hòa nhiệt độ, Máy đo pH để bàn, Máy đo pH/mV/nhiệt độ, Máy

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
				đo tỷ trọng, Máy đọc Gel, Máy khuấy từ, Máy lắc, Máy luân nhiệt, Máy ly tâm, Máy quang phổ UV-VIS, Máy trộn có gia nhiệt, Nồi hấp tiệt trùng, Rotor máy ly tâm, Tủ âm, Tủ bảo quản máy móc thiết bị, Tủ cấy an toàn sinh học, Tủ hút, Tủ lạnh sâu, Tủ máy luân nhiệt, Tủ sấy, Thiết bị điều khiển quá trình điện di
21	Phòng thí nghiệm Hóa kỹ thuật môi trường và Hóa kỹ thuật môi trường tiên tiến, Bộ môn Kỹ thuật môi trường, Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên	266,76	4	Bộ thu thập dữ liệu mực nước, Bơm con lăn, Bơm chân không, Camera, Cân điện tử, Cân phân tích, Hệ thống lọc nước tinh khiết, Hệ thống trích ly, Lò nung, Lọc chân không, Máy ảnh, Máy bình chuẩn, Máy cát nước 1 lần, Máy chuẩn độ, Máy điện di trên gel, Máy đo: Ánh sáng, Bụi, DO, Đa chỉ tiêu, Độ ẩm hạt, Độ đục, Độ ồn, Đo EC, TDS, độ mặn, Khí độc, Lưu tốc dòng chảy, Nhiệt độ, Vận tốc gió, pH, COD, Máy đọc gel, Máy khuấy từ, Máy lấy mẫu bụi, Máy lấy mẫu khí, Máy luân nhiệt, Máy ly tâm, Máy phân tích khí đốt, Máy quang phổ tử ngoại khả kiến, Máy quang phổ UV/VIS, Máy thu mẫu bụi, Máy trộn, Mô hình xử lý bụi, mùi không khí, Nhiệt kế hồng ngoại, Tủ âm, Tủ đông, Tủ hút khí độc, Tủ lạnh, Tủ sấy, Thiết bị chung cất đạm, Thiết bị đo chất lượng nước, Thiết bị đo lưu lượng khí, Thiết bị đo và thu thập dữ liệu, Thiết bị lấy mẫu nước
22	Phòng thí nghiệm Sinh học môi trường và Sinh học môi trường tiên tiến, Bộ môn Khoa học môi trường, Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên	346,48	5	Autoclave đứng, Bếp cách thủy, Bộ bao gói mẫu cho máy phân tích nguyên tố, Bộ cột phân tích CHONS và CHN, Bộ lọc vi sinh chân không, Bộ Oxitop WTW, Bộ thử tổng Coliform & E. Coli, Bộ xác định Biogas, Bộ xác định dưỡng khí đất, Buồng cấy vô trùng, Buồng đếm, Buồng đếm động vật phù du, Buồng môi trường, Cân điện tử, Cây khoan đất, Đèn UV, Hệ thống Real-Time PCR, 25 kính hiển vi các loại, Máy bơm chân không, Máy đếm khuẩn lạc, Máy khử trùng, Máy khuấy từ, Máy lắc ngang, Máy lạnh, Máy ly tâm, Máy nước cất hai lần, Máy quang phổ UV/VIS, Máy trộn, Máy vi tính, Máy trộn, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ âm CO ₂ , Tủ âm lắc, Tủ cấy, Tủ đông, Tủ hút khí độc, Tủ lạnh, Tủ sấy, Tủ ủ
23	Phòng thí nghiệm Nước, Nước thải và Nước, Nước thải tiên tiến, Bộ môn Kỹ thuật môi trường, Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên	291,45	4	Bộ điều chỉnh nhiệt độ làm lạnh BOD, Bộ khuấy jar test, Bộ lọc chân không, Các bộ thí nghiệm: Đo chỉ số lọc, Đo độ sa lắng, Đo độ thấm, Lên men hiếu khí, Lên men kỵ khí, Trao đổi ion, Bơm con lăn, Bơm chân không, Cân điện tử, Cân phân tích, Hệ thống lọc chân không, Kính hiển vi, Lò nung, Máy cất nước, Máy định vị, Các máy đo: COD và đa chỉ tiêu nước, Đo DO, Đo độ ẩm và nhiệt độ, Đo độ dẫn

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
				điện, Đo độ dẫn điện/TDS, Đo độ đục, Đo EC, Đo Ion, Đo lưu lượng bằng sóng siêu âm, Đo nhanh Fe, Đo Oxy, Đo pH, EC, Đo vận tốc nước, Máy gia nhiệt phá mẫu, Máy khoan đất, Máy khuấy từ, Máy lọc nước, Máy lọc thiết bị chung cất đạm, Máy ly tâm lạnh, Máy nén khí, Các máy phân tích: Âm, Hàm lượng dầu, Khí thải, Máy quang phổ (Spectrophotometer), Máy quang phổ UV/VIS, Máy thổi khí, Máy trộn, Micropipette, Các mô hình thí nghiệm: Bể bùn hoạt tính, Bể lắng, Bể tuyển nổi, Bể USBF, Nhiệt kế hồng ngoại, Tủ ẩm, Tủ điều nhiệt, Tủ hút khí độc, Tủ sấy, Tủ trữ mẫu, Tủ ủ BOD, Thiết bị chung cất đạm, Thiết bị đo chất lượng nước, Thiết bị đo lưu lượng, Thiết bị đo Turbidi trong phòng thí nghiệm, Thiết bị thí nghiệm Jar
24	Phòng thí nghiệm Xử lý chất thải rắn và Xử lý chất thải rắn tiên tiến, Bộ môn Kỹ thuật môi trường, Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên	163,93	3	Biogas Pro, Bộ thu thập dữ liệu mực nước, Hệ thống chung cất đạm, Lò nung, Máy làm sạch, Máy lọc hơi đốt/Tháp hấp thu, Máy phân tích ẩm, Máy phân tích khí thải, Máy phân tích nguyên tố, Máy quang phổ hấp thu nguyên tử, Máy so màu, Ống chuẩn độ, Quantofix, Thiết bị chung cất, Thiết bị chung cất đạm
25	Phòng thí nghiệm Tài nguyên nước, Bộ môn Tài nguyên nước, Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên	280,00	1	Bộ cảm biến mưa, Bộ đo mưa, Bộ kiểm soát chất lượng nước, Bộ lấy mẫu bùn đáy, Cân phân tích, COD metter, Dissolved Oxygen Demand, Dụng cụ đo độ dày/sâu các tầng chất lỏng bằng sóng siêu âm và ánh sáng, Đồng hồ đo điện từ ECM, Hệ thống lấy mẫu nước dòng chảy, Lưu tốc kế cốc quay, Máng thí nghiệm dòng chảy trong kênh, Máng thủy lực, Máy bơm van chân cơ giới, Máy định vị cầm tay GPS, Máy đo độ sâu, Máy đo lưu lượng dòng chảy, Máy đo tốc độ gió, Máy phát đo lưu lượng bằng sóng siêu âm, Mía rút bằng nhôm, Spectrophotometer, Tổng đài Topcon, Tủ sấy, Thiết bị đo đa năng, Thiết bị đo mực nước và nhiệt độ, Thiết bị thăm dò dòng chảy, Thiết bị thí nghiệm Becnouly, Thiết bị thí nghiệm mất năng, Thiết bị thí nghiệm thủy tĩnh
26	Phòng thí nghiệm Mô hình hóa nước ngầm, Bộ môn Tài nguyên nước, Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên	71,15	1	Bộ ghi dữ liệu đa điểm, Camera định vị, Tivi, Máy chiếu, Máy in, 18 bộ máy tính,...

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
27	Phòng thí nghiệm Mô hình hóa nước mặt, Bộ môn Tài nguyên nước, Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên	72,29	1	Camera định vị, Dụng cụ đo dòng nước, Tivi, 17 bộ máy tính, Máy chiếu, Máy định tầm Laser, Máy in, Mô hình mạng sông, Trạm thời tiết
28	Phòng thí nghiệm Môi trường đất và nước và Môi trường đất và nước tiên tiến, Bộ môn Khoa học môi trường, Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên	273,08	4	Anion Column Shodex, Autoclave, Balance, Bể điều nhiệt, Bể ổn nhiệt, Bộ lấy mẫu tự động cho máy GC, Bộ lấy mẫu tự động cho máy GCMS, Bộ sắc ký Ion, Bơm chân không, Bơm mẫu dùng cho sắc ký, Bơm nhiệt, Burette tự động, Cân điện tử, Cation Column Shodex, Cột cho máy sắc ký (HPLC), Điện cực máy đo pH, DO meter, Máy đo hàm lượng bụi, Tủ đông, Incubator/Refrigerator for BOD, Lò nung, Lọc chân không, Máy bơm chân không, Máy cất nước, Máy chuẩn độ tự động, Các máy đo: Cường độ âm thanh, Cường độ ánh sáng, đo DO, Độ dẫn điện, Độ đục, Độ thấm, đo EC/Sal/TDS, Đo pH, Máy đo quang phổ, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy lắc, Máy lọc chân không, Máy ly tâm, Máy nghiền mẫu, Máy phân tích cấu trúc đất, Máy phân tích Tổng hợp Carbon hữu cơ (TOC), Máy rửa siêu âm, Máy vi tính, Máy toàn đạc, Nồi thanh trùng, Ống chân không, Sắc ký ion (Anion), Sắc ký ion (Cation), Salinometer, Stereomicroscopes, Thiết bị đo vận tốc dòng chảy bằng hiệu ứng Doppler, Tủ ẩm, Tủ cây, Tủ lạnh, Tủ sấy
29	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật môi tiên tiến, Bộ môn Khoa học môi trường, Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên	70,78	1	Bình khí Argon và đồng hồ, Bộ bình khí C ₂ H ₂ , Argon, N ₂ O cho máy hấp thụ nguyên tử, Cảm biến cường độ ánh sáng, Cân, Đầu dò huỳnh quang cho hệ thống sắc ký lỏng, Hệ thống đo quang hợp và hô hấp thực vật, Hệ thống lọc nước siêu sạch, Hệ thống quang phổ hấp thụ nguyên tử, Lò nung, Máy đo hô hấp và quang hợp của lá cây, Máy phá mẫu vi sóng, Máy phân tích hiệu suất quang hợp, Máy trộn
30	Phòng thực hành Độc học môi trường và Độc học môi trường tiên tiến, Bộ môn Khoa học môi trường, Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên	291,44	4	Bình Nitơ lỏng, Bộ lọc chân không, Bơm chân không, Burette tự động, Cân điện tử, Hệ thống chung cất đạm, Hệ thống công phá đạm, Hệ thống lọc nước siêu sạch, Hệ thống sắc ký khí, Lò nung hiển thị số, Máy cất nước, Máy cô quay, Máy đo cường độ ánh sáng, Các máy đo: DO, Độ đục, Đo EC/TDS/độ mặn, Đo oxi hòa tan, Đo pH, Máy khuấy từ có gia nhiệt, Máy lắc, Máy ly tâm, Máy nghiền mẫu thực vật tự chế, Máy phá mẫu bằng vi sóng, Máy quang phổ UV/VIS, Máy rửa siêu âm, Máy sắc ký khí khối phổ

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
				GC-MS, Máy trộn, Micropipette, Nồi hấp tiệt trùng, Thiết bị chung cất đạm, Thiết bị phân tích dòng chảy, Tủ âm, Tủ đông, Tủ lạnh, Tủ sấy
31	Phòng thí nghiệm Kiểm soát ô nhiễm không khí và Kiểm soát ô nhiễm không khí tiên tiến, Bộ môn Kỹ thuật môi trường, Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên	215,44	3	Bơm chân không, Bơm mẫu, Cân điện tử, Dụng cụ đo: Bức xạ nhiệt, Đo tốc độ gió, Đo tiếng ồn, Lò nung, Máy cất nước, Máy cô quay, Máy đo cường độ sáng hiệu dụng, Các máy đo: DO, Độ dày, EC, TDS, Mặn, Lưu lượng khí, pH, Máy phân tích kích thước hạt, Máy phân tích khí thải, Máy rửa siêu âm, Sensor đo khí thải công nghiệp CO, H ₂ S, NO ₂ , SO ₂ , Tủ hút, Tủ lạnh, Tủ sấy, Thiết bị ghi dữ liệu thăm dò, Thiết bị lấy mẫu bụi không khí, Thiết bị lấy mẫu khí, Thiết bị lấy mẫu không khí, Thiết bị xử lý khí axit qua than hoạt tính, Thiết bị xử lý bụi, Thiết bị xử lý khí axit qua tháp đệm
32	Phòng thí nghiệm GIS-Viễn thám, Bộ môn Tài nguyên đất đai, Khoa Môi trường và tài nguyên thiên nhiên	129,89	2	Cảm biến độ đục, Máy chiếu, Máy chủ, Máy định vị, Máy đo bức xạ cầm tay, Máy đo độ cao, Máy đo khoảng cách bằng Laser, Máy quay điều khiển từ xa, Máy Scan và In A0, 50 bộ máy tính, Máy toàn đạc điện tử, Máy thu tính hiệu VHF FM, Sonar ảnh sườn, Thiết bị thu thập hệ thống thông tin địa lý cầm tay
33	Phòng thí nghiệm Tài nguyên đất đai, Bộ môn Tài nguyên đất đai, Khoa Môi trường và tài nguyên thiên nhiên	72,29	1	Bình chân không, Micropipette, Bơm tuần hoàn, Cây khoan đất, Hệ thống điều khiển mức, Hệ thống đo lực căng mặt ngoài chân không, Hệ thống phân tích cấu trúc đất, Máy cất nước, Máy chuẩn độ tự động, Máy đo độ ẩm đất, Máy đo mật độ không khí, Máy đo nhiệt độ đất, Máy lắc, Máy lọc hơi đốt/Tháp hấp thụ, Máy ly tâm, Máy phay nghiền mẫu, Máy quang phổ, Máy rửa dụng cụ thủy tinh, Máy rửa siêu âm, Máy Scan 3D, Máy so màu để bàn, Máy trộn/nghiền, Tủ mát, Tủ sấy, Thiết bị chung cất đạm, Thiết bị đo độ thấm
34	Phòng thí nghiệm Quan trắc môi trường và Quan trắc khí hậu, Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên	181,48	4	Bo mạch phát triển, Bộ trích dữ liệu BUS đa chức năng, GPS, Kính hiển vi, Kính nhìn nổi, Máy đếm hạt tiểu phân trong không khí, Máy đo công suất vô tuyến cầm tay, Máy dò khí CO ₂ , Máy dò khí N ₂ O, Máy đo nồng độ khí cầm tay (CH ₄ , CO, O ₂ , H ₂ S), Máy lạnh, Máy phân tích phổ, Máy phân tích tín hiệu, Máy sấy lạnh, 29 bộ máy tính, Thiết bị đo đa chỉ tiêu chất lượng nước, Thiết bị đo đa chỉ tiêu môi trường, Thiết bị đo dòng chảy, Thiết bị đo Ozone, Tivi, Trạm quan trắc chất lượng nước thời gian thực
35	Phòng thực hành Trắc địa, Khoa Kỹ	60,84	1	Máy định vị GPS cầm tay, Máy Kính vĩ quang học, Máy toàn đạc điện tử, Máy thông tầng, Máy thu GPS cầm tay, Máy thủy bình điện tử, Máy thủy bình

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
	thuật xây dựng, Trường Bách Khoa			
36	Phòng thí nghiệm Vật liệu xây dựng, Khoa Kỹ thuật xây dựng, Trường Bách Khoa	69,25	1	Bàn giảng vừa xi măng, Bể hấp mẫu xi măng, Bình tỷ trọng, Bộ côn thử độ sụt bê tông, Bộ chung tách nước nhựa, Bộ dụng cụ vicat, Bộ rây sàng cốt liệu, Cân kỹ thuật, Dụng cụ so ánh chiều dài hiện số, Lò nung vật liệu xây dựng, Lò sấy vật liệu xây dựng, Máy lắc sàng cốt liệu, Máy nén bê tông, Máy nén bê tông, xi măng KTS tự động, Máy siêu âm bê tông, Máy thử thấm bê tông, Máy thử vụn năng, Máy trộn vừa xi măng tự động, Máy uốn-nén xi măng KTS tự động, Thiết bị xác định độ dẫn dài của nhựa, Thiết bị xác định độ kim lún tự động của nhựa, Thiết bị xác định nhiệt độ hóa mềm nhựa, Tủ dưỡng ẩm mẫu, Tủ dưỡng hộ xi măng, Thiết bị đo lực bám dính
37	Phòng thí nghiệm Cơ lý đất, Khoa Kỹ thuật xây dựng, Trường Bách Khoa	120,99	1	Bộ cối và đầm Proctor tiêu chuẩn, Bộ chung tách nước nhựa, Bộ sàng xác định thành phần hạt của đất theo tiêu chuẩn ASTM, Cân điện tử, Dàn thí nghiệm nén lún, Dàn thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn hiện trường SPT, Dụng cụ xác định dung trọng trong phòng thí nghiệm và hiện trường, Dụng cụ xác định giới hạn nhão, Máy cắt cánh trong phòng, Máy cắt trực tiếp, Máy khoan khảo sát địa chất, Máy nén 3 trục, Máy nén khí, Máy nén thí nghiệm đất, Máy xuyên tĩnh CPT, Sensor đo chuyển vị các loại, Thiết bị xác định độ dẫn dài của nhựa, Thiết bị xác định độ kim lún tự động của nhựa, Thiết bị xác định nhiệt độ hóa mềm nhựa, Tủ sấy
38	Phòng thí nghiệm Kết cấu công trình, Khoa Kỹ thuật xây dựng, Trường Bách Khoa	659,78	1	Bộ strain meter, Bơm tay 1 tác động đồng hồ, Đồng hồ đo chuyển vị, Sensor đo chuyển vị, Hệ thống kích gia tải, Hệ thống kích thủy lực, Hệ thống khung thử tải có thể gia tải và cần trục, Kích thủy lực, Kính soi vết nứt, Load cell, Máy điều hòa, Máy nén bê tông, Sensor đo áp suất, Thiết bị chuyển mạch, Thiết bị thu dữ liệu nhiều kênh
39	Phòng thí nghiệm Vật liệu xây dựng tiên tiến, Khoa Kỹ thuật xây dựng, Trường Bách Khoa	144,78	1	Bể bảo dưỡng lớn, Bể ổn nhiệt KTS, Bộ đo xuyên tĩnh hình nón, Bộ kiểm tra độ sụt hình nón, Buồng ổn định, Cân điện tử, Cân phân tích, Dụng cụ đo Benkelman, Lò nung, Máy cắt, Máy đầm Marshall tự động, Máy đo bọt khí, Máy đo độ mài mòn, Máy đo nhiệt hydrat hóa, Máy khoan lõi, Máy nén, Máy nén Marshall, Máy phân tích xung siêu âm, Máy trộn bê tông, Máy trộn vừa tự động, Nhiệt kế hồng ngoại kép, Thiết bị đo độ dẫn điện, Thiết bị đo độ mịn, Thiết bị đo độ thấm Chloride, Thiết bị đo độ xuyên thấm bê tông, Thiết bị đo vicat tự động, Thiết bị kiểm

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
				tra ma sát và chống ma sát, Thiết bị xác định khối lượng riêng
40	Phòng thí nghiệm Công trình thủy, Khoa Kỹ thuật xây dựng, Trường Bách Khoa	332,00	5	Thiết bị đo mực nước tự ghi, Thiết bị đo vận tốc dòng chảy, Thiết bị khảo sát tổn thất cục bộ, Thiết bị khảo sát tổn thất dọc đường ống, Thiết bị thí nghiệm Bernoulli, Thiết bị thí nghiệm bơm, Thiết bị thí nghiệm các trạng thái chảy, Thiết bị thí nghiệm khảo sát dòng chảy qua vòi, qua lỗ, Thiết bị thí nghiệm Reynold, Thiết bị thí nghiệm thủy tĩnh
41	Phòng thực hành Kỹ thuật nhiệt, Khoa Kỹ thuật cơ khí, Trường Bách Khoa	185,52	3	Hệ thống lạnh cơ sở, Máy vi tính, Bộ thí nghiệm an toàn và điều khiển nồi hơi, Bộ thí nghiệm bơm nhiệt, Bộ thí nghiệm thiết bị truyền nhiệt, Bộ thiết bị đo độ ẩm của không khí, Cân điện tử, Cân phân tích, Logger Digi-sense, 12-chanel scanning thermometer, Digital Hygro-Thermometer anemometer, Dụng cụ đo độ ẩm hạt, Dụng cụ đo tốc độ gió, Infrared thermometer, Máy điều hòa, Máy đo áp suất dư hiện số, Máy hàn gió đá, Máy lạnh, Máy nén khí, Các mô hình: Dẫn nhiệt, Hệ thống bức xạ, Máy điều hòa không khí, Tủ lạnh, Truyền nhiệt đối lưu, Portable thermometer, TSI velocity transducer, Tủ sấy, Tháp giải nhiệt, Thermal imaging thermometer, Thiết bị đo độ ẩm, Các thiết bị giảng dạy: Hệ thống lạnh công nghiệp, Hệ thống lạnh cơ bản, Hệ thống lạnh thương nghiệp, Thiết bị minh họa quá trình biến đổi năng lượng mặt trời, Thiết bị thí nghiệm Kỹ thuật lạnh, Thiết bị thí nghiệm nhiệt động lực học, Thiết bị thí nghiệm sấy đối lưu, Thiết bị truyền nhiệt ống lồng ống, Wind tunnel
42	Phòng thí nghiệm Máy và Thiết bị chế biến lương thực - thực phẩm, Khoa Kỹ thuật cơ khí, Trường Bách Khoa	234,00	3	Bộ biến điện, Bộ chuyển đổi momen xoắn, Bộ đo nhiệt dùng tia hồng ngoại, Bộ khuếch đại momen xoắn động, Cân chính xác, Máy bóc vỏ, Máy định lượng và đóng gói sản phẩm bột, Máy đo độ ẩm, Máy đo tốc độ gió, Máy ép bánh con sùng, Máy ép bún khô, Máy ép cơm tự sinh nhiệt, Máy ép thức ăn tôm, Máy lau bóng, Máy ly tâm, Máy nghiền đĩa, Máy nghiền không sang, Máy nghiền thức ăn gia súc, Máy thái rau tự chế, Máy trộn sản phẩm dẻo, Máy trộn sản phẩm trực ngang, Máy xát trắng, Máy xay lúa, Tải trọng hiệu chỉnh, Thiết bị đo độ ẩm không khí theo tiêu chuẩn, Thiết bị sấy phun, Trồng phân loại
43	Phòng thực hành Ô tô máy kéo, Khoa	720,00	1	Động cơ trong suốt, Hệ thống kiểm định Ô tô, Hệ thống khung gầm, Hệ thống thí nghiệm ô tô, Máy đo

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
	Kỹ thuật cơ khí, Trường Bách Khoa			và kiểm tra lắp đặt góc bánh xe, Máy phân tích và kiểm tra khí thải động cơ, Mô hình sa bàn hệ thống đánh lửa, Thiết bị chuẩn đoán phanh, Thiết bị kiểm tra áp suất dầu hộp số, Thiết bị kiểm tra áp suất phanh, Thiết bị kiểm tra khí thải ô tô, Xe ô tô điện, Xe ô tô Hybrid
44	Phòng thí nghiệm Bơm quạt máy nén và Máy nông nghiệp, Khoa Kỹ thuật cơ khí, Trường Bách Khoa	1.416,00	1	Bừa đĩa, Cày, Dàn trang đất, Máy cày tay, Máy cắt cỏ, Máy cấy lúa 2 hàng, Máy đào mương, Máy đào mương, Máy gạt bó, Máy gom đảo cỏ, Máy gieo hạt, Máy kéo, Máy nén khí, Máy phát điện, Máy phay đất, Máy rải phân li tâm, Máy tung phân chuồng, Máy thu hoạch bắp, Máy trục bùn, Máy xới bón, Rơ móc 2 bánh
45	Phòng thực hành CAD/CAM/CNC, Khoa Kỹ thuật cơ khí, Trường Bách Khoa	720,00	3	Bộ bàn phím điều khiển cơ bản, Hệ thống điện cho tiện CNC, Hộp chuyển mạch máy in, Hộp chuyển mạch tiện CNC, Máy ăn mòn điện cực EDM, Máy cắt dây Wire cut, CNC, Máy gia công đứng, Máy phay CNC, Máy phay và phụ kiện, Máy quét mẫu kỹ thuật Laser, Máy tiện CNC, Máy tiện và phụ kiện, 20 bộ máy tính
46	Phòng thí nghiệm Động lực và Điều khiển, Khoa Kỹ thuật cơ khí, Trường Bách Khoa	150,00	1	Biến tần điều khiển tốc độ động cơ, Bộ thí nghiệm Vi điều khiển, Động cơ 3 pha/220V, Động cơ DC không chổi than,...
47	Phòng thí nghiệm Ứng dụng KTNN thông minh, Khoa Kỹ thuật cơ khí, Trường Bách Khoa	289,90	2	Bộ thí nghiệm: Điện - Khí nén cơ bản, Điện - Khí nén nâng cao, Điều khiển khí nén tùy động, Khí nén cơ bản, Khí nén nâng cao, Điều khiển thủy lực tỉ lệ, Bộ thí nghiệm thủy lực, Bộ thí nghiệm Thủy lực cơ bản, Máy hàn tự động
48	Phòng thí nghiệm Cơ học và Khoa học vật liệu, Khoa Kỹ thuật cơ khí, Trường Bách Khoa	206,02	2	Biến tốc ma sát, Động cơ điện, Hai mặt cong giao nhau, Hệ thống ba mặt phẳng hình chiếu, Kính hiển vi kim loại, Máy đo độ cứng, Máy đo siêu âm, Máy thử độ cứng, Máy thử độ va đập, Truyền động bánh ma sát nón, Truyền động bánh ma sát trụ, Truyền động bánh răng, Truyền động bánh răng hành tinh, Truyền động bánh răng nón răng thẳng, Truyền động bánh răng sóng, Truyền động bánh răng trụ răng nghiêng, Truyền động bánh răng trụ răng thẳng, Truyền động đai, Truyền động đai dẹt, Truyền động đai thang, Truyền động đai tròn, Truyền động ma sát, Truyền động trục vít, Truyền động vít-đai ốc, Truyền động xích
49	Phòng thí nghiệm Đo lường và cảm	60,00	1	Multifunction I/O, Board thu thập dữ liệu USB, Bộ điều khiển giao tiếp mạng, Bộ nguồn DC 3 kênh,

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
	biến, Khoa Tự động hoá, Trường Bách Khoa			Cảm biến lân cận, Cảm biến quang, Đo áp suất, Đo công suất, Đo dòng điện, Đo điện áp, Đo hệ số công suất, Đo lực kéo, nén, Đo lường điều khiển tải trực tiếp từ desktop, Đo lưu lượng, Đo moment và tốc độ quay, Đo vận tốc dòng chảy, Giao tiếp đo giám sát qua mạng, 10 bộ máy tính, Incremental encorder, Loại 2 khối thu-phát độc lập, Module Analog Input, Module Analog Output, Module giao tiếp Ethernet, Module phát thu qua vô tuyến, MyDAQ, Noise Rejecting, Shielded I/O Connector Block
50	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật điều khiển, Khoa Tự động hoá, Trường Bách Khoa	60,00	1	Bộ nguồn DC 3 kênh, Bộ thí nghiệm RT010, Bộ thí nghiệm RT020, Bộ thí nghiệm RT030, Bộ thí nghiệm RT040, Cảm biến khoảng cách, Dao động ký, 05 bộ máy tính, OMAP-L138 Development Kit, TMS320F28335 Experimenter Kit, VOM số SANWA, Thiết bị cảm biến, XDS200 Price/Performance-balanced Debug Probe
51	Phòng thí nghiệm Hệ thống thông minh - Khoa Tự động hoá, Trường Bách Khoa	60,00	1	Bộ nguồn DC 3 kênh, Dao động ký, Đồng hồ đo vận năng, Máy khoan mạch in tự động, Máy phát xung, 05 bộ máy tính, Nguồn cấp, Thiết bị đo điện não đồ
52	Phòng thí nghiệm Cơ điện tử - Khoa Tự động hoá, Trường Bách Khoa	60,00	1	Bộ nguồn DC 3 kênh, Bộ Thiết bị nghiên cứu kỹ thuật Robot, Bộ Thiết bị thí nghiệm điều khiển PID, Bộ Thiết bị thí nghiệm điều khiển servo, Bộ Thiết bị thí nghiệm nghiên cứu điện tử cơ bản, Bộ Thiết bị thí nghiệm nghiên cứu điều khiển điện tử công suất, Bộ thiết bị thí nghiệm nghiên cứu điều khiển máy điện, Bộ thiết bị thí nghiệm nghiên cứu điều khiển motor bước, Bộ thiết bị thí nghiệm nghiên cứu KTS, Bộ thiết bị thí nghiệm nghiên cứu kỹ thuật tương tự, Đồng hồ đo vận năng, Servo AC
53	Phòng Thực hành Tự động hóa công nghiệp và Quản lý năng lượng, Khoa Tự động hoá, Trường Bách Khoa	60,00	1	Biến tần, Analog Input/Output module, Nguồn, Screw terminal block (20 points), square washer, Connection Accessory for Modicon M340, Ethernet CANopen2 Level 2 CPU for Modicon M340 PLC, Modicon M340 8-Slot Backplane, Dao động ký Dao động ký, 25 bộ máy tính, Module Analog EM235 (cho S7-200), PC Adapter USB A2, SIMATIC S7-200, CPU 224, Zelio CPU SR3 B262BD, Zelio Ethernet SR3 NET01BD
54	Phòng thực hành tay nghề Cơ điện tử, Tự động hóa	60,00	1	3D printer, Auto control drill, Bộ điều khiển AC Servo, Bộ thí nghiệm điện tử công suất 3 pha, Dao động nghiệm 3 kênh, Động cơ spindle + driver, Festo

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
	học, Khoa Tự động hóa, Trường Bách Khoa			XY table, KIT NC Position, Mini CNC milling, Mini CNC turning, Mini Laser graving
55	Phòng thí nghiệm Tự động hóa, Khoa Tự động hóa, Trường Bách khoa	291,03	2	Camera quang phổ, Camera tốc độ cao, SCADA quá trình xử lý nước,...
56	Phòng thí nghiệm Mạng công nghiệp và truyền thông, Khoa Tự động hóa, Trường Bách khoa	60,00	1	Bộ phận xuất tín hiệu 8 kênh ngõ ra cho bộ điều khiển, Động cơ ba pha, 43 bộ máy tính, Mặt lắp và chân đế cho Bộ thí nghiệm tổng hợp, Thiết bị điều chỉnh tốc độ và vị trí động cơ, Thiết bị điều khiển CompactLogix (PLC) có khả năng lập trình, Thiết bị điều khiển chuyển động dùng cho động cơ Servo, Tivi, Thiết bị điều khiển PLC, Thiết bị truyền nhận tín hiệu mạng ControlNet
57	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật PLC và IoT công nghiệp, Khoa Tự động hóa, Trường Bách khoa	90,00	1	Combo license for interchangeable usage, Khung tủ và Bộ module chấp hành, Khung tủ và Bộ thí nghiệm S7-1200, Khung tủ và Bộ thí nghiệm S7-1500, 08 bộ máy tính, 02 máy tính xách tay, SIMATIC IOT2050 with Quad Core Processor, SIMATIC NET Industrial Security Switch Technologies, SIMATIC Notifier client license for SIMATIC Notifier server, SIMATIC Notifier Server 1.0, SIMATIC WinCC Professional with options
58	Phòng thí nghiệm Công nghệ Vật liệu, Khoa Kỹ thuật hoá học, Trường Bách Khoa	432,84	2	Bể điều nhiệt, Bộ thiết bị đúc composite RTM, Bơm chân không, Cân 4 số, Kính hiển vi chuyên dụng, Lò nung, Máy Autoclave, Máy cán vỏ dứa, Máy cắt gỗ liên hợp, Máy cắt mẫu, Máy cắt nước một lần, Máy DSC, Máy đo va đập vạn năng, Máy ép nóng Composite, Máy ép nóng Lab, Máy ép phun, Máy kéo nén, Máy lạnh, Máy mài đánh bóng chuẩn bị mẫu, Máy nén, Máy phân tích trọng lượng theo nhiệt, Máy quang phổ ICP, Máy tách sợi, 08 bộ máy tính, Máy trộn chất dẻo, Máy trộn lưu biến ngẫu lực, Máy Xray On, Thiết bị lọc tay áo, Tủ hút, Tủ hút ẩm, Tủ lạnh, Tủ sấy, Tháp giải nhiệt, Thiết bị đo bề dày lớp phủ, Thiết bị đo độ cứng
59	Phòng thí nghiệm Công nghệ hoá hữu cơ, Khoa Kỹ thuật hoá học, Trường Bách Khoa	121,68	2	Bể điều nhiệt, Bộ điều nhiệt, Cân phân tích, Máy Autoclave, Máy đo điểm nóng chảy, Máy đo pH, Máy khuấy dung dịch, Máy khuấy từ, Máy khuấy từ có gia nhiệt, Máy lạnh, Máy Quang phổ UV-VIS, Tủ hút khí độc, Tủ lạnh, Tủ sấy, Thiết bị chỉnh lưu dòng điện Kocour, Thiết bị gia nhiệt, Thiết bị gia nhiệt khuấy từ, Van xả nước cấp cứu

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
60	Phòng thực hành Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học, Khoa Kỹ thuật hoá học, Trường Bách Khoa	121,68	2	Các bộ thí nghiệm: Chung cất điều khiển bằng tay, Kỹ thuật phản ứng tự động, Mạch lưu chất, Nghiên cứu khuấy chất lỏng, Nghiên cứu hấp thụ cột chêm, Trích ly lỏng lỏng, Trích ly rắn-lỏng tự động, Hệ thống cung cấp khí nén, Nghiên cứu nghiền, rây, trộn, Máy lạnh, Máy nén cho thiết bị hấp thụ, Thang nhập liệu thiết bị trích ly, Thiết bị chung cất liên tục, Thiết bị khuấy trộn dạng bồn nhiệt
61	Phòng thí nghiệm Công nghệ hoá vô cơ, Khoa Kỹ thuật hoá học, Trường Bách Khoa	60,84	1	Bơm chân không, Cân, Khuấy từ có gia nhiệt, Lò nung, Lò nung nhiệt độ cao, Máy khuấy cơ, Máy nghiền bi nhanh Ceramic, Tủ đông, Tủ hút khí độc, Tủ sấy, Van xả nước cấp cứu
62	Phòng thí nghiệm Vật liệu y sinh, Khoa Kỹ thuật hoá học, Trường Bách Khoa	71,15	1	Máy đọc khay vi thể, Tủ ẩm CO ₂ , Tủ hút, Thiết bị sấy điểm tới hạn,...
63	Phòng thí nghiệm Nano điện hóa, Khoa Kỹ thuật hoá học, Trường Bách Khoa	72,29	1	Bể rửa siêu âm, Bếp đun bình cầu, Bộ đèn UV, Cân, Hệ thống kính hiển vi điện tử quét, Máy đồng hoá, Máy khuấy gia nhiệt, Máy quang phổ hồng ngoại, Máy quang phổ tử ngoại khả kiến, Tủ sấy
64	Phòng thí nghiệm Vật liệu tiên tiến, Khoa Kỹ thuật hoá học, Trường Bách Khoa	107,44	2	Bể rửa siêu âm, Cân phân tích, Lò nung, Máy bơm ống tiêm điện, Máy khuấy từ, Máy lắc, Tủ sấy, Thiết bị đo nguồn điện, Thiết bị hút mẫu, Thiết bị mô phỏng năng lượng mặt trời
65	Phòng thí nghiệm Vật liệu Polymer, Khoa Kỹ thuật hoá học, Trường Bách Khoa	106,65	2	Cáp quang, Đèn UV, Kính hiển vi huỳnh quang, Máy đo bức xạ UV, Máy khuấy từ gia nhiệt,...
66	Phòng thí nghiệm Vật liệu Composite, Khoa Kỹ thuật hoá học, Trường Bách Khoa	145,12	1	Cân điện tử, Máy kiểm tra nhiệt độ biến dạng, Máy kiểm tra tính dễ cháy, Máy nghiền Microfine, Máy nghiền thô, Máy phân tích ẩm, Tủ hút hóa chất, Tủ sấy Tủ sấy chân không, Tủ sấy lão hóa
67	Phòng thí nghiệm Vật liệu năng lượng, Khoa Kỹ thuật hoá học, Trường Bách Khoa	144,78	1	Máy đo khối lượng riêng (chất lỏng), Máy ép dầu (thực vật), Máy khuấy từ gia nhiệt, Thiết bị đồng hóa siêu âm, Thiết bị trạng thái Oxy hóa

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
68	Phòng thí nghiệm Ứng dụng kỹ thuật hóa học, Khoa Kỹ thuật hoá học, Trường Bách Khoa	145,12	1	Micropipette, Cân điện tử, Lò nung, Máy cô quay, Máy đo độ nhớt, Máy đo pH, Máy đồng hóa, Máy khuấy, Máy khuấy từ, Máy lắc, Máy ly tâm, Máy phân tích ẩm, Máy quang phổ UV/VIS, Máy rửa siêu âm, Máy trộn, Tủ hút, Tủ sấy
69	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật hóa học tiên tiến, Khoa Kỹ thuật hoá học, Trường Bách Khoa	144,78	1	Bể siêu âm, Bơm lọc chân không, Cân điện tử, Hệ thống sắc ký lỏng, Máy đo pH, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy lắc, Máy ly tâm, Máy trộn, Micropipette, Nồi hấp tiệt trùng, Ống phân phối kép, Tủ cấy, Tủ lạnh, Tủ sấy
70	Phòng thí nghiệm Hệ thống điện, Khoa Kỹ thuật điện, Trường Bách Khoa	90,00	1	Ampe kế xoay chiều, Vôn kế xoay chiều, Tải điện dung, Connection leads LABVOLT, Máy biến dòng, Máy phát điện, Vôn kế/Ampe kế DC, Động cơ/máy phát DC, Máy biến áp, Lòng sóc 4 cực, Tải cảm ứng, Bánh xe quán tính, Modul kết nối, Máy biến áp tự điều chỉnh 3 pha, Rờ le hệ số công suất động cơ, Nguồn cấp, Chỉ số điều khiển rờ le bảo vệ, Cân bằng pha/Rờ le trình tự, Đồng hồ đo pha, Chỉ báo dịch chuyển pha, Rờ le nguồn, Tải điện trở, Role cảm biến áp 3 pha, Role cảm biến dòng AC/DC, Role hệ số công suất, Trờ kháng nguồn, Máy kiểm tra đồng bộ, Động cơ đồng bộ 3 pha, Rờ le quá dòng 3 pha, Tự động điều chỉnh 3 pha, Tỷ lệ biến áp 3 pha, Đường truyền 3 pha, Cảm ứng rôto quán 3 pha, Lưới truyền tải, Under/overfrequency reley LAB, Universal fault module LABVOL, Vol kế DC/Ampe kế DC, Biến điện áp, Watt kế/ Var kế 3 pha
71	Phòng thực hành Máy điện, Khoa Kỹ thuật điện, Trường Bách Khoa	90,00	1	Bộ giao tiếp và xử lý số liệu, Bộ thí nghiệm KT điện LVDAM, Bộ thu thập dữ liệu, Card giao tiếp thu nhập dữ liệu, Động cơ điện 3 pha roto lồng sóc, Động cơ kéo/đẩy kèm nguồn, Động cơ kéo/máy phát, Động cơ máy phát điện 1chiều, Động cơ/máy phát xoay chiều, Power supply LABVOLT
72	Phòng thí nghiệm Vật liệu điện, Khoa Kỹ thuật điện, Trường Bách Khoa	90,00	1	Bộ thí nghiệm: Đo điện trở và điện trở suất, Đo điện trở và điện suất, Phóng điện trong chất khí, Phóng điện trong chất lỏng, Đo tổn hao điện môi và điện dung, Vật liệu dẫn điện, Vật liệu bán dẫn, Vật liệu dẫn từ, Xác định cường độ cách điện
73	Phòng thực hành Tay nghề điện – Khoa Kỹ thuật điện, Trường Bách Khoa	210,00	1	Bài thực hành: Động cơ không đồng bộ 3 pha 12 đầu dây, Động cơ không đồng bộ 3 pha 9 đầu dây, Động cơ không đồng bộ 3 pha thông dụng, Inverter 1HP, Máy cắt khí, Mô hình bộ điều khiển khả trình PLC, Thiết bị đo lường điện tử đa năng

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
74	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật đo, Khoa Kỹ thuật điện, Trường Bách Khoa	60,00	1	Cầu đo Kelvin, Động cơ 1 pha 3HP, Máy phát chức năng, Motor 3 pha, Thiết bị đo lường điện tử đa năng, Watt kế 1 pha, Watt kế 3 pha
75	Phòng thí nghiệm Điện công nghiệp, Khoa Kỹ thuật điện, Trường Bách Khoa	120,00	1	Bộ Thí nghiệm điện công nghiệp, Inverter 1HP, Thiết bị đo lường điện tử đa năng,...
76	Phòng thí nghiệm Điện tử công suất và Truyền động điện, Khoa Kỹ thuật điện, Trường Bách Khoa	60,00	1	Bộ Điện tử công suất & Kkỹ thuật truyền động, Bộ thí nghiệm truyền động bằng biến tần, Dao động ký KTS, Inverter 1HP, Khởi động mềm Sirius 5.5 kW, 06 bộ máy tính
77	Phòng thực hành mạch điện, Khoa Kỹ thuật điện, Trường Bách Khoa	90,00	1	Bộ thí nghiệm máy phát AC 3 pha, Các bài thực hành: Các loại đèn dây tóc, Các loại đèn huỳnh quang, Công tơ điện 1 pha, Công tơ điện 3 pha, Lắp mạch điện sinh hoạt chìm, Lắp mạch điện sinh hoạt nổi, Hệ thí nghiệm về mạch 2,3 pha, biến áp, động cơ, Tủ phân phối điện 1 pha, Tủ phân phối điện 3 pha
78	Phòng thí nghiệm Năng lượng tái tạo, Khoa Kỹ thuật điện, Trường Bách Khoa	145,12	1	Ắc quy lưu trữ, Hệ thống tích hợp pin nhiên liệu, Máy phát điện gió, Module pin mặt trời, Modules chỉnh lưu và chuyển đổi năng lượng, Thẻ dSpace, DSP và phần mềm
79	Phòng thí nghiệm Viễn thông, Khoa Điện tử viễn thông, Trường Bách Khoa	91,26	1	Bộ thí nghiệm thông tin số cao tần, Thiết bị IP DSLAM 7302, dung lượng 96 port, Thiết bị ATM DSLAM 7300, dung lượng 48 port, 15 bộ máy tính, Hệ thống thí nghiệm viễn thông từ xa, Bộ thí nghiệm thông tin analog cao tần, Microwave Training System, Antenna Training System, Telephony Training System, EMC Spectrum Analyzer, Oscilcope, máy phát tín hiệu các loại, 20 GHz CW Microwave Frequency Counter/Power Meter/DVM
80	Phòng thí nghiệm FPGA & Hệ thống nhúng, Khoa Điện tử viễn thông, Trường Bách Khoa	60,84	1	Altera ADDA Data Conversion card, Altera D5M5 MegaPD Camera Package, Altera HDMI Transmitter Daughter, Altera Multimedia HSMC Card, các bộ thí nghiệm: Altera DE3 WF1009005-0038, Bộ TN Video Altera CycloneIII, FPGA & Hệ thống số ME2200DE2A, Kit thí nghiệm dành cho giáo dục (DE2-115), Máy chủ, 12 bộ máy tính

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
81	Phòng thí nghiệm Xử lý tín hiệu số, Khoa Điện tử viễn thông, Trường Bách Khoa	60,84	1	Bo mạch thí nghiệm cấp quang, Bộ thí nghiệm đa năng, Kit thực hành xử lý tín hiệu số, Kit xử lý tín hiệu số, 10 bộ máy tính
82	Phòng thực hành Vi xử lý & Vi điều khiển, Khoa Điện tử viễn thông, Trường Bách Khoa	91,26	1	Kit MSP-EXP430F46, Kit Launch Pad, 10 bộ máy tính
83	Phòng thực hành Điện tử cơ bản, Khoa Điện tử viễn thông, Trường Bách Khoa	76,05	1	Bộ thực hành Điện tử Electronics Explorer Board, Dao động nghiệm các loại, Máy đếm tần số các loại, Máy phát tần số các loại, 08 bộ máy tính
84	Phòng thực hành Mạch điện tử, Khoa Điện tử viễn thông, Trường Bách Khoa	60,84	1	Dao động nghiệm các loại, Kit thí nghiệm hệ thống tương tự, Máy phát hạ tần, 05 bộ máy tính, Thiết bị giảng dạy điện tử
85	Phòng thí nghiệm Hệ thống tích hợp điện tử, Khoa Điện tử viễn thông, Trường Bách Khoa	70,78	1	Hệ thống thí nghiệm viễn thông từ xa, Bo mạch phát triển, Thiết bị vô tuyến cấu hình bằng phần mềm, Máy phân tích mạng Vector
86	Phòng thực hành máy tính, Trường Bách Khoa	182,52	2	Hệ thống âm thanh, 110 bộ máy tính, Tivi
87	Phòng thí nghiệm Mô phỏng và Tối ưu hóa, Khoa Quản lý công nghiệp, Trường Bách khoa	121,68	2	Máy lạnh, 30 bộ máy tính, Tivi
88	Phòng thí nghiệm Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng, Khoa Quản lý công nghiệp, Trường Bách khoa	60	1	30 bộ máy tính, Máy lạnh, Tivi
89	Xưởng thiết bị trường học, Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, Trường Bách Khoa	1.668,00	1	Bộ hàn hơi, Đầu phân độ, Lò nấu nhôm, Máy bào, Máy bẻ góc tol, Máy búa hơi, Máy cắt góc, Máy cắt sắt, Máy cắt tol cầm tay, Máy cắt thép tấm, Máy cuốn tol, Máy cưa, Máy chà nhám, Máy chấn tol, Máy dựng góc tol, Máy đột lỗ, Máy ép mí tol quay tay, Máy ép tay, Máy ép thủy lực, Máy hàn, Máy khoan,

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
				Máy mài, Máy nén khí, Máy phay, Máy tiện, Nồi nấu nhôm Inox, Pa lăng, Quạt gió lò rèn
90	Phòng thí nghiệm Sinh học phân tử và Sinh học phân tử tiên tiến, Bộ môn Công nghệ sinh học phân tử, Viện Công nghệ sinh học và Thực phẩm	289,44	3	Bộ kit cho máy luân nhiệt, Bộ Vi thao tác, Bơm vi lượng, Buồng cấy vô trùng cấp 2, Cân điện tử, Hệ thống PCR, Hệ thống phân tích và chụp gel, Hệ thống tinh sạch, ly trích DNA tự động, Hệ thống vi điều khiển cho kính hiển vi, Kính hiển vi huỳnh quang, Máy đếm tế bào dòng chảy, Máy đồng hóa mô, Máy giải trình tự, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy khử Ion, Máy lắ, Máy lọc Ion trong nước, Máy luân nhiệt, Máy ly tâm lạnh, Máy nghiền vi mẫu bằng bi, Máy nhân bản gen, Máy quang phổ UV/VIS, Máy Real time PCR, Máy sấy khô ly tâm chân không, Máy tổng hợp Oligo, Máy theo dõi phát triển Vi sinh, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ an toàn sinh học, Tủ cấy, Tủ đông -20°C, Tủ hút, Tủ sấy
91	Phòng thí nghiệm Sinh hóa ứng dụng, Bộ môn Công nghệ sinh học phân tử, Viện Công nghệ sinh học và Thực phẩm	433,74	5	Bể gia nhiệt, Bộ cô quay chân không, Buồng cấy vô trùng cấp 2, Cân điện tử, Dụng cụ thí nghiệm bằng Teflon, Hệ thống điện di 2D, Hệ thống điện di Protein, RNA, DNA tự động, Hệ thống ly trích chất béo, Hệ thống phân tích đạm, Hệ thống phân tích gel điện di 1 chiều và 2 chiều, Hệ thống phân tích protein dựa vào điểm đẳng điện, Hệ thống phân tích và chụp ảnh gel, Hệ thống phân tích xơ, Hệ thống sắc ký lỏng cao áp tự động dùng để tinh sạch protein, Hệ thống sắc ký lỏng SP-streamline, Hệ thống sắc ký tinh sạch ái lực protein, Hệ thống sấy đông khô, Hệ thống sấy phun, Hệ thống vô cơ hoá mẫu, Kính hiển vi soi nổi, Kính hiển vi với camera, Máy cô quay, Máy đo độ ngọt, Máy đồng hoá áp suất cao, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy lắ, Máy lắ ổn nhiệt có làm lạnh, Máy ly tâm lạnh, Máy phân tích đạm, Máy quang phổ UV/VIS, Máy rửa siêu âm, Máy sắc ký lỏng, Máy sấy chân không, Máy trộn, Nồi hấp tiệt trùng, Quang phổ kế UV Vis, Tủ cấy, Tủ đông, Tủ hút, Tủ sấy, Thiết bị tổng hợp Peptide
92	Phòng thí nghiệm virus học tiên tiến, Bộ môn Công nghệ sinh học phân tử, Viện Công nghệ sinh học và Thực phẩm	285,94	4	Bể điều nhiệt, Bộ chuyển màng loại bán khô, Bộ điện di, Bộ Micro Pipette, Máy đo huỳnh quang, Máy đọc Gel, Máy lắ, Máy ly tâm,...
93	Phòng thí nghiệm Công nghệ gen thực vật, Bộ môn Công nghệ sinh học phân tử, Viện	578,52	6	Buồng cấy vô trùng cấp 2, Hệ thống phát hiện đột biến, Máy đo cường độ sáng, Máy đo dòng chảy tế bào phân tích đa bội thể tự động, Máy đo độ quang hợp, Máy nhân bản gen, Quang phổ kế UV Vis, Tủ ủ cấy mô nuôi cấy mô thực vật có điều chỉnh nhiệt

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
	Công nghệ sinh học và Thực phẩm			độ ẩm độ, Thiết bị đo hô hấp trái cây, Kính lúp soi nổi có hệ thống camera kỹ thuật số
94	Phòng thí nghiệm Tế bào gốc, Bộ môn Công nghệ sinh học phân tử, Viện Công nghệ sinh học và Thực phẩm	286,11	4	Bể ôn nhiệt, Bể ôn nhiệt, Bể rửa siêu âm, Bình trữ phôi, Bộ điều khiển pipet, Buồng đếm tế bào, Cân phân tích, Hệ thống Laser nghiên cứu, Kính hiển vi, Lò vi sóng, Máy cắt lát vi thể, Máy đo pH, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy lắc, Máy ly tâm, Máy phân tích và tách dòng tế bào bằng từ tính, Máy trộn tế bào, Máy xử lý mô, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ an toàn sinh học, Tủ ẩm, Tủ đông, Tủ lạnh, Tủ sấy, Thiết bị sản xuất pipet thủy tinh dùng trong kính hiển vi
95	Phòng thí nghiệm An toàn sinh học cấp 3, Bộ môn Công nghệ sinh học phân tử, Viện Công nghệ sinh học và Thực phẩm	111,17	1	Bể ôn nhiệt, Bộ Pipette, Máy ly tâm, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ an toàn sinh học cấp 2, Tủ ẩm lắc, Tủ đông, Tủ lạnh, Tủ sấy
96	Phòng thí nghiệm Vi sinh công nghiệp, Bộ môn Công nghệ vi sinh vật, Viện Công nghệ sinh học và Thực phẩm	405,00	4	Lò vi sóng, Máy chưng cất rượu lớn, Máy ép đùn, Máy ép viên, Máy lắc, Máy ly tâm liên tục, Máy nghiền mẫu, Máy ủ lắc, Nồi hấp tiệt trùng, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ cấy, Tủ cấy vi sinh, Tủ hút- pha mẫu, Tủ lạnh, Tủ lạnh âm, Tủ sấy, Tủ ủ
97	Phòng thí nghiệm Công nghệ lên men, Bộ môn Công nghệ vi sinh vật, Viện Công nghệ sinh học và Thực phẩm	331,00	4	Buồng cấy vô trùng cấp 2, Cân kỹ thuật, Hệ thống cắt lát tế bào, Hệ thống lên men, Kính hiển vi, Kính hiển vi huỳnh quang tương phản pha, Máy bơm, Máy đếm khuẩn lạc, Máy định danh vi sinh vật, Máy đo độ dẫn điện, Máy đo nồng độ muối, Máy khuấy từ, Máy khuấy trộn, Máy làm bột nhào, Máy lắc, Máy ly tâm, Máy đo pH, Máy phân tích bia, Máy quang phổ, Máy Stomacher, Máy ủ lắc, 04 máy vi tính, Nồi khử trùng nhiệt loại để bàn, Quang phổ kế UV Vis, Tivi, Tủ ủ, Tủ ẩm CO ₂ , Tủ cấy, Tủ cấy vô trùng, Tủ lạnh, Tủ mát, Tủ sấy
98	Phòng thí nghiệm Vi sinh nông nghiệp, Bộ môn Công nghệ vi sinh vật, Viện Công nghệ sinh học và Thực phẩm	147,00	1	Cân điện tử, Kính hiển vi, Lò vi sóng, Máy đo pH, Máy lắc ngang, Máy Vortex, Nồi khử trùng, Tủ cấy, Tủ hút, Tủ lạnh, Tủ mát, Tủ ủ
99	Phòng thí nghiệm Vi sinh môi trường, Bộ môn Công nghệ vi sinh vật, Viện Công	294,00	3	Bể điều nhiệt, Bể ủ điều nhiệt, Cân điện tử, Cân phân tích, Kính hiển vi, Máy đo pH, Máy khuấy trộn ống nghiệm, Máy lắc ôn nhiệt có làm lạnh, Máy lắc tròn, Máy lắc trộn dung dịch, Máy ly tâm lạnh, Máy ly

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
	nghe sinh học và Thực phẩm			tâm, Máy nghiền bi, Máy PCR, Máy ủ lác, Nồi hấp tiệt trùng, Quang phổ kế UV Vis, Tủ cấy vô trùng, Tủ cấy vô trùng cấp 1, Tủ cấy vô trùng cấp 2, Tủ đông, Tủ lạnh, Tủ mát, Tủ sấy, Tủ ủ
100	Phòng thí nghiệm Thực phẩm và Dinh dưỡng, Bộ môn Công nghệ thực phẩm, Viện Công nghệ sinh học và Thực phẩm	144,91	1	Bể điều nhiệt, Cân điện tử, Cột cho máy sắc ký, Dụng cụ đo độ dày của mỡ, Khúc xạ kế, Lò nung, Máy chuẩn độ, Máy đo độ nhớt, Máy đo gia tốc, Máy đo pH, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy lọc nước, Máy ly tâm, Máy nghiền, Máy phân tích ẩm độ, Máy phân tích chỉ số cơ thể, Máy phân tích dầu, Máy phân tích nồng độ cón, Máy quang phổ khả kiến, Máy rửa Pipette, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ âm, Tủ đông, Tủ hút, Tủ lạnh, Tủ sấy, Thiết bị chiết xuất Soxhlet, Thiết bị chung cất đạ
101	Phòng thí nghiệm Công nghệ sinh học thực phẩm tiên tiến, Bộ môn Công nghệ thực phẩm, Viện Công nghệ sinh học và Thực phẩm	241,14	2	Bể siêu âm, Bộ Cô quay chân không, Bộ tiến hóa tế bào, Cân điện tử, Hệ thống điện di 2 chiều, Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC, Hệ thống thiết bị tiệt trùng thực phẩm, Lò lai phân tử, Máy bóc vỏ lúa, Máy đo pH, Máy hàn siêu âm, Máy khuấy từ, Máy lác, Máy ly tâm, Máy quang phổ, Máy quang phổ UV/VIS, Máy sấy khô, Máy so màu cầm tay, Máy xay bột khô, Micropette, Tủ an toàn sinh học, Tủ âm, Tủ âm CO ₂ , Tủ cấy tiệt trùng, Tủ đông, Tủ lạnh, Tủ mát, Tủ trữ mẫu, Thiết bị điều nhiệt tuần hoàn
102	Phòng thí nghiệm Vi sinh thực phẩm tiên tiến, Bộ môn Công nghệ thực phẩm, Viện Công nghệ sinh học và Thực phẩm	143,15	2	Bể điều nhiệt, Cân điện tử, Kính hiển vi các loại, Máy khuấy từ, Máy ly tâm lạnh, Máy quang phổ UV/VIS, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ an toàn sinh học, Tủ cấy, Tủ hút, Tủ lạnh, Tủ sấy, Tủ UV
103	Phòng thí nghiệm Công nghệ thực phẩm và Công nghệ thực phẩm tiên tiến, Bộ môn Công nghệ thực phẩm, Viện Công nghệ sinh học và Thực phẩm	430,65	6	Bể điều nhiệt, Bể tuần hoàn, Bình chân không, Buồng lạnh, Cân điện tử, Khay phơi, Khúc xạ kế, Máy cô quay, Máy đo pH, Máy ghép mí chân không, Máy phân tích ẩm, Máy quang phổ UV/VIS, Máy so màu, Tủ đông, Tủ đông khô, Tủ hút, Tủ lạnh, Tủ sấy, Thiết bị chiết xuất Soxhlet
104	Phòng thí nghiệm Công nghệ sau thu hoạch và Công nghệ sau thu hoạch tiên tiến, Bộ môn	181,50	2	Bể ổn nhiệt, Bộ thu thập dữ liệu không dây và cảm biến, Cân điện tử, Cân phân tích, Cột cho máy sắc ký ghép khối phổ, Đầu dò DO, Khúc xạ kế, Máy chuẩn độ điện thế, Máy đập mẫu, Máy đo độ nhớt, Máy đóng gói chân không, Máy khuấy từ gia nhiệt,

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
	Công nghệ sau thu hoạch, Viện Công nghệ sinh học và Thực phẩm			Máy ly tâm lạnh, Máy phân tích khí, Máy quang phổ UV/VIS, Máy sắc ký khối phổ, Máy so màu, pH kế, Sensor đo CO ₂ , Sensor đo độ ẩm đất, Sensor đo nhiệt độ, Sensor đo O ₂ , Tủ đông, Tủ đông sâu, Tủ hút, Tủ lạnh sinh học, Tủ sấy dụng cụ, Tủ sấy phân tích ẩm, Vortex
105	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật thực phẩm và Kỹ thuật thực phẩm tiên tiến, Bộ môn Công nghệ sau thu hoạch, Viện Công nghệ sinh học và Thực phẩm	417,19	4	Bể điều nhiệt, Bộ thu thập dữ liệu nhiệt, Bơm nhu động, Cảm biến, Camera nhiệt, Cân điện tử, Đầu ghi nhiệt độ và áp suất không dây, Hệ thống mô phỏng quá trình xử lý thực phẩm, Khúc xạ kế, Máy đo độ ngọt, Máy đo độ nhớt, Máy đo hoạt độ nước, Máy đông khô, Máy phân tích nhiệt quét vi sai, Nồi hấp tiệt trùng có bộ ghi dữ liệu, Tủ hút khí độc
106	Phòng thí nghiệm Hóa học thực phẩm tiên tiến, Bộ môn Công nghệ sau thu hoạch, Viện Công nghệ sinh học và Thực phẩm	107,77	1	Bể điều nhiệt, Bể điều nhiệt dầu, Bể điều nhiệt và lắc, Bơm nhu động, Cân điện tử, Máy đo độ ngọt, Máy đo độ nhớt, Máy đo hoạt độ nước, Máy khuấy từ, Máy ly tâm, Máy quang phổ UV/VIS, Tủ hút, Trạm phản ứng tương tự
107	Phòng thực hành Hóa vô cơ - Phân tích, Bộ môn Sư phạm Hóa học, Khoa Sư phạm	146,25	2	Bếp đun cách thủy 6 chỗ, Bồn rửa mắt và tắm khăn cấp, Cân kỹ thuật, Cân phân tích, Lò nung, Máy bơm chân không, Máy đo pH, Máy đo độ dẫn, Máy đo thể, Máy khuấy từ, Máy ly tâm, Máy quang phổ, Máy UV-Vis, Tủ hút, Tủ lạnh, Tủ sấy
108	Phòng thực hành Hóa cơ sở - Hoá lý, Bộ môn Sư phạm Hóa học, Khoa Sư phạm	87,75	1	Bể điều nhiệt, Bộ xác định điểm đông đặc, Bồn siêu âm, Cân kỹ thuật, Lò nung, Máy cất nước 1 lần, Máy đo độ dẫn, Máy đo pH, Máy đo pH/ORP/nhiệt độ, Máy khuấy từ, Máy ly tâm, Phân cực kế, Tủ hút khí độc, Tủ lạnh, Tủ sấy, Thiết bị đo sức căng bề mặt, Thiết bị xác định khối lượng phân tử chất lỏng
109	Phòng thí nghiệm Hóa sinh - Hữu cơ, Bộ môn Sư phạm Hóa học, Khoa Sư phạm	87,75	1	Bếp cách thủy 6 chỗ, Bộ chưng cất tinh dầu, Bồn rửa mắt và tắm khăn cấp, Bơm hút chân không, Cân điện tử, Máy cô quay, Máy cô quay đứng, Máy khuấy từ gia nhiệt, Tủ chống ẩm, Tủ hút khí độc, Tủ lạnh, Tủ sấy
110	Phòng thực hành Phương pháp giảng dạy Hoá học, Bộ môn Sư phạm Hóa học, Khoa Sư phạm	117,00	1	Bồn rửa mắt và tắm khăn cấp, Máy điều hòa không khí, Máy đo pH, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy chiếu, Tủ hút khí độc, Tủ lạnh, Tủ sấy

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
111	Phòng thí nghiệm Thực vật, Bộ môn Sư phạm Sinh học, Khoa Sư phạm	81,00	1	Bộ kính hiển vi có gắn camera KTS, Bộ máy vi tính, Camera KTS, Cân điện tử, Kính hiển vi, 63 kính hiển vi các loại, 50 kính lúp các loại, Máy chiếu vật thể, Máy định vị GPS, Máy đo cây đa năng, Máy lác, Máy ly tâm, Máy sấy lạnh, Tủ bảo quản kính hiển vi, Tủ lạnh, Tủ sấy
112	Phòng thí nghiệm Động vật, Bộ môn Sư phạm Sinh học, Khoa Sư phạm	81,00	1	Đèn râu đôi halogen, 46 kính hiển vi các loại, Máy chiếu vật thể Samsung, Máy lạnh, Máy vi tính, Tivi, Tủ bảo quản kính hiển vi, Tủ lạnh, Thước palme điện tử
113	Phòng thí nghiệm Sinh lý động vật, Bộ môn Sư phạm Sinh học, Khoa Sư phạm	87,75	1	Kính hiển vi nối camera KTS, Bộ xương người plastic, Cân kỹ thuật điện tử, 25 kính hiển vi các loại, Máy cắt mẫu, Máy khuấy từ, Máy ly tâm, Máy quang phổ tử ngoại khả kiến, Mô hình cơ thể người, Mô hình hệ sinh dục nam, Mô hình hệ sinh dục nữ, Mô hình hệ tiêu hóa, Mô hình mắt, Mô hình não & mạch máu, Mô hình phôi, Mô hình sự phát triển thai, Mô hình tim phóng to hai lần, Mô hình tủy sống, Mô hình thận, Mô hình xương người, Mô hình xương sọ, Nồi hấp vô trùng, Cơ động ký, Tủ cấy, Tủ lạnh, Tủ sấy, Tủ ủ
114	Phòng thực hành Phương pháp giảng dạy Sinh học, Bộ môn Sư phạm Sinh học, Khoa Sư phạm	87,75	1	Kính hiển vi nối camera KTS, Camera KTS, Cân điện tử, Cân kỹ thuật, Kính hiển vi sinh học, Kính hiển vi một thị kính, Máy chiếu, Máy vi tính, Tivi, Tủ bảo quản kính hiển vi, Tủ lạnh
115	Phòng thực hành Vật lý đại cương, Bộ môn Sư phạm Vật lý, Khoa Sư phạm	279,95	3	Các Bài thí nghiệm: Định luật Biot-Svarts-Lapalac, Đo lực của dòng điện trong từ trường, Đo từ trường trái đất, Hiện tượng giao thoa, Hiện tượng khúc xạ+phân cực, Hiện tượng nhiễu xạ qua khe hẹp, Mạch cầu Wheastone, Mạch RLC, Máy biến thế, Quang phổ và giác kế, BJT, FET, Chỉnh lưu diode, Khảo sát đặc tuyến diode, transistor, Mạch khuếch đại thuật toán, Mạch logic số, Mạch tuần tự, mạch đếm, Đo hằng số hấp dẫn, Đo moment quán tính, Đo sức căng mặt ngoài, Hiện tượng bức xạ nhiệt, Hiệu ứng con quay, Hiệu ứng nhiệt, Khảo sát sóng âm, Khảo sát sóng cơ học, Quá trình nhiệt động, Các đại lượng cơ bản, Dao động con lắc đơn, Đệm không khí, Hiệu ứng Doppler âm thanh, Nhiệt dung riêng của chất khí, Nhiệt dung riêng kim loại, Phương trình trạng thái khí lý tưởng, Rơi tự do, Sự nở vì nhiệt của chất rắn và chất lỏng, Xác định bước sóng của ánh sáng trắng, Xác định bước sóng của ánh sáng, Cân điện tử, Dao động ký, Dao động nghiệm, Interface, Kính thiên văn, Máy đo, Máy đo kim, 10 bộ máy vi tính

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
116	Phòng thực hành Phương pháp giảng dạy Vật lý, Bộ môn Sư phạm Vật lý, Khoa Sư phạm	81,00	1	Các Bài thí nghiệm: Điện-Electricity, Khảo sát lực đàn hồi và Khảo sát cân bằng của vật rắn có trục quay, quy tắc momen lực, Cobra 4 không dây, Sensor Cobra4 đo: độ ẩm, áp suất khí quyển, Chứng minh hiệu ứng quang điện, Chứng minh quang dẫn, Điện tích – điện trường, Điện từ ETS đầy đủ, Đo chiết suất của nước, Đo gia tốc rơi tự do, Đo hệ số căng mặt ngoài, Đo hệ số ma sát trượt, Đo thành phần nằm ngang của từ trường trái đất, Đo vận tốc truyền âm trong không khí, Ghi đồ thị dao động của con lắc đơn, Lực từ và cảm ứng điện từ, Quang hình, Quang hình chứng minh, TESS cơ học, TESS điện – điện từ, TESS nhiệt học, TESS quang học, TESS quang học trộn màu, TESS từ học, Cảm ứng từ, Chuyển động thẳng đều, Dao động cơ học, Dao động cơ học, Dòng điện không đổi, Dòng điện không đổi, Dòng điện trong các môi trường, Đệm không khí, Đo từ trường trái đất, Đo vận tốc âm, Hiện tượng quang điện ngoài, Hiện tượng tự cảm, Mạch điện xoay chiều, Mạch điện xoay chiều, Máy biến áp và truyền tải điện năng đi xa, Máy phát điện xoay chiều ba pha, Momen quán tính của vật rắn, Qui tắc hợp lực song song và đồng qui, Sóng dừng, Xác định bước sóng ánh sáng, Chuyển động cơ học và va chạm, Kính ngắm quang phổ, Khảo sát chuyển động rơi tự do, Máy phát âm tần, Máy Rumcoop, Nghiệm qui tắc hợp lực đồng qui, song song, Xác định hệ số căng bề mặt của chất lỏng.
117	Phòng thực hành Phương pháp giảng dạy Địa lý, Bộ môn Sư phạm Địa lý, Khoa Sư phạm	43,20	2	Bộ gương máy trắc địa, Bộ thiết bị dạy học lớp 10, 11, 12, Máy định vị GPS, Máy kinh vĩ điện tử, Máy toàn đạc điện tử, Máy thủy bình tự động, Mẫu đá địa chất, Mía máy
118	Phòng thực hành Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, Bộ môn Sư phạm Toán, Khoa Sư phạm	257,60	4	06 máy điều hòa nhiệt độ, 106 bộ máy tính
119	Phòng thực hành Âm nhạc, Bộ môn Giáo dục tiểu học mầm non, Khoa Sư phạm	192,00	1	20 đàn Organ, Máy lạnh, Tivi
120	Phòng thực hành Mỹ thuật, Bộ môn	18,00	1	Máy lạnh

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
	Giáo dục tiểu học mầm non, Khoa Sư phạm			
121	Phòng thí nghiệm Môi trường thủy sản và Môi trường thủy sản tiên tiến, Khoa Thủy sinh học ứng dụng, Trường Thủy sản	357,88	5	231 bể cá, Bộ chung cất đạm, Bộ phân tích COD, Buồng đếm phiêu sinh vật, Cân điện tử, Cân phân tích, CNS Analyzer, Hệ thống đo BOD, Hệ thống phân tích Dialysis, Hệ thống sắc ký ION, 23 kính hiển vi các loại, Kính lúp, Khúc xạ kế, Lò nung, Máy bơm chìm, Máy đo BOD Oxidirect, Máy đo COD, Máy đo chất lượng nước, Máy đo độ đục, Máy đo pH, Máy đo vận tốc dòng chảy, Máy đọc Microplate, Máy lọc nước, Máy ly tâm, Máy nghiền, Máy quang phổ, Máy so màu, Máy so màu quang phổ UV-VIS, Máy thổi khí, Micro balance, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ âm, Tủ cấy, Tủ cấy vô trùng, Tủ đông khô, Tủ đựng kính hiển vi, Tủ hoá EFD-B1, Tủ hút khí độc, Tủ lạnh, Tủ mát, Tủ sấy, Thiết bị chung cất COD, Thiết bị lấy mẫu bùn, Trắc vi thị kính, Water bath
122	Phòng thí nghiệm Thức ăn tự nhiên và Thức ăn tự nhiên tiên tiến, Khoa Thủy sinh học ứng dụng, Trường Thủy sản	70,30	2	Bơm nhu động, Cân điện tử, Hệ thống luân trùng, 07 kính hiển vi, Máy đo pH, Máy ly tâm, Máy tạo CO ₂ , Máy tạo Ozone, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ âm lạnh, Tủ âm tảo, Tủ đông -20°C, Tủ đông -86°C, Tủ đựng kính hiển vi, Tủ sấy
123	Phòng thí nghiệm Công nghệ chế biến thủy sản, Khoa Chế biến thủy sản, Trường Thủy sản	330,24	8	Bể đánh sóng siêu âm, Cân, Cân phân tích, Hệ thống cô quay chân không, Hệ thống đo hô hấp cá, Hệ thống sắc ký khí kết hợp đầu dò ECD và FID, Hệ thống sắc ký lỏng ghép khối phổ HPLC, Hệ thống sắc ký lỏng kết hợp đầu dò UV và Fluorescence, Hệ thống tuần hoàn nuôi cá có bộ phận xử lý nước, Hệ thống phân tích đạm tự động, Hệ thống phân tích nhiệt lượng Calorim, 07 kính hiển vi các loại, Khúc xạ kế, Lò vi sóng phá mẫu, Máy cắt mẫu mô học, Máy công phá đạm kín, Máy chỉnh nhiệt tự động, Máy chung cất đạm, Máy đập nguyên liệu, Máy điện di ngang, Máy điều chỉnh CO ₂ tự động, Máy điều hòa, Máy đo áp suất thẩm thấu, Máy đo độ nhớt, Máy đo ion Clo, Máy đo ion Na, K, Máy đo oxy, Máy đo pH, Máy đồng nhất mẫu, Máy ELISA, Máy ép viên thức ăn, Vortex, Máy khuấy từ, Máy lắc ngang, Máy lọc nước RO, Máy ly tâm, Máy nâng nhiệt khô, Máy nghiền mẫu, Máy PCR, Máy so màu quang phổ, Máy so màu quang phổ VIS, Nồi thanh trùng, Tủ âm, Tủ cấy vi sinh, Tủ đông, Tủ hút khí độc, Tủ lạnh, Tủ mát, Tủ nung, Tủ sấy, Tủ ủ, Water bath

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
124	Phòng thí nghiệm Sinh lý thủy sản và Sinh lý thủy sản tiên tiến, Khoa Thủy sinh học ứng dụng, Trường Thủy sản	216,03	3	Bể điều nhiệt, Bình Nitơ lỏng, Cân điện tử, Hệ thống đo CO ₂ trong nước, Hệ thống đọc Gel, Hệ thống kiểm soát oxy bể nuôi, Hệ thống luân nhiệt, Hệ thống sắc ký lỏng và sắc ký lỏng siêu hiệu năng, 07 kính hiển vi các loại, Máy cắt tiêu bản, Máy đo áp suất thẩm thấu, Máy đo chất lượng nước, Máy đo DO, Máy đo khí máu, Máy đo pH, Máy đồng hóa, Máy đúc mẫu paraffin, Máy gia nhiệt khô, Máy khuấy, Máy làm đá, Máy luân nhiệt, Máy ly tâm, Máy nhuộm mô, Máy quang phổ, Máy trộn, Máy xử lý mô tự động, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ âm, Tủ cấy, Tủ đông sâu, Tủ đựng kính hiển vi, Tủ hút, Tủ sấy, Thiết bị lên men
125	Phòng thí nghiệm Nguồn lợi thủy sản, Khoa Quản lý và Kinh tế nghề cá, Trường Thủy sản	225,36	3	Bộ dụng cụ đo lưu lượng, Bộ nhãn đánh dấu, Bộ thước đo cá, Cân điện tử, Dụng cụ đánh bóng cá, Dụng cụ đánh dấu, Dụng cụ đo lưu lượng, Dụng cụ thu hút cá, 26 kính hiển vi các loại, Kính lúp, Máy bắn cá, Máy chiếu, Máy vi tính, Máy định vị, Máy đo chất lượng nước, Máy đọc nhãn code, Máy quay Video và màn hình, Pipette, Tủ đông -30°C, Tủ đựng kính hiển vi, Thiết bị kiểm soát cá, Thiết bị lặn siêu âm
126	Phòng thí nghiệm Sinh học nghề cá, Khoa Quản lý và Kinh tế nghề cá, Trường Thủy sản	216,92	2	Bẫy cá chình, Bẫy tôm, Bộ ghi dữ liệu mặn, Camera chống nước, Camera kỹ thuật số, Cân điện tử, Dipnet, Dụng cụ bắt cá bằng điện, Dụng cụ đánh dấu, Dụng cụ đo lưu lượng, Dụng cụ thu hút cá, Dụng cụ thu thập sinh vật phù du, Đĩa mài kim cương, Kính hiển vi, Kính lúp, Máy chiếu, Máy vi tính, Máy dò cá, Máy đếm cá, Máy đọc nhãn code, Máy quay chống nước, Máy quay Video và màn hình, Pipette
127	Phòng thí nghiệm Sinh học sinh sản cá, Mô và Phôi động vật thủy sản – Di truyền thủy sản, Khoa Kỹ thuật nuôi thủy sản nước ngọt, Trường Thủy sản	214,47	3	Bàn soi gel, Bể cấy mô, Bể ổn nhiệt, Bộ nguồn cho hệ thống điện di, Bộ pipet, Buồng áp suất, Cân, Hệ thống điện di, Hệ thống li trích nucleic acid tự động, Hệ thống nhân gen thời gian thực, Kính hiển vi, Máy âm lắc, Máy cắt vi thể, Máy chiếu, Máy đo độ mặn, Máy đo pH, Máy đọc gel, Máy làm ấm kính đựng mẫu, Máy làm mát nước, Máy luân nhiệt, Máy ly tâm, Máy quang phổ định lượng DNA/RNA/PROTEIN, Máy trộn mẫu, Máy vùi mô, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ âm, Tủ cấy vô trùng, Tủ đông sâu, Tủ hút, Tủ lạnh, Tủ mát, Tủ sấy, Tủ sấy lai, Tủ thao tác PCR, Thiết bị khuấy từ
128	Phòng thí nghiệm Dinh dưỡng thủy sản và Dinh dưỡng	143,44	2	Bộ chiết xuất Soxhlet, Bộ chưng cất đạm, Lò nung, Máy cho ăn nổi, Pallet và máy nghiền, Máy đo pH, Máy đồng hóa áp lực cao, Máy nghiền, Máy phân

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiểu phòng	Các trang thiết bị chính
	thủy sản tiên tiến, Khoa Kỹ thuật nuôi thủy sản nước ngọt, Trường Thủy sản			tích xơ, Máy quang phổ, Máy so màu, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ đông khô, Tủ sấy
129	Trại thí nghiệm giống thủy sản nước ngọt, Khoa Kỹ thuật nuôi thủy sản nước ngọt, Trường Thủy sản	2.268,60	13	Bơm nước, Cân, Cân điện tử, Hệ thống cung cấp khí, Hệ thống cung cấp nước, Hệ thống cung cấp oxy tự động, Hệ thống giữ nhiệt tự động, Hệ thống tuần hoàn cho ương giống tôm/cá, Hệ thống tuần hoàn nuôi vỗ tôm/cá bố mẹ, Kính hiển vi có gắn hệ thống chụp hình, 12 kính hiển vi, Kính lúp, Lưu lượng nước, Máy cho cá ăn tự động, Máy định vị, Máy đo độ mặn, Máy đo môi trường nước, Máy đo oxy, Máy đo pH cầm tay, Máy đọc chip theo dõi tôm, cá, Máy làm mát, Máy quay và phân mềm theo dõi tập tính cá, Máy thổi khí Busch, 08 bộ máy vi tính, Tủ đông, Tủ lạnh
130	Phòng thí nghiệm Bệnh học thủy sản, Khoa Bệnh học thủy sản, Trường Thủy sản	356,73	5	Bàn soi Gel, Bể khuấy điều nhiệt, Bể khuấy ổn nhiệt, Bộ nguồn, Bộ tiêm đa điểm, Bơm định lượng, Buồng chân không, Buồng lạnh, Cân điện tử, Đệm gel và lược, Hệ thống chuyển màn, Hệ thống đọc Gel, Kính hiển vi, Máy dập vi mẫu, Máy điện di Protein, Máy đo pH, Máy đọc Microplate, Máy gia nhiệt, Máy khuấy siêu âm, Máy khuấy từ, Máy khử trùng khô, Máy làm đá, Máy lắc, Máy lắc gia nhiệt, Máy lắc vòng, Máy luân nhiệt, Máy ly tâm, Máy phân tích Elisa, Máy quang phổ, Máy trộn, Máy ủ nhiệt, Máy xung gene, Micropipette, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ an toàn sinh học, Tủ âm, Tủ cấy, Tủ đông sâu, Tủ lạnh, Tủ sấy
131	Phòng thí nghiệm Công nghệ sinh học thủy sản, Khoa Bệnh học thủy sản, Trường Thủy sản	283,73	5	Bể điều nhiệt, Bể khuấy điều nhiệt, Bể lai hóa, Bình Nitor lỏng, Bộ nguồn, Buồng lạnh, Cân điện tử, Đệm gel và lược, 06 kính hiển vi các loại, Máy cắt tiêu bản, Máy điện di đa năng, Máy đọc Microplate, Máy đồng hóa, Máy khuấy từ, Máy khử trùng khô, Máy lắc, Máy lọc huỳnh quang, Máy lọc nước, Máy luân nhiệt, Máy ly tâm, Máy nhúng Parifin, Máy rửa siêu âm, Máy ủ nhiệt khô với lắc, Tủ an toàn sinh học, Tủ âm, Tủ cấy, Tủ đông sâu, Tủ hút, Tủ lạnh, Tủ sấy, Thiết bị làm âm Slide
132	Phòng thí nghiệm An toàn thực phẩm thủy sản và An toàn thực phẩm thủy sản tiên tiến, Khoa Chế biến	143,44	2	Bể điều nhiệt, Bộ chuyển màn, Cân điện tử, Máy cô quay, Máy dập mẫu vi sinh, Máy đo pH, Máy đồng hóa, Máy đông khô, Máy khuấy từ, Máy lắc vòng, Máy ly tâm lạnh, Máy quang phổ, Máy quang phổ hấp thu nguyên tử, Tủ hút

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
	thủy sản, Trường Thủy sản			
133	Phòng thí nghiệm Vi sinh chế biến thủy sản và Vi sinh chế biến thủy sản tiên tiến, Khoa Chế biến thủy sản, Trường Thủy sản	143,07	2	Bể điều nhiệt, Bình Nitơ lỏng, Burette, Cân điện tử, 04 kính hiển vi các loại, Máy đập mẫu vi sinh, Máy đếm khuẩn lạc, Máy đo chất lượng nước, Máy đo nhiệt độ và ẩm độ, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy lắc vòng, Máy luân nhiệt, Máy ly tâm lạnh, Tủ ẩm, Tủ cấy, Tủ đông -80°C, Tủ lạnh, Tủ sấy
134	Phòng thí nghiệm Chế biến thủy sản tiên tiến, Khoa Chế biến thủy sản, Trường Thủy sản	288,96	7	Bàn fillet, Bàn soi kí sinh trùng, Cân điện tử, Hệ thống DNA, Hệ thống đo thẩm thấu, Hệ thống phân tích đạm, Hệ thống thủy lực-đo đạt dòng chảy, 40 kính hiển vi các loại, Lò hun khói bằng điện, Máy cô quay, Máy đo cường độ ánh sáng, Máy đo đa năng, Máy ghép mí chân không, Máy ghép mí đồ hộp, Máy lắc vòng, Máy ly tâm, Máy quét chả cá, Máy thanh trùng, Máy trộn, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ ẩm lạnh, Tủ đông sâu, Tủ mát, Tủ sấy
135	Phòng thí nghiệm Bệnh học thủy sản cơ bản, Khoa Bệnh học thủy sản, Trường Thủy sản	55,00	1	Bàn đọc gel, Bàn là ẩm, Block heat Pierce, Bộ chuyển gen bằng màng xung điện, Bộ điện di ngang, Bộ nghiền mô, Bộ nguồn điện di, Buồng thao tác sinh học, Cân, DNA Vacuum concentration system, Hệ thống chuyển màng, Hệ thống khuếch đại gen, Hệ thống khuếch đại gene, Hệ thống phân tích ảnh gel, Hệ thống quang phổ, 28 kính hiển vi các loại, 13 kính lúp, Khối ổn nhiệt, Lò lai phân tử, Máy cắt vi mẫu, Máy chụp hình Gel, Máy đo Oxy, Máy đo pH, Máy đúc khối, Máy khuấy từ, Máy khuấy từ có gia nhiệt, Máy làm lạnh, Máy lắc, Máy lọc nước, Máy ly tâm, Máy nhuộm mẫu, Máy PCR, Máy so màu UV-Vis, Máy tạo nước đá, Máy vi tính, Máy xử lý mẫu, Nồi autoclave, Nguồn điện di, Tủ đông sâu, Tủ ẩm, Tủ cấy, Tủ cấy vô trùng, Tủ hút, Tủ lạnh, Tủ mát, Tủ sấy, Tủ ủ, Vortex, Water bath
136	Trại thí nghiệm Giống thủy sản nước lợ, Khoa Kỹ thuật nuôi hải sản, Trường Thủy sản	1.216,40	7	353 bể các loại, Kính hiển vi, Kính lúp, Lọc cát, Lọc sinh học, Lọc than, Máy cá ăn tự động, Máy nghiền thức ăn, Máy ozone, Máy phát điện, Máy tách đạm, Máy thổi khí, Tivi, Tủ cấy vi sinh, Tủ đông, Tủ lạnh, Tủ sấy
137	Phòng thực hành Kỹ thuật rau hoa quả và cảnh quan, Khoa Sinh lý-Sinh hóa, Trường Nông Nghiệp	62,51	1	Bộ dao kéo các loại, Dụng cụ đo pH cầm tay, Ống đong,...

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiểu phòng	Các trang thiết bị chính
138	Phòng thí nghiệm Dinh dưỡng và Hình thái cây trồng, Khoa Khoa học cây trồng, Trường Nông Nghiệp	128,00	2	Bếp chung cách thủy, Bộ hóa hơi lạnh cho máy hấp thụ nguyên tử, Bộ phá hủy mẫu theo phương pháp Kjeldahl, Buồng tăng trưởng thực vật, Kính hiển vi huỳnh quang, Kính Loupe, Khúc xạ kế đo độ muối, Lò nung, Lò sấy, Máy cắt vi mẫu, Máy đo cường độ ánh sáng, Máy đo diện tích lá, Máy đo diệp lục tố, Máy đo độ ẩm hạt lúa, gạo, Máy đo EC, Máy đo nồng độ Oxy hòa tan, Máy đo pH, Máy đồng hóa mẫu, Máy khuấy, Máy ly tâm, Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS, Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử, phân tích các nguyên tố dinh dưỡng, Máy quang phổ UV-VIS, Tủ an toàn sinh học, Tủ đông, Tủ lạnh
139	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật cây trồng, Khoa Khoa học cây trồng, Trường Nông Nghiệp	214,78	2	Máy chung cắt đọt tự động, Máy ly tâm, Nồi hấp dạng đứng, Tủ ẩm lắc chính xác cao, Tủ cây vô trùng
140	Phòng thí nghiệm Nấm ăn và Dược liệu, Bộ môn Khoa học cây trồng, Trường Nông Nghiệp	145,03	1	Cân phân tích, Kính hiển vi, Máy đo nhiệt độ-độ ẩm, Máy lắc, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ ẩm, Tủ cây vô trùng, Tủ đông, Tủ lạnh, Tủ sấy
141	Phòng thí nghiệm Sinh lý thực vật, Khoa Sinh lý-Sinh hóa, Trường Nông Nghiệp	112,00	1	Autoclave, Băng chuyền máy đo diện tích lá, Bếp đun cách thủy kết hợp với lắc, Bếp khuấy từ, Bộ áp kế đo hô hấp thực vật, Buồng đo CO ₂ trong đất, Buồng kiểm tra nhiệt ẩm, Buồng lạnh, Buret, Cân kỹ thuật, Cân phân tích, Chiết quang kế, Hệ thống cung cấp CO ₂ trong quang hợp, Hệ thống đo huỳnh quang, Hệ thống máy quang phổ tử ngoại khả kiến, 10 kính hiển vi các loại, Kính lúp, Khúc xạ kế, Lux metex, Máy bơm Oxy, Máy điện di giấy cải tiến, Máy điều hòa điện thế, Máy đo ánh sáng, Máy đo bốc thoát hơi nước của lá, Máy đo Brix, Máy đo diện tích lá, Máy đo diệp lục, Máy đo độ ẩm hạt, Máy đo độ cứng, Máy đo độ dẫn, Máy đo màu sắc trái, Máy đo Microvolt điễm sương, Máy đo pH, Máy đo PO xách tay, Máy đo quang hợp, Máy đo thế năng màng tế bào, Máy đo thế năng nước của lá, Máy ép bọc, Máy lắc, Máy ly tâm, Máy quang phổ, Máy rửa siêu âm, Máy vi tính, Nồi chung cách thủy, Nhiệt ẩm kế điện tử, Nhiệt kế điện tử, Photosynther, Quang phổ kế, Spectro photo meter, Tủ đông, Tủ hút khí độc, Tủ lạnh, Tủ sắc ký, Tủ sấy, Tủ sinh trắc nghiệm nhiệt độ thấp, Tủ úm

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
142	Phòng thí nghiệm Sinh hóa, Khoa Sinh lý-Sinh hóa, Trường Nông Nghiệp	146,40	2	Bể ổn nhiệt, Bếp cách thủy, Bộ chưng cất đạm bán tự động, Bộ dụng cụ tiến hóa tế bào, Bộ điện di, Bộ hút khí độc, Bộ phá mẫu Kejdahl, Bộ phân tích béo, Cân điện tử, Hệ thống chưng cất nước, Hệ thống làm khô lạnh, Hệ thống phân tích sơ, Hệ thống sắc ký, Máy cất quay chân không, Máy đo pH, Máy đo quang phổ, Máy đồng hóa mẫu, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy khử trùng Sigma, Máy lắc, Máy ly tâm lạnh, Máy nhân gen PCR, Máy quang phổ, Máy rửa siêu âm, Máy trộn, Tủ ấm CO ₂ , Tủ đông, Tủ hút hơi độc, Tủ lạnh, Tủ sấy dụng cụ, Tủ sấy mẫu phân tích, Vortex mixer
143	Phòng thí nghiệm Sinh hóa tiên tiến, Khoa Sinh lý-Sinh hóa, Trường Nông Nghiệp	145,15	1	Bình đựng khí ni tơ lỏng, Bộ nguồn cho hệ thống điện di, Cân, Kính hiển vi, Máy đo diệp lục tố, Máy đo độ dẫn điện, Máy đo pH, Máy đồng hoá, Máy lắc, Máy ly tâm, Máy nhân gen, Máy quang phổ tử ngoại khả kiến, Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao, Tủ an toàn sinh học, Tủ ấm, Tủ đông
144	Phòng thí nghiệm Công nghệ mô và Tế bào thực vật, Khoa Sinh lý-Sinh hóa, Trường Nông Nghiệp	314,66	5	Autoclave, Cân kỹ thuật, Kính hiển vi, Máy đo độ dẫn điện, Máy đo pH, Máy lắc, Máy ly tâm, Máy quang phổ tử ngoại khả kiến, Micropipet, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ an toàn sinh học, Tủ cấy, Tủ lạnh, Tủ sấy
145	Phòng thí nghiệm Di truyền thực vật, Khoa Di truyền và Chọn giống cây trồng, Trường Nông Nghiệp	289,14	3	Bể ổn nhiệt, Bể rửa siêu âm, Bộ điện di ngang, Cân điện tử, CORNEX, Hệ thống lọc chân không, Hệ thống nhân gen thời gian thực, Kho lạnh BSL, Máy chụp và phân tích hình ảnh gel điện di, Máy đo ẩm độ, Máy đo pH, Máy đo quang phổ, Máy khuấy gia nhiệt, Máy khuấy từ, Máy lắc, Máy luân nhiệt, Máy ly tâm, Máy quang phổ, Máy tiệt trùng, Máy vi tính, Máy ủ nước, Máy ủ nhiệt khô, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ an toàn sinh học, Tủ ấm lắc, Tủ âm sâu, Tủ hút, Tủ lạnh, Tủ sấy, Tủ sinh trưởng
146	Phòng thí nghiệm Chọn giống cây trồng tiên tiến, Khoa Di truyền và Chọn giống cây trồng, Trường Nông Nghiệp	313,03	3	Bể ổn nhiệt, Cân, Hệ thống điện di, Hệ thống điện di protein, Khúc xạ kế dùng đo chỉ số, Lò vi sóng, Máy đo độ ẩm hạt, Máy đo độ dẫn điện, Máy đo pH, Máy khuấy gia nhiệt, Máy lắc, Máy lắc, Máy luân nhiệt, Máy ly tâm, Máy quang phổ, Tủ mát, Thiết bị hút mẫu
147	Phòng thí nghiệm Sinh hóa thực vật, Khoa Di truyền và Chọn giống cây	180,18	2	Bàn đếm và soi sự tinh khiết, Pipet, Cân, Kính lúp, Khay đếm vị trí, Máy đếm, Máy đo lưu lượng, Máy đồng hoá siêu âm, Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao, Máy sấy khô, Máy tách dầu trong hạt, Phòng trữ lạnh, Sắc ký khí, Tủ hút, Tủ lạnh, Tủ sấy

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
	trồng, Trường Nông Nghiệp			
148	Phòng thí nghiệm Bệnh cây - Khoa Bảo vệ thực vật, Trường Nông Nghiệp	160,00	2	Bếp cách thủy, Cân, Đèn UV, Tủ lạnh, Hệ thống điện di ngang, Hệ thống đọc gel, Hệ thống lọc nước, 10 kính hiển vi các loại, Máy đo pH, Máy đo quang phổ, Máy đọc Elisa, Máy đông khô, Máy khuấy từ, Máy lạnh, Máy lắc, Máy ly tâm, Máy rửa siêu âm, Máy trộn, Microwave, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ cấy vi sinh, Tủ đông sâu, Tủ hấp thanh trùng, Tủ hút khí độc, Tủ sấy, Tủ úm
149	Phòng thí nghiệm Côn trùng-Hóa bảo vệ thực vật, Khoa Bảo vệ thực vật, Trường Nông Nghiệp	128,00	2	Autoclave, Cân điện tử, Tủ hút khí độc, 05 kính hiển vi các loại, 05 kính lúp, Máy đo độ lux ánh sáng, Micropipette, Tủ cấy, Tủ đông, Tủ mát, Tủ sấy, Tủ úm
150	Phòng thí nghiệm Phòng trừ sinh học, Khoa Bảo vệ thực vật, Trường Nông Nghiệp	126,00	2	Buồng đếm hồng cầu, Cân phân tích, Hệ thống điện di đứng, 22 kính hiển vi các loại, Lòng áp, Máy ly tâm, Máy áp trứng, Máy cô quay, Máy đo pH, Máy đo quang phổ, Máy đồng hóa, Máy khuấy từ, Máy làm đá, Máy nghiền, Máy trộn, Microwave, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ cấy vi sinh, Tủ đông -35°C, Tủ hấp thanh trùng, Tủ hút, Tủ lạnh, Tủ sấy, Cân điện tử, Waterbath
151	Phòng thí nghiệm Công nghệ sinh học bảo vệ thực vật, Khoa Bảo vệ thực vật, Trường Nông Nghiệp	144,78	1	Bộ ghi dữ liệu nhiệt độ, độ ẩm, Cân, Hệ thống điện di, 04 kính hiển vi các loại, Máy cô quay, Máy đo pH, Máy khuấy từ, Máy lắc, Máy ly tâm, Máy nhân gen PCR, Nồi hấp tiệt trùng, Máy quang phổ định lượng DNA/RNA/PROTEIN, Tủ ấm, Tủ cấy vi sinh, Tủ hút khí độc, Tủ lạnh âm sâu -86°C, Tủ sấy
152	Phòng thí nghiệm Phân loại đất, Khoa Khoa học đất, Trường Nông Nghiệp	108,52	1	Biểu đồ màu đất, Dụng cụ lấy mẫu đất, Hệ thống lọc nước siêu sạch, Máy định vị cầm tay, Máy đo pH, Máy lắc, Máy ly tâm lạnh, Máy xử lý mẫu bằng sóng siêu âm, Phòng mát 4°C 8m ²
153	Phòng thí nghiệm Vi sinh vật đất và Vật lý đất tiên tiến, Khoa Khoa học đất, Trường Nông Nghiệp	214,29	3	Bộ đo Ksat, Bộ lấy mẫu đất vòng tròn, Bộ ring lấy mẫu đất nguyên thủy, Cân điện tử, Cân phân tích, Dụng cụ đo lực giữ nước của đất, Hệ thống đo tính thấm bão hòa, Hệ thống phân tích tính bền đoàn lạp, Hệ thống phân tích thành phần cơ giới đất, Hệ thống rây các cấp hạt, Hệ thống tensiometer đo ẩm độ đất ngoài đồng, Máy đo độ chặt, Máy phá mẫu vi sóng, Nồi nén đo điểm héo của đất, Pycnometer đo tỷ trọng đất, Sandbox đo khả năng giữ nước của đất, Tủ hút, Tủ sấy, Thiết bị đo độ ẩm đất, Thiết bị đo độ nén dẻo đất, Thiết bị đo mực nước ngầm, Thiết bị đo tính thấm ngoài đồng, Thiết bị lấy mẫu đất

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
154	Phòng thí nghiệm Hóa học đất và Hóa học đất tiên tiến, Khoa Khoa học đất, Trường Nông Nghiệp	353,15	2	Bếp chưng cách thủy, Bếp vô cơ mẫu, Bộ chuẩn độ điện thế, Cân phân tích, Dispenser, Hệ thống sắc ký ion, Lò nung mẫu, Máy đánh sóng siêu âm, Máy đo ẩm độ hạt, Máy đo pH & EC, Máy đông khô, Máy hấp thu nguyên tử, Máy lọc, Máy ly tâm, Máy nghiền mẫu đất, Máy nghiền mẫu thực vật, Máy quang phổ UV/VIS, Máy sắc ký lỏng, Máy Vortex, Máy vô cơ mẫu, Pipette, Tủ đông sâu, Tủ hút, Tủ lạnh, Tủ sấy
155	Phòng thí nghiệm Sinh học đất và Sinh học đất tiên tiến, Khoa Khoa học đất, Trường Nông Nghiệp	241,14	2	Cân đo ẩm độ, Cân phân tích, Dispenser, Hệ thống chạy điện di, Hệ thống chụp hình gel, Hệ thống đồng nhất mẫu, Hệ thống nước khử khoáng, Hệ thống PCR, Kính hiển vi, Kính hiển vi soi nổi, Lò vi sóng, Máy đánh sóng siêu âm, Máy đo pH, Máy lọc, Máy ly tâm, Máy quang phổ, Máy sắc ký khí ghép khối phổ, Máy tiệt trùng ướt, Tủ cấy, Tủ đông âm sâu - 20°C, Tủ hút, Tủ lạnh, Tủ sấy, Tủ ủ
156	Phòng thí nghiệm Dinh dưỡng vật nuôi và Công nghệ thức ăn, Khoa Chăn nuôi, Trường Nông Nghiệp	208,00	4	Bể ổn nhiệt, Bò giả, heo giả di động, Bộ chưng cất đạm, Bộ Soxhlet, Buồng khử trùng vật liệu cao su, Cân điện tử, Cân phân tích, Cân xác định độ ẩm, Chuồng nhốt gà thỏ TN Inox, Hệ thống chưng cất đạm bán tự động, Hệ thống điện di ngang, Hệ thống phá mẫu Kjeldahl, Hệ thống phân tích xơ, Kính hiển vi nổi, Máy ấp trứng, Máy cắt rom rạ/Máy xử lý cỏ khô, Máy chuẩn đoán mang thai ở gia súc, Máy đa kiểm tra chất lượng nước, Máy đa kiểm tra chất lượng trứng, Máy đếm tinh trùng tự động, Máy đo ánh sáng, Máy đo độ dai của thịt, Máy đo gió, Máy đo pH, Máy đo sữa, Máy đóng gói hút chân không, Máy Elissa sữa, Máy khuấy từ, Máy luân nhiệt PCR, Máy ly tâm, Máy ly tâm máu, Máy nghiền mẫu, Máy nghiền thức ăn gia súc, Máy phân tích chất lượng sữa tự động, Máy phân tích hóa tính nước tiểu, Máy quang phổ kế kiểm tra chất lượng tinh dịch heo, Máy quang phổ khả kiến, Máy quang phổ UV/VIS, Máy quét siêu âm chuẩn đoán trên heo, Máy rung, Máy sấy thức ăn gia súc, Máy thu hoạch cỏ, Máy ủ lactic, Máy vắt sữa bò, Micropipette, Mô hình bò cho huấn luyện, Nhiệt ẩm kế cầm tay, Nhiệt ẩm kế điện tử, Nhiệt lượng kế, pH kế, Tủ điều nhiệt trừ tinh trùng, Tủ đông, Tủ hút, Tủ lạnh, Tủ mát, Tủ nung, Tủ sấy, Tủ thanh trùng ướt, Thiết bị nuôi cấy vi sinh kỵ khí, Thiết bị nuôi cấy vi sinh hiếu khí, Thiết bị phân tích hóa học lâm sàng
157	Phòng thí nghiệm Cơ thể và Sinh lý vật nuôi, Khoa	272,00	4	Autoclave, Cân phân tích, Hệ thống gây mê tiểu gia súc, Kính hiển vi, Máy biến năng huyết áp và hệ thống cấp, Máy đa xét nghiệm nhanh ứng dụng lâm

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
	Chăn nuôi, Trường Nông Nghiệp			sàng và nghiên cứu, Máy đếm bạch cầu, Máy đếm khuẩn lạc, Máy đo đa thông số động vật, Máy đo điện tâm đồ, Máy đo pH, Máy đồng nhất hóa dung dịch, Máy khoan xương và cơ thân thịt, Máy làm sạch và khử trùng, Máy li trích dược liệu, Máy ly tâm, Máy ly tâm máu, Máy phân tích sinh hóa thú y, Máy thổi khí, Máy xét nghiệm huyết học, Mô hình cơ thể học, heo, gà, chó và Mô hình bộ xương heo, Phế dung kê, Tâm động ký, Tủ âm, Tủ đông, Tủ hút khí độc, Tủ lạnh, Tủ nung, Tủ sấy Volter Mixer
158	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật nuôi gia súc độc vị, Khoa Chăn nuôi, Trường Nông Nghiệp	176,00	3	Bể điều nhiệt, Bộ chưng cất đạm, Bộ dụng cụ kiểm tra Elisa, Bộ Hotplate & ổn áp, Bộ Soxhlet, Buồng đo chất thải gia súc, Buồng hút khí độc, Cân điện tử cho trọng lượng trâu bò, Cân điện tử, Cân phân tích, Hệ thống cảnh báo khí CO/NO ₂ , Hệ thống nuôi cấy vi khuẩn hiếm khí, Lò đốt động vật, Máy ấp trứng tự động, Máy cảnh báo nhiệt và tốc độ gió, Máy cắt động vật, Máy cắt lát thịt bò, Máy cất nước 2 lần, Máy đo cường độ vỏ trứng, Máy đo độ dày vỏ trứng KTS, Máy đo mỡ lưng heo, Máy đo pH, Máy đồng hóa, Máy giám sát bò và ngựa, Máy kiểm tra trứng, Máy kiểm tra vi khuẩn sữa, Máy khuấy từ, Máy khử nước bằng thép không gỉ, Máy lắc, Máy luân nhiệt phản ứng khuếch đại gen, Máy ly tâm lạnh, Máy nghiền mẫu, Máy phân tích axit béo bay hơi, Máy phân tích các nguyên tố, Máy phân tích CH ₄ /CO ₂ trong môi trường, Máy phân tích chất lượng sữa, Máy phân tích chất lượng trứng, Máy quang phổ, Máy realtime PCR, Máy rút, Máy rửa siêu âm, Máy so màu, Máy trộn, Máy trộn đều khí thải, Tủ điều hòa ẩm độ và nhiệt độ, Tủ đông, Tủ hút, Tủ lạnh, Tủ mát, Tủ nung, Tủ sấy, Thiết bị phát hiện khí độc
159	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật chăn nuôi gia súc nhai lại, Khoa Chăn nuôi, Trường Nông Nghiệp	64,00	2	Bể điều nhiệt, Pipette, Buồng đo chất thải gia súc, Buồng hút khí độc, Tủ âm lạnh, Cân điện tử, Cân điện tử cho trọng lượng trâu bò, Cân phân tích, Chuẩn phân tích Lipid, Hệ thống nuôi cấy vi khuẩn hiếm khí, Hệ thống than cân, Lò đốt động vật, Máy cắt động vật, Máy cắt lát thịt bò, Máy đo pH, Máy đồng hóa, Máy đông khô, Máy giám sát bò và ngựa, Máy kiểm tra vi khuẩn sữa, Máy khuấy từ, Máy lắc, Máy ly tâm, Máy nghiền mẫu, Máy phát hiện động dục ở bò, Máy phân tích Axit béo bay hơi, Máy phân tích các nguyên tố, Máy phân tích CH ₄ /CO ₂ trong môi trường, Máy phân tích chất lượng sữa, Máy trộn, Máy trộn đều khí thải để đo, Tủ ẩm nuôi cấy, Tủ điều hòa ẩm độ và nhiệt độ, Tủ đông -20°C, Tủ hút, Tủ lạnh, Tủ nung mẫu, Tủ sấy mẫu

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
160	Phòng thí nghiệm Công nghệ sinh học động vật, Khoa Chăn nuôi, Trường Nông Nghiệp	215,81	2	Bể điều nhiệt, Bộ máy tính, Pipet, Cân điện tử, Hệ thống chụp ảnh gel điện di, Hệ thống điện di, Kính hiển vi có camera, Kính hiển vi quang học, Máy chiếu, Máy đo pH, Máy khuấy từ, Máy ly tâm, Máy PCR, Máy quang phổ, Máy Realtime PCR, Máy spindown, Máy Thermal cycler PCR, Máy trộn đồng hóa mẫu, Máy vortex, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ an toàn sinh học class II, Tủ âm, Tủ hút khí độc, Tủ lạnh, Tủ âm sâu -86°C, Tủ UV, Thiết bị cấy chuyển phôi
161	Phòng thí nghiệm Thú y cơ sở, Khoa Thú y, Trường Nông Nghiệp	176,00	3	Autoclave, Bộ điện di, Hematocrit, 27 kính hiển vi các loại, Máy cắt tiêu bản, Máy chụp gel, Máy đo pH, Máy đúc mô bệnh phẩm, Máy huyết học, Máy PCR, Máy sinh hóa nước tiểu, Máy xử lý mô, Tủ âm có lắc
162	Phòng thí nghiệm Thú y chuyên ngành, Khoa Thú y, Trường Nông Nghiệp	256,00	2	Autoclave, Bộ điện di ngang, Bồng đếm, Bồng thao tác, Cân phân tích, Dụng cụ đếm khuẩn lạc, Hematocrit, Hệ thống điện di, Hệ thống phân tích kết quả điện di, Hệ thống quang trắc bán tự động, Hệ thống soi gel có kết nối máy tính, 32 kính hiển vi các loại, 08 kính lúp, Máy ấp trứng mini, Máy bơm chân không kết nối bộ ngưng, Máy chụp gel, Máy đo pH, Máy đo quang phổ, Máy khuấy từ, Máy lắc có điều chỉnh nhiệt, Máy lắc ủ, Máy luân nhiệt, Máy ly tâm, Máy PCR, Máy phân tích nước tiểu tự động, Máy quang phổ UV-Vis, Máy trộn mẫu, Tủ an toàn sinh học, Tủ âm lạnh, Tủ đông, Tủ đun parafin, Tủ hút, Tủ lạnh, Tủ sấy, Tủ sấy diệt trùng
163	Bệnh xá Thú y thực hành, Khoa Thú y, Trường Nông Nghiệp	380,50	3	Autoclave, Bàn mổ, Đèn mổ Million light, Máy giặt, Máy nội soi, Máy phát oxy, Máy X-Quang, Nhóm Máy trộn Vortex
164	Phòng thí nghiệm Dược lý thú y, Khoa Thú y, Trường Nông Nghiệp	144,78	1	Autoclave, Bể điều nhiệt tuần hoàn, Bể rửa siêu âm, Cân, Cân phân tích, Hệ thống lọc chân không, Kính hiển vi, Máy bơm chân không, Máy cô quay, Máy đo độ đục, Máy lắc, Máy ly tâm, Máy ly tâm chân không, Máy ly tâm máu, Máy nghiền, Máy sấy lạnh, Micropipette, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ âm, Tủ đông, Tủ lạnh, Tủ nung, Tủ sấy
165	Phòng thí nghiệm An toàn thực phẩm thú y, Khoa Thú y, Trường Nông Nghiệp	145,14	1	Bể ôn nhiệt, Cân phân tích, Hệ thống điện di, Máy điện di, Máy đo pH, Máy gia nhiệt, Máy khuấy từ, Máy làm đá, Máy lắc, Máy luân nhiệt, Máy ly tâm, Bộ máy tính, Micropipette, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ an toàn sinh học, Tủ âm, Tủ âm CO ₂ , Tủ đông sâu, Tủ lạnh, Tủ sấy, Tủ thao tác PCR

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
166	Phòng thí nghiệm Bệnh học thú y, Khoa Thú y, Trường Nông Nghiệp	145,03	1	Bể ổn nhiệt, Bộ điều khiển pipet, Micropipet, Bộ nguồn cho hệ thống điện di, Cân, Hệ thống điện di, Hệ thống thâm tách, Kính hiển vi, Kính hiển vi KTS, Máy cắt mô, Máy chụp và phân tích hình ảnh gel, Máy đo pH, Máy đồng hóa mô, Máy gia nhiệt, Máy in nhãn, Máy khuấy từ, Máy lắc, Máy luân nhiệt, Máy ly tâm, Máy nhúng mô, Máy xử lý mô, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ an toàn sinh học, Tủ đông -30°C, Tủ lạnh, Tủ mát, Tủ sấy, Thiết bị đọc đĩa ELISA
167	Phòng thí nghiệm Dịch tễ học thú y, Khoa Thú y, Trường Nông Nghiệp	145,15	1	Hệ thống nhân gene thời gian thực, Hệ thống phân tích tinh trùng, Máy đọc khay vi thể, Máy đồng hoá mô, Máy ly tâm, Bộ máy tính, Nồi hấp tiệt trùng, Tủ đông -30°C, Tủ lạnh, Tủ sấy, Tủ thao tác PCR, Thanh khuấy
168	Phòng thí nghiệm Bệnh truyền nhiễm động vật, Khoa Thú y, Trường Nông Nghiệp	146,29	1	Kính hiển vi đảo ngược, Kính hiển vi huỳnh quang đảo ngược, Máy ly tâm, Máy nội soi dùng cho thú y, Máy phát Oxy, Pipet, Tủ an toàn sinh học, Tủ đông -30°C, Tủ lạnh
169	Phòng thí nghiệm Sinh hoá, Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng Sông Cửu Long	64,00	1	Bể điều nhiệt, Cân điện tử, Cân phân tích, Kính hiển vi, Kính lúp, Máy hút chân không, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy bóc vỏ hạt, Máy cắt nước, Máy chia hạt, Máy đánh bóng hạt, Máy đo Oxy, Máy đo chiết xuất nước biển, Máy đo độ dẫn điện, Máy đo EC, Máy đo pH, Máy đo quang phổ, Máy đóng gói hạt, Máy hút chân không, Máy kiểm tra chất lượng hạt, Máy lắc, Máy ly tâm vi mẫu, Máy nghiền hạt, Máy nghiền mẫu, Máy sấy chân không, Máy so màu, Máy thổi hạt, Nồi áp suất, Nồi hấp khử trùng, Tủ ẩm, Tủ đông -25°C, Tủ đông sâu -80oC, Tủ lạnh, Tủ sấy
170	Phòng thực hành Máy tính, Trường Công nghệ thông tin & Truyền thông	1.632,00	23	09 máy chiếu, 39 máy điều hòa nhiệt độ, 939 bộ máy tính, 06 tivi, 50 thiết bị mạng
171	Phòng thí nghiệm Mạng máy tính, truyền thông di động và dữ liệu lớn, Khoa Mạng máy tính và Truyền thông, Trường Công nghệ thông tin & Truyền thông	144,00	2	02 máy điều hòa nhiệt độ, 93 bộ máy tính, 06 server tính toán, 04 thiết bị mạng)
172	Phòng thí nghiệm Hệ thống thông tin tích hợp, Khoa Hệ	192,00	2	04 máy điều hòa nhiệt độ, 120 bộ máy tính, 02 tivi, 06 thiết bị mạng

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiêu phòng	Các trang thiết bị chính
	thống thông tin, Trường Công nghệ thông tin & Truyền thông			
173	Phòng thí nghiệm Thị giác máy tính và Xử lý ảnh, Khoa Khoa học máy tính, Trường Công nghệ thông tin & Truyền thông	144,00	2	03 máy điều hòa nhiệt độ, 82 bộ máy tính, 05 thiết bị mạng
174	Phòng thực hành Máy tính, Khoa Khoa học xã hội và nhân văn	93,60	1	42 bộ máy tính
175	Phòng chuyên đề, Khoa Sau đại học	90,00	1	02 máy điều hòa nhiệt độ, 37 bộ máy tính bàn
176	Phòng thực hành Máy tính, Trường Kinh tế	168,48	2	Hệ thống camera quan sát, 02 máy chiếu, 04 máy điều hòa nhiệt độ, 100 bộ máy tính
177	Phòng thực hành Mô phỏng Nghiệp vụ Tài chính Ngân hàng, Khoa Tài chính–Ngân hàng, Trường Kinh tế	72,00	1	02 máy điều hòa nhiệt độ, 09 bộ máy tính, Mô hình quầy giao dịch ngân hàng, Tivi
178	Phòng thực hành Mô phỏng Nghiệp vụ Kế toán Kiểm toán, Khoa Kế toán–Kiểm toán, Trường Kinh tế	72,00	1	02 máy điều hòa nhiệt độ, 07 bộ máy tính, Tivi
179	Phòng thực hành Mô phỏng Nghiệp vụ Kinh doanh, Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Kinh tế	72,00	1	05 bộ máy tính, 02 máy điều hòa nhiệt độ
180	Phòng thực hành Mô phỏng Nghiệp vụ Xuất nhập khẩu và logistics, Khoa Kinh doanh quốc tế, Trường Kinh tế	93,60	1	Máy chiếu, 05 máy in, 100 bộ máy tính
181	Phòng thí nghiệm Kinh tế học hành	225,85	3	119 bộ máy tính, 04 máy in, 02 máy chiếu

STT	Tên phòng thí nghiệm/ phòng thực hành	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	SL tiểu phòng	Các trang thiết bị chính
	vi, mô phỏng và định lượng, Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế			
182	Phòng thực hành Điện án, Khoa Luật	128,00	1	Hệ thống âm thanh, máy lạnh, Tivi, Các công cụ dụng cụ hỗ trợ: bàn, ghế, bục khai báo,...
183	Trung tâm thực hành Pháp luật, Khoa Luật	48,00	1	
184	Phòng thực hành Máy tính, Khoa Ngoại ngữ	78,00	1	03 máy điều hòa nhiệt độ, 41bộ máy tính, 02 switch chuyển mạch, Ti vi
185	Phòng thực hành Phiên dịch, Khoa Ngoại ngữ	40,00	1	Amplifier, Desk top Transmitter, Digital Recorder, Máy điều hòa nhiệt độ, Speaker, Tivi, 40 UHF Portable Receiver + wireless antena, UHF Portable; wireless; Micro
186	Trại giống thủy sản, Trường Thủy sản	1.657,90	10	Trại có 10 phòng chính để phục vụ nghiên cứu gồm: Trại cảm nhiễm, Trại tiên tiến, Trại thử nghiệm, Thủy sinh học ứng dụng 1 và 2, Trại sinh lý 1 và 2, Trại tiên tiến-Thủy sinh học, Trại rươi, Nguồn lợi thủy sản
187	Trại thực nghiệm Nông nghiệp, Trường Nông nghiệp	3.942.64	7	Gồm 6 nhà lưới và 1 nhà kho: - Nhà lưới số 1: Trồng lúa - Nhà lưới số 2: Trồng rau màu trên giá thể - Nhà lưới số 3: Trồng cây ngắn ngày trên đất và nền hữu cơ - Nhà lưới số 4: Trồng rau thủy canh - Nhà lưới số 5: Trồng hoa trên chậu giá thể - Nhà lưới số 6: Trồng rau hữu cơ Với các giàn trồng, hệ thống tưới tiêu, hệ thống kiểm soát chất dinh dưỡng và điều kiện môi trường trong quá trình trồng
	Tổng cộng	41.576,60	433	

PHỤ LỤC 4: Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì, tham gia giảng dạy, hướng dẫn nghiên cứu sinh năm 2025

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành chính	Ngành tham gia đào tạo tiến sĩ		HD chính, giảng dạy	Giảng dạy, HD phụ
				Mã số	Tên ngành		
1.	Lê Xuân Mai	PGS	Giáo dục học	9140111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	x	
2.	Nguyễn Duy Khang	PGS	Giáo dục học	9140111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	x	
3.	Nguyễn Văn Lợi	PGS	Giáo dục học	9140111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	x	
4.	Phan Thị Tuyết Vân	PGS	Giáo dục học	9140111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	x	
5.	Trịnh Quốc Lập	PGS	Giáo dục học	9140111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	x	
6.	Ngô Huỳnh Hồng Nga	Tiến sĩ	Giáo dục học	9140111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	x	
7.	Nguyễn Anh Thi	PGS	Ngôn ngữ học	9140111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	x	
8.	Phương Hoàng Yên	PGS	Ngôn ngữ học	9140111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	x	
9.	Nguyễn Bửu Huân	PGS	Giáo dục học	9140111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	x	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành chính	Ngành tham gia đào tạo tiến sĩ		HD chính, giảng dạy	Giảng dạy, HD phụ
				Mã số	Tên ngành		
10.	Nguyễn Phú Lộc	GS	Giáo dục học	9140111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	x	
11.	Bùi Anh Kiệt	Tiến sĩ	Toán học	9140111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	x	
12.	Bùi Phương Uyên	Phó giáo sư	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	9140111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	x	
13.	Dương Hữu Tông	Phó giáo sư	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	9140111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	x	
14.	Lâm Quốc Anh	Giáo sư	Toán học	9140111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	x	
15.	Lê Viết Minh Triết	Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	9140111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	x	
16.	Ngô Mỹ Trân	PGS	Kinh tế	9340101	Quản trị kinh doanh	x	
17.	Võ Văn Dứt	PGS	Kinh tế	9340101	Quản trị kinh doanh	x	
18.	Huỳnh Trường Huy	PGS	Kinh tế	9340101	Quản trị kinh doanh (50%) Kinh tế nông nghiệp (50%)	x	
19.	Lê Nguyễn Đoàn Khôi	PGS	Kinh tế	9340101	Quản trị kinh doanh	x	
20.	Lê Tấn Nghiêm	PGS	Kinh tế	9340101	Quản trị kinh doanh	x	
21.	Lưu Thanh Đức Hải	PGS	Kinh tế	9340101	Quản trị kinh doanh	x	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành chính	Ngành tham gia đào tạo tiến sĩ		HD chính, giảng dạy	Giảng dạy, HD phụ
				Mã số	Tên ngành		
22.	Châu Thị Lệ Duyên	Tiến sĩ	Quản trị Kinh doanh	9340101	Quản trị kinh doanh	x	
23.	Nguyễn Minh Cảnh	Tiến sĩ	Quản trị	9340101	Quản trị kinh doanh	x	
24.	Trần Quế Anh	Tiến sĩ	Quản trị Kinh doanh	9340101	Quản trị kinh doanh	x	
25.	Mai Văn Nam	PGS	Kinh tế	9340101	Quản trị kinh doanh (50%) Kinh tế nông nghiệp (50%)	x	
26.	Phan Anh Tú	PGS	Kinh tế	9340201	Tài chính - Ngân hàng	x	
27.	Lê Khương Ninh	PGS	Kinh tế	9340201	Tài chính - Ngân hàng	x	
28.	Lê Long Hậu	PGS	Kinh tế	9340201	Tài chính - Ngân hàng	x	
29.	Phan Đình Khôi	PGS	Kinh tế	9340201	Tài chính - Ngân hàng		x
30.	Trương Đông Lộc	PGS	Kinh tế	9340201	Tài chính - Ngân hàng	x	
31.	Đoàn Thị Cẩm Vân	Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	9340201	Tài chính - Ngân hàng	x	
32.	Lê Xuân Thái	Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	9340201	Tài chính - Ngân hàng	x	
33.	Nguyễn Văn Thép	Tiến sĩ	Tài chính	9340201	Tài chính - Ngân hàng	x	
34.	Huỳnh Văn Tiên	PGS	Vi sinh vật	9420107	Vi sinh vật học	x	
35.	Ngô Thanh Phong	PGS	Vi sinh vật học	9420107	Vi sinh vật học	x	
36.	Đỗ Thị Xuân	PGS	Sinh học	9420107	Vi sinh vật học	x	
37.	Nguyễn Thị Pha	PGS	Vi sinh vật	9420107	Vi sinh vật học	x	
38.	Trần Thị Thanh Khương	Tiến sĩ	Sinh học	9420107	Vi sinh vật học	x	
39.	Nguyễn Đắc Khoa	PGS	Nông nghiệp	9420107	Vi sinh vật học	x	
40.	Trần Ngọc Quý	Tiến sĩ	Nông nghiệp & Sinh học ứng dụng	9420107	Vi sinh vật học	x	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành chính	Ngành tham gia đào tạo tiến sĩ		HD chính, giảng dạy	Giảng dạy, HD phụ
				Mã số	Tên ngành		
41.	Bùi Thanh Liêm	Tiến sĩ	Sinh học nông nghiệp	9420107	Công nghệ sinh học	x	
42.	Đái Thị Xuân Trang	PGS	Sinh học	9420201	Công nghệ sinh học	x	
43.	Đình Minh Quang	PGS	Sinh học	9420201	Công nghệ sinh học	x	
44.	Trần Thanh Mến	PGS	Sinh học	9420201	Công nghệ sinh học	x	
45.	Đỗ Tấn Khang	PGS	Sinh học	9420201	Công nghệ sinh học	x	
46.	Nguyễn Văn Thành	PGS	Sinh học	9420201	Công nghệ sinh học		x
47.	Nguyễn Văn Ấy	PGS	Công nghệ Sinh học	9420201	Công nghệ sinh học	x	
48.	Phạm Khánh Nguyên Huân	Tiến sĩ	Sinh học phân tử	9420201	Công nghệ sinh học	x	
49.	Trần Thị Giang	Tiến sĩ	Công nghệ Sinh học	9420201	Công nghệ sinh học	x	
50.	Nguyễn Phạm Anh Thi	Tiến sĩ	Thực vật học	9420201	Công nghệ sinh học	x	
51.	Trương Thị Bích Vân	PGS	Khoa học Vật liệu và sự sống	9420201	Công nghệ sinh học	x	
52.	Huỳnh Xuân Phong	PGS	Công nghệ sinh học	9420107	Công nghệ sinh học	x	
53.	Lê Việt Dũng	PGS	Nông nghiệp	9420201	Công nghệ sinh học		x
54.	Nguyễn Minh Chơn	PGS	Nông nghiệp	9420201	Công nghệ sinh học		x
55.	Nguyễn Thanh Phong	PGS	Vật lý	9440103	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	x	
56.	Nguyễn Thành Tiên	GS	Vật lý	9440103	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	x	
57.	Nguyễn Trí Tuấn	PGS	Khoa học Vật liệu	9440103	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	x	
58.	Vũ Thanh Trà	PGS	Vật lý	9440103	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	x	
59.	Đặng Minh Triết	Tiến sĩ	Vật lý	9440103	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	x	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành chính	Ngành tham gia đào tạo tiến sĩ		HD chính, giảng dạy	Giảng dạy, HD phụ
				Mã số	Tên ngành		
60.	Huỳnh Anh Huy	PGS	Vật lý lý thuyết	9440103	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	x	
61.	Nguyễn Trường Long	Tiến sĩ	Kỹ thuật vật liệu	9440103	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	x	
62.	Bùi Thị Bửu Huê	PGS	Hóa học	9440114	Hoá hữu cơ	x	
63.	Hà Thị Kim Quy	PGS	Hóa dược	9440114	Hoá hữu cơ	x	
64.	Nguyễn Phúc Đảm	PGS	Dược học	9440114	Hoá hữu cơ	x	
65.	Nguyễn Trọng Tuấn	PGS	Hóa học	9440114	Hoá hữu cơ	x	
66.	Lê Thị Bạch	Tiến sĩ	Hóa hữu cơ	9440114	Hoá hữu cơ	x	
67.	Phạm Duy Toàn	Tiến sĩ	Dược học	9440114	Hoá hữu cơ	x	
68.	Trần Quang Đệ	PGS	Hóa - Dược; Hóa hữu cơ	9440114	Hoá hữu cơ	x	
69.	Phạm Vũ Nhật	PGS	Hóa học	9440114	Hoá hữu cơ	x	
70.	Nguyễn Quốc Châu Thanh	Tiến sĩ	Hóa học vật liệu	9440114	Hoá hữu cơ	x	
71.	Đoàn Văn Hồng Thiện	PGS	Hóa học	9440114	Hoá hữu cơ	x	
72.	Hồ Quốc Phong	PGS	Hóa học	9440114	Hoá hữu cơ	x	
73.	Huỳnh Liên Hương	PGS	Hóa học	9440114	Hoá hữu cơ	x	
74.	Lương Huỳnh Vũ Thanh	PGS	Hóa học	9440114	Hoá hữu cơ	x	
75.	Trần Thị Bích Quyên	PGS	Hóa học	9440114	Hoá hữu cơ	x	
76.	Văn Phạm Đan Thủy	PGS	Hóa học	9440114	Hoá hữu cơ	x	
77.	Cao Lưu Ngọc Hạnh	Tiến sĩ	Công nghệ Hóa học	9440114	Hoá hữu cơ	x	
78.	Đặng Huỳnh Giao	PGS	Hóa học	9440114	Hoá hữu cơ	x	
79.	Đặng Minh Quân	PGS	Sinh học	9440303	Môi trường đất và nước	x	
80.	Huỳnh Vương Thu Minh	PGS	Khoa học Môi trường	9440303	Môi trường đất và nước	x	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành chính	Ngành tham gia đào tạo tiến sĩ		HD chính, giảng dạy	Giảng dạy, HD phụ
				Mã số	Tên ngành		
81.	Nguyễn Công Thuận	PGS	Khoa học Môi trường	9440303	Môi trường đất và nước	x	
82.	Nguyễn Văn Công	GS	Thủy sản	9440303	Môi trường đất và nước	x	
83.	Nguyễn Xuân Lộc	PGS	Nông nghiệp	9440303	Môi trường đất và nước	x	
84.	Trần Sỹ Nam	PGS	Nông nghiệp	9440303	Môi trường đất và nước	x	
85.	Trương Hoàng Đan	PGS	Nông nghiệp	9440303	Môi trường đất và nước	x	
86.	Lê Văn Dũ	Tiến sĩ	Môi trường đất và nước	9440303	Môi trường đất và nước	x	
87.	Kim Lavane	PGS	Kỹ thuật	9440303	Môi trường đất và nước	x	
88.	Nguyễn Võ Châu Ngân	GS	Quản lý môi trường	9440303	Môi trường đất và nước	x	
89.	Phạm Văn Toàn	PGS	Quản lý Tài nguyên và Môi trường nông lâm nghiệp	9440303	Môi trường đất và nước	x	
90.	Nguyễn Xuân Hoàng	Tiến sĩ	Kỹ thuật Môi trường	9440303	Môi trường đất và nước	x	
91.	Trần Văn Tỷ	PGS	Thủy Lợi	9440303	Môi trường đất và nước	x	
92.	Ngô Thụy Diễm Trang	PGS	Nông nghiệp	9440303	Môi trường đất và nước	x	
93.	Nguyễn Thanh Giao	PGS	Quản lý môi trường	9440303	Môi trường đất và nước	x	
94.	Nguyễn Hiếu Trung	PGS	Khoa học Trái đất	9440303	Môi trường đất và nước	x	
95.	Trần Cao Đệ	PGS	Công nghệ Thông tin	9480104	Hệ thống thông tin	x	
96.	Lâm Nhật Khang	Tiến sĩ	Khoa học máy tính	9480104	Hệ thống thông tin	x	
97.	Trần Nguyễn Minh Thư	Tiến sĩ	Công nghệ Thông tin	9480104	Hệ thống thông tin	x	
98.	Nguyễn Thái Nghe	PGS	Công nghệ thông tin	9480104	Hệ thống thông tin	x	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành chính	Ngành tham gia đào tạo tiến sĩ		HD chính, giảng dạy	Giảng dạy, HD phụ
				Mã số	Tên ngành		
99.	Phạm Thị Ngọc Diễm	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	9480104	Hệ thống thông tin	x	
100.	Trần Thanh Điện	Tiến sĩ	Hệ thống thông tin	9480104	Hệ thống thông tin	x	
101.	Trương Quốc Định	Tiến sĩ	Tin học	9480104	Hệ thống thông tin		x
102.	Huỳnh Xuân Hiệp	Giáo sư	Tin học	9480104	Hệ thống thông tin	x	
103.	Đỗ Thanh Nghị	PGS	Công nghệ Thông tin	9480104	Hệ thống thông tin	x	
104.	Trần Công Ân	Tiến sĩ	Khoa học máy tính	9480104	Hệ thống thông tin	x	
105.	Phan Thượng Cang	Tiến sĩ	Tin học	9480104	Hệ thống thông tin	x	
106.	Nguyễn Minh Khiêm	Tiến sĩ	Tin học-Thủy sản	9480104	Hệ thống thông tin	x	
107.	Nguyễn Hữu Hòa	Tiến sĩ	Tin học	9480104	Hệ thống thông tin	x	
108.	Ngô Quang Hiếu	PGS	Kỹ thuật cơ khí	9520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	x	
109.	Nguyễn Chánh Nghiệm	PGS	Tự động hóa	9520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	x	
110.	Nguyễn Chí Ngôn	PGS	Tự động hóa	9520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	x	
111.	Lương Vinh Quốc Danh	Tiến sĩ	Kỹ thuật Điện & Công nghệ Thông tin	9520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	x	
112.	Trần Nhật Thanh	Tiến sĩ	Thiết kế kỹ thuật	9520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	x	
113.	Trương Quốc Bảo	Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí và tự động hoá	9520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	x	
114.	Lưu Trọng Hiếu	Tiến sĩ	Nghiên cứu ứng dụng môi	9520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	x	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành chính	Ngành tham gia đào tạo tiến sĩ		HD chính, giảng dạy	Giảng dạy, HD phụ
				Mã số	Tên ngành		
			trường biển				
115.	Nguyễn Văn Khanh	Tiến sĩ	Nghiên cứu ứng dụng môi trường biển	9520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	x	
116.	Hà Thanh Toàn	Giáo sư	Công nghệ thực phẩm	9540101	Công nghệ thực phẩm	x	
117.	Nguyễn Minh Thủy	Giáo sư	Công nghệ thực phẩm	9540101	Công nghệ thực phẩm	x	
118.	Nguyễn Văn Mười	Giáo sư	Công nghệ thực phẩm	9540101	Công nghệ thực phẩm	x	
119.	Lý Nguyễn Bình	PGS	Công nghệ thực phẩm	9540101	Công nghệ thực phẩm	x	
120.	Trần Thanh Trúc	PGS	VSV	9540101	Công nghệ thực phẩm	x	
121.	Nguyễn Công Hà	PGS	Công nghệ thực phẩm	9540101	Công nghệ thực phẩm	x	
122.	Nhan Minh Trí	PGS	Công nghệ thực phẩm	9540101	Công nghệ thực phẩm	x	
123.	Phan Thị Thanh Quế	PGS	Công nghệ thực phẩm	9540101	Công nghệ thực phẩm	x	
124.	Tổng Thị Ánh Ngọc	PGS	Công nghệ thực phẩm	9540101	Công nghệ thực phẩm	x	
125.	Lê Thị Minh Thủy	PGS	Công nghệ thực phẩm	9540101	Công nghệ thực phẩm	x	
126.	Trần Bạch Long	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	9540101	Công nghệ thực phẩm	x	
127.	Nguyễn Nhật Minh Phương	Tiến sĩ	Khoa học thực phẩm	9540101	Công nghệ thực phẩm	x	
128.	Phan Nguyễn Trang	Tiến sĩ	Hóa học vệ sinh thực phẩm	9540101	Công nghệ thực phẩm	x	
129.	Ngô Ngọc Hưng	Giáo sư	Nông nghiệp	9620103	Khoa học đất	x	
130.	Nguyễn Khởi Nghĩa	PGS	Nông nghiệp	9620103	Khoa học đất	x	
131.	Trần Văn Dũng	PGS	Khoa học và Kỹ thuật Sinh học	9620103	Khoa học đất	x	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành chính	Ngành tham gia đào tạo tiến sĩ		HD chính, giảng dạy	Giảng dạy, HD phụ
				Mã số	Tên ngành		
132.	Châu Thị Anh Thy	Tiến sĩ	Vi sinh vật	9620103	Khoa học đất	x	
133.	Nguyễn Văn Sinh	Tiến sĩ	Khoa học Đất	9620103	Khoa học đất	x	
134.	Châu Minh Khôi	PGS	Nông nghiệp	9620103	Khoa học đất	x	
135.	Trần Bá Linh	Tiến sĩ	Quản lý Đất đai	9620103	Khoa học đất	x	
136.	Tất Anh Thu	PGS	Nông nghiệp	9620116	Khoa học đất	x	
137.	Nguyễn Trọng Ngữ	Giáo sư	Chăn nuôi	9620105	Chăn nuôi	x	
138.	Hồ Quảng Đồ	PGS	Chăn nuôi	9620105	Chăn nuôi	x	
139.	Hồ Thanh Tâm	PGS	Chăn nuôi	9620105	Chăn nuôi	x	
140.	Lâm Phước Thành	PGS	Kỹ thuật nuôi gia súc	9620105	Chăn nuôi	x	
141.	Nguyễn Thị Kim Khang	PGS	Chăn nuôi	9620105	Chăn nuôi	x	
142.	Nguyễn Thị Thủy	PGS	Chăn nuôi	9620105	Chăn nuôi	x	
143.	Nguyễn Thiết	PGS	Sinh lý vật nuôi	9620105	Chăn nuôi	x	
144.	Phạm Tấn Nhã	PGS	Chăn nuôi	9620105	Chăn nuôi	x	
145.	Trần Thị Thúy Hằng	Tiến sĩ	Chăn nuôi Động vật	9620105	Chăn nuôi	x	
146.	Trương Thanh Trung	Tiến sĩ	Chăn nuôi	9620105	Chăn nuôi	x	
147.	Hồ Thiệu Khôi	Tiến sĩ	Công nghệ giống & di truyền động vật	9620105	Chăn nuôi	x	
148.	Lê Văn Hòa	Giáo sư	Nông nghiệp	9620110	Khoa học cây trồng	x	
149.	Lê Vĩnh Thúc	Giáo sư	Nông nghiệp	9620110	Khoa học cây trồng	x	
150.	Nguyễn Quốc Khương	PGS	Nông nghiệp	9620110	Khoa học cây trồng	x	
151.	Phạm Thị Phương Thảo	Tiến sĩ	Khoa học Cây trồng	9620110	Khoa học cây trồng	x	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành chính	Ngành tham gia đào tạo tiến sĩ		HD chính, giảng dạy	Giảng dạy, HD phụ
				Mã số	Tên ngành		
152.	Phan Ngọc Nhí	Tiến sĩ	Khoa học Cây trồng	9620110	Khoa học cây trồng	x	
153.	Võ Thị Bích Thủy	PGS	Khoa học Cây trồng	9620110	Khoa học cây trồng	x	
154.	Huỳnh Kỳ	PGS	Kỹ thuật Di truyền & Sinh học phân tử	9620110	Khoa học cây trồng	x	
155.	Lê Minh Tường	PGS	Bảo vệ thực vật	9620110	Bảo vệ thực vật	x	
156.	Lê Văn Vàng	PGS	Nông nghiệp	9620110	Bảo vệ thực vật	x	
157.	Nguyễn Thị Thu Nga	PGS	Bảo vệ thực vật	9620110	Bảo vệ thực vật	x	
158.	Hồ Lệ Thi	Tiến sĩ	Sinh lý thực vật	9620110	Bảo vệ thực vật	x	
159.	Lê Thanh Toàn	PGS	Khoa học Cây trồng	9620110	Bảo vệ thực vật	x	
160.	Trịnh Thị Xuân	Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	9620110	Bảo vệ thực vật	x	
161.	Nguyễn Hữu Đăng	PGS	Kinh tế	9620115	Kinh tế nông nghiệp	x	
162.	Phạm Lê Thông	PGS	Kinh tế	9620115	Kinh tế nông nghiệp	x	
163.	Nguyễn Phú Sơn	PGS	Kinh tế	9620115	Kinh tế nông nghiệp		x
164.	Võ Thành Danh	PGS	Kinh tế	9620115	Kinh tế nông nghiệp	x	
165.	Ngô Thị Thanh Trúc	PGS	Khoa học Môi trường	9620115	Kinh tế nông nghiệp	x	
166.	Nguyễn Quốc Nghi	Tiến sĩ	Kinh tế Nông nghiệp	9620115	Kinh tế nông nghiệp	x	
167.	Nguyễn Thùy Trang	PGS	Kinh tế Nông nghiệp	9620115	Kinh tế nông nghiệp	x	
168.	Khru Thị Phương Đông	PGS	Kinh tế thủy sản	9620115	Quản trị kinh doanh (50%) Kinh tế nông nghiệp (50%)	x	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành chính	Ngành tham gia đào tạo tiến sĩ		HD chính, giảng dạy	Giảng dạy, HD phụ
				Mã số	Tên ngành		
169.	Huỳnh Việt Khải	PGS	Kinh tế	9620115	Kinh tế nông nghiệp	x	
170.	Khổng Tiến Dũng	PGS	Kinh tế Nông nghiệp & Tài nguyên	9620115	Kinh tế nông nghiệp	x	
171.	Trần Thị Thu Duyên	Tiến sĩ	Kinh tế Nông nghiệp & Tài nguyên	9620115	Kinh tế nông nghiệp	x	
172.	La Nguyễn Thùy Dung	Tiến sĩ	Kinh tế Nông nghiệp	9620115	Kinh tế nông nghiệp	x	
173.	Võ Hồng Tú	PGS	Kinh tế	9620115	Kinh tế nông nghiệp (50%) Phát triển nông thôn (50%)	x	
174.	Lê Cảnh Dũng	PGS	Kinh tế	9620116	Phát triển nông thôn	x	
175.	Trần Quốc Nhân	Tiến sĩ	Nông nghiệp	9620116	Phát triển nông thôn	x	
176.	Nguyễn Duy Cần	PGS	Nông nghiệp	9620116	Phát triển nông thôn	x	
177.	Nguyễn Thanh Bình	PGS	Quản lý TN&MT nông lâm nghiệp	9620116	Phát triển nông thôn	x	
178.	Nguyễn Thành Tâm	Tiến sĩ	Sinh học nông nghiệp	9620116	Phát triển nông thôn	x	
179.	Huỳnh Quang Tín	PGS	Nông nghiệp	9620116	Phát triển nông thôn	x	
180.	Đặng Kiều Nhân	Tiến sĩ	Hệ thống nông nghiệp	9620116	Phát triển nông thôn		x
181.	Vũ Anh Pháp	Tiến sĩ	Nông nghiệp	9620116	Phát triển nông thôn	x	
182.	Văn Phạm Đăng Trí	PGS	Nông nghiệp	9620116	Phát triển nông thôn	x	
183.	Huỳnh Thanh Tới	PGS	Công nghệ Sinh học	9620301	Nuôi trồng thủy sản	x	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành chính	Ngành tham gia đào tạo tiến sĩ		HD chính, giảng dạy	Giảng dạy, HD phụ
				Mã số	Tên ngành		
184.	Trần Lê Cẩm Tú	Tiến sĩ	Thủy sản	9620301	Nuôi trồng thủy sản	x	
185.	Trương Quốc Phú	Giáo sư	Thủy sản	9620301	Nuôi trồng thủy sản	x	
186.	Đỗ Thị Thanh Hương	Giáo sư	Thủy sản	9620301	Nuôi trồng thủy sản	x	
187.	Nguyễn Thanh Phương	Giáo sư	Thủy sản	9620301	Nuôi trồng thủy sản	x	
188.	Trần Thị Thanh Hiền	Giáo sư	Thủy sản	9620301	Nuôi trồng thủy sản	x	
189.	Phạm Thị Tuyết Ngân	PGS	Nuôi trồng thủy sản	9620301	Nuôi trồng thủy sản	x	
190.	Huỳnh Trường Giang	PGS	Thủy sản	9620301	Nuôi trồng thủy sản	x	
191.	Lý Văn Khánh	PGS	Thủy sản	9620301	Nuôi trồng thủy sản	x	
192.	Nguyễn Thị Kim Liên	PGS	Nuôi trồng thủy sản	9620301	Nuôi trồng thủy sản	x	
193.	Bùi Thị Bích Hằng	PGS	Thủy sản	9620301	Nuôi trồng thủy sản	x	
194.	Trần Thị Tuyết Hoa	PGS	Thủy sản	9620301	Nuôi trồng thủy sản	x	
195.	Trần Ngọc Hải	Giáo sư	Nuôi trồng thủy sản	9620301	Nuôi trồng thủy sản	x	
196.	Vũ Ngọc Út	Giáo sư	Thủy sản	9620301	Nuôi trồng thủy sản	x	
197.	Châu Tài Tảo	PGS	Nuôi trồng thủy sản	9620301	Nuôi trồng thủy sản	x	
198.	Dương Thúy Yên	PGS	Thủy sản	9620301	Nuôi trồng thủy sản	x	
199.	Phạm Thanh Liêm	PGS	Thủy sản	9620301	Nuôi trồng thủy sản	x	
200.	Trần Đắc Định	PGS	Thủy sản	9620301	Nuôi trồng thủy sản	x	
201.	Võ Thành Toàn	PGS	Nuôi trồng thủy sản	9620301	Nuôi trồng thủy sản	x	
202.	Trần Văn Việt	Tiến sĩ	Quản lý nguồn lợi Thủy sản	9620301	Nuôi trồng thủy sản	x	
203.	Trần Minh Phú	PGS	Thủy sản	9620301	Nuôi trồng thủy sản	x	
204.	Trần Ngọc Bích	PGS	Thú y	9640102	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	x	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành chính	Ngành tham gia đào tạo tiến sĩ		HD chính, giảng dạy	Giảng dạy, HD phụ
				Mã số	Tên ngành		
205.	Bùi Thị Lê Minh	Tiến sĩ	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	9640102	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	x	
206.	Châu Thị Huyền Trang	Tiến sĩ	Thú y	9640102	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi		x
207.	Nguyễn Hồ Bảo Trân	Tiến sĩ	Thú y	9640102	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	x	
208.	Nguyễn Khánh Thuận	Tiến sĩ	Thú y	9640102	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	x	
209.	Nguyễn Phúc Khánh	Tiến sĩ	Vắc xin & chữa bệnh	9640102	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	x	
210.	Nguyễn Thanh Lãm	PGS	Thú y	9640102	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	x	
211.	Trần Thị Thảo	Tiến sĩ	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	9640102	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi		x
212.	Nguyễn Thị Bé Mười	Tiến sĩ	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	9640102	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi		x
213.	Phan Kiều Diễm	PGS	Công nghệ môi trường	9850103	Quản lý đất đai	x	
214.	Võ Quang Minh	Giáo sư	Khoa học Đất	9850103	Quản lý đất đai	x	
215.	Nguyễn Thị Hồng Diệp	PGS	Nông nghiệp	9850103	Quản lý đất đai	x	
216.	Phạm Thanh Vũ	PGS	Nông nghiệp	9850103	Quản lý đất đai	x	
217.	Trương Chí Quang	PGS	Mô hình hóa hệ thống phức	9850103	Quản lý đất đai	x	
218.	Võ Quốc Tuấn	PGS	Hệ thống thông tin địa lý và viễn thám	9850103	Quản lý đất đai	x	
219.	Phan Chí Nguyễn	Tiến sĩ	Quản lý Đất đai	9850103	Quản lý đất đai	x	